Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XIV

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Hiến Tông Duệ Hoàng Đế

Tên húy là Sanh[1] lại húy là Huy, là con trưởng của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, thọ 44 tuổi thì băng, táng ở Dụ Lăng.

Vua thiên tư anh minh thông tuệ, giữ vận thịnh trị, thái bình, mới trong khoảng 7 năm mà thiên hạ bình yên, xứng đáng là bậc vua giỏi giữ cơ đồ, thế mà ở ngôi không lâu, đáng tiếc thay!

Mẹ ngài là Trường Lạc Thánh Từ hoàng thái hậu họ Nguyễn, tên húy là Huyên[2], người ở trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn, là con gái thứ hai của tặng thái uý Trinh quốc công [Nguyễn] Đức Trung. Trước đây, Thánh Tông chưa có con nối, Quang Thục hoàng thái hậu[3] đã từng cầu đảo, sai Đức Trung đến cầu ở am Từ Công núi Phật Tích[4], chiêm bao thấy đến trước mặt thượng đế cầu hoàng tự. Thượng đế phán: "Cho sao Thiên Lộc làm con Nguyễn thị". Nói rồi cho ẵm đến ngồi ở trước. Bấy giờ, Trường **[1b]** lạc hoàng thái hậu ở cung Vĩnh Ninh, tức thì có mang. Đến khi đủ ngày tháng, chiêm bao thấy rồng vàng từ trên trời sa xuống, bay vào trong phòng, một lát sau thì sinh ra vua. (Vua sinh vào ngày mồng 10 tháng 8, năm Tân Tỵ, Quang Thuận năm thứ 2 [1461]).

(Xét bài Thiên Phúc tự bi ký[5] của Nguyễn Bá Bằng có nói: Trường Lạc hoàng thái hậu có điềm rồng vàng nhập vào sườn bên tả).

Vua sinh ra, dáng vẻ thiên tử, mũi cao, mặt rồng, thần thái trang nghiêm, tươi đẹp khác thường, Thánh Tông yêu quý lắm. Năm Quang Thuận thứ 3 [1462], tháng 3, sách lập làm hoàng thái tử.

Năm Hồng Đức thứ 28 [1497], tháng giêng, Thánh Tông băng, vua lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu, đại xá, lấy ngày sinh làm Thiên Thọ thánh tiết, tự xưng là Thượng Dương động chủ. Sau vua được truy dâng tôn thuỵ miếu hiệu là Hiến Tông.

Mậu Ngọ, Cảnh Thống năm thứ 1 [1498], (Minh Hoằng Trị năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 16, có sắc dụ cho **[2a]** các ty hộ vệ trong ngoài rằng: Cửa hành cung không nghiêm thì việc canh giữ cung thành không chắc. Nếu gặp khi đại giá đi bái yết sơn lăng thì ba ty Hộ vệ[6] càng phải hiệu

---

[1] Chữ ____ có hai cách đọc: sanh (Quảng vận: Sĩ canh thiết) và tranh (Tập vận: Trừ canh thiết).

[2] Chữ ____ co hai cách đọc: Huyên và Huyến.

[3] Tức bà Ngô Thị Ngọc Dao, bà hậu của Lê Thái Tông, mẹ của Lê Thánh Tông.

[4] Am Từ Công: tức chùa Thầy, thờ Từ Đạo Hạnh, nhà sư đời Lý. Núi Phật Tích: tức núi Sài Sơn, nay thuộc huyện Quốc Oai, Hà Sơn Bình.

[5] Bài ký khắc trên bia đá ở chùa Thiên Phúc, nay là chùa Thầy

[6] Ba ty Hộ vệ: Theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì năm đầu tiên hiệu Quang Thuận (1460) đặt các vệ quân Thần vũ, Hiệu lực và Điện tiền gọi là ty Hộ vệ.

lệnh cẩn mật, chớ cậy thời bình mà lơ là việc phòng bị. Kinh Thư nói: "Có phòng bị thì không lo ngại"[1]. Kinh Dịch nói: "Gõ hiệu canh từng lớp cửa thành để ngăn ngừa kẻ bạo nghịch"[2], chính là nói về điều đó. Nếu thấy đặc chỉ cho gọi người vào, ban ngày thì dùng bài ngà tuyên triệu, có cả cờ lệnh và bài đồng nữa. [Nếu không] thì không được tự tiện mở đóng cửa doanh.

Ban đêm thì dùng bài vàng song hổ, có cả cờ lệnh và bài đồng. Nếu không có phù vàng, bài ngà thì nhất thiết không được thi hành. Kẻ nào không nhận rõ thực giả, không theo sắc chỉ, thì bị tội theo quân luật.

Tháng 3, ngày mồng 5, định lệ thu nộp các thứ thuế. Mọi thứ thuế trong nước, năm nào thu thì đến cuối năm ấy phải nộp đủ, không được **[2a]** thu năm nay đến năm sau mới nộp.

Có sắc chỉ rằng: 6 sở của vệ Lang Sơn, kỳ quân thì ít, quan lại thì nhiều. Các quan ba ty xứ ấy phải cùng nhau bàn định, giữ lại mỗi sở hai viên[3]; mỗi vệ, chức giáo tập bác sĩ 6 người, còn lại thì đều giảm bớt. Kê khai rõ họ tên những ngườI giảm bớt gửi lên Lại bộ và Binh bộ để điều bổ và sai đi huấn luyện vệ sở khác.

Ngày Giáp Tuất, mồng 8, quan tài của Thánh Tông Thuần Hoàng Đế rước về đến Lam Kinh. Đến ngày Giáp Ngọ 28, an táng vào bên tả Vĩnh Lăng ở Lam Sơn, gọi là Chiêu Lăng. Trước đó, Lễ quan tâu xin dựng bia, khắc minh để tỏ rõ sự nghiệp của tiên đế cho đời sau. Vua khen lời tâu là phải, sai Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu Thân Nhân Trung, Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Đông các đại học **[3a]** sĩ Lưu Hưng Hiếu[4] soạn văn bia. Ngày hôm ấy, vua sai nữ quan và nữ sử 10 người đưa linh cữu vào an táng xong rồi ra.

Thả vài trăm cung nữ.

Sau sứ đi khắp bốn phương, truy xét những người nghèo túng, già yếu còn trong quân ngũ thì thải cho về, những người chịu thuế khoá và phục dịch công trình quá nặng thì giảm nhẹ cho; tha những kẻ lầm lỡ, xét rõ người oan khuất, bổ dùng kẻ mất chức, khen thưởng người có công; tha nợ thuế, nới hình phạt, nêu gương người tiết nghĩa, giúp đỡ kẻ côi cút, người đói nghèo, cất nhắc người liêm khiết, tiến cử bậc hiền tài, trong ngoài ai cũng thoả lòng. Vua ở Đông cung 36 năm, đức hạnh, học nghiệp ngày càng tăng tiến, nhân hiếu nổi lên khắp trong nước, cho nên chính sự bước đầu đã tốt đẹp, khả quan.

Trong hạt Nghệ An, Thuận Hoá, bọn trộm cướp đều nổi lên, quận bên cạnh đánh dẹp không yên được. Vua ra sắc lệnh cho quan có trách nhiệm, triệt bỏ hết toán lính đi tiễu bắt, chiêu an phủ dụ cho chúng ra thú tội trở lại nghề nghiệp cũ[5].

Vua xem sổ tiền thóc của Hộ tào dâng lên và hỏi **[3a]** các quan tả hữu, biết được tình trạng dự trữ của nhà nước và tư nhân. Từ đấy lại càng để ý đến việc nông tang, tự tay viết sắc lệnh sai các quan thừa hiến, phủ, huyện đi tuần hành khuyên bảo nhân dân đắp đê điều, đào ngòi lạch, khơi bờ ruộng, để phòng hạn, lụt. Lại sai triều thần đi kiểm tra, xem xét những việc đó. Mỗi xã đặt một người xã trưởng hay thôn trưởng chuyên trông nom việc nông tang, lại đem xã quân và nông trưởng đi đốc thúc. Quan bên ngoài ai có việc về Kinh và sứ của triều đình từ ngoài trở về, vua đều cho gọi vào hỏi về mùa màng được hay mất, trăm họ sướng khổ ra sao. Còn lính ở thợ đến phiên thì cứ theo lệ trước, tháng 6, tháng 10 chia một nửa về làm ruộng.

Ngày 16, có chiếu quy định rằng các quan trong ngoài, người nào không có con mà nuôi con nuôi, đều chiếu theo chức phẩm, cho được tập ấm bổ quan như con đẻ.

---

[1] Xem Kinh Thư, thiên Duyệt mệnh trung, Nguyên văn: "Hữu bị vô hoạn".

[2] Xem Dịch Kinh đại toàn, quyển XIX, Hệ từ hạ. Nguyên văn: "Trùng môn kích thác dĩ đãi bạo khách".

[3] Hai viên là: một viên quản lĩnh, một viên võ uý.

[4] Bản dịch cũ và Cương mục đều ghi là Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu.

[5] Nguyên văn: "Đế sắc sở ty tất khử thiết bộ binh phủ dự hứa xuất thú phục nghiệp". Bản dịch cũ là: "Vua sắc cho quan có trách nhiệm đặt quân đi bắt tại các nơi và phủ dụ cho ra thú tội làm ăn".

Định lệ bảo cử chức Tổng binh. Có chiếu chỉ rằng: Chức Tổng binh giữ trọng trách cả một phương, không thể trao cho kẻ không xứng đáng. **[4a]** Kể từ nay, nếu có khuyết chức Tổng binh thì cho phép các quan khoa, đài bảo lãnh, lựa chọn quan ở các nha môn, người nào có đảm lược học thức, uy vọng, tài cán, liêm khiết, siêng năng để bổ vào chức vụ đó. Kẻ nào dám riêng tư tiến cử bậy loại ngu dốt, thô bỉ, nhút nhát, hèn kém thì phải trị tội nặng hơn luật thường.

Định lệ nộp thuế tơ sống, đó là theo lời bàn của Trịnh Trị.

Lấy Dương Trực Nguyên làm Lại khoa đô cấp sự trung, lại ưu đãi cho thêm tiền quý bổng liêm khiết.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 5, có sắc dụ quy định: Những điển lại có tội phải sung quân, khi được ân xá, nên bổ làm lại ở nha môn bên ngoài. Người nào tội tình nhẹ thì bổ nơi đất lành, khoan cho một chút; người nào tội tình nặng thì bổ nơi biên cương xa xăm nước độc.

Ngày 19, bọn Tản trị thừa tuyên sứ ty, tham chính các xứ Hải Dương Vũ Duệ dâng lời tâu bày về việc định ngày thi Hương rằng: Bọn thần kính xét thể lệ thi Hương năm trước: tháng 8, ngày mồng 8 **[4b]** vào kỳ thứ nhất, ngày 19 vào kỳ thứ hai, ngày 25 vào kỳ thứ ba, ngày mồng 1 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Theo như thế, bọn thần trộm xét, tháng 8 năm nay đúng vào kỳ thi Hương mà ngày mồng 10 tháng ấy kính gặp ngày Thiên thọ thánh tiết. Nếu ngày mồng 8 tháng ấy, Vũ Duệ và các viên Hiến ty đều đã vào trường thi Hương rồi, đến ngày mồng 10 lại ra trường thi về nha môn làm lễ thì việc thi sẽ không được cẩn mật, mà nếu bày hương án làm lễ[1] ngay trong trường thi, thì lễ văn sẽ không đầy đủ. Cúi xin thi Hương năm nay hoãn đến ngày 12 tháng ấy vào kỳ thứ nhất, ngày 20 vào kỳ thứ hai, ngày 29 vào kỳ thứ ba, ngày mồng 6 tháng 9 vào kỳ thứ tư. Như vậy, một là để bày tỏ tình cảm kẻ tôi con chúc mừng vua cha, hai là để công việc [5a] đặt khoa thi chọn hiền sĩ của triều đình được nghiêm túc. Vua nghe theo.

Tháng 5, ngày 24, định lệ truy thu thuế bông vải mùa hạ của nữ đinh.

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, điển lại, quân sắc, ai bắt được kẻ cướp cùng bọn giặc phản nghịch gian ác, nếu lệ có xuất thân thì Lại bộ chiếu như lệ xuất thân mà bổ dùng, nếu lệ không có xuất thân thì đều trao cho tản chức theo như lệnh.

Tên phản nghịch Hoàng Hấp Kiện bị giết.

Tháng 8, ngày 22, ra sắc dụ cho Hình bộ, Đình uý ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài rằng: Việc dùng hình ngục quan hệ tớI sinh mệnh của dân, sử dụng đạo thì dân thoả lòng, xử trái đạo thì dân chịu hại. Cho nên lời Tượng của Kinh Dịch rất răn việc chậm xử án[2], Kinh Thư rất xem trọng việc xét trong tù[3]. Thế thì, trong việc tra xét, xử án, **[5b]** há có thể được phép trì hoãn sao! Kể từ nay về sau, Hình bộ, Đình uý ty và các quan xét xử án kiện trong ngoài, hễ thấy những án nào còn nghi ngờ, khó xử, cũng đều phải theo đúng kỳ hạn mà xét xử cho xong. Nếu có ai dám để chậm trễ quá kỳ hạn, thì đến cuối mỗi năm, quan phụ trách cùng Hình bộ, Đề hình giám sát ngự sử, Thanh hình hiến sát sứ ty phải kiểm tra tâu hặc lên để trị tộI theo pháp luật. Nếu lấy tình riêng dung túng, không biết tra xét tâu lên, thì cho người có việc kêu lên, đường quan ngự sử đài và thể sát xá nhân xét thực làm bản tâu lên để trị tội. Các quan kể trên không chịu làm đúng lý thì cho người bị hại tâu rõ thực tình sẽ trị tội họ theo luật pháp.

Đặt thêm các cơ sở hiệu của ba vệ Thăng Long, Tư Nghĩa, Hoài Nhơn thuộc Đô ty Quảng Nam.

Mùa đông, tháng 10, ngày 21, bọn Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu[4] tâu rằng: Đầu bếp phục dịch ở Thái quan Thư[1] **[6a]** vẫn có kẻ bỏ trốn. Bọn đầu bếp ở Thái quan thư so với hạng chăn voi của Công bộ

---

[1] Tức làm lễ mừng ngày sinh Thiên thọ thánh tiết của vua.

[2] Ý của lờI Tượng quẻ Lữ trong Kinh Dịch.

[3] Ý một đoạn trong thiên Khang cáo của Kinh Thư.

[4] Vũ Hữu: người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, Hải Dương, đỗ tiến sĩ khoa Quý Mùi (1463) năm Quang Thuận đời Lê Thánh Tông.

cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm đã được vâng mệnh về làm ruộng, còn bọn đầu bếp thì chưa được, như thế là chưa công bằng. Do đó, cúi xin hạ lệnh cho Thừa tuyên sứ ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc chọn lấy những phú nông trong hạt, bổ thêm làm đầu bếp, như lệ số người phiên trước để tiện phục dịch. Cứ đến tháng 6, tháng 10 hàng năm thì nhật luật chia cho về làm ruộng như hạng chăn voi của Công bộ, cho khó nhọc và nhàn rồi được công bằng, ngõ hầu có thể xoá bỏ được cái tệ bọn đầu bếp trốn đi. Vua nghe theo

Tháng 11, ngày mồng 8, vua sai bọn bồi thần Nguyễn Quan Hiền, Phạm Thịnh, Lê Tuấn Mậu sang nhà Minh cống hàng năm.

Ngày 20, có sắc chỉ cho Thừa ty bốn xứ Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc [6a] rằng: Khi rỗi việc làm ruộng, thì sai các quan phủ huyện đốc bắt dân phu các xã chuyên chở thóc công của huyện mình, mỗi thừa ty là 12.500 thạch đưa về kinh giao nộp, kho Thiên Hội kiểm nhận chứa vào bốn dãy kho bỏ không từ trước. Còn như thóc công của Thừa ty các xứ Thanh Hoá, Nghệ An, Thuận Hoá, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Hưng Hoá, Tuyên Quang, thì đều xứ nào thu chứa ở xứ đó như trước đây, để đủ lương cho việc phòng bị biên cương.

Tháng 12, ngày mồng 10, có sắc chỉ quy định: Kể từ nay, trưởng quan các nha môn trong ngoài, khi khảo khoá các chức ở vệ, sở, phủ, huyện hạt mình phải xét tường tận thành tích các nhiệm vụ đã trải qua. Người nào hết lòng phủ dụ chăm sóc quân dân, được quân dân yêu mến khâm phục, nộp thuế không thiếu hụt, thì mới được xét duyệt là xứng đáng với chức vụ và được thăng chức, ban thưởng theo lệ đã định. Nếu quấy nhiễu, hạch sách nhân dân, theo lợi riêng gây mối tệ, thì dẫu việc bị cáo giác không có chứng cớ cụ thể, nhưng thói gian tham mọi người đều biết cả, **[7a]** cùng là trong hạt có nhiều kẻ trốn đi thì đều khảo vào loại không xứng chức.

Có lệnh chọn chức thủ lĩnh.

Lời chiếu viết: Chức thủ lĩnh được ngang hàng với trưởng quan, được bàn luận phải trái cùng trưởng quan, không phải chỉ có tra xét, viết lách sổ sách ở phủ vệ, mà còn phải xét hặc các tướng hiệu gian phi. Cần phải công bằng giữ phép, ngay thẳng cho người noi theo. Thỉnh thoảng có người liêm khiết xứng chức như bọn Vũ Phục Long, Phạm Như Dụ, Vũ Thế Hảo, thì đã nêu khen ban thưởng để khuyến khích người sau. Nay những người ở chức ấy, không biết thấy người hay thì lo theo kịp, lại bắt chước kẻ dở, dung túng che giấu cho nhau, lâu ngày quen nết. Thậm chí hùa nhau làm trò nhơ nhuốc, mặt dày nịnh bợ, quỳ gối chui luồn, nuôi chứa lòng gian, gây mối tệ hại, nhưng sao kể xiết, khiến không sao phân biệt được kẻ hay, người dở để mà khuyến khích hoặc răn trừng. Từ nay, ở trong thì Lục khoa, ở ngoài thì Hiến ty, hễ là thủ lĩnh, phải theo phép công bằng, phân biệt cho rõ, ai là người liêm khiết giữ luật pháp, **[7b]** ai là kẻ tham nhũng vụ lợi riêng, đều kê tên tâu lên, trao cho Cai đạo giám sát ngự sử xét lại làm bản tâu lên để thi hành. Kẻ nào dám theo lòng ân oán riêng, tham mê của đút lót, mà nhận xét không đúng, cùng là dung túng không nói gì, thì cho quan Lục khoa được nhất luật hặc tâu.

Kỷ Mùi, [Cảnh Thống] năm thứ 2 [1499], (Minh Hoằng Trị năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 20, quy định ngày nộp tiền sai dư[2] trong kỳ đại tập. Ra lệnh cho các nha môn trong Kinh thời hạn trong 15 ngày; Hải Dương, Sơn Nam, Tam Giang, Kinh Bắc 25 ngày; Thanh Hoá, An Bang, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hưng Hoá 1 tháng; Nghệ An, Cao Bằng, Thuận Hoá 1 tháng 15 ngày, Quảng Nam 2 tháng. [Các nơi] đều phải theo đúng ngày hẹn giao nộp. Hộ bộ kiểm thu đủ số theo lệ đã định.

Ra sắc chỉ dụ các quan viên và quân sắc ở trong ngoài cả nước rằng: Việc thiết lập vũ bị, cốt phải phép [8a] tắc vững bền, cách sửa sang chính trị, quý ở trừ mối tệ hại. Cho nên sách Tam lược chú trọng quyền cầm quân của tướng, sách Lục thao ghi việc thưởng phạt công minh. Xét lời chứng ấy, đủ làm gương soi. Nước nhà ta dùng sức của dân, định ra phép nước; binh lính các phủ vệ trong ngoài phải mở rộng quy chế; bọn thợ thuyền lớn nhỏ càng phải coi trọng việc xét công lao. Trừng trị kẻ tham ô, lời dạy rất rõ ràng; khen thưởng người liêm cần, điển chương đã đầy đủ. Chăm chắm roi vọt răn đe, ngăn

---

[1] Thái quan thư: cơ quan phụ trách việc ăn uống của nhà vua.

[2] Tiền sai dư: là tiền sưu hay thuế thân sau này.

ngừa tư thông đút lót. Mà sao bọn quan lại giữ chức quyền, không đoái chi tới phép tắc của triều đình. Người lo cho nước, quên việc nhà thì ít; kẻ thiếu trách nhiệm, bỏ chức phận thì nhiều. Tha giàu bắt nghèo, không chừa ác cũ; tham tiền khoét của, vẫn theo lỗi xưa. Kẻ thì chỉ lo hại người để béo mình, kẻ thì đam mê tửu sắc mà chẳng bỏ, kẻ thì dựa thế **[8b]** đang lên nghĩ cách bóc lột, kẻ thì nhân được gả xuống[1] mà mặc sức vét bòn, kẻ thì cho nhờ vả che chở làm mưu hay mà vứt bỏ phép nước, kẻ thì lấy yêu sách, đánh đập là kế giỏi mà không thương xót người nghèo. Việc quân, việc nước hỏng nát không lúc nào nghiêm trọng bằng lúc này. Trẫm mới lên ngôi báu, nghĩ cách trừ bỏ thói tệ, muốn đặt hình phạt nặng để chính sự buổi đầu được trong sạch. Nhưng lại nghĩ: lấy hình phạt trừng trị kẻ gian là công cụ giúp việc trị bình; lấy miệng lưỡi thay cho búa rìu là lòng nhân chế ngự kẻ dưới. Vậy đặc cách ban bố điều khoản mới, yêu cầu trừ bỏ thói quen xưa. Người nào biết thể theo ý trẫm, không bất lương thì được thưởng hậu để nêu khen; kẻ nào quen giữ thói cũ, không nghe lời răn dạy, thì phạt nặng để trừng trị. Họa, phúc không có cửa nào, mọi người hãy lựa chọn cho kỹ.

Cày ruộng tịch điền.

Tháng 2, ngày 17, có sắc chỉ dụ bọn Thái bảo Sùng Khê hầu Lê Vĩnh, Đô kiểm điểm [9a] Cống Xuyên hầu Lê Năng Nhượng rằng: Mới rồi nhận được bản tâu của các khanh, lo kế lớn cho tông miếu xã tắc, khẩn thiết xin dựng lập hoàng trừ[2], trẫm rất khen ngợi việc đó. Hoàng tử thứ nhất là Tuân[3] thì thích mặc áo đàn bà, bỏ thuốc độc cả mẹ; hoàng tử thứ hai là Tuấn thì còn bé, lại không có đức, sợ không kham nổi; hoàng tử thứ ba là Thuần rất ham thích Thi, Thư, dốc lòng hiếu kính, trẫm đích thân vỗ về dạy bảo, nay đã trưởng thành, Trẫm quyết đoán từ công tâm, cho giữ ngôi thái tử, thực không phải là bỏ con trưởng lập con thứ, mà là vì thiên hạ chọn người làm vua đó! Song điện chính Đông cung trẫm còn đang ở, nên làm cung mới bên cạnh điện, và làm sách phong thái tử, tuyên bố nghi lễ tiết văn, truyền cho Hữu ty chọn ngày cử hành việc đó.

Nói rõ việc cấm chỉ cỗ bàn xa xỉ.

Tháng 3, ngày mồng 2, làm lễ tế đàm[4] cho Thánh Tông, ngày hôm ấy, bỏ áo tang.

[9b] Mùa hạ, tháng 4, ra sức dụ cho bọn Lễ bộ thương thư Vũ Hữu rằng: Nhân tài là nguyên khí của quốc gia. Nguyên khí mạnh thì đạo trị nước mới thịnh. Khoa mục là con đường chính của người làm quan, đường chính mở thì chân nho mới xuất hiện. Cho nên ngày xưa dùng khoa lấy người tài giỏi phải đặt quy chế chia vị cho nghiêm, phải định thể lên dán tên cho chặt, có lệnh cấm bảo nghĩa cho nhau, đổi sách cho nhau, cốt để ngăn ngừa mầm gian, thu nhiều người giỏi, để cung cấp cho nhu cầu dùng người vô cùng của thiên hạ. Phép chọn kẻ sĩ của tổ tông ta bắt chước đời xưa mà làm, đến nay quy mô rộng lớn, đã rất kỹ lại đầy đủ. Song phép lập đã từ lâu, tệ xấu theo đó mà nảy sinh, kẻ tầm thường thì lạm vào hàng thi đỗ, người thực học thì bị gạt ra ngoài vòng, lời bàn tán xôn xao, lòng học trò chưa thoả. Trẫm giữ cơ nghiệp lớn, rạng tỏ đạo công, sùng chuộng lòng thành, muốn văn hồi phong tục thuần phác, ngăn cấm lề thói phù hoa, mong trừ bỏ **[10a]** thói tệ kiêu bạc. Để cho bậc hiền triết nối gót bước lên, việc phòng giữ phải đặt ra minh bạch. Nhắc rõ các điều, liệt kê ra cả thảy 20 điều dưới đây. Điều thứ nhất: Trường thi phải rộng rãi, trong chia làm bốn khu, mỗi khu đều ngăn bằng rào thưa; bốn góc trong trường thi, mỗi góc làm một cái chòi, đến ngày vào thi, lấy nội thần hiệu uý mỗi chòi một người đứng trên chòi để trông coi...

Thi hội các cử nhân trong nước. Bây giờ, có tới hơn 5000 người dự thi, Vua nói: Phép cấm không nghiêm thì không thể ngăn chặn được thói cầu may, giữ bỏ không kỹ thì không thể lấy được người thực

---

[1] Nguyên văn "hạ giá", tức là được lấy công chúa là "bậc trên".

[2] Hoàng trừ: chỉ ngôi thái tử.

[3] Tuân: Tức An Vương Tuân, con trưởng của Hiến Tông, là người thông minh học rộng, sức lực hơn người, nhưng tính ngang bướng, thích mặc áo phụ nữ, hồi nhỏ, vì không được như ý, đem thuốc độc đầu độc mẹ. Sau này, An Vương bỏ nết cũ, thờ mẹ rất hiếu, giữ mình kín đáo (Theo Đại Việt thông sử của Lê Quý Đôn).

[4] Tế đàm: lễ tế bỏ tang phục. Theo tục cũ, cha mẹ chết sau 27 tháng thì tế đàm rồi cởi bỏ tang phục.

giỏi. Liền cho Nghi tào[1] định ra phép thi, cận thần ra đầu bài thi in ra đưa xuống từng lều từng khu. Các viên tuần xước[2] phải thay nhau canh cả ngày. Khảo quan ai có người thân vào thi thì cho rút. Lấy đỗ được 55 người.

Tháng 5, ngày 19, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, năm nào được mùa to, **[10b]** thóc lúa bội thu, thì thừa tuyên sứ ty các xứ sức cho, các quan phủ, huyện, châu trong hạt bắt các nông trưởng, thôn trưởng phải quan tâm khuyên bảo người trong xã mình ai nấy nên dự trữ thóc gạo cho dồi dào, không được xa xỉ dùng bậy cho tổn phí.

Đại hạn. Cầu mưa ở Thái Miếu mà vẫn nắng dữ.

Ngày 29, có sắc chỉ truyền cho Hình bộ rằng: Hôm nay, ở Thái Miếu còn đương cầu mưa, hãy hoãn việc xử trảm và phạt trượng tù nhân, hãy ghi chép tình trạng tù nhân bị phạt trượng tâu lên, phải cấp tốc vâng lệnh thi hành.

Tháng ấy, lấy Dương Trực Nguyên làm Phủ doãn phủ Phụng Thiên.

Tháng 6, ngày 19, thải bớt lại viên.

Sắc cho bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận rằng: _ vào phép nước mà đục khoét là thói tệ của bọn lại, thường xuyên sa thải là quy chế của quốc giạ

Trước đây, lựa chọn không công bằng, bọn lại quá nhiều, rất nhũng tạp. Có kẻ ăn mày, chỉ một nghề là được bổ dụng, **[11a]** có kẻ nhờ cậy nhiều ngón, mong được chỗ hơn, hối lộ công khai, thăng quan vượt cấp. Lại còn có kẻ không viết nổi bản thảo tờ tâu, phải bỏ tiền thuê người viết hộ. Cũng có kẻ không chép nổi sách, chỉ mánh khoé để kiếm miếng. Bệnh trong tim óc, năm tháng đã lâu. Muốn cho trị giáo trở lại thuần hậu, mà cứ để lũ tiểu nhân đầy đường, tắc lối thì không thể làm được. Ngươi phải gửi công văn cho các nha môn trong ngoài các xứ trong nước, hạn trong ba tháng, các quan phụ trách phải làm bản tâu rõ người nào thanh liêm, chính trực, kẻ nào gian tham, ngu dốt, cùng những người già ốm, hèn yếu, thì cho về hết thảy, theo như lệnh mà thải ra. Lại chọn con em nhà lương thiện, có xã trưởng bảo đảm, nếu khai gian thì trị tội chết mới cho vào thi mà bổ dụng.

Ngày 26, có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, quân dân xứ Quảng Nam bắt được voi cho nhà nước, thì cho báo cáo với ba ty, cùng hiệp đồng xét thực, cứ 1 con voi **[11b]** mà 35 người trở lên bắt được, thì cho 20 người là hạng chính thức bắt được, 20 người là hạng đi theo để bắt, làm bản kê tên từng người để xét ban thưởng theo thứ bậc khác nhau.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 5, ra sắc dụ cho các quan viên và dân chúng rằng: Thế đạo thịnh hay suy quan hệ ở phong tục; phong tục tốt hay xấu quan hệ ở khí số. Kinh Dịch nói: "Dùng người quân tử cho đạo đức thuần hậu, phong tục tốt lành"[3]. Kinh Thư nói: "Ban rộng năm điều giáo hoá để dạy dân vào khuôn phép"[4]. Kinh Thi nói: "Khuôn mẫu không sai mới uốn nắn được người bốn cõi"[5]. Kinh Lễ nói: "Thực hiện đủ "bát chính" để phòng ngừa bừa bãi, thống nhất đạo đức để phong tục hoà đồng"[6]. Kinh của thánh nhân truyền lại lời dạy, chứng cớ rành rành. Các bậc đế vương thời xưa, lên ngôi trị nước, giữ ình tiếp vật, không ai không lấy đó làm đầu. Thái Tổ Cao Hoàng Đế ta, dẹp yên nước nhà, gây dựng cương kỷ. Thái Tông Văn Hoàng Đế làm sáng phép trời, luân thường chăm giữ. **[12a]** Thánh Tông Thuần Hoàng Đế phát huy công đức của đời trước, rộng ban giáo hoá, hoà hợp lòng người, thánh thần truyền nối, quy củ tiếp nhau. Lòng nhân tiếng nhân dào dạt khắp trung châu, chính giáo tốt ành, thấm

---

[1] Nghi tào: tức là bộ Lễ.

[2] Tuần xước: những người đi tuần tra, canh gác.

[3] Kinh Dịch, Tiệm quái: nguyên văn: "Quân tử dĩ cư, hiền đức thiện tục".

[4] Kinh Thư, Quân nha thiên: nguyên văn: "Hoằng phu ngũ giáo, thức hoà dân tắc".

[5] Kinh Thi, Xi Cưu: nguyên văn: "Kỳ nghi bất thắc, chính thị tự quốc".

[6] Lễ ký, Vương chế thiên: nguyên văn: "Tề bát chính dĩ phòng dâm, nhất đạo đức dĩ đồng tục". Bát chính: là tám điều về chính sự: thức ăn, thức mặc, việc làm, vật dụng, đo, đong, đếm, quy chế.

nhuần tới cõi mọi. Hàng triệu dân hưởng phúc tốt yên hoà, hàng ức năm được phong đăng thịnh trị. Trẫm lên ngôi báu, kính theo mưu xưa. Tự mình hiếu kính để chấn chỉnh khuôn mẫu dạy dân; nêu gương cương thường để tỏ rạng từng điều giáo huấn. Trên làm dưới bắt chước, đã mong mọi chốn đều yên; trị an đến lâu dài, lại muốn nghiệp lớn tiến mãi. Vậy đặc cách nhắc rõ các điều ước, nêu ra dưới đây[1]. Vì thế có lời dụ này.

Ngày mồng 9, thi Điện. Đầu bài văn sách hỏi về nhân tài và vương chính. Sai Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc Hoa Lâm hầu Trịnh Tốn và Lại bộ thượng thư Trần Cận làm đề điệu; Hình bộ thượng thư Đinh Bô Cương làm giám thí; Đông các học sĩ Nguyễn Bảo, Hàn **[12b]** làm viện thị giảng tham chưởng hàn lâm viện sự Lê Ngạn Tuấn làm độc quyển. Cho Đỗ Lý Khiêm, Lương Đắc Bằng, Nguyễn Khắc Kiệm, ba người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Hoàng Trưng, Nguyễn Hằng 24 người đỗ đệ nhị giáo tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Bá Lương, Lê Tự 28 người đỗ đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân, tổng cộng là 55 người.

Ngày 16, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa xướng danh, Lễ bộ đem bảng vàng treo ở ngoài cửa Đông Hoa.

Ngày 12, ngày Thiên thọ thánh tiết, ngừng hoãn việc sai các tướng hiệu đi săn bắn.

Ngày 25, Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Thưởng hay phạt, ban hay cho đoạt lại, đó là quyền của đế vương trị thế. Thưởng đúng công thì người người đều được khuyến khích, phạt đúng tội thì ai ai cũng lấy đó làm điều răn đe. Cho nên, trong việc thưởng phạt, phải cho hết đạo chí công. **[13a]** Nay bệ hạ, chính sự buổi đầu trong sáng, thâu tóm mọi quyền trị hoá, tiến dùng bậc hiền tài, gạt bỏ kẻ gian nịnh, người trong nước không ai không ngưỡng mộ đức hay, mừng xem thịnh trị. Nhưng thần trộm thấy năm trước khi đi đánh Sơn Di, Chiêm Thành, Lưu Cầu, Lão Qua thì chọn kỹ quân cờ các vệ Hiệu lực, nhưng người sức lực khoẻ mạnh xông lên trước giết giặc được bổ dụng vẫn chưa hết. Đến khi lựa thải lại phải lui về làm quân năm phủ cũng ngang với những người không giết được giặc, mà

---

[1] Theo Hồng Đức Thiên Nam dư hạ tập, có tất cả 24 điều giáo huấn:

Điều 1: Quy định trách nhiệm của cha mẹ dạy con cái.

Điều 2: Trách nhiệm của gia trưởng đối với gia đình.

Điều 3: Quan hệ vợ chồng phải có ân có nghĩa không được thay đổi.

Điều 4: Quan hệ anh em trong gia đình.

Điều 5: Quan hệ họ hàng làng xóm phải quan tâm thương xót lẫn nhau.

Điều 6: Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 quy định đạo lý và bổn phận của người phụ nữ.

Điều 11: Nhiệm vụ của người điển lại.

Điều 12: Bổn phận của người điển lại.

Điều 13: Bổn phận của quân, dân.

Điều 14: Trách nhiệm kẻ buôn bán.

Điều 15: Quy định việc cưới gả, tế tự.

Điều 16: Tục chèo hát, hội hè.

Điều 17: Quy định việc hàng quán, nhà cửa dọc đường cho ngủ trọ.

Điều 18: Răn cấm trai gái không được tắm cùng một bến.

Điều 19: Cử người có uy vọng giảng giải lời cáo dụ cho dân.

Điều 20: Quy định việc tố giác, trừng trị bọn hào cường xâm chiếm ruộng đất, ức hiếp nhân dân, xui nguyên giục bị.

Điều 21: Cấm các vương hầu và nhà đại thần cho nô tỳ đưa đồ đút lót, mua bán ức hiếp.

Điều 22: Khuyên các quan giữ chức trách chăn dân.

Điều 23: Khuyên xã trưởng, thôn trưởng, phường trưởng siêng năng dạy bảo dân.

Điều 24: Khuyên dân Man Lạo kính giữ luân thường.

không có phân biệt gì. Cúi xin, các quân cờ bốn vệ Hiệu lực có giết được giặc, người nào bị thải ra sung quân năm phủ thì Binh bộ kê ra tâu lên, đặt thành 4 đội riêng của vệ Hiệu lực, như lệ đặt đội riêng của vệ Thần vũ để khuyến khích các chiến sĩ có công. Lại như những lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, lại điển, quân sắc mà bắt được kẻ cướp và bọn nghịch tặc gian ác, có người lệ đáng được xuất thân, có người lệ không được xuất [13b] thân, nếu như có ban thưởng nhất loạt như nhau thì không có phân biệt gì công lao lớn nhỏ. Cúi xin từ nay trở đi, người nào bắt được kẻ cướp và những tên phản nghịch gian ác, lệ được xuất thân thì Lại bộ theo như lệ xuất thân mà bổ dụng, người nào lệ không được xuất thân thì đều trao cho chức nhàn tản theo lệnh đã định. Như vậy thì việc ban thưởng khinh hay trọng được xử trí thoả đáng và mọi người đều biết cố gắng.

Bọn thần lại trộm thấy những người khiêng kiệu phạm các tội trộm cướp gian hung, Hình bộ theo luật xử tội lưu mà không phát đi, thành ra chúng quen thói cũ, coi thường luật pháp, không còn kiêng sợ gì nữa. Có kẻ ngang ngược gian ác, trả thù báo oán, nhiều người lương thiện đã bị chúng làm hại. Từ nay trở đi, người khiêng kiệu lần đầu tiên phạm phải tội lưu hoặc phải thích chữ đồ làm lính ở Nam quân thì cho trở về làm người khiêng kiệu như lệnh đã định. Nếu không biết răn chừa, cố ý tái phạm thì kẻ nào đáng phải lưu đày châu, sở nào, phải bắt đi hết thảy, để cho những kẻ gian ác **[14a]** biết sợ hãi và không dám ngang ngược hung bạo nữa. Vua y theo. Tháng 8, ngày mồng 9, có chiếu rằng: Kể từ nay, trên từ thân vương, dưới đến dân chúng, đều không được lấy đàn bà con gái Chiêm Thành làm vợ, để cho phong tục được thuần hậu. Đó là theo lời tâu của Hộ khoa đô cấp sự trung Vũ Lộc.

Ngày 12, có sắc chỉ quy định: Lương dân nào dâng thóc nhận quan chức thì cho Phạm Thái vâng mệnh khám xét, nếu đúng là người lương thiện thì cứ theo như lệ trước mà bổ[1]; nếu là kẻ ác nghịch, trộm cướp, xúi giục kiện tụng, hào cường làm bậy, phường chèo con hát cùng với con cháu các hạng ấy, thì đều không được bổ quan.

Ngày 14, Công bộ thượng thư Trần Bảo dâng bản tâu. Có thánh chỉ rằng bản tâu của các nha môn và của dân chúng đều quỳ dâng ở ngoài cửa Nam Huân và được tiếp nhận như trước.

Ngày 20, Công bộ thượng thư Trần Bảo tâu bàn lại việc xoá bỏ thói tệ của lại điển ở các quân sở.

[14b] Ngày 22, bọn Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu bàn về việc các tội tù ở biệt sở Tuyên Quang.

Sửa lại chùa Thiên Phúc ở núi Phật Tích và dựng bia. Đó là làm theo lời di chúc của Trinh quốc công Nguyễn Đức Trung, thân phụ Hoàng thái hậu[2].

Tháng 9, ngày mồng 6, đặc sở Thủ ngự Nghệ An và Thuận Hoá.

Ngày mồng 9, có chiếu chỉ rằng: Kể từ nay, người bắt được tù trốn, nếu tên tù đó tội chưa đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ trộm trước kia mà ban thưởng, nếu tội đến mức tử hình thì theo như lệ bắt được kẻ cướp trước kia mà ban thưởng.

Bọn Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ, chưởng vệ sự kiêm tri Phong Hỗ đường Đinh Đổ lại vâng mệnh nghị định lệ thưởng phạt đối với các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ thi đấu võ nghệ đỗ hay không đỗ.

Ngày 19, ra sắc chỉ cho Lễ bộ yết bảng quy định khi đón tiếp sứ nhà Minh, cho các quan được đi hia và bít tất. Từ tháng 10 mùa đông trở về sau, **[15a]** là tiết giá rét thì quan mặc áo là tơ gai để thuận thời tiết, không mặc áo sa nữa.

Ngày 29, Lễ bộ tâu về việc thường triều phục: [Bọn thần] từng nghĩ rằng, quy chế xiêm áo lấy biểu tượng ở trời, đất rất rõ ràng: mùa hạ áo vải, mùa đông áo cừu, phù hợp với mùa. Các công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ, hộ vệ, từ nay trở đi y phục thường triều như sau: từ tháng 10 trở đi, mặc áo là tơ gai, từ tháng 2 về sau, mới mặc áo sa, nếu gặp ngày mưa gió thì mặc áo bông vải sa, để hợp với thời tiết.

---

[1] Tức lệ đã định từ năm Quang Thuận thứ 1 (1460).

[2] Nguyễn Đức Trung theo lệnh của Quang Thục hoàng thái hậu cầu tự cho Trường Lạc hoàng thái hậu ở am Từ Công, chùa Thiên Phúc, sinh ra Hiến Tông.

Ngày 30, Binh bộ thượng thư Nguyễn Phùng Thì tâu rằng: Từ nay trở đi, các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, người nào bị ốm nặng về quê điều trị 10 ngày, khi khỏi bệnh phải làm đơn nộp ở Binh bộ, rồi trao cho trung quan và các quan ở khoa, đài hiệp đồng xét nghiệm, nếu đúng là sức vóc còn tráng kiện thì tâu cho trở lại chân lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ ở vệ ty cũ, **[15b]** nếu không thì sung vào quân Điện tiền. Vua theo lời tâu.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, tuyên triệu bọn tiến sĩ Đỗ Lý Khiêm vào làm bài ứng chế, vua sai làm bài ký Ngũ vương tướng[1]. Lương Đắc Bằng được hạng ưu. Nguyễn Quý Nhã làm lạc vần, cho ra làm tri huyện huyện Phụ Dực[2].

Nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ rằng: Từ ngày 15 tháng 10, phẩm phục các quan chức như sau[3]: Ngày mồng một hàng tháng, y phục thường triều đều mặc áo là tơ gai, nếu gặp ngày mưa gió và ngày trực ở bản nha thì cho mặc áo sa bằng vải bông, vải gai đều được. Lại có chiếu rằng: kể từ nay, hễ gặp ngày quốc kỵ thì cho mặc áo vải sa không được mặc áo là vóc hoa sặc sỡ, bổ tử thì dệt màu tối không được dùng ngũ sắc.

Xuống chiếu quy định: Từ nay, công, hầu, bá, phò **[16a]** mã, các quan văn, võ từ tam phẩm trở lên đội mũ phác đầu, hai cánh bằng sa đen, hơi dài và to hơn các quan văn võ khác, không được dùng kiểu mũ dương đường[4] nạm hai cánh. Còn các quan khác vẫn theo như kiểu cũ.

Ngày 21, định lệ khảo khoá. Ra sắc dụ bọn Lại bộ thượng thư Trần Cận, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Tung rằng: Tước thưởng là thuật khuyến khích người đời, khảo khoá là phép xét thực quan lại. Giáng kẻ dở, thăng người hay, Ngu Thuấn do đó mà làm nên mọi việc, thâu tóm danh, khảo sát thực, Hán Tuyên vì vậy mà dấy nghiệp trung hưng. Là bởi ở trên đã mở máy thần cổ vũ thì bên dưới tất phải mài chí vươn lên. Việc ưa ghét không công bằng thì lấy gì khuyến khích, răn đe được? Nhà nước ta đặt quan theo đời xưa, dùng người giúp chính sự. Quyền lựa chọn, cất nhắc vừa công bằng, vừa minh bạch. Việc khảo xét, điều tra đã tường tận lại đủ đầy. Thế mà cớ sao các quan lại coi đó là mớ hư văn? Trưởng quan không phân biệt người hiền **[16b]** kẻ ngu, chỉ chiếu lệ cho rằng giỏi giang đáng chọn; cai ty[5] chẳng hiểu rõ kẻ dở người hay, cứ nhất loạt coi là liêm khiết, tài năng. Thuyên tào[6] chỉ cân nhắc lấy lệ, Lại khoa cũng ít khi bác đi. Người vất vả tận tuỵ, hàng bao năm mới được thăng quan; kẻ hèn kém gian tham, thì mau chóng đội ơn tiến chức. Quan trường nhũng lạm, bởi đó mà ra. Nay ta buổi mới lên ngôi, càng bức thiết đổi thay chính sự. Những việc nên làm, dụ cho các ngươi biết: Kể từ nay, các quan viên văn võ trong ngoài, ai tại chức đủ 9 năm, không có tham tang, can phạm gì, đáng được khảo khoá thì quan giữ việc khảo xét theo như lệ trước, xem xét kỹ càng. Viên nào có tài cán, làm được việc, quả thực không phải là hàng dung tục tầm thường, theo người mà lui tiến thì mới được xét vào loại xứng chức, cho thăng thưởng như lệ. Nếu viên nào tuy tại chức đủ 9 năm, không tham tang, can phạm, nhưng là người không có tài năng gì, nhờ người mà nên việc, thì không được khảo xét thăng thưởng. Còn những kẻ lười biếng hèn **[17a]** ngu như hạng Cục phó Trân mỹ cục Nguyễn Lao, nhẹ thì phải biếm quan, nặng thì phải giáng chức. Quan khảo xét nếu dám theo tình riêng mà xét bậy, Lại bộ xét lại không rành, Lại khoa xét bác không đúng thì nhất loạt giao cả cho Hình bộ trị tội theo luật.

---

[1] Ngũ vương tướng: nghĩa đen là cái màn của năm thân vương. Theo tích Đường Huyền Tông yêu quý anh em, khi mới lên ngôi, cho làm cái màn rộng, gối dài, chăn to để vua và năm anh em thân vương cùng nằm.

[2] Nay thuộc đất huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

[3] Nguyên văn: "Thập nguyệt, thập ngũ nhật, các quan chức phẩm kỳ mỗi nguyệt sơ nhật nhất..." Ở đây có lẽ bản in lầm lẫn. Có thể câu "Thập nguyệt, thập ngũ nhật" ở trên, bị đưa lẫn xuống: tháng 10 ngày 15, nhắc lại quy chế y phục thường triều. Xuống chiếu cho các công, hầu, bá, phò mã, quan to phẩm cao cùng các quan hộ vệ và các loại quan chức phẩm trật khác, cứ vào ngày mồng một hàng tháng...

[4] Mũ dương đường: Theo Lễ nghi chí trong Lịch triều hiến chương loại chí thì mũ dương đường cũng giống như mũ phác đầu, chỏm đằng sau cao hơn.

[5] Cai ty: ty phụ trách.

[6] Thuyên tào: Cơ quan tuyển bổ quan lại, tức Lại bộ.

Ngày 27, sắc cho Thừa ty Thanh Hoa đi khám xét nơi khai khẩn, đem nhà dân lương thiện cho ở đấy.

Ngự sử đài đô ngự sử Quách Hữu Nghiêm tâu rằng: Nha môn ngự sử không đủ lại viên kiểm xét, xin bổ sung thêm để tiện việc tra xét. Vua y theo.

Tháng 11, ngày 16, có chiếu rằng: Từ nay trở đi, xứ Quảng Nam không được cướp bắt người Man và mua bán nô tỳ tư. Ai vi phạm thì cho phép Hữu ty hặc xét trị tội.

Có sắc chỉ đặc riêng ty Đình uý. Trước đây, theo lệ đời Hồng Đức, ty Đình uý thuộc vệ Cẩm y, hễ có người nào tội nặng, án đáng ngờ, thiên tử có chiếu chỉ xuống, thì ty ấy vâng mệnh **[17b]** xét hỏi. Đến đây, không để thuộc vệ Cẩm y nữa, mà đặt chỉ huy sứ ty, chỉ huy đồng tri, chỉ huy thiêm sự, mỗi chức một viên, đều dùng nho thần, rồi đặt tách riêng ra, lựa chọn văn thần chức cao, xứng đáng để làm. Ra lệnh cho các vệ tuần tượng diễn tập voi ở sân Giảng Võ, và truyền cho vệ tuần tượng sai bắt quân cờ làm chuồng voi lợp ngói, lấy quân nhân ở Trung thành[1] trông coi để bớt phí tổn, cứ mỗi phiên lại phải làm nhà tranh.

Làm kho thóc ở bên trong tường thành cung cấm, gồm 20 dãy

Có sắc chỉ cho quân nhân các vệ và thợ thuyền các ty, sở rằng: Khi có những việc khởi công, xây cất như làm Nội phủ, Vũ khố, đền từ, chùa quán, mà quan phụ trách các vệ, sở, ty và nhân viên đốc thúc dám đánh người, yêu sách tiền bạc, gây tệ nạn bán chác, đánh tráo, thì Lục khoa, Giám sát ngự sử, Hiến ty cùng xá nhân vệ Cẩm **[18a]** y tra xét đưa ra trị tội.

Tháng 12, ngày Tân Mão mồng 6, vua sai Thái bảo Đường Khê bá Lê Vĩnh và Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc, Điện tiền đô kiểm điểm ty đô kiểm điểm Dung Hồ bá Lê Lan mang kim sách và ấn báu lập hoàng tử Thuần làm hoàng thái tử.

Ngày Canh Tý 15, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Từ ngọc sang dụ tế Thánh Tông Hoàng Đế.

Ngày Nhâm Dần 17, nhà Minh sai chánh sứ là ty Kinh cục tẩy mã kiêm Hàn lâm viện thị giảng Lương Trừ, phó sứ là Binh khoa đô cấp sự trung Vương Chẩn mang sách sang phong vua làm An Nam Quốc Vương.

Trước đó, ngày mồng 9 tháng ấy, vua sai Binh bộ thượng thư Cống xuyên bá Lê Năng Nhượng, Thiếu bảo Trịnh Công Đán, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Khắc Cung, Cẩm y vệ **[18b]** đô chỉ huy thiêm sự tri Đình uý ty sứ Phạm Miễn Lân, Đông các hiệu thư Phạm Trí Khiêm, Đại lý thiếu khanh Lưu Túc, Thanh Hoa đạo giám sát ngự sử Vũ Đạt Đạo, thông sự Vũ Nhân Tu, Nguyễn Khâm và Phạm Cận lên địa cầu nước ta; Phò mã đô uý Trần Khuê, Hình bộ hữu thị lang Bùi Nguyên Đạo, Công bộ hữu thị lang Lê Nhạc, Hình khoa đô cấp tả đô đốc Hoa Lâm bá Trịnh Quý Thuật, Công bộ hữu thị lang Nguyễn Giản, Lại khoa đô cấp sự trung Lê Trung, Hải Dương thừa tuyên tham nghị Nguyễn Hán Đình sang trạm Thị Cầu[2]; Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, Hộ bộ hữu thị lang Trần Sùng Dĩnh, Ngự sử dài thiêm đô ngự sử Hoàng Hãng, Yên Bang **[19a]** đạo giám sát ngự sử Trịnh Quỳ sang trạm Lữ Khôi[3] để ứng tiếp bọn Lương Trừ, Từ Ngọc theo như lệ cũ.

Ngày 23, bọn Lương Trừ, Vương Chẩn, Từ Ngọc đều tới trạm Thị Cầu. Hôm ấy, vua sai bọn Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Bùi Nhân tới trạm Thị Cầu cùng với bọn Lương Trừ bàn việc làm lễ.

Ngày 24, Từ Ngọc đi từ Thị Cầu đến trạm Lữ Khôi, vua ngự thuyền Tiểu Quang đến trạm đón tiếp. Khi vua trở về cung, Trừ ra ngoài cửa trạm đưa tiễn, bảo Bùi Nhân rằng: "Hôm nay được thấy quốc vương tuổi đã lớn, thực là tướng thánh nhân, thực là tướng trường thọ, quả là phúc lớn của sinh linh

---

[1] Trạm Thọ Xương: sau là Phủ Lạng Thương.

[2] Trạm Thị Cầu: sau là Đáp Cầu, thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc.

[3] Trạm Lữ Khôi: tại huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội ngày nay.

phương Nam. Sao mà học rộng và ứng tiếp mọi việc nhanh chóng, mẫn tiệp đến thế", cứ trầm trồ khen ngợi mãi không thôi.

Ngày 25, Từ Ngọc đi từ trạm Lữ Khôi đến bến Thịnh Liệt[1] xuống thuyền. Vua đến **[19b]** điện Quyền Vân tiếp kiến. Vua về cung trước. Từ Ngọc tới điện Cần Chính làm lễ tế Thánh Tông Hoàng Đế. Lễ xong, vua cùng Từ Ngọc làm lễ tương kiến rồi sai các quan đưa ra Sứ quán.

Ngày 27, bọn Lương Trừ tới điện Kính Thiên làm lễ mở đọc chiếu thư. Chiếu thư đại ý viết: Vâng trời mở vận, hoàng thượng truyền rằng: nhà Đại Minh ta làm vua muôn nước, thống trị khắp nơi, thanh giáo rộng ban, gần xa thấm khắp. Nước An Nam ngươi, ở về cõi Nam, làm phên giậu cho ta, xưa nay nổi tiếng là giữ lễ nghĩa, có phong tục văn minh. Có Quốc vương Hạo[2] kính chăm lễ cống, giữ muôn dân, an xã tắc, được 40 năm, nay đã trọn đời; quốc thống phải có người nối. Thế tử Sanh tài đức hơn hẳn mọi người, dân chúng thành tâm quy phục, dâng biểu xin phong, lời lẽ khẩn thiết. Vậy đặc ân sai bọn Lương Trừ đem phù tiết sang phong làm An Nam Quốc Vương. Ôi! **[20a]** Kính đức lớn, noi gương hiền của tiên vương, dẫu xa gần nghĩa không có khác; nối chí xưa, kế nghiệp cũ của người trước, hãy cùng nhau cung kính để đáp lại đức của trẫm vỗ yên người xa. Vậy nên ban xuống chiếu thư để mọi người đều biết".

Nghi chú của lễ cũ, không có mục dâng hương, mục nhảy múa tung hô. Đến đây, bọn Trừ, Chẩn đưa nghi chú sang có các mục ấy. Vua không theo, báo cho bọn Trừ tuân theo lệ cũ. Làm lễ xong, vua đến điện Cần Chính làm lễ tương kiến, rồi sai các quan đưa bọn Trừ ra Sứ quán.

Ngày 29, Lương Trừ ốm, vua thân hành tới Sứ quán thăm hỏi, Trừ ra yết kiến. Hôm ấy, vua thiết yến bọn Trừ ở điện Cần Chính và ban cho vàng bạc, tơ lụa theo thứ bậc khác nhau, bọn Trừ đều không nhận, cố từ chối xin về nước. Vua làm thơ đưa tiễn.

Dựng bia đề tên các tiến sĩ khoa Kỷ Mùi, năm Cảnh Thống thứ 2 [1499] **[20b]** ở cửa nhà Thái học.

Canh Thân, [Cảnh Thống] năm thứ 3 [1500], (Minh Hoằng Trị năm thứ 13). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 25, vua sai sứ sang nhà Minh. Hình bộ tả thị lang Nguyễn Duy Trinh[3], Lễ khoa đô cấp sự trung Lê Lan Hinh[4], Thượng bảo thiếu khanh Nguyễn Nho Tông[5] sang tạ ơn phúng tế; Đông các học sĩ Lưu Hưng Hiếu, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huấn Đỗ Nhân[6], Thông sự ty thừa Bùi Đoan Giáo[7] tạ ơn việc sách phong và xin ban mũ áo.

Lấy Quách Hữu Nghiêm làm Thái thường tự khanh.

Ngày 27, Hình bộ thượng thư Trịnh Quý Tuân tâu lời nghị bàn rằng: Tiền sai dư về kỳ đại tập quân lính trong tháng ấy phải nộp đủ. Các nha môn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An và bốn thừa tuyên[8] thì 1 tháng 10 ngày; các nha môn xứ Thuận Hoá 1 tháng 15 ngày **[21a]** ngày; các nha môn xứ Quảng Nam, trong 2 tháng phải nộp đủ. Các nơi đều phải theo đúng kỳ hạn nộp lên. Ty Độ chi của Hình bộ cùng về Cẩm y và Hộ khoa kiểm thu.

---

[1] Bến Thịnh Liệt: bến đò làng Sét, Thanh Trì, Hà Nội.

[2] Tức Lê Thánh Tông.

[3] Nguyễn Duy Trinh: người xã Thượng Cát, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Tân Sửu (1481) đời Hồng Đức.

[4] Lê Lan Hinh: người xã Cổ Đô, huyện Tân Phong (nay thuộc huyện Ba Vì, Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) đời Hồng Đức, vốn trước họ Nguyễn.

[5] Nguyễn Nho Tông: người xã Vực Đường, huyện Thiên Thi, đỗ đồng tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.

[6] Đỗ Nhân: người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang (nay thuộc huyện Châu Giang, Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức, sau đổi tên là Nhạc.

[7] Bùi Đoan Giáo: người xã Đại Điền, huyện Bình Hà (nay thuộc huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487) đời Hồng Đức.

[8] Bốn thừa tuyên là bốn xứ Sơn Nam, Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương.

Ngày 28, lấy Đào Thuấn làm Hình bộ thượng thư kiêm tri Sùng Văn quan Tú lâm cục.

Tháng 2, ngày mồng 6, định lệnh về kỳ hạn truy đòi tang vật và tiền phạt.

Ngày 11, Thừa chế Đặng Tuấn Truyền kính nhận được chiếu chỉ nói rằng: Các xá sinh thi hội trúng tam trường và hàng năm nhiều lần trúng thưởng, nếu chức huấn đạo có khuyết thì cho quan Quốc tử giám bảo đảm người có đức hạnh, có tư cách đáng làm thầy đưa sang Lại bộ để thuyên bổ.

Mùa hạ, tháng tư, ngày mồng 7, định lệnh kiểm xét vật hạng nộp thuế, thứ nào tráo lẫn vào thì trả lại. Có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, khi nộp gỗ cây, phải cùng nhau kiểm nghiệm ở ngoài cửa kho thuyền và xưởng đóng thuyền. Thứ nào hợp lệ thì kéo **[21b]** vào kho, xưởng kiểm nhận và ghi chung vào sổ; thứ nào không hợp lệ thì cũng đem vào và cùng nhau kiểm nhận, ghi vào sổ, còn thứ nào tráo lẫn thì nhất thiết trả lại.

Lấy Dương Trực Nguyên thăng làm Đô đình uý. Trước kia, Trực Nguyên làm Phủ doãn, đàn hặc, trấn áp bọn cường hào, những kẻ có quyền thế cũng phải chùn tay. Lê Quảng Độ bảo đảm rằng Trực Nguyên có phép cai trị, là người cương nghị, có thể thăng làm Đình uý, vì thế có lệnh này.

Biếm Đông các hiệu thư Ngô Hoán, sung làm quân ở bản phủ vì tội đem việc trong triều nói với người ngoài. Sau đến khoa thi Hương năm Tân Dậu, [Hoán] thi đỗ tam trường, không cho vào tứ trường.

Có sắc chỉ rằng: Kể từ nay, khi có các việc xây dựng hay sửa chữa, phải dự tính trước mọi thứ vật liệu công trình cho đầy đủ, liệu xem công việc nặng hay nhẹ, khẩn cấp hay thư thả mà làm dần từng bước, không được làm cả một lúc để khoan thư sức người.

Hộ bộ tả thị lang Nguyễn **[22a]** Đức Quảng dâng lời tâu rằng: Khi Thái Tổ Cao Hoàng Đế mới khởi nghĩa, tướng thần, quân sĩ đều đồng tâm hiệp lực. Tướng thần có công lao lớn đều đã được phong thuỵ hiệu và truy tặng, nếu có con cháu đều được tập ấm bổ dùng. Quân sĩ cũng dự phần công lao, tuy đã được ban sắc mệnh, phong mỹ tự, và được làm tướng quân các vệ, nhưng con cháu họ nhiều người vẫn phải ẩn khuất trong hàng quân ngũ, chưa được hưởng tập ấm. Thần e rằng như thế, phép khuyến khích lập công chưa làm được trọn.

Nay bệ hạ lên ngự ngôi báu, đức rộng như đất trời, ai tòng quân đánh giết được giặc, đều cho bổ dụng, dùng người không được chọn lấy trong khi dẫn tuyển[1] cũng còn được trao chức chính quan, huống chi quân sĩ khai quốc, trăm trận khó nhọc, đến hơn mười năm, đã có công lao mà nỡ để bản thân không được truy tặng, con cháu không được tập ấm thì lấy gì mà khuyến khích người làm tôi. Nay thần cúi xin: nhưng người đã có công lao ở thời Thuận Thiên, đã được nhận sắc **[22b]** mệnh, phong mỹ tự, thì cho con cháu họ tự khai báo, quan có trách nhiệm điều tra rõ ràng, rồi kê rõ họ tên tâu lên, giao cho Lại bộ gia tăng 1 cấp. Nếu con cháu nối dõi có ai không biết chữ thì xét xung làm tuấn sĩ vệ Cẩm y, còn người nào biết đọc sách, viết chữ thì xét cho làm học sinh ở Sùng Văn quán theo như lệ đối với công thần.

Như vậy, trên có thể tỏ rõ lời ghi sông tạc núi đến vô cùng của các tiên thành, dưới là để ban dày phúc trạch cùng nước hưởng vui tới muôn thuở cho bậc công thần.

Vua y theo lời tâu và truyền sắc chỉ rằng: Những người có công dựng nước thời Thuận Thiên, đã nhận sắc mệnh ban phong, ai từ tam phẩm trở lên mà con cháu đã bị sung vào sắc quân ngũ thì cho phép bản thân họ khai báo. Binh bộ điều tra, người ở quân ngũ thì được sung vào làm tuấn sĩ vệ Cẩm y, người biết đọc sách thì cho làm nho sinh ở Sùng Văn quán; ai từ tam phẩm trở xuống thì con cháu họ được sung vào các vệ Vũ lâm, Thần tý.

[23a] Mùa thu, tháng 8, ngày 15, vua làm bài thơ ngự chế Quan Giá đình trung thu ngoạn nguyệt[2] 15 vần, sai bọn Đông các học sĩ Nguyễn Nhân Thiếp, Lê Ngạn Tuấn, Lê Mậu Thưởng, Nguyễn

[1] Dẫn tuyển: dẫn vào cho vua lựa chọn.

[2] Đêm trung thu ngắm trăng tại đình Quan Giá. Đình Quan Giá là nơi vua ra xem việc trồng cấy của dân.

Xung Xác, Hàn lâm viện thị thư Nguyễn Tôn Miệt, Đông các hiệu thư Đặng Tòng Củ, Đặng Minh Khiêm, Lương Đắc Bằng, Hàn lâm viện hiệu lý Nguyễn Viên, Vũ Châu, Hiệu thảo Nguyễn Mẫn vâng mệnh hoạ lại.

Xuống chiếu rằng: Kể từ nay, nếu thiếu thợ thì đến kỳ tuyển tráng đinh, chọn lấy những hoàng đinh[1] ở các xã trang am hiểu các nghề để bổ sung vào. Ngừng việc sai người đi các xứ chọn người am hiểu các nghề để sung làm thợ.

Mùa đông, tháng 10, ngày 25, Nguyễn Đoan tâu rằng:

Xã trưởng nào chăm việc dạy bảo, nếu được tục hay, có thẻ bổ làm quan tạp lưu được thì quan huyện, châu nơi đó xem xét trình lên hai ty Thừa Hiến, **[23b]** cho đòi xã trưởng xã đó và các xã gần đó tới điều tra rồi làm bản tâu lên để biểu dương, khen thưởng.

Xây tường phía đông.

Định quy chế mũ áo[2]. Sai Lễ bộ yết bảng để các vương công, hầu, bá, phò mã, các quan văn võ trong ngoài, nho lại, các quân sắc và dân chúng chiểu theo kiểu mũ áo mình được dùng mà tuân hành[3].

Làm kho tàng và phủ đệ các thân vương, công chúa.

Tân Dậu, [Cảnh Thống] năm thứ 4 [1501], (Minh Hoằng Trị năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, vua ngự về Tây Kinh, cấm các quan theo hầu không được sai quân cờ chở đem vợ con hoặc kỹ nữ đi theo, bừa bãi tình dục.

Xuống chiếu rằng: Quan trông coi lính và thợ, khi đốc thúc làm việc công, nếu có ai lười biếng, vắng mặt, đáng phải xử lý thì tuyên bố tội trạng, trừng trị theo pháp luậ, không được tự mình dùng gậy, dùng tay chân, gạch ngói, dùi gỗ mà đánh đập tàn nhẫn họ. Ai vi phạm thì phải trị tội theo luật.

Lấy Dương Trực Nguyên là Công bộ **[24a]** hữu thị lang.

Ngày mồng 2, hiệu định thể lệ các quan theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 7 điều.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, xuống chiếu rằng: Những nữ đinh khiêng kiệu trước đã ban cho cung nhân và công chúa, thì chỉ cho bản thân người ấy thôi, nếu có đẻ ra con, cháu thì phải nộp cả cho nhà nước.

Tháng 5, ngày 24, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, hàng năm đến kỳ tuyển tráng đinh, xã nào có người nghèo túng, không kể là có ruộng công, ruộng tư hay không, xã trưởng phải làm tờ khai cam đoan trước, quan phủ, huyện khám xét lại, rồi khai vào hạng nghèo túng, cho phép miễn tuyển.

Mùa thu, tháng 4, ngày 29, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, quan hai ty Thừa Hiến các xứ phải xét kỹ công, tội của các quan phủ, huyện đã làm, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc thượng, trung, hạ mà khảo xét. Người nào thương xót dân chúng, kiêm khiết, siêng năng, có thành tích cai trị là hạng thượng khảo; người nào thương xót dân chúng, **[24b]** thu thuế khoá không phiền nhiễu, làm việc quan không có lỗi gì là hạng trung khảo; người nào tầm thường dung tục, tiến lui theo người là hạng hạ khảo. Lại viên ở các ty Thừa Hiến và phủ, huyện, châu, người nào liêm khiết có tài và cần mẫn là trung đẳng; người nào bỉ ổi không chăm việc là hạ đẳng. Tất cả đều kê rõ họ tên, chưa kỹ sự việc, làm bản thảo gửi cho Lại bộ thu xét. Quan viện thì theo lệ khảo khoá cung trước đây, cứ đủ 9 năm sẽ thi hành việc thăng giáng. Lại điển nếu đủ số năm, được nhiều lần trung đẳng thì cho chiếu lệ thăng bổ. Quan lại nếu có ai quả là tham ô, nhũng nhiễu, gian tham, lười biếng, ăn đút lót, có bằng chứng xác thực thì gửi cho Lại bộ tra xét và trị tội theo lệ đã định. Quan Thừa Hiến nếu có ai quả vì ân oán, hối lộ mà kêu tâu bất công để đến nỗi thiện ác lẫn lộn, công tội đảo điên thì các quan ở khoa, đài tra xét hặc tâu để đưa xét hỏi. Quan Ngự sử cũng phải xét kỹ **[25a]** công quan Thừa Hiến các xứ, cứ đến cuối năm, chia thành ba bậc

[1] Hoàng đinh: Theo Hội điển triều Lê, dân đinh 17 tuổi gọi là hoàng nam (dẫn theo Cương mục).

[2] Nguyên văn là "quan mạo" nghĩa là "mũ". Nhưng xét ở dưới, có quy định về cả y phục, nên sửa như trên.

[3] Quy chế này được ghi rất rõ trong Hội điển triều Lê. CMCB25, 6 có chép khá rõ nội dung quy chế này.

thượng, trung, hạ khảo xét tâu lên, theo như lệ các quan Thừa Hiến, xét tâu các quan phủ, huyện, châu mà thi hành.

Xuống chiếu cho các quan phủ huyện rằng: Nơi nào có ruộng đất còn bỏ hoang, trước đã cấp thông tư cho người cày cấy, nộp thuế theo lệ quy định. Nếu là người nghèo túng, trước kia đem gia đình đi khai khẩn ruộng đất hoang ở các phủ huyện khác theo lối chiếm xạ, thì theo lệ, được truyền cho con cháu cày cấy.

Cho phép quan khám tù được tư cho bản huyện xã tìm bắt vợ cả, vợ lẽ [của tù nhân] trình cho quan khám tù khai rõ họ tên của tù nhân và vợ cả vợ lẽ của y; giao vợ cả, vợ lẽ cho người giải nộp ngục quan.

Ngày hôm ấy, lại sai định lệnh bổ dụng nho lại. Xuống chiếu rằng: Hoa văn học sinh, nho sinh, án lại, giám sinh, đô lại ở các nha môn đã được chọn dùng thì Lại bộ tra xét xem người nào **[25b]** thi Hội trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào trúng ít thì bổ sau. Nếu không có chân trúng trường thi Hội thì người lâu năm bổ trước, người ít năm bổ sau, không được như những lần duyệt tuyển trước đây, bổ dụng lẫn lộn, không theo tài năng, thứ bậc nào. Ai vi phạm sẽ bị trị tội.

Tháng 9, ngày mồng 1, mưa to, nước tràn ngập trong thành.

Tuyển tráng đinh sung quân.

Định lệnh sai dịch và thuế thân của nhân đinh. Những người tàn phế không thể làm ăn sinh sống được thì tha cho cả sai dịch và thuế thân, nếu còn có thể làm để sinh sống được thì thu một nửa tiền thuế thân.

Mùa đông, tháng 11, ngày 16, vua sai Lại bộ tả thị lang Nguyễn Úc, Đông các hiệu thư Đinh Cương, Hàn lâm viện thị thư kiêm Tú lâm cục tư huân Đặng Minh Khiêm sang tuế cống nhà Minh.

Ngày 26, Binh bộ thượng thư Nguyễn Hoằng Thạc tâu rằng: Người khiêng kiệu bắt được trộm cướp được thăng thưởng thì đều như lệ những người ứng sai ở các nha môn bắt được **[26a]** trộm cướp, thăng làm cục nhân cục Tuyên đạt. Nếu lại bắt được trộm cướp lần nữa thì phỏng theo đô lại ở nha môn bắt được trộm cướp, thưởng cho một ít tư, không được thăng bổ. Các tráng sĩ coi việc đi bắt, nếu không được thăng bổ thì thưởng tư cho ngang với lại viên ở các nha môn không kém. Vua y theo.

Tháng 12, ngày 25, ra sắc chỉ quy định các thể lệ thi Hương để thi hành.

1- Kể từ nay, đến kỳ thi Hương, xã trưởng các xứ phải bảo đảm cho học trò xã mình; trừ sinh đồ ở Tú lâm cục không kể, những quân sắc và người dân nào quả là con em nhà lương thiện, có hạnh kiểm, học vấn, biết làm văn đủ các thể của bốn trường cũng cho bảo lĩnh. Nếu là học trò ở bốn xứ Hưng Hoá, Yên Bang, Tuyên Quang, Lạng Sơn thì làm văn đủ ba trường cũng cho vào thi. Xã lớn 20 người, xã vừa 15 người, xã nhỏ 10 người. Xã nào ít người học tập thì không **[26b]** câu nệ theo lệ này. Xã trưởng kê khai họ tên, quan phủ, huyện, châu sau đó xét lại từng người. Học trò phải thi một kỳ ám tả, ai đỗ thì hai ty Thừa Hiến theo lệ mà khảo thí. Nếu xã trưởng nào khai nhận, bảo đảm không đúng, quan phủ, huyện châu khảo hạch không kỹ, để đến nỗi khi học trò vào thi còn những tạp và có người viết bất thành văn hoặc vì họ hàng con em mà nhắn nhe gửi gắm thì sai nhân của khoa, đài đó phải dò xét cho ra sự thực, giao hết lên để xét hỏi trị tội.

2- Kể từ nay, khi học trò vào thi, các quan đề điệu, giám thị, phải sai các viên giám quan khám xét, hiệp đồng kiểm tra trường thi, tìm xét mọi dấu vết, xem có chỗ nào cất dấu Thi, Thư và các tài liệu khác. Đến khi học trò vào trường thi, thì phải khám xét kỹ từ ngoài cửa. Nếu thấy người nào sao chép văn bài mang theo, hoặc là người nào thi hộ thì phải bắt ngay người đó đưa ra xét hỏi. Người can phạm như hạng nói trên **[27a]** bị sung làm quân bản phủ 3 năm, suốt đời không được vào trường thi nữa. Các viên giám thị niêm phong bài thi, kẻ nào bất minh thì bị biếm hay giáng chức. Hai ty Thừa Hiến cùng hiệp đồng tra xét rồi mới cho người vào thi. Nếu người nào lộ rõ dấu gian, thì giữ ngay lại, tâu lên để tra hỏi. Quan Thừa Hiến nếu ai dám trái phép, dung túng kẻ gian làm bậy, thì quan khoa, đài và sai nhân có trách nhiệm dò xét ra sự thực, nhất loạt đưa ra xét hỏi trị tội.

3- Kể từ nay, những quan viên phải bổ ở Thừa ty xứ khác, cùng các hạng nho sinh, điển lại gặp phiên lên Kinh hoặc được giữ làm việc ở kinh thành, ai tình nguyện dự thi cho người đó được nộp đơn thi. Sau khi kiểm tra, người nào làm đủ được các thể văn của bốn kỳ mới cấp giấy tờ cho trở về quê quán dự thi ở Thừa ty nơi bổ nhiệm và phủ Phụng Thiên như trước nữa. Người nào vi phạm sẽ bị giao xét hỏi trị tội.

4- Kể từ nay, những viên lại điển thi Hương được trúng **[27b]** thức thì được sung vào Quốc tử giám học tập.

5- Kể từ nay, khi vào trường thi Hương, các giám sinh và sinh đồ chịu tang ở đầu nhà đều phải tới bản phủ báo tên, điểm danh, ai vắng mặt, quan hạt đó làm bản tâu lên, bắt sung làm quân bản phủ. Người nào tự tiện vào cửa ngoài trường thi, hoặc vào thi hộ bị xử tội đồ, suốt đời không được đi thi và bổ dùng nữa. Nếu xã trưởng nào khi nhận diện, thấy điều gian trá mà đồng tình, dung túng, để cho kẻ thi hộ vào trong trường thi, bị người khác cáo giác bắt được thì phải sung làm quân bản phủ[1].

Năm ấy, phủ Phụng Thiên bị cháy.

Ra lệnh cho người Kinh trốn tránh xiêu giạt ra đầu thú thì đưa về làm lao dịch ở các phiên trấn.

Nhâm Tuất, [Cảnh Thống] năm thứ 5 [1502], (Minh Hoằng Trị năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng ba, có sắc chỉ rằng:

1- Kể từ nay, quan huyện, châu các xứ phải sức xuống cho các xã trưởng, tất cả quân nhân và các sắc dịch của tượng cục, **[28a]** khi sắp tới kỳ đại tập quân lính hoặc gặp phiên trực, thì phải đốc thúc răn bảo trước. Nếu kẻ nào bỏ cả kỳ đại tập hay phiên trực, hoặc làm công chưa đủ kỳ hạn mà trốn về trước thì phải truy hỏi tới cùng, bắt phải khai nhận rõ ràng, sau khi xét rõ tội ngoan ngạnh, lười biếng cùng việc bỏ kỳ đại tập và phiên trực, cho báo lên quan huyện, châu, tâu giao cho bộ phụ trách trị tội.

2- Kể từ nay, các vệ, ty, sở, có người bỏ trốn đã trở về nghiệp cũ và những người già ốm, mỗi khi tới phiên trực thì cho làm việc nhẹ theo như lệnh trước đây, còn những người mạnh khoẻ, nếu vì ốm đau không làm được việc, cũng có thể cho nộp tiền thay, nhưng không được gian trá giả ốm đau.

Lấy Hình bộ Hữu thị lang Dương Trực nguyên làm Binh bộ tả thị lang, Nguyễn Quan Hiền làm Hình bộ hữu thị lang.

Tháng 2, thi Hội các cử nhân trong nước. Số dự thi là 5.000 người, lấy đỗ bọn trần Dực **[28b]** 61 người. Lại bộ kê tên tâu lên. Vua đích thân ra đầu bài văn sách hỏi về đế vương trị thiên hạ. Sai Nam Quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu, và Hộ bộ thượng thư Vũ Hữu làm đề điệu: Binh bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên và Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Bùi Xương Trạch làm giám thí; Lễ bộ thượng thư Tả Xuân phường hữu dụ đức kiên Đông các đại học sĩ Đàm Văn Lễ, Lễ bộ thượng thư kiêm Hàn lâm viện thị độc, trưởng Hàn lâm viện sự Nguyễn Bảo, Lễ bộ tả thị lang kiêm Đông các học sĩ Lê Ngạn Tuất, Quốc tử giám tế tửu Hà Công Trình, Tư nghiệp Hoàng Bồi, Thái thường tự khanh Nghiêm Lâm Tiến đọc quyển thi. Vua xem xong, cho bọn Lê Ích Mộc (người Thanh Lăng, huyện Thuỷ Đường[2], trước làm đạo sĩ, đến khi đỗ, vua sai tuyên đọc chế từ, bưng lư hương cháy rực lửa ra trước, bị bỏng tuột cả tay mà không biết), **[29a]** Lê Sạn, Nguyễn Văn Thái 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Cảnh Diễn, Lê Nhân Tế 24 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Khiêm Bính, Nguyễn Mậu 34 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Vua ngự điện Kính Thiên, Hồng lô tự truyền loa xướng danh. Mọi năm bảng vàng vẫn treo ở ngoài cửa Đông Hoa, đến nay vua sai Lễ bộ bưng ra, đánh trống nổi nhạc rước ra treo ở cửa nhà Thái học. Bảng vàng treo ở cửa nhà Thái học bắt đầu từ đó.

Tháng 3, duyệt tuyển hoàng đinh. Xuống chiếu rằng: Các phường, xã, sách có đinh nam, theo số từ năm Cảnh Thống thứ 4 [1501] là 11 tuổi, năm nay lên 12 tuổi và những hoàng đinh lậu sổ mà sức vóc

---

[1] Sau câu này còn có ba chữ "tam hạng đẳng", chưa rõ là nghĩa gì.

[2] Huyện Thuỷ Đường: Nay là huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

mạnh khoẻ, to lớn, cao từ 4 thước trở lên[1] thì xã trưởng khai tên gửi lên ba ty của xứ đó và phủ Phụng Thiên, đến khi rỗi việc nông sẽ duyệt tuyển.

[29b] Mùa hạ, tháng 4, ngày 18, Hình bộ tả thị lang Nguyễn Quang Hiền dâng lời tâu rằng: "thần kính vâng sắc chỉ nói rằng: Kể từ nay, các hạng lính và thợ, theo lệ được cho về làm mùa, thì cứ đến phiên tháng 5, tháng 6 và tháng 10, tháng 11, đều được chia một nửa cho về làm ruộng, không được chia xen kẽ mùa thu, mùa hạ. Như thế, thần Nguyễn Quan Hiền trộm xét:

Việc đòi bắt án ngục, phiên tháng 5, tháng 11 năm nay, các hạng lính và thợ đã chia về làm ruộng, mà ngục tốt các sở ngục của ty Ngũ hình vẫn tạm phải ở lại đi đòi bắt án ngục, chưa được xét đến. Thần kính cẩn tâu lên, cúi mong thánh thượng dậy bảo". Vua y theo.

Ngày 30, có sắc chỉ rằng: Các chức Thượng thư, Thị lang của Lục bộ, Ngự sử đài, Đông các, Lục tự, Lục khoa, Thừa tuyên sứ, Hiến sát sứ nếu có khuyết thì Lại bộ làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ thi hành.

[30a] Tháng 6, ngày 12, Đỗ Nhân vâng mệnh đi sứ phương Bắc trở về, được lấy làm Đông các hiệu thư kiêm Tú lâm cục tư huấn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 19, lấy Đỗ Nhân là Lễ bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, lấy Dương Trực Nguyên là Lễ bộ tả thị lang.

Tháng 12, ngày mồng 5, định lệ chọn các quan từ phủ, vệ, ty, sở trở lên. Các chức ngũ phủ đô đốc, đô kiểm điểm, hoàn đốc, chỉ huy sứ, đô tổng binh sứ nếu có khuyết viên nào, Lại bộ tâu lên, nhận chỉ thi hành. Vệ sở nào khuyết 1 viên tổng tri, theo lệ được lấy 2 viên quản lĩnh, khuyết 1 viên quản lĩnh, theo lệ được lấy 3 viên võ uý để chọn lấy 1 viên. Lại bộ kê khai họ tên, quan chức của những người không phạm lỗi, làm bản tâu lên. Quan chức trong Kinh thì do Nội phủ dẫn tuyển, quan chức ngoài trấn thì do Chỉ **[30b]** huy sứ, Hàn lâm viện hội đồng với ba ty Đô, Thừa, Hiến lựa chọn, tâu lên để thuyên bổ.

Ngày 18, sai Thái thường tự khanh Quách Hữu Nghiêm, Giám sát ngự sử Nguyễn Bỉnh Hoà, Cấp sự trung Trần Mậu Tài sang nhà Minh tạ ơn ban cho mũ áo.

Bấy giờ, hoàng hậu nhà Minh thấy sứ nước ta tới, sai quan thu nhận hòm rương vào nội điện để tìm thấy hương lạ. Quách Hữu Nghiêm vốn có mua được một chiếc áo long cổn là thứ hàng cấm giấu ở trong hòm, sợ người Minh bắt được sẽ bị quở trách, liền làm bảng văn răn bộ thuộc và thu lấy hương lạ dâng lên. Bài văn như sau:

"Bọn thất phu mang ngọc bích, bị Lân kinh[2] chê là tham của, lái buôn rợ Hồ giữ hạt châu, mà Mã sử[3] răn là liều mình. Cho nên, kẻ tự gõ cửa dâng thư được khen là trung thuần đáng quý, mà người tiến rau cần, dâng nắng sưởi[4] dẫu nhỏ nhặt cũng đáng nên khen. Hay dở rành rành, gương soi rất rõ. **[31a]** Xét thấy bọ sứ thần bản hộ, cùng nhau đến tự phương xa, tới thăm phong cảnh thượng quốc. Trải muôn dặm trèo non vượt biển, đâu dám sá từ, tưởng chín tầng mây vọng trông nhật nguyệt, mừng ngắm thiên nhan. Tới triều đình Ngu Thuấn văn vật rõ rành, thấy chế độ nhà Chu y quan lễ nhạc. Một niềm tôn kính, báo đáp khôn bề. Chút ít của cải mang theo, đâu dám mang lòng ngại tiếc. Hiện có một hộp kỳ nam hương lạ, trình giao sai quan chọn lựa dâng lên".

Vua Minh xem bài văn ấy, cho là bậc nhân tài vào thời Tam đại, sai thái giám Trần Khoa truyền cho lão thần Nội các là bọn Lý Đông Dương xem. Lý tâu rằng: Đó là tấm lòng trung thành của viên ấy, nên ban thưởng hậu để tỏ ý khuyến khích. Vua Minh lại hỏi các quan hậu cận rằng: Hắn làm chức gì ở nước ấy. Các quan trả lời là chức Đô ngự sử. Vua Minh cho dự yến ở trên điện và ban áo màu hồng thẫm

---

[1] Tức là 1,6m trở lên.

[2] Lân kinh: chỉ Kinh Xuân thu. Kinh Xuân thu chấm dứt ở việc bắt được kỳ lân, nên gọi là Lân kinh.

[3] Mã sử: chỉ bộ Sử ký của Tư Mã Thiên.

[4] Tiến rau cần: xưa có người dân nghèo ăn rau cần thấy ngon, định đem dâng vua. Dâng nắng sưởi: có người đời Tống, mùa xuân sưởi nắng thấy ấm, bảo vợ rằng: Sưởi nắng ấm mà không ai biết, ta sẽ tâu cho vua biết mà sưởi. Tiến rau cần, dâng nắng sưởi là ý chỉ dâng vật tầm thường nhưng xuất phát từ lòng trung thành, chất phác.

thêu hình giải trã bằng kim tuyến **[31b]** và các thứ đồ tơ gai. Hữu Nghiêm nhân đó dâng biểu tạ ơn rằng:

"Thần trộm nghĩ: Trời đất sinh nuôi muôn vật, dẫu mầm non gốc cỗi đều cảm nhận lòng nhân hoá sinh. Đế vương yên vỗ triệu bang, dù cõi thẳm dân cùng cũng đội ơn vương đạo rộng phẳng. Nay thần lạm dự sang cống cõi Hạ, được gần mây Nghiêu. Trông mặt trời chốn Trường An, thiết tha nương tựa, họp áo xiêm nơi triều hội, khôn xiết vui mừng. Nào ngờ kẻ mọn phương xa, được ban lớp lớp ân sủng. Thân mình rạng rỡ, sắc phục huy hoàng. Áo báu mới ban, giải trãi vẻ đẹp. Nghĩ như thần: là cỏ cây chỉ một rễ kém hèn, lại càng cảm ơn đất trời gây dựng. Thần xiết bao cảm kích ghi lòng, kính chúc Hoàng Đế muôn muôn tuổi, thọ ngang với trời, để cho mọi người chốn thần dân đều vui cảnh thanh bình, thịnh trị, các **[32a]** nước lớn nhỏ thấm nhuần phúc tốt dài lâu. Đó là nguyện vọng sâu xa của thần vậy".

Ngày Bính Ngọ, Kiến Vương Tân mất[1]. Vua nghỉ chầu 3 ngày, ban tên thuỵ là Trinh Tĩnh.

Xuống chiếu rằng: Kể từ nay, vệ Kiến An và sở chăn voi ở Nghệ An phải đóng 2 chiếc thuyền buôn để tiện chở thóc.

Bọn Nguyễn Vinh vâng lệnh [nhắc lại] sắc chỉ khoảng năm Quang Thuận, Hồng Đức quy định nội thần ra ngoài tự tiện đến nhà người khác thì bị xử trảm.

Ngừng đặt chức xá nhân thường xuyên, chọn lấy người cao lớn sung làm xá nhân vệ Cẩm y, người thấp bé bổ làm xá nhân ngoại trực.

Quý Hợi, [Cảnh Thống] năm thứ 6 [1503], (Minh Hoằng Trị năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, hạn hán.

Ngày mồng 8, có sắc dụ bọn Thanh Hoa tán trị thừa tuyên sứ ty, tham nghị Dương Tĩnh rằng: Ta rất lưu ý tới việc nông, ngươi coi binh dân nên hết sức. Đi thăm nom không được lười biếng, chứa tháo nước phải cho kịp thời. Lo **[32b]** việc chính sự giỏi, để mãi mãi giữ vững cơ đồ. Kinh Thư nói:

"Có phòng bị thì không có mối lo" là như thế đó. Ngoài những việc đã tâu lên, nơi nào bị hạn hán úng lụt, phải dự bị đề phòng trước các việc trồng cấy. Bọn quan châu huyện, coi dân như người nước Tần, nước Sở, ai béo, ai gầy không bận lòng đến. Ta thường sai nội thần đi xem xét đồng ruộng, thấy chỗ thì ruộng thấp, chỗ thì bờ ruộng hoang rậm, chỗ thì gò đất bị lở, chỗ thì thả vịt hại lúa. [Nước chứa] chỉ được vài bữa, không giữ được lâu, nắng chưa mấy ngày đã cạn khôn cả, đó là do không được người giỏi để chia lo cùng ta, không có kế hay mà ngăn ngừa chống giữ. Than ôi! Bọn các ngươi lấy mũ áo đẹp, bổng lộc nhiều để làm sang nhà cửa hay là để giúp việc cho vua? Ta một mình lo sợ đăm đăm, để các ngươi nhởn nhơ vui thú. Huống chi năm nay đúng vận hạ nguyên[2], gặp thời mạt kiếp. Kinh Huyền khu nói: "Tiết đông **[33a]** chí gặp ngày Nhâm thì đất hoang ngàn dặm". Kinh Địa mẫu nói: "Năm Quý Hợi mưa rất nhiều", việc sửa đắp đê đều chẳng cần kíp ư? Ngươi phải cho làm gấp cống đập, guồng nước, khe lạch, đường lớn trong hạt, hạn trong ba tháng phải xong. Ngươi phải thân hành đi kiểm tra lại. Người nào làm hoàn hảo thì xếp vào loại bậc thượng khảo, kẻ nào sửa đắp rò sót thì biên vào loại không xứng chức, ghi chép tường tận tâu lên để quyết định thăng hay giáng chức. Nếu bọn các ngươi lơ là không chịu đôn đốc, đến khi mưa dầm, lúa má bị ngập thì khi điều tra ra sự thực, sẽ bị nhất loạt hỏi tội.

Ngày mồng 9, bọn Quách Hữu Nghiêm đi sứ nhà Minh sắp về, vào từ biệt. Vua Minh sai bọn Tây Di đô đốc đại thông sự, Cẩm y vệ đô chỉ huy sứ Dương Tông tuyên đọc thánh chỉ, ban cho Quách Hữu Nghiêm chiếc áo đại hồng hoa mây dệt giải trãi bằng kim tuyến, 4 tấm lụa sợi gai, 3 tấm lụa tơ chín. Lại sai Binh bộ thượng thư Tăng **[33b]** Dật phụng sao thánh chỉ cấp riêng cho Quách Hữu Nghiêm một chiết thuyền đi nhanh, kính theo lệnh này. Quách Hữu Nghiêm dâng bài thơ tạ ơn như sau:

---

[1] Kiến Vương Tân: là con thứ năm của Lê Thánh Tông, được phong Kiến Vương năm Hồng Đức thứ 2 (1471), khi mất mới 35 tuổi.

[2] Theo quan niệm của các nhà thuật sĩ đời xưa, sau 180 năm là hết một độ số của trời, gồm 3 giáp tý (mỗi giáp tý 60 năm). Giáp Tý thứ nhất là thượng nguyên, giáp tý thứ hai là trung nguyên, giáp tý thứ ba là hạ nguyên.

Tằng nhân quốc sự cống trân phong,
Tảo yếu thao bồi ngọc bệ trung.
Trãi thái dĩ chương tam phẩm phục,
Ích chu tái giá bát hoang phong.
Thi từ tiểu phạp khoan như hải,
Tửu lực na kham ẩm tự hồng.
Phúc thọ nghĩ đồng Chu nhã chúc,
Thăng hằng nhật nguyệt chiếu lâm công.
(Từng nhân việc nước tạ ân phong,
Yến lớn lạm hầu trước bệ rồng.
Áo trãi nêu màu tam phẩm quý,
Thuyền chim cưỡi gió tám phương thông.
Nguồn thơ thẹn chẳng như khơi biển,
Sức rượu nào kham với ráng hồng[1].
Phúc thọ chúc bài ca Chu nhã[2],
Đôi vầng nhật nguyệt sáng soi chung).

Tháng 2, ngày 17, Lễ bộ thượng thư Vũ Hữu tâu rằng: Hàng năm, cứ đến kỳ đại tập quân sĩ, khi nộp tiền sai dư và tiền già ốm, thì phải khai đầy đủ họ tên những người phải nộp các khoản tiền nói trên và số tiền thực đã nộp, số người đã nộp giao cho Hộ bộ theo đó mà thu nhận.

Đại hạn.

Mùa hạ, tháng 4, sao Chổi mọc ở phương đông.

Lễ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên tâu xin **[34a]** đắp để bên sông Tô Lịch, trên từ xã Trát Kiều xuống đến xã Cống Xuyên[3] để phòng lụt hạn, làm lợi cho nghề nông, lại xin đào cừ Yên Phúc xuống đến cừ Thượng Phúc[4] để tưới nước cho ruộng dân.

Tháng 5, ngày mồng 6, ban thơ ngự chế đề trên quạt tỏ ý khuyên răn:

Tinh hoả hôn trung dạ,
Bồng mang xuất bích đông.
Kinh phương dương đại thủy
Vệ địa khủng hưng nhung.
Tuần tinh vưu tâm lý,
Suy chiêm mạn dị đồng.
(Nửa đêm sao Hỏa mọc,
Tua chổi hiện phương đông.
Đất Kinh lo nước lớn,
Đất Vệ sợ binh nhung.
Chăm nom nên để ý.
Suy xem nghiệm hay không)[5].

Mùa thu, tháng 8, quan Ngự sử đài tâu rằng: Quan Hàn lâm mà lười biếng bỏ việc thì phải xét hỏi trị tội.

---

[1] Vi Cao đời Đường, làm trấn thủ đất Thục, một hôm họp bạn uống rượu, chợt thấy cầu vồng mọc ở ngoài sân, thò đầu ta uống hết cả rượu

[2] Chu Nhã ở đây chỉ bài thơ Thiên bảo trong Kinh Thi Tiểu Nhã: "Như nhật chi thăng, như nguyệt chi hằng, như Nam Sơn chi thọ, như tùng bách chi mâu" nghĩa là chúc vua như mặt trời mới lên, như mặt trăng đêm mồng tám, sống lâu như núi Nam Sơn, xanh tốt như cây tùng cây bách.

[3] Xã Trát Kiều và xã Cống Xuyên ở huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường tín, tỉnh Hà Tây.

[4] Cừ Yên Phúc: ở xã Yên Phúc; cừ Thượng Phúc: ở xã Thượng Phúc, hai xã này thuộc huyện Thượng Phúc, nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[5] Theo bản dịch cũ.

Tháng 9, ngày mồng 10, cháy lớn ở chợ Đông, phố xá bị thiêu trụi.

Mùa đông, tháng 12, ngày mồng 3, lấy Lễ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên kiêm việc Hàn lâm viện.

Năm nay, trước thì đại hạn, sau lại nước to, núi Tản Viên và núi Tam Đảo bị lở.

[34b] Giáp Tý, [Cảnh Thống] năm thứ 7 [1504] (Từ tháng 6 về sau là Túc Tông, Thái Trinh năm thứ 1; Minh Hoằng Trị năm thứ 17). Mùa xuân, tháng giêng, xuống chiếu rằng: Kể từ nay, sẽ tăng cường các việc xây dựng trong cung tường, dự định xây cất thêm lăng miếu và nhà giải vũ.

Tháng 2, vua ngự về Tây Kinh.

Mùa hạ, tháng 4, vua ngự về Lam Sơn. Khi xa giá trở về cung, bị ốm.

Tháng 5, ngày 23, vua vì ham nữ sắc, bị bệnh nặng, khi sắp băng, di mệnh cho hoàng thái tử lên nối ngôi. Ngày 24, vua băng ở điện Đồ Trị.

Trước kia, vua xây các điện Thượng Dương, Giám Trị, Đồ Trị, Trường Sinh, nơi để nghỉ ngơi, điện để đọc sách và ăn chay. Lại dựng điện Lưu Bôi ở trong cung (đưa nước vào trước thềm điện, gọi là đài Lưu Bôi). Vua tự xưng là Thượng Dương động chủ, sinh được 6 hoàng tử, con trưởng là An Vương Tuân, con thứ hai là Uy Mục Đế Tuấn, con thứ ba là Tự Hoàng Thuần[1], con thứ tư là Thông Vương Dung, **[35a]** con thứ năm là Minh Vương Trị, con thứ sáu là Tư Vương Dưỡng.

Tháng 6, ngày mồng 6, Trung quân đô đốc phủ tạ đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Nam quân đô đốc phủ tả đô đốc phò mã đô uý Lâm Hoài bá Lê Đạt Chiêu cùng các quan phò mã, các quan Ngũ phủ, Lục bộ, Đông các, Hàn lâm viện, Lục tự, khoa, đài đến điện Hoàng Cực rước thái tử Thuần lên ngôi. Đại xá, đổi niên hiệu, lấy năm này làm năm Thái Trinh thứ 1.

> Hiến Tông ưa chuộng văn học, giữ vững cơ đồ, tiết kiệm tiêu dùng, thận trọng hình phạt, sửa chính sự, dùng người hiền, kính trời chăm dân, cũng là bậc vua hiền mà ở ngôi không lâu, tiếc thay!
>
> Vũ Quỳnh nói: Vua có tư thế của bậc đế vương, mũi cao, mặt rồng, thần sắc khác thường, **[35b]** Thánh Tông rất yêu quý ngài. Vua đặc biệt anh minh, thông duệ, vượt hơn hẳn mọi người, mà nhân từ, hoà dịu, không hề tỏ vẻ nghiêm khắc. Khi tan chầu lui vào, thường cho dẫn sĩ đại phu tới, hỏi han về việc hay dở, được mất của chính sự, dùng lời nói dịu dàng, nét mặt tươi vui để dẫn dắt cho họ nói ra. Cho nên vua biết rõ tình cảnh người bên dưới, gạt bỏ sự che đậy giấu giếm. Bề tôi có lỗi lầm gì, chỉ răn bảo, quở trách nhẹ nhàng, không nỡ đánh roi làm nhục; biết cách sắp đặt nên nhàn hạ ung dung, chưa bao giờ to tiếng, giận dữ mà thiên hạ đều răm rắp tuân theo. Vua thường nói: Thánh Tổ ta gây dựng đất nước, vua cha ta sửa trong, dẹp ngoài, quy mô đã định, ta không có việc gì phải thay đổi bày đặt, chỉ tuân giữ phép cũ, mở rộng và phát huy thêm, để tỏ rõ công đức của ông cha mà thôi!

Túc Tông Khâm Hoàng Đế

Tên huý là Thuần ____ lại huý là Thuần ____, là con thứ ba của Hiến Tông, ở ngôi chưa đầy một năm, thọ 17 tuổi thì băng, táng ở Kính Lăng. [36a] Vua dốc chí hiếu học, thân người hiền, vui việc thiện, xứng đáng là vị vua giỏi giữ cơ nghiệp thái bình, không may mất sớm, tiếc thay!

---

[1] Tức là vua Túc Tông, nối ngôi Hiến Tông.

Mẹ ngài là Trang Thuận hoàng thái hậu Nguyễn thị, huý là Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 8, ngày mồng 1[1] sinh vua. Năm Cảnh Thống thứ 2 [1499], tháng 3 được lập làm Hoàng thái tử. Đến khi Hiến Tông băng, liền lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Thái Trinh, lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết, tự xưng là Tự Hoàng, sau được truy dâng tôn thuỵ, miếu hiệu là Túc Tông.

Vua lên ngôi, xưng là Tự Hoàng, làm lễ cáo trời đất tông miếu. Tôn tổ mẫu Trường lạc hoàng thái hậu là Thái hoàng thái hậu.

Mùa thu, tháng 7, bọn Quách Hữu Nghiêm vâng mệnh đi sứ nhà Minh trở về.

Tháng 8, ngày mồng 1, **[36b]** lấy ngày sinh làm Thiên minh thánh tiết.

Tháng này, có sao Chổi mọc ở phương tây bắc.

Tháng 9, ngày mồng 8, kính mang bảo sách dân tên thuỵ cho Đại Hành Hoàng Đế là Thể Thiên Ngưng Đạo Mậu Đức Chí Chiêu Văn Thiệu Vũ Tuyên Triết Khâm Thành Chương Hiếu Duệ Hoàng Đế, miếu hiệu là Hiến Tông. Tôn bà quý phi sinh ra vua làm Trung Thuận Minh Ý Hoàng Thái Hậu[2].

Bọn phản nghịch Đoàn Thế Nùng bị giết. Bấy giờ, Thế Nùng làm phản ở Cao Bằng, bị bắt cùng với bè đảng hơn 500 người, đều bị giết.

Mùa đông, tháng 10, ngày giáp thìn 18, đưa linh cữu của Hiến Tông về Tây Kinh.

Tháng 11, ngày mồng 8, đưa táng Hiến Tông ở Dụ Lăng. Lễ bộ xét lệ cũ, tâu xin dựng bia. Vua y lời tâu, bèn sai văn thần là bọn Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí **[37a]** Sâm soạn văn bia.

Sai sứ sang nhà Minh. Bọn Lại bộ thị lang Đặng Tán, Kiểm thảo Khuất Quỳnh Cửu, Hộ khoa đô cấp sự trung Lưu Quang Phụ đi tuế cống; bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Lân, Giám sát ngự sử Nguyễn Kính Nghiêm đi báo tang; bọn Lễ bộ hữu thị lang Nguyễn Bảo Khuê, Đông các hiệu thư Trần Viết Lương, Hiệu thư Vũ Châu đi cầu phong[3].

Tháng này, ngày mồng 8, vua không khoẻ. Khi vua mới lên ngôi, tha tù nhân, thả cung nữ, ngừng những việc không cần kíp, giảm những việc nặng nhọc, bớt đồ dâng cống, giảm nhẹ lực dịch, dùng bề tôi cũ có công, nắm giữ mọi uy quyền; hạn chế, răn đe thế lực họ ngoại, dốc lòng thương yêu các vị thân vương, mọi việc sửa sang nghiệp lớn, dựng đặt gốc lớn, không điều gì không đến nơi đến chốn. Thần dân trong nước đều chăm chú dõi nhìn chính sự buổi đầu, cho rằng ngày nay lại được trông thấy đời thịnh trị của Thành, Khang, Văn, Cảnh[4].

[37b] Tháng 12, ngày Nhâm Tuất mồng 6, vua sắc dụ triều thần là bọn Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Cống Xuyên bá Lê Năng Nhượng, và các quan văn võ rằng: Bệnh trẫm chưa khỏi, lo rằng việc phó thác nặng nề e sẽ không kham nổi. Con thứ hai của Tiên hoàng đế là Tuấn, là người hiển minh, nhân hiếu, có thể nối được ngôi chính thống, để thừa kế tổ tông, vỗ về thân dân. Đại thần và các quan hãy hết lòng trung trinh để giúp nên nghiệp lớn; thân vương nào dám tiếm vượt ngôi trời thì người trong nước cùng nhau giết đi.

Ngày Quý Hợi, mồng 7, vua ốm nặng; ngày Giáp Tý mồng 8, vua băng ở điện Hoàng Cực, có di chiếu cho các quan để tang theo đúng lễ cổ.

---

[1] Bản dịch cũ ghi là ngày mồng 3.

[2] Tức bà Nguyễn Thị Hoàn, người làng Bình Lăng, huyện Thiên Thi (nay là huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng).

[3] Đặng Tán: người xã Mạo Bồ, huyện Sơn Vi (sau là Lâm Thao; nay thuộc huyện Phong Châu, Vĩnh Phú) đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). Khuất Quỳnh Cửu: người xã Lôi Trạch, huyện Thạch Thất (nay thuộc Hà Nội). Trần Viết Lương (Cương mục ghi là Trần Bá Lương): người xã Lê Xá, huyện Nghi Dương (sau là huyện Kiến Thuỵ, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng). Quỳnh Cửu và Viết Lương đều đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499). Nguyễn Bảo Khuê: người xã Lý Hải, huyện Yên Lăng (nay là huyện Mê Linh, Hà Nội), đỗ tiến sĩ khoa Đinh Mùi (1487). Vũ Châu: người xã Dị Sử, huyện Đương Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Hưng) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) (theo CMCB25).

[4] Thành là Thành vương nhà Chu, Khang là Khang Vương nhà Chu, Văn là Văn Đế nhà Hán, Cảnh là Cảnh Đế nhà Hán.

Ngày Giáp Tuất 18, Trung quân đô đốc phủ tả đô đốc Bình Sơn hầu Lê Quảng Độ, Tông nhân lệnh Tự ân sứ Lê Năng Nhượng **[38a]** cùng các công, hầu, bá, phò mã, đô uý, các quan năm phủ, sáu bộ, Ngự sử đài, Đông các, Hàn lâm, Lục tự, Lục khoa, đề hình các quan 13 đạo, đến điện Hương Minh kính đón con thứ hai của Hiến Tông là Tuấn lên ngôi Hoàng đế. Đại xá, đổi niên hiệu lấy sang năm là năm Đoan Khánh thứ 1.

Bấy giờ, Nguyễn Bảo Khuê sang sứ nhà Minh chưa qua cửa ải, lại sửa đổi tờ biểu cầu phong khác giao cho Bảo Khuê mang đi.

Bấy giờ, ban chiếu đại xá cả nước. Trong chiếu có một điều là người đỗ khoa tiến sĩ chưa được bổ dụng mà ốm chết thì cho con cháu được tập ấm như lệ của các quan viên, và các thí quan nhập lưu thì cho 1 con trai được nhiêu miễn, chỉ tuyển 1 con trai làm tráng đinh thôi.

Ngày 25, định lệ làm điếm trực canh ngoài cửa Ngũ Thành. Có sắc chỉ rằng: Ở ngoài cửa Ngũ Thành, các vệ Hiệu lực, Thần **[38b]** vũ, Điện tiền, phải làm hai dãy nhà ngói, mỗi dãy 7 gian. Hàng ngày, đơn vị giữ cửa dùng 1 người ra điếm trực để xét hỏi người qua lại, các nhân viên túc thanh của vệ Cẩm y cũng phải ở đó. Ban đêm, nội thần phải ở trong cửa đài. Còn mỗi dãy nhà thì dùng 2 viên quan, 20 lính, 50 chiếc mộc, 5 cây thủ tiễn của các vệ Thần vũ, Điện tiền, Hiệu lực để túc trực theo như pháp lệnh.

Ngày 26, có sắc chỉ định lệ làm gióng gỗ ở ngoài điếm quân của năm phủ. Nếu điếm ở ngoài thì ở chỗ các điếm cách nhau đều phải làm gióng gỗ, cột gióng phải to, mỗi điếm dùng 5 câu liêm có đầu nhọn, trên đầu cũng có nóc, để ở hai đầu điếm để canh giữ. Quan viên và binh lính đều phải trực ở điếm, không được sai phái đi làm việc khác.

[39a] Uy Mục Đế

Tên huý là Tuấn, lại huý là Huyên, là con thứ hai của Hiến Tông, anh thứ của Túc Tông, ở ngôi 5 năm, thọ 22 tuổi, bị Giản Tu công Dinh[1] đuổi đi, rồi sau bị hại, chôn ở An Lăng. Vua nghiện rượu, hiếu sát, hoang dâm, thích ra oai, tàn hại người tông thất, giết ngầm tổ mẫu, họ ngoại hoành hành, trăm họ oán giận, người bấy giờ gọi là Quỷ vương, điềm loạn đã xuất hiện từ đấy.

Mẹ vua là Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn thị, huý là Cận, người làng Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn, lúc bé mồ côi cha, nhà nghèo, tự bán mình cho người ở phủ Phụng Thiên, sau nhà ấy có tội, Nguyễn thị bị tịch thu sung làm quan tỳ, do đó được vào hầu Quản Ninh hoàng hậu[2]. Khi Hiến Tông còn làm thái tử, thấy có sắc đẹp thì ưa, lấy vào làm phi. Năm Hồng Đức thứ 19 [1488] tháng 5, ngày mồng 5, giờ Tý sinh ra vua. Năm Thái Trinh thứ 1 [1504], Túc Tông băng, không có con nối, mẹ thứ là Kính phi Nguyễn thị[3] mưu lập vua ở trong cung cấm, bèn lên ngôi hoàng đế. Đại **[39b]** xá, đổi niên hiệu, lấy ngày sinh là Thiên khánh thánh tiết, tự xưng là Quỳnh Đô động chủ.

Ất Sửu, Đoan Khánh năm thứ 1 [1505], (Minh Hoằng Trị năm thứ 18). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Ngày 21, xuống chiếu cho quan viên và dân chúng ở thừa tuyên các xứ rằng: Việc lớn thì dùng giấy đại phương, việc nhỏ thì dùng giấy tiểu phương. Chúc thư, văn khế thì dùng giấy đại, không được quen dùng giấy phương như trước. Hạn cho một tháng đều phải theo lệnh mới. Nếu quan viên và dân chúng vẫn làm chúc thư, văn khế bằng giấy phương thì cho người trong họ và tộc trưởng họ ấy cáo giác,

---

[1] Cũng đọc là Oanh.

[2] Quản Ninh: dịch theo nguyên văn. Theo chú thích của bản dịch cũ thì chữ này là Vĩnh Ninh bị chép lầm, vì Trường Lạc hoàng thái hậu khi còn làm sung nghi thì ở cung Vĩnh Ninh, khi Hiến Tông lên ngôi, tôn làm hoàng thái hậu mới ở cung Trường Lạc.

[3] Nguyễn Kính phi: người xã Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường, nay là huyện Thuỷ Nguyên, Hải Phòng (theo Cương mục)

nếu xét nghiệm đúng sự thực thì xử là không có giá trị, người bán mất phần của mình, người mua mất số tiền bỏ ra, chúc thư và văn khế đều vô dụng.

Tháng 2, ngày Giáp Tuất 16, dâng tôn thuỵ cho Đại Hành Hoàng Đế là Chiêu Nghĩa Hiển Nhân Ôn Cung Uyên Mặc Hiếu Doãn Cung Khâm Hoàng Đế, miếu hiệu là Túc **[40a]** Tông.

Ngày Bính Tý 18, truy tôn mẹ đẻ Nguyễn thị làm Chiêu Nhân Hoằng Ý hoàng thái hậu.

Thi Hội các cử nhân trong nước, lấy đỗ bọn Lê Nại (người làng Mộ Trạch, huyện Đường An) 55 người. Thi Đình cho bọn Lê Nại, Bùi Doãn Văn, Trần Phỉ (người làng Chi Nê, huyện Chương Đức, con là Trần Khải) 3 ngày đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Tiếu Tượng, Trần Lỗi 16 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đôn Thục, Nguyễn Tư 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 3, linh cữu củ Túc Tông Hoàng Đế đưa về Tây Kinh. Ngày Quý Mão, táng ở Kính Lăng. Lễ quan tâu xin dựng bia, vua y lời tâu, sai bọn Đàm Văn Lễ, Nguyễn Nhân Thiếp, Phạm Thịnh, Trình Chí Sâm soạn văn bia.

Ngày 22, Thái hoàng thái hậu Nguyễn thị thình lình băng ở chính tẩm điện Trường Lạc, thọ **[40b]** 65 tuổi. Trước đây, khi Túc Tông băng không có con nối, nội thần Nguyễn Nhữ Vi định lập vua, Thái Thánh Tông cho rằng vua là con người tỳ thiếp, không thể nối được đạo thống, khăng khăng đòi lập Lữ Khôi Vương. Bấy giờ Nhữ Vi liền đóng các cửa thành lại lập vua lên. Thái hậu có vua đã được lập rồi, có ý không vui. Sau vua liền sai quan hầu cận ngầm giết Thái hậu rồi nghỉ chầu 7 ngày.

Ngày 27, rước thần chủ của mẹ là Chiêu Nhân Hoằng Ý hoàng thái hậu thờ vào cung Minh Đức nhà Thái Miếu ở Đông Kinh.

Tháng này, người ở châu nước ngoài tràn vào tranh ruộng ở cửa ải Na Nham.

Vua sai Đan Khê bá Trịnh Hựu đi kinh lý ở vùng Minh Quang, dựng quan ải rồi trở về.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, truy tôn thuỵ hiệu cho tổ mẫu là Huy Gia Tĩnh Mục Ôn Cung như Thuận Thái hoàng thái hậu.

[41a] Vua dựng điện Chân Nguyên, làm Bảo Thuỵ đường ở hương Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn[1], làm Tuyên Dự đường ở hương Hoa Lăng, huyện Thuỷ Đường[2]. Lại làm điện Quang Mỹ ở phường Lệ Viên, huyện Quảng Đức[3] để thờ tiên tổ của Thái hoàng thái hậu.

Tháng 5, ngày mồng 7, vua Hiến Tông nhà Minh băng, thay hiệu là Kính Hoàng Đế.

Ngày 13, sai Trịnh Hựu đi công cán ở Tuyên Quang.

Ngày 25, lấy ngày sinh làm Thiên khánh thánh tiết.

Ngày 28, hoàng thái tử nhà Minh là Hậu Chiếu lên ngôi hoàng đế, đổi niên hiệu là Chính Đức (tức là Vũ Tông).

Lấy Dương Trực Nguyên làm Hộ bộ tả thị lang kiêm coi Chiêu Văn quán.

Tháng 6, ngày mồng 5, biếm bọn Lễ bộ thượng thư Đàm Văn Lễ, Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Quang Bật vào Quảng Nam, rồi giết đi.

Trước đây, khi Hiến Tông nằm giường bệnh, mẹ sinh ra vua, **[41b]** Chiêu Nhân hoàng hậu là ty thiếp được Hiến Tông yêu, sinh ra vua nhưng mất sớm. Mẹ thứ là Kính phi không có con trai, nuôi làm con mình, có ý lập làm vua, sợ các đại thần không theo, đem vàng đút lót, nhưng Văn Lễ không nhận.

---

[1] Hương Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn là quê hương của Chiêu Nhân hoàng thái hậu Nguyễn Thị Cận, mẹ đẻ của Uy Mục Đế.

[2] Tuyên Dự đường để thờ tiên tổ Nguyễn Kính phi, có công nuôi Uy Mục Đế, sau lại cùng với Nhữ Vi đưa vua lên ngôi. Hương Hoa Lăng là quê hương của Nguyễn Kính phi.

[3] Huyện Quảng Đức sau là huyện Vĩnh Thuận, thuộc phủ Phụng Thiên, nay thuộc Hà Nội.

Đến khi Hiến Tông ốm nặng, Văn Lễ và Quang Bật nhận di chiếu phụ tá hoàng thái tử nối ngôi. Bấy giờ, các thân vương tranh nhau đòi lập, Văn Lễ sợ xảy tai biến trong lúc bối rối, mới vào tẩm điện lấy ấn báu truyền quốc đem về nhà, rồi cùng các đại thần văn võ lập Túc Tông lên ngôi hoàng đế. Vua [Uy Mục] căm giận lắm. Đến đây, dùng mưu của Khương Chủng, Nguyễn Nhữ Vi biếm hai người làm Thừa tuyên sứ Quảng Nam. Khi họ đến sông lớn huyện Chân Phúc[1], vua sai người đuổi theo bắt phải tự tử. Hai người khi sắp gieo mình xuống nước, ngâm thơ quốc ngữ rồi mới mất. Sau đình thần trong bụng ai cũng biết là hai người chết không đáng tội, can vua, vua đổ tội cho Nhữ **[42a]** Vi rồi giết y.

Lấy Lê Tung làm Thừa tuyên sứ Thanh Hoa.

Khởi phục[2] Ngô Hoán làm Hiến sát sứ Thanh Hoa. Hoán trước đây bị sung quân[3], sau lại thi đỗ sinh đồ, đến đây được bổ dụng lại.

Bính Dần, [Đoan Khánh] năm thứ 2 [1506], (Minh Vũ Tông Chính Đức năm thứ 1). Mùa xuân, trước đây, viên quản lĩnh họ Trần người làm Nhân Mục[4] vốn là cháu ngoại của [một ông vua] triều Trần sinh được 2 người con gái, con trưởng tên là Tùng, con thứ tên là Trúc. Vua nghe nói Tùng có sắc đẹp, chọn vào hậu cung, sinh được hoàng tử nhưng mất sớm. Sau Trúc cũng được vào hầu[5].

Tháng 2, tuyển hoàng đinh.

Truất Phạm Khiêm Bính làm hiết sát sứ Hải Dương. Bấy giờ, Khiêm Bính phạm tội cùng với Lê Sạn khắc đá làm bia, bị quan trong triều tâu hoặc nên phải truất.

Triệu viên Trị huyện Phụ Dực Nguyễn Quý Nhã về làm Đề hình giám sát ngự sử. Trước đây **[42b]** Quý Nhã làm bài ứng chế lạc vần bị truất. Đến đây triệu về bổ dụng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 13, khởi phục Đỗ Nhân là Lễ bộ hữu thị lang, Hàn lâm viện thị độc, Tham chưởng Hàn lâm viện sự, vì Nhân về nghỉ tang mẹ vừa hết trở.

Mùa đông, tháng 12, ngày 12, sai Binh bộ thượng thư Nguyễn Quang Mỹ, Lại khoa đô cấp sự trung Nguyễn Tịnh[6], Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Trọng Quỳ[7] làm đề điệu; giám thí, giám khảo để khảo thi các quân sắc và nhân dân các môn viết chữ và làm tính ở sân điện Giảng.

Đổi lại quân hiệu từ chức dũng sĩ phó quân trở xuống.

[43a] Đinh Mão, [Đoan Khánh] năm thứ 3 [1507], (Minh Chính Đức năm thứ 2). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 9, nhà Minh sai chính sứ là Hàn lâm viện biên tu Tăng Đạc, phó sứ là Lại khoa hữu[8] cấp sự trung Trương Hoằng Chí sang báo việc [Vũ Tông nhà Minh] lên ngôi và ban cho vóc lụa.

Lấy Nguyễn Xao làm Thừa tuyên sứ Hải Dương. Trước đây, Nguyễn Xao vâng mệnh đi sứ phương Bắc, có mua được cái gối của phương Bắc rất đẹp, không đem dâng tiến lên, bị xá nhân tâu lên, phải bãi chức về nhà, đến đây, mới được bổ dụng. Sau Xao chết ở nhiệm sở.

---

[1] Huyện Chân Phúc: nay là huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ Tĩnh. Sông lớn ở đây tức là sông Lam.

[2] Khởi phục: tức là "dùng lại", khi viên quan nào trước bị bãi chức, hoặc nghỉ việc về nhà, sau lại gọi ra bổ dụng thì gọi là khởi phục.

[3] Ngô Hoán đỗ tiến sĩ đời Hồng Đức, thời Hiến Tông làm Đông các hiệu thư, vì can tội đem việc trong triều nói cho người ngoài biết, bị bãi chức sung quân. Năm Cảnh Thống thứ 4 (1501) Hoán lại thi đỗ sinh đồ.

[4] Làng Nhân Mục: tức làng Mục, nay thuộc ngoại thành H à Nội. Nguyên văn là "Nhân Mục môn".

[5] Cương mục: Ghi sự kiện này như sau: Tháng giêng, mùa xuân, lập Trần thị làm hoàng hậu (xem CMCB 25, 22).

[6] Nguyễn Tịnh: người xã Vân Xá, huyện Lạng Tài, nay là huyện Gia Lương, tỉnh Hà Bắc, đỗ đồng tiến sĩ khoa Quý Sửu (1493) đời Hồng Đức.

[7] Cương mục: chép là Nguyễn Trọng Đạt (xem CMCB 25, 23).

[8] Bản dịch cũ và Cương mục đều không có chữ "hữu" này.

Tháng giêng nhuận, nhà Minh sai Hành nhân ty hành nhân Hà Lộ sang làm lễ viếng Hiến Tông Duệ Hoàng Đế, lại sai chánh sứ là Hàn lâm viện biên tu Thẩm Đào, phó sứ là Công khoa tả[1] cấp sự trung Hứa Thiên Tích mang chiếu thư sang phong vua làm An Nam Quốc Vương, **[43b]** lại ban một bộ mũ áo quan võ bằng da và một bộ thường phục. Thiên Tích thấy tướng vua, đề thơ rằng:

An Nam tứ bách vận vưu trường
Thiên ý như hà giang quỷ vương?
(Vận nước An Nam bốn trăm năm rất dài,
Không biết lòng trời như thế nào lại giáng sinh ông vua quỷ sứ).

Phúc khảo 144 người về môn viết chữ và làm tính, người đỗ là bọn Nguyễn Tử Kỳ 25 người được sung làm Hoa văn học sinh.

Đặt thêm ty Cường lực[2].

Tri phủ Nguyễn Chí bị thân nhân của bọn ngoại thích Khương Chủng[3] đánh chết lại sống lại. Trước đây, thời Hiến Tông, Chí làm Trung thư giám chính sự, sau khi thi Hội trúng trường, vì là người huyện Đông Ngàn, quê ngoại của vua nên được bổ làm Thiếu doãn phủ Phụng Thiên, sau làm Tri phủ phủ Phú Bình[4]. Chí là người cứng cỏi bất khuất. Thân nhân của Khương Chủng là Nguyễn Trọng bắt Chí giam vào ngục của ty Đình uý rồi đánh chết, vứt xác ra ngoại thành. Con cháu lấy chiếu bó xác lại đem về định chôn, bỗng nhiên Chí sống lại. Sau đó, phải ẩn náu ở nhà con em, ban ngày ở dưới hang, ban đêm **[44a]** ngủ trên cây. Vợ con lấy hài cốt của người khác đem chôn, rồi làm chay theo như lễ để tang, đã qua 3 năm mà hàng xóm không ai biết cả. Đến năm Kỷ Tỵ đời Hồng Thuận, quân khởi nghĩa nổi dậy[5], Chí đến cửa khuyết trình bày, được cho vào làm Bí thư xá nhân và được ban tên hiệu là Hoàng Sinh. Thời Nguỵ Mạc, làm quan đến tri phủ các phủ Nghĩa Hưng[6] và Cao Bằng. Tháng 3, vua bái yết Tây Kinh. Ngày Mậu Tuất 24, vua từ Tây Kinh trở về, đóng dinh ở hành điện Xuân Đỗ, thân hành ngự điện Chân Nguyên, đi xem xét phúc địa.

Lấy Nguyễn Thì Ung làm Thừa tuyên xứ Thanh Hoa.

Mùa đông tháng 11, sai sứ sang nhà Minh. Bọn Hộ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên, Đông các hiệu thư Chu Tống Văn[7] và Hàn Lâm viện kiểm thảo Đình Thuận[8] mừng Vũ Tông lên ngôi; **[44b]** Lương Khản tạ ơn ban vóc lụa; Hồng lô tự thiếu khanh Nguyễn Thuyên dâng hương; bọn Công bộ hữu thị lang Nguyễn Thọ, Hàn lâm viện kiểm thảo Doãn Mậu Khôi[9], Hộ khoa cấp sự trung Lê Đĩnh Chi[10] tạ ơn sang viếng; bọn Thừa tuyên xứ Thanh Hoa Lê Tung, Hàn lâm viện kiểm thảo Đinh Trinh, Giám sát ngự sử Lê

---

[1] Bản dịch cũ và Cương mục đều không có chữ "tả" này.

[2] Ty Cường lực: sau khi định lại các quân hiệu, bãi bỏ chức phó quân thì đặt thêm ty này.

[3] Khương Chủng: là người cùng phe cánh với họ hàng của Nguyễn thái hậu, người xã Phù Chẩn, huyện Đông Ngàn (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc).

[4] Phủ Phú Bình: phủ thời Lê, gồm đất huyện Phú Bình, Phổ Yên, Đông Hỷ, Đại Từ, Phú Lương, Võ Nhai tỉnh Bắc Thái và một phần đất huyện Sóc Sơn, Hà Nội ngày nay.

[5] Chỉ cuộc khởi nghĩa của Giản Tu công Oanh (tức là Tương Dực Đế sau này) vào năm 1509.

[6] Phủ Nghĩa Hưng: phủ thời Lê, gồm đất các huyện Vụ Bản. Nghĩa Hương, Ý Yên tỉnh Nam Hà hiện nay.

[7] Chu Tống Văn: người xã Đa Sĩ, huyện Đường Hào (nay thuộc huyện Mỹ Văn, Hải Dương), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[8] Đinh Thuận: người xã An Dương, huyện Tây Lang (nay thuộc đất huyện Đoan Hùng, Vĩnh Phú), đỗ đồng tiến sĩ năm 1499.

[9] Doãn Mậu Khôi: người xã An Duyên, huyện Thượng Phúc, nay thuộc huyện Thường Tín, Hà Tây.

[10] Lê Đĩnh Chi: người xã Lạc Sơn, huyện Lập Thạch, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

Hiếu Trung[1] tạ ơn sách phong; bọn Tham nghị Nghệ An Lê Uyên, Hàn lâm viện hiệu lý Ngô Tuy[2], Giám sát ngự sử Hoàng Nhạc[3] đi tuế cống.

Mậu Thìn, [Đoan Khánh] năm thứ 4 [1508], (Minh Chính Đức năm thứ 3). Mùa xuân, tháng 2, thì Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đỗ Dung (Dung người huyện Thư Trì, thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân) 54 người. Đến kỳ thi đình cho bọn Nguyễn Giản Thanh, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Hữu Nghiêm 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Trần Tông 15 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Nghĩa Thọ **[45a]** 36 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Lấy Nguyễn Bá Tuấn làm Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa, Nguyễn Trung làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Tháng 3, ngày mồng 4, có chiếu rằng: Các đô lại, đề lại và các lại thay phiên nhau ở nha môn trong ngoài nếu có khuyết thì Lại bộ chiếu theo lệ đời Hồng Đức, kê khai họ tên người đáng được bổ sung, làm bản danh sách gửi lên Lại khao, sao gửi cho Lại bộ chuyển gửi cho các nha môn tuân hành.

Lấy Mạc Đăng Dung làm Thiên vũ vệ[4] đô chỉ huy sứ ty đô chỉ huy sứ.

Đăng Dung là người xã Cao Đôi[5], huyện Bình Hà (tức là xã Long Động, huyện Chí Linh), tiên tổ Đăng Dung là Mạc Đĩnh Chi, Trạng nguyên triều Trần, làm quan đến Tả bộc xạ. Đĩnh Chi sinh ra Cao[6], Cao sinh ra Thuý[7], Thuý sinh ra Tung, dời sang ở xã Lan Khê, huyện Thanh Hà[8] rồi sinh ra Bình, Bình lại dời sang xã Cổ Trai, huyện Nghi Dương[9] **[45b]** rồi trú tại đó. Bình sinh ra Hịch, Hịch lấy con gái trưởng của Đặng Xuân người cùng xã, sinh được ba con trai, con trưởng là Đăng Dung, con thứ là Đốc Tín, con út là Quyết. Đăng Dung có sức khoẻ, vì đỗ võ cử, được sung vào quân túc vệ, đến đây phong cho chức này.

Mùa hạ, tháng 6, lấy Đỗ Nhuận làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Hộ bộ tả thị lang Dương Trực Nguyên từ nhà Minh trở về, vua ban hốt ngà và đai bạc cho ông.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 4, giam Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Nhân vào ngục của ty Đình uý. Nhân vì tâu việc trái ý vua phải giam vào ngục, sau lại được tha.

Người nước Hắc La La[10] xâm nhập cửa ải Chu Thôn Điền[11]. Vua sai Bắc quân đô đốc phủ Trần Thúc Mại làm Hữu du kích dinh Phó tướng, Phạm Nhất Ngạc làm Ký lục đi trước, **[46a]** sai Mỹ quận công Lê Quýnh làm Chinh Man tướng quân, mang ấn Chinh Man tướng quân, Đan Khê bá Trịnh Hựu làm phó

---

[1] Lê Hiếu Trung: CMCB 25, chép là Lê Trung Hiền, người xã Chi Nê, huyện Chương Đức (nay thuộc Hà Tây), đỗ đồng tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống, làm quan đến Quốc tử giám tư nghiệp. Khoảng giữa năm Quang Thiệu, Trịnh Tuy bắt cóc Lê Chiêu Tông vào Thanh Hoa, Trung Hiếu không chịu khuất mà chết.

[2] Ngô Tuy: người xã Tông Tranh, huyện Đường Yên (nay thuộc huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), đỗ đồng tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[3] Hoàng Nhạc: người xã Hoàng Xá, huyện Đông Thành (nay là Yên Thành, Nghệ An), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[4] Thiên vũ vệ: Xem Canh Ngọ, năm Hồng Thuận thứ 2 (1510), "đặt hai vệ Thiên vũ và Thánh oai, ban thứ ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô".

[5] CMCB 25, 26 chép là xã Đông Cao.

[6] Cương mục chép là Dao.

[7] Cương mục chép là Tuý.

[8] Huyện Thanh Hà: sau thuộc phủ Nam Sách nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

[9] Huyện Nghi Dương: sau là huyện Kiến Thuỵ, nay thuộc đất huyện Kiến An, thành phố Hải Phòng.

[10] Nước Hắc La La: là vương quốc của người Lô Lô ở vùng Vân Nam, Trung Quốc bấy giờ.

[11] Cương mục chép là Chu quan. Cửa ải Chu Thôn Điền ở châu Thuỷ Vĩ, xứ Hưng Hoá.

đề lĩnh đem quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền và quân các phủ Trung, Đông, Tây, Nam, Bắc chia thành 6 dinh, mỗi dinh 1 vạn người, lấy 3 nghìn người chở lương thực, đi đánh Hắc La La. Đến địa phận Chu Thôn Điền liền dựng cột mốc địa giới, rồi sai bọn Quýnh đi kinh lý các vùng Thuỷ Vĩ[1], Chu Quan xứ Thuận Hoá[2] để tu sửa quan ải.

Kỷ Tỵ, [Đoan Khánh] năm thứ 5 [1509], (Từ tháng 12 trở về sau là Tương Dực Đế Hồng Thuận năm thứ 1; Minh Chính Đức năm thứ 4). Mùa xuân, tháng 2, vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

Quai chuông lớn Càn Nguyên ở điện Kính Thiên bị gãy, chuông rơi.

Lấy Nguyễn Thừa Nghiệp kiêm chức Tông nhân lệnh ở phủ Tông Nhân, Con là Mô coi cả quân túc vệ.

Tháng 3, ra lệnh cho bọn Chinh Man tướng quân Lê Quýnh và Trịnh Hựu đem quân về.

Vua **[46b]** tính ưa vũ dũng, nhân khi đi tế Giao trở về cung, cưỡi trên đầu voi Viện Vân vào cửa Đông Hoa. Hạ lệnh cho các ty năm phủ đem voi công vào trước mặt vua để lựa chọn và kê khai voi công của các trấn đem về kinh sư chọn làm voi ngự để bổ sung cho các vệ.

Bấy giờ Nội thần mới đặt, có chức Phi vũ ty lực sĩ nội sứ, lấy Nguyễn Tông làm Phi vũ ty đô phi vũ lực sĩ nội sứ túc trực ở cung Đoan Khang như lệ Đô lực sĩ túc trực ở điện Kim Quang, đội mũ bạc, cánh mũ thêu phượng vàng, có đuôi bằng lông đỏ; lấy Nguyễn Công Luận làm Phi vũ ty phi vũ lực sĩ nội sứ, đội mũ thuỷ ngân, có lông đỏ[3].

Đặt chức Cung môn thừa chế giám, như tư lễ giám, hai ty Ngự trong, Ngự mã.

Đặt chức Ngự tượng giám, Ngự mã giám. Ngự tượng đái đao nội sứ thì đội mũ thuỷ ngân, vẽ hoa quỳ vàng. Ngự **[47a]** mã đội mũ thuỷ ngân vẽ hoa quỳ đỏ.

Hai giám ngự mã, ngự tượng đấu sức với nhau, cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu, vua lấy làm thích, thưởng cho tiền và lụa[4].

Từ khi lên ngôi, vua đêm nào cũng cùng cung nhân vui đùa uống rượu vô độ.

Khi rượu say liền giết cả cung nhân.

Bấy giờ, uy quyền thuộc về họ ngoại, phía đông thì làng Hoa Lăng[5] (quê của cha nuôi), phía tây thì làng Nhân Mục (quê của vợ vua), phía bắc thì làng Phù Chẩn (quê của mẹ vua) đều chuyên cậy quyền thế, vùi dập các quan, kẻ thì vì ý riêng mà giết hại sinh dân, kẻ thì dùng ngón kín mà yêu sách tiền của, mọi thứ súc vật, hoa màu của dân, chúng đều cướp đoạt cả, nhà nào có đồ lạ, vật quý, chúng đánh dấu chữ vào và đòi lấy. Muôn dân ta oán mà vua vẫn không chừa, lại mang lòng ngờ vực, đố kỵ. Các quan người nào ngày trước không lập mình, thì thường giết đi. Lại **[47b]** ngầm sai nội nhân Nguyễn Đình Khoa dò xét cả 26 vương là các chú và anh em của vua. Trong đó, Kinh Vương là chú đã chạy trốn không biết đi đâu, chỉ có Giản Tu công là con chú bác bị giam vào ngục trốn thoát được. Do vậy, mọi người đều cảm thấy nguy đến thân mình, càng nghĩ đến việc nổi loạn.

Sai bọn Đô đốc Bảo Lộc bá Lê Tử Vân và Vũ Cảnh đi kinh lý vùng Quảng Nam.

Trước đây, năm Hồng Đức thứ 1, Thánh Tông thân hành đi đánh Chiêm Thành bắt được Trà Toại và vợ con nó đem về nước ta an trí ở ngoài cửa Bảo Khánh gần 30 năm. Đến thời Cảnh Thống, con

---

[1] Thuỷ Vĩ: tên châu thời Lê, gồm toàn bộ đất tỉnh Lào Cai bây giờ.

[2] Nên sửa lại là xứ Hưng Hoá. Xứ Hưng Hoá là vùng đất rộng lớn, bao gồm phần đất tỉnh Lao Cai cũ. Ở đó mới có châu Thuỷ Vĩ và Chu Quan.

[3] CMCB 15, 28: Phi vũ ty gồm có 100 lực sĩ, phụng mệnh túc trực cung Đoan Khang.

[4] CMCB 15, 29 ghi việc này như sau: Hàng ngày, sai hai viên giám quân đấu sức với nhau, hai bên cầm gậy đánh nhau từ cửa Thanh Dương đến ngoài cửa Thái Miếu.

[5] Làng Hoa Lăng: Huyện Thuỷ Đường là quê hương bà Kính phi, mẹ nuôi của Uy Mục. Bản in viết thành cha nuôi là lầm.

là Trà Phúc mang trộm hài cốt của cha là Trà Toại trốn về nước, để lại một người chị ruột, đến khi có binh hoả mới chết. Đến nay, nô lệ người Chiêm của các nhà thế gia, công thần ở các điền trang cũng bỏ trốn về nước.

Vũ Cảnh cho chạy trạm tâu vua là người Chiêm làm loạn. **[48a]** Vua hạ lệnh giết người Chiêm đến gần hết, không biết rằng kẻ làm loạn chính là bọn người Chiêm Chế Mạn[1]. Đến sau bắt được bọn người Chiêm Ma Mạc phiêu giạt ngoài biển, giam ở thừa chế, họ lại cung khai rằng năm trước, Trà Phúc đã trở về nước sai con là Ma La sang cầu viện nhà Minh, lại đóng nhiều thuyền, chứa nhiều lương. Do đó, vua sai bọn Cảnh đi kinh lý.

Lấy Dương Trực Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa thu tháng 8, xuống chiếu bắt giết hết những người Chiêm hiện đang bị giam giữ.

Tháng 9, Lại khoa đô cấp sự trung Dương Đức Giản tâu rằng: thần kính xét, năm Hồng Đức thứ 7 [1476] có sắc chỉ quy định Quốc tử giám sinh, Tam xá sinh người nào từ 30 tuổi trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng; năm thứ 8 có sắc chỉ nói nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm **[48b]** cục do bản quan bảo kết khảo xét, người nào lâu năm, tài cán, và thi Hội trúng trường đều được bổ dụng. Thần trộm thấy giám sinh, nho sinh chưa đến 30 tuổi, vào học chưa đầy 15 năm, chỉ vì thi Hội trúng trường lại hay được may mắn tiến thân, như thế thì có sự hỗn loạn không ổn. Cúi xin kể từ nay, các giám sinh, nho sinh tuổi từ 30 trở lên và vào học đã đủ 15 năm trở lên thì bản quan mới được bảo cử bổ dụng như lệ. Người nào dám lấy tình riêng mà bảo cử người tuổi trẻ, năm ít, thì khoa phụ trách, Ngự sử đài tâu hặc trị tội để răn đe những kẻ làm tôi theo tình riêng bảo cử bậy và trừ cái tệ cầu may hỗn loạn. Bọn Ninh quận công Lê Quảng Độ tâu rằng: bọn thần trộm thấy những lời của Dương Đức Giản thực cũng có lý, nhưng do đó vẫn còn có chỗ chưa đủ, nay bọn thần xin bàn lại các điều **[49a]** như sau:

1- Kinh xét: Giám sinh Quốc tử giám, người nào thi Hội nhiều lần trúng trường, vào học 15 năm trở lên, tuổi cao, trúng trường nhiều mới được sung làm Thượng xá sinh, được dẫn tuyển bổ dụng các chức mục dân, thủ lĩnh, bạn độc, trưởng sử, huấn đạo. Nếu trúng trường nhiều lần, đã đủ 15 năm, mà chưa được sung là Xá sinh[2] và những người trúng trường một lần, đã đủ 18 năm trở lên, thì cũng cho bảo cử, bổ làm các chức cáp môn, tự ban, bạn độc, trưởng sử, giảng dụ.

2- Kinh xét: Con cháu các quan viên sung làm nho sinh ở Sùng Văn quán và Tú Lâm cục, thi Hội trúng trường, người nào cao tuổi, trúng trường nhiều, đủ 15 năm trở lên, hoặc trúng trường một lần, mà đủ 18 năm trở lên, mới được lựa chọn bổ nhậm các chức mục dân, thủ lĩnh. Nếu là người tuổi cao, có tài, không trúng trường mà đủ 25 năm trở lên **[49b]** thì cũng cho bảo kết khảo thí, bổ làm các chức tá nhị ở châu, huyện. Người nào đã qua dẫn tuyển nhưng chưa đủ niên hạn, phải đợi đủ niên hạn mới được bổ dụng. Còn như dòng dõi thân thuộc của hoàng hậu và con cháu các khai quốc công thần sung làm Nho sinh ở Sùng Văn quán thì vẫn theo lệ cũ.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 1, có sao Chổi sắc trắng mọc ở phương tây, 10 ngày mới tắt.

Tháng 11, có khí trắng như hình thanh kiếm hiện ở phương đông nam, dài hơn một trượng.

Vua xua đuổi người tông thất và công thần về xứ Thanh Hoa và giết các nữ sử nội thần người Chiêm. Bấy giờ bọn ngoại thích là Khương Chủng và Nguyễn Bá Thắng tự tiện làm oai làm phúc, quyền thế nghiêng lệch trong triều ngoài trấn, dân chúng không dám cất tay động chân. Nhà pháp thuật bị cấm làm phù chú, đạo sĩ thờ đạo phải cắt tóc không được để dài. Do vậy, các phố xá, hàng chợ nhà nào thờ tiên sư đều phải cất giấu đi. **[50a]** Sau này, bọn Thừa Giáo, Thừa Nghiệp đi đường, quan viên và dân chúng trông thấy chúng từ xa một dặm đã phải chạy trốn vào các nhà ở phố xá hàng chợ, đợi chúng đi qua rồi mới dám ra. Nguyễn Đình Khoa ngầm sai người đến Thừa Hiến phủ huyện các xứ trong nước, tới cả dân gian, cưỡng bắt những con gái chưa chồng, làm khốn khổ nhân dân, khắp nước mất hết hy vọng.

[1] Chỉ việc sau này Chế Mạn theo Nguyễn Văn Long dấy nghĩa binh ở Tây Đô.

[2] Bản dịch cũ theo CMCB 25, 31 sửa lại thành Thượng xá sinh.

Bấy giờ, thân thích của Trường Lạc Hoàng thái hậu là Nguyễn Văn Lang[1] cũng ở trong số người bị đuổi về quê quán. Đại thần tông thất là Nghi quận công Lê Năng Can, vì bất đắc chí, có bài thơ gửi cho Nguyễn Văn Lang và bảo cử binh giết bọn ác đảng. Văn Lang là người thông thao lược, giỏi binh pháp, khéo xem xét thiên thời, sức khoẻ có thể bắt được hổ. Bấy giờ Văn Lang đem bọn Chế Mạn làm nô lệ người Chiêm cùng Vũ Bá, Vũ Tiếp và người ba phủ nổi nghĩa quân ở thành Tây Đô, đem quân giữ ở cửa biển Thần Phù[2].

Bấy giờ, vua giết hại người tông thất. Giản **[50b]** Tu công Dinh còn bị giam ở ngục mới đem của cải ải đút lót người canh giữ, thoát được ra, chưa kịp báo cho mẹ, anh em và vợ mình, một mình trốn vào Tây Đô. Đến cửa biển Thần Phù, được Văn Lang ra đón, lập làm minh chủ, rồi cùng Văn Lang rèn đúc giáo dài và cùng với bọn đại thần Nguyễn Diễn, Ngô Khế, Nguyễn Bá Cao, Lê Trạm, và Thanh Hoa tổng binh thiêm sự Nguyễn Bá Tuấn, Thừa tuyên sứ Lê Tung, Tham chính Nguyễn Thì Ung khởi binh. Sai Lương Đắc Bằng viết hịch dụ đại thần và các quan, đại ý nói: "Bạo chúa Lê Tuấn, phận con thứ hèn kém, làm nhơ bẩn nghiệp lớn, lần lữa mới gần 5 năm mà tội ác đã đủ muôn khoé. Giết hại người cốt nhục, dìm hãm các thần liêu. Bọn ngoại thích được tin dùng mà phường đuôi chó[3] ngang ngược làm bậy, người cứng cỏi bị ruồng bỏ mà kẻ đầu cá[4] ẩn nấp nẻo xa. Quan tước đã hết rồi vẫn thưởng tràn không ngớt, dân chúng đã **[51a]** cùng khốn còn vơ vét chẳng thôi. Vét thuế khoá từng cân lạng, tiêu tiền của như đất bùn, bạo ngược ngang với Tần Chính[5]. Đãi bề tôi như chó ngựa, coi dân chúng tựa cỏ rác ngạo mạn quá cả Nguỵ Oanh[6]. Huống chi lại xây cung thất to, làm vườn hoa rộng. Xua dân đi trồng cây, giẫm theo vết xe đổ chất gò Hoa Cương[7] đời Tống; lấp biển xây cung điện, nối gót thói u mê xây cung A Phòng[8] nhà Tần. Công trình thổ mộc xây lên rồi thay đổi, thay đổi rồi xây lên, dân Hải Dương, Kinh Bắc mệt mỏi, lao đao; tông thất xa hoa, kiêu căng lại ngang ngược, ngang ngược lại kiêu căng, cõi tứ tuyên phiên trấn xôn xao, rối loạn. Cư dân nhức óc, cả nước đau lòng".

Lại làm bài hịch rằng: "Đoan Khánh[9] làm vua, họ ngoại chuyên quyền, Tử Mô[10] làm phường ngu hèn nơi phố chợ làm rối loạn kỷ cương, Thắng Chủng[11] là hạng trẻ ranh miệng còn hơi sữa đã tái oai tác phúc. Đến mức **[51b]** đánh thuốc độc giết bà nội, tàn sát các thân vương. Theo ý riêng mà giết hại sinh dân, không biết đâu cho thoả; dùng ngón ngầm để vét vơ tiền của, càng mặc sức tham lam. Bốn biển đã khốn cùng, muôn dân đều sầu oán".

Giản Tu Công Dinh trá xưng là Cẩm Giang Vương[12], dựng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương.

---

[1] Nguyễn Văn Lang: là con Nguyễn Đắc Trung, là em của Trường Lạc Hoàng thái hậu.

[2] Thần Phù: là cửa biển thời xưa, nay đã bị bồi lấp. Dấu vết cũ nay còn lại ở huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình (nay thuộc huyện Tam Điệp), ngày xưa sông Chính Đại đổ ra biển ở chổ đó.

[3] Đuôi chó: Tấn sử chép Triệu Vương Lân phong bừa quan tước cho nô lệ, đầy tớ, khi triều hội đầy những người đội mũ đuôi điêu. Người thời ấy có câu chế giễu: Đuôi điêu chẳng đủ, lấy đuôi chó nối thêm vào, ý nói kẻ hèn hạ cũng được thăng quan tước.

[4] Đầu cá: Tống sử chép Lỗ Tông Đạo làm Tham tri chính sự, bọn ngoại thích sợ, gọi Lỗ là "tham chính đầu cá" (Chữ Lỗ ____ trên đầu có chữ ngư ____ là cá).

[5] Tần Chính: tức Tần Thuỷ Hoàng.

[6] Nguỵ Oanh: tức là Lương Huệ Vương đời Chiến Quốc.

[7] Hoa Cương: tức là đá hoa cương. Tống Huy Tông thích hoa đẹp, đá lạ, bắt dân chở đá đẹp ở các nơi về Biện Kinh, thuyền ghe nối liền nhau trên sông Hoài, sông Biện.

[8] Tần Thuỷ Hoàng dựng cung A Phòng rất tráng lệ. Sau Hạng Võ vào kinh đô nhà Tần, đốt cung này, lửa cháy ba tháng chưa hết.

[9] Niên hiệu của Uy Mục Đế.

[10] Chỉ Nguyễn Thừa Nghiệp làm Tông nhân lệnh phủ Tông nhân và con là Nguyễn Mô chỉ huy quân túc vệ.

[11] Thắng: là Nguyễn Bá Thắng. Chủng: là Khương Chủng, đều là bọn ngoại thích chuyên quyền.

[12] Cẩm Giang Vương: là phong hiệu của Lê Sùng, anh ruột Giản Tu công Lê Dinh.

Tháng này, ngày mồng 8, Giản Tu công Dinh từ Tây Đô đem các dinh thuỷ, bộ cùng tiến phát. Quân thuỷ đến núi Thiên Kiện[1]. Vua dùng hai chiếc thuyền nhẹ Hà Thanh và Hải Thanh đi đến chùa Bảo trên núi Thiên Kiện, bắt được một viên tướng thuỷ dinh và giết được 20 sĩ tốt đem về ngoài cửa Đông Hoa. Vua sai phó tướng Đông Nham bá Lê Vũ làm tán lý, Ngự sử đài đô ngự sử Dương Trực Nguyên làm ký lục và bọn Hữu thị lang Phạm Thịnh, Trần Năng **[52a]** đem cấm quân và quan quân các vệ Thần vũ, Hiệu lực, Điện tiền đi chống giữ nhưng không được. Ngày 23, anh của Dinh là Cẩm Giang Vương Sùng, em là Tĩnh Lượng công Doanh, và Quyên cùng Thọ Mai phò mã Nguyễn Kính đều bị hại. Quân của Dinh vẫn dùng cờ chiêu an của Cẩm Giang Vương để dụ bọn Vũ về hàng, Vũ lấy đầu Cẩm Giang Vương giơ ra cho chúng xem và nói: "Đây là cái đầu của Cẩm Giang vương, chúng bay còn nói láo làm gì?", rồi cưỡi voi chỉ huy binh sĩ tiến đánh đến xứ Đồng Lạc, bị hãm trận, Vũ không chịu khuất phục mà chết. Bọn Dương Trực Nguyên, Phạm Thịnh, Trần Năng cũng bị chết ở Châu Cầu[2]. Quan quân thua trận rút về. Ngày 26, các dinh quân của Dinh đều tiến đến các xứ Bảo Đà, Nhân Mục, Hồng Mia, Thiêu Thân[3]. Vua ra cửa Thanh Dương uý lạo các lực sĩ điện Kim Quang và tướng sĩ các vệ Cẩm y và Kim ngô, đem kiếm ban cho bọn Trình Chí **[52b]** Sâm, Lê Quảng Độ, lấy vàng bạc tiền của ban cho tù nhân bị giam ở ty Ngũ hình mỗi người 3 quan, rồi sai đi đánh giặc. Các tù nhân nhận tiền xong rồi ai về nhà người ấy. Lại vội vã gọi quân. Vua sai Trung sứ và Hoa văn học sinh mỗi ty 2 người mang sắc phù đến các đô ty Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Yên Băng cho nhận sắc, kháp phù, bắt mỗi trấn lấy 5.000 thổ binh để phòng đánh giặc.

Những người nhận sắc phù đi, vua cho mỗi người một chiếc giáo ngắn ngự tiền sơn son để tuỳ thân. Bọn này chưa đến các xứ Bồ Đề, Xuân Canh[4] thì quân Dinh đã tiến vào sát thành, mọi người đều chạy trốn. Hoàng hậu Trần Thị Tùng trốn ra đến xã Hồng Mai, náu ở nhà dân rồi tự thắt cổ chết ở miếu chùa. Lê Quảng Độ cùng với Giản Tu công Dinh người trong kẻ ngoài thông tin với nhau, bắn súng làm hiệu, dựng gậy làm cờ, chặt cây làm binh khí **[53a]** đánh lộn lẫn nhau cho các quân kinh hãi, rồi ép vua chạy sang phương Bắc. Giản Tu công tới thành Đông Kinh nghe tin cha là Kiến Vương[5] cùng anh là Cẩm Giang Vương, em là Tĩnh Lượng công[6], em út là Quyên đều đã bị hại, sai quan sửa việc tang và làm lễ chôn cất.

Ngày 28, vua chạy tới phường Nhật Chiêu[7], một vệ sĩ cũ đuổi theo bắt được, nộp cho Giản Tu công giam ở cửa Lệ Cảnh. Giản Tu công cho là người vệ sĩ ấy làm điều bất nghĩa, sai giết đi.

Tháng 12, ngày mồng 1, vua uống thuốc độc tự tử. Giản Tu công vì việc trước đây vua giết hại cha mẹ, anh chị em mình rất thảm khốc, mới căm giận chưa nguôi, sai người dùng súng lớn, để xác vua vào miệng súng, cho nổ tan hết hài cốt, chỉ lấy ít tro tàn về chôn tại An Lăng ở quê mẹ là làng Phù Chẩn, giáng xuống làm Mẫn Lệ công (có thuyết nói khi nghĩa quân tiến sát kinh thành, vua chạy ra thôn Cập Hối, xã Đông Cao, huyện Yên Lãng, bị người hành chợ xã ấy đón về nộp cho Nguyễn Văn Lang. Văn Lang đem về quán Bắc Sứ giết đi. **[53b]**. Bọn ngoại thích cũng đều bị giết hết).

Xét sách Hồng Thuận Trị bình bảo phạm[8] nói: Đời Đoan Khánh, bọn hoạn quan thọc vào chính sự, kẻ ngoại thích mặc sức chuyên quyền, pháp lệnh phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang tiêu tàn mất

---

[1] Núi Thiên Kiện: hay núi Địa Cận, ở xã Thiên Kiện, huyện Thanh Liêm, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Châu Cầu: tên xã, nay là thị xã Phủ Lý, tỉnh Nam Hà.

[3] Bảo Đà: tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây. Nhân Mục: là làng Mọc thuộc Hà Nội, Hồng Mai: tên xã, nay là Bạch Mai, Hà nội, Thiêu Thân: chưa rõ ở đâu.

[4] Bồ Đề: tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Xuân Canh: tên xã, nay thuộc huyện Đông Anh, ngoại thành Hà Nội.

[5] Kiến Vương Tân: cha của Giản Tu công Dinh đã chết từ năm Cảnh Thống thứ 5, CMCB 25, 30 chép là mẹ (Trịnh thị, người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, con gái Đô đốc thiêm sự Trịnh Trọng Phong, sau được truy tôn là Từ Huy Hoàng thái hậu) là đúng.

[6] Tĩnh Lượng công: là phong hiệu của Lê Doanh, em Giản Tu công Dinh.

[7] Phường Nhật Chiêu: nay là làng Nhật Tân, ngoại thành Hà Nội.

[8] Theo Nghệ văn chí của Lê Quý Đôn, sách Trị bình bảo phạm do Tương Dực Đế soạn.

nghiệp, phong tục ngày một suy đồi, thực rất đáng thương tâm. Huống chi, lại tàn sát người cốt nhục, hãm hại kẻ bề tôi, những việc làm như vậy thì muốn không bị diệt vong có được không?

Xét sách Hồng Thuận Trung hưng ký của Nguyễn Dục[1] nói: Mẫn Lệ công thất đức, bọn Chủng, Thắng chuyên quyền. Thừa Nghiệp là thằng nhãi chăn trâu mà kiêm coi cả phủ Tông nhân; Tử Mô là đứa trẻ bán cá lại trông giữ hết quân Túc vệ. Tiến dùng bè lũ sai lang, đua mở rộng đường hối lộ. Xây phủ đệ thì rừng núi các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang không còn cây để lấp nguồn dục vọng, **[54a]** đòi mắm muối thì sông biển các vùng Nghệ An, Yên Bang không còn cá mà nhét miệng đói thèm. Gươm Thái A trở ngược[2], đồ thần khí lung lay[3], tai dị sinh luôn, hạ dân ta oán, bị diệt vong là đáng lắm rồi.

Mẫn Lệ công tin dùng ngoại thích, bạo ngược vô đạo, giết hại tông thất, tàn sát nhân dân, tự mình chuốc lấy diệt vong, chẳng đáng lắm sao!

Tháng này, ngày mồng 4, Giản Tu công lên ngôi hoàng đế, Đại xá, Đổi niên hiệu, lấy năm này là năm Hồng Thuận thứ 1.

Lấy Đỗ Nhân làm Đông các học sĩ, thăng Triều liệt đại phu, vì Nhân từng vâng mệnh đi sứ phương Bắc, nên trao chức ấy.

Sau khi lên ngôi, vua sai bọn đầu mục Lê Quảng Độ, Lê Điêu, Nguyễn Văn Lang, Lê Tung **[54b]** Hưng Hiếu, Trình Chí Sâm, Trịnh Tuy, Lương Đắc Bằng, Đỗ Lý Khiêm, Đinh Ngạc, Đặng Minh Khiêm, Đỗ Nhân, Lê Nại, Đàm Thận Giản dâng biểu trần tình với nhà Minh. Lời biểu nói: Đoan Khánh Lê Tuấn tập phong tước vương đã được 4 năm, tin dùng phe cánh họ mẹ là bọn Khương Chủng, Nguyễn Bá Tuấn, ngang tàn bạo ngược, đảo lộn triều cương, tàn sát họ hàng, giết ngầm tổ mẫu, người trong nước điêu linh, dân không chịu đựng nổi. Bọn Chủng, Thắng quyền át trong ngoài, ác đảng ngày càng lan rộng, mưu cướp quyền nước.

Ngày 17, truy tôn mẹ là Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Điện tiền đô kiểm điểm Thuỵ Dương hầu Trịnh Hựu làm Sơn lăng sứ, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đạt làm phó, Diên quận công phò mã đô uý Lê Mậu Chiêu làm tổng hộ **[55a]** sứ, Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Thuyên (tức Nguyễn Bá Tuấn) và Đàm Thận Huy làm phó.

Ngày 19 tháng ấy dời [thi hài mẹ] về táng ở hương Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên[4]. Ngày Ất Sửu 29, dựng bia Huy Từ Trang Huệ Kiến Hoàng thái hậu. Sai Lễ bộ tả thị lang Hàn lâm viện thị độc chưởng Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng soạn bi ký. Truy tôn thuỵ hiệu, tôn hiệu từ Hiển Tổ, Tuyên Tổ, Thái Tổ Hoàng Đế và Hoàng thái hậu trở xuống. Truy tôn cha là Kiến Vương làm Phối Thiên Dụ Thánh Ôn Lương Quang Minh Văn Triết Khoan Hoằng Chương Tín Tuy Hưu Mục Hiếu Kiến Hoàng Đế, mẹ là Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị làm Huy Từ Trang Huệ Gia Lượng Nhu Thánh Hoà Mục Tôn Khiêm Minh Chính Ý Thuần Phúc Khánh Hoàng Thái Hậu. Truy tặng anh cùng mẹ là Cẩm Giang Vương Sùng làm Trang Định Đại Vương, em thứ là Tĩnh Lượng công **[55b]** Doanh làm Mục Ý Vương, em út là Quyên làm Dực Cung Vương.

Lấy Ngô Hoán làm Tán trị thừa tuyên sứ ty thừa tuyên sứ Thanh Hoa, ít lâu sau, trao chức Lễ bộ thượng thư.

---

[1] Cũng theo Nghệ văn chí, Tương Dực Đế có soạn sách Trung hưng thực lực. Trung hưng ký phải chăng là Trung hưng thực lực do Tương Dực Đế sai Nguyễn Dục soạn.

[2] Thái A: là tên một thanh gươm quý. Trở ngược gươm Thái A nghĩa là trao cán gươm quý cho người khác, chỉ việc Uy Mục Đế để bọn ngoại thích nắm giữ mọi quyền.

[3] Đồ thần khí: chỉ ngai vàng nhà vua.

[4] Huyện Ngự Thiên: sau là huyện Hưng Nhân, nay thuộc huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Thực Lục

Quyển XV

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Tương Dực Đế

Tên húy là Dinh ____ lại húy là Trừu ____, là cháu của Thánh Tông, con thứ hai của Kiến Vương Tân, ở ngôi 8 năm, thọ 24 tuổi, bị quyền thần Trịnh Duy Sản giết, táng ở Nguyên Lăng. Vua buổi đầu lên ngôi, ban hành giáo hóa, thận trọng hình phạt, cũng đáng coi là có công nghiệp. Song chơi bời vô độ, xây dựng liên miên, dân nghèo thất nghiệp, trộm cướp nổi lên, dẫn đến nguy vong là bởi ở đấy.

Mẹ vua là Huy Từ Kiến Hoàng thái hậu Trịnh thị, tên húy là Tuyên, người làng Thủy Chú, huyện Lôi Dương, con gái thứ tư của Đô đốc thiêm sự kiêm Tả công chính [Trịnh] Trọng Phong, sinh vua vào năm Hồng Đức thứ 26 [1495], tháng 6, ngày 25. Thời Hiến Tông, được phong làm Giản Tu công. Đến khi Uy Mục Đế giết hại người công thất, mới một mình **[1b]** trốn vào Tây Đô. Tháng 10, năm Đoan Khánh thứ 5 [1509], đem quân đến Đông Kinh giết Uy Mục Đế, tự lập làm vua, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết, tự xưng là Nhân Hải động chủ. Đến khi bị hại, Trịnh Duy Sản giáng phong làm Linh Ẩn Vương, sau được truy tôn là Tương Dực Đế.

Canh Ngọ, Hồng Thuận năm thứ 2 [1510], (Minh Chính Đức năm thứ 5). Mùa xuân, tháng giêng, bàn luận công trạng những người ứng nghĩa:

Lấy Nghĩa quận công Nguyễn Văn Lang làm Nghĩa quốc công; gia phong Thiệu quận công Lê Quảng Độ là Thiệu quốc công, Lượng quốc công Lê Phụ làm Thượng quốc công, Uy quận công Lê Bá Lân làm Uy quốc công, Hộ bộ thượng thư Trịnh Duy Đại[1] làm Văn quận công, Điện tiền tô kiểm điểm Thuỵ Dương hầu Trịnh Hựu[2] làm Thọ quận công, Phò mã đô **[2a]** uý Lê Mậu Chiêu làm Diên quận công; con Văn Lang là Nguyễn Hoằng Dụ làm Yên Hoà hầu; Trịnh Duy Sản[3] làm Mỹ Huệ hầu; Tổng binh thiêm sự Thanh Hoa Nguyễn Bá Tuấn[4] (đổi tên là Bá Thuyên) làm Lễ bộ thượng thư, Do Lễ bá; Thừa tuyên sứ Thanh Hoa Lê Tung[5] làm Lại bộ thượng thư, Đôn Thư bá; Tham chính Thanh Hoa Nguyễn Thì Ung làm ngự sử đài đô ngự sử Lương Văn bá; Đàm Thận Huy[6] làm Hình bộ thượng thư; Hàn lâm viện thị độc tham chưởng Hàn lâm viện sự Lương Đắc Bằng làm Lại bộ tả thị lang.

---

[1] Trịnh Duy Đại: người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, nay thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Trịnh Hựu: người xã Kim bôi, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Trịnh Duy Sản: là em ruột Trịnh Duy Đại.

[4] Nguyễn Bá Tuấn: người xã Đại Lạc, huyện Vũ Ninh (sau là huện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ, Hà Bắc). Bá Tuấn (sau đổi tên là Bá Thuyên) đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[5] Lê Tung: người xã Yên Cừ, huyện Tham Liêm (nay thuộc tỉnh Hà Nam Ninh), nguyên họ Dương, tên là Bang Sản, sau được ban họ vua, đỗ tiến sĩ khoa Giáp Thìn (1484) đời Hồng Đức.

[6] Đàm Thận Huy: người xã Ông Mặc, huyện Đông Ngàn (sau là huyện Từ Sơn, nay thuộc huyện Tiên Sơn, Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.

Bàn đặt quan đề lĩnh, có các chức chưởng đề lĩnh, đồng đề lĩnh và phó đề lĩnh, trông nom việc quân ở bốn mặt thành, chức trách là tuần phòng ở Kinh sư, canh phòng các nơi, tìm bắt kẻ gian phi[1].

[2b] Tháng 2, vua sai sang nhà Minh. Hình bộ thượng thư Đàm Thận Huy, Đông các hiệu thư Nguyễn Văn Thái[2], Binh khoa đô cấp sự trung Lê Thừa Hưu[3], Thông sự Nguyễn Phong, hành nhân 3 người, tòng nhân 8 người sang tâu việc; Lễ bộ tả thị lang Nguyễn Quýnh, Thị thư Vũ Cán, Đề hình Nguyễn Doãn Văn, Thông sự Nguyễn Hảo, hành nhân 3 người, tòng nhân 9 người sang cầu phong. Bấy giờ, Thừa Hưu đi đến đầu địa giới thì bị ốm, liền sai Binh khoa đô cấp sự trung Nguyễn Văn Tuấn đi thay.

Vua tự xưng là Nhân Hải động chủ.

Ngày 27, lấy Đông các học sĩ Đỗ Nhân làm Hộ bộ tả thị lang, đổi tên Nhân thành Nhạc, để tránh tên hiệu của vua là Nhân Hải.

Trần miếu Thái Tổ bị sụt.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 25, đêm canh ba, hoạn quan Nguyễn Khắc Hài làm **[3a]** loạn, ép vua đến cung Trùng Hoa, lại đến các điện Vạn Thọ, Cẩn Đức, Kính Thiên. Vua làm thơ quốc ngữ, các đại thần văn võ vào chầu kính hoạ lại, chỉ có Đông các hiệu thư Trần Dực hoạ hợp cách, được ban 5 quan tiền.

Ban đêm có nội thần Nguyễn Lĩnh đón vua ngự đến đầm sen. Bọn phản nghịch lẻn ra ngoài, đem kiệu ngự đi đón Hoa Khê Vương Tòng làm nguỵ chúa. Vua sai bọn Thọ quận công Trịnh Hựu đi đánh, đuổi đến phường Đông Hà[4], bọn phản nghịch bị giết quá nửa, số còn lại vượt sông qua Bồ Đề trốn vào núi Tam Đảo. Hựu sai tỳ tướng đuổi đánh[5].

Ngày 26, đại xá.

Xuống chiếu đặt hai vệ Thiên vũ[6] và Thánh uy[7], chức ở trên vệ Cẩm y và Kim ngô. Kiểu mũ dùng mũ đỏ có cánh nạm vàng, thêu phụng đỏ.

Cục Mông nước Ai Lao sai **[3b]** sứ đến Nghệ An đệ bản tâu trạm xin nộp cống quy phụ. Vua xuống chiếu khước từ, vì mới lấy được nước, sợ họ nhòm ngó nước ta.

Tháng 6, lấy ngày sinh làm Thiên Bảo thánh tiết.

Mùa thu, tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Đổi Hiệu lệnh lực sĩ thành Thể sát lực sĩ.

Tháng 9, ngày mồng 7, có thánh chỉ rằng: Khi ban cấp các hạng ruộng đất, bãi dâu, ao đầm thì cho phép các xứ cấp vào những chỗ còn lọt ở dân, chưa vào sổ quan; cho quan Thái bộc tự xét mình đi tìm, làm bản tâu lên, giao xuống Hộ bộ và Thừa ty xứ đó cho khám xét, làm bản tâu lên, đợi nhận chỉ chuyển giao cho Lễ bộ vâng mệnh thi hành, làm sắc cấp cho các công, hầu, bá theo thứ bậc khác nhau.

[4a] Mùa đông, tháng 10, lấy Hộ bộ thị lang Đỗ Nhạc làm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên. Khởi phục Lại bộ tả thị lang Lương Đắc Bằng kiêm Đông các học sĩ, nhập thị kinh diên [nhưng Đắc Bằng] cố từ chối không nhận. Nhân đó, Đức Bằng dâng lên 14 kế sách trị bình, đại ý là "Thần nghe: Bậc

---

[1] Các chức quan đề lĩnh đều lấy người trong hàng võ hàm tòng nhất, nhị phẩm để bổ nhiệm.

[2] Nguyễn Văn Thái: người xã Tiền Liệt, huyện Vĩnh Lại (sau là huyện Ninh Giang, nay thuộc huyện Ninh Thanh, tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[3] Lê Thừa Hưu: người xã Đông Ninh, huyện Hưng Nhân (nay thuộc đất huyện Hưng Hà, Thái Bình), đỗ tiến sĩ khoa Kỷ Mùi (1499) đời Cảnh Thống.

[4] Nay là chỗ cửa ô Quan Chưởng, phố Mới, Hà Nội.

[5] Theo CMCB 26, 3 thì giết được Khắc Hải ở phường Đông Hà.

[6] Vệ Thiên vũ: có 8 ty, sở thuộc: Thân tả, Khâm võ, Hải giá, Khu điện, Thần Nhuệ, Phụng Nhật, Minh uy và Hùng tài.

[7] Vệ Thánh uy: có 8 ty, sở thuộc: Quyến hựu, Bảo uy, Thừa hà, Chiết điện, Hiệu dũng, Quang đạo, Sắc thiên và Chính lực (theo lời chú của CMCB 26, 4).

thánh nhân thuở trước, không vì thiên hạ đã trị mà lơ là việc cảnh giác ngăn ngừa, người hiền thần đời xưa không vì vua mình đã thánh mà quên lãng niềm khuyên răn, can gián. Cho nên, đời Ngu Thuấn đã thịnh vượng rồi mà Bá Ích[1] lúc bày mưu mô thì nói chớ ham mê nhàn rỗi, chớ đắm đuối vui chơi, không lười biếng, không trễ nải, phấp phỏng như nguy vong sắp đến. Đế Thuấn nghe lời khuyên mà răn ngừa những việc đáng răn, do đó đã trở thành bậc đại thánh. Thời Hán Văn đã phú **[4b]** cường rồi, nhưng Giả Nghị[2] khi dâng kế sách lại khuyên điều để lửa gần của, đáng phải chảy nước mắt, đáng phải khóc phải thương, lo lắng như hoạ hoạn đã thành. Văn Đế nghe lời khuyên mà lo nghĩ việc đáng lo, do đó đã trở nên bậc hiền nhân.

Vì là người bề tôi dâng lời khuyên không khẩn khoản, không thiết tha thì không thể giúp vua sáng suốt tiếp thu lời can gián. Vua nghe lời khuyên mà không tiếp thu, không độ lượng thì không thể mở rộng đường cho bề tôi dâng lời can gián. Nay bệ hạ khoan nhân đại độ, không thích giết người, khôi phục cơ nghiệp của Cao Tổ, cứu giúp sinh mệnh cho muôn dân. Khắp trong bốn biển như gỡ được nạn treo ngược, ai cũng vươn cổ kiễng chân, ngóng trông chính sự mới được hoàn thành, hân hoan mừng thái bình thịnh trị.

Nhưng từ khi lên ngôi tới nay, hoà khí chưa thuận, can qua chưa dứt, **[5a]** kỷ cương triều đình chưa dựng đặt, việc quân, việc nước chưa sửa sang; tai dị xảy ra luôn, sợ đạo trời chưa thuận, núi đá bị sụt lở, e đạo đất chưa yên. Tệ tham nhũng ngấm ngầm phát triển, bọn nghịch tặc lén lút manh nha, sợ đạo người chưa ổn. Thế mà quan trong triều biết mà không nói, họ tự lo cho mình thì được rồi, còn lo cho nước thì ra sao? Thần thẹn là một bề tôi cũ, nghĩa phải cùng vui buồn với nước, tuy còn trong lúc xô gai, tang trở chưa hết, nhưng bệ hạ đã vì nghĩa công nén tình riêng, cho làm chức thị tung, có ý muốn thần bàn luận mưu kế lui tiến, hèn kém theo người để dựa dẫm giữ lấy tước lộc, thì lòng trung hiếu của thần đôi đường đều thiếu cả, lấy gì báo đáp được ân đức của bệ hạ, làm trọn chức phận của kẻ làm tôi? Thần mỗi khi nghĩ tới việc ngày nay thì suốt đêm không ngủ, đến **[5b]** bữa không ăn, tấm lòng khuyển mã trung thành không sao nguôi được. Kính xin trình bày 14 kế sách trị binh tâu lên như sau: 1- Phải cảnh giác, răn ngừa để chấm dứt tai biến, 2- Dốc lòng hiếu thảo để khuyến khích lòng trung hậu, 3- Xa thanh sắc để làm chân chính gốc của tâm, 4- Đuổi tà nịnh để làm trong sạch ngọn nguồn muôn việc, 5- Dè dặt trao quan tước để thận trọng việc khuyến khích răn đe, 6- Tuyển bổ công bằng để đường làm quan trong sạch, 7- Tiết kiệm tiêu dùng để khuyến khích phong tục kiêm phác, 8- Nêu khen người tiết nghĩa để coi trọng đạo cương thường, 9- Cấm hối lộ để trừ bỏ thói tham ô, 10- Sửa sang võ bị để vững thế thành đồng hào nóng, 11- Lựa chọn quan can gián để gây khí thế dám nói, 12- Nới nhẹ việc lực dịch để thoả lòng mong đợi của dân, **[6a]** 13- Hiệu lệnh phải tín thực để thống nhất ý chí của bốn phương, 14- Luật pháp, chế độ phải thận trọng để mở nền thịnh trị thái bình.

Những kế sách trên đây, xin bệ hạ soi xét. Thần lại nghe cổ ngữ có câu: "Lời nói của kẻ cắt cỏ, kiếm củi, thánh nhân cùng cân nhắc lựa dùng"[3]. Kinh Thư nói: "Biết được không khó, làm được mới khó"[4]. Thần xin bệ hạ đừng cho những lời của thần là vu khoát, xin lựa chọn mà thi hành, răn những điều đáng răn, lo những điều đáng lo, may ra đạo trời có thể thuận, đạo đất có thể yên, đạo người có thể ổn, có thể đạt đến thái bình". Vua nghe theo.

Gia phong Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm Bình chương quân quốc trọng sự, Tổng thống quốc chính. Thái tể thái sư[5].

---

[1] Bá Ích: theo truyền thuyết Trung Quốc, là bề tôi của Ngu Thuấn, rất thẳng thắn trong việc can ngăn. Sau giúp Đại Vũ trị thuỷ có nhiều công lao.

[2] Giả Nghị: người Lại Dương, thời Hán Văn Đế, làm đến Đại trung đại phu, khẩn thiết can vua định chính sóc, đổi phục sắc, chế pháp độ, hưng lễ nhạc. Sau bị giáng làm Thái phó cho Trường Sa Vương rồi Lương Vương, khi chết mới 33 tuổi.

[3] Nguyên văn: "Số nghiêu cho ngôn, thánh nhân trạch yên".

[4] Nguyên văn: "Tri chi phi nan, hành chỉ duy nan".

[5] Hồi đầu triều Lê, theo chế độ cũ của nhà Trần, đặc chức tướng quốc, gia phong bình chương quân quốc trọng sự. Đời Hồng Đức (1470 - 1497), Lê Thánh Tông đã bãi bỏ chức ấy; đến nay lại khôi phục và gia phong thái tể thái sư.

Đặt lại chức thường xuyên xá nhân. Trước đây, vào đời Cảnh Thống, thôi đặt chức thường xuyên xá nhân. Đến nay, Chưởng vệ Minh Luân hầu Lê Niệm tâu **[6b]** xin đặt lại chức ấy. Vua nghe theo.

Làm điện Thiên Quang.

Định lệ thưởng công cho những người đi theo ở Tiêu Viên[1], Bảo Đà[2] và trấn giữ điếm Hoàng thành. Xuống chiếu rằng: Những viên nhân các xứ Sơn Nam có dự theo nghĩa quân ở Tiêu Viên và theo nghĩa quân doanh tại các huyện Yên Ninh[3], Yên Mô[4], Phụng Hoá[5], Gia Viễn, ai có quan chức thì thưởng 5 tư, ai chưa có quan chức thì tha không phải tuyển lính, theo như lệ đòi bắt cũ, thay phiên nhau tập luyện võ nghệ và túc trực. Người nào tạm ở lại túc trực, thì tính công cũng như người túc trực, đã có quan chức thì thăng 1cấp, chưa có quan chức thì bổ chánh cửu phẩm. Người nào có túc trực được tuyển vào hộ vệ mà không theo nghĩa quân thì bổ tòng cửu phẩm. Các hạng vệ sĩ, tuấn sĩ, con cháu công thần, nho sinh, giám sinh, văn thuộc, người nào siêng năng, tài cán, mạnh khoẻ thì bổ làm hộ vệ, người nào siêng năng, tài cán nhưng không khoẻ mạnh thì bổ các chức bên ngoài. Quân lính **[7a]** và nhân dân, ai có quân công, đều cho quan có trách nhiệm tuỳ theo thứ bậc mà bổ dụng, con cháu đều được tập ấm. Viên nhân các xứ, người nào có đến thành Tây Đô theo xa giá, có công thì thưởng quân công cũng như viên nhân xứ Thanh Hoa. Còn như nhân viên các huyện Thanh Đàm (nay đổi thành Thanh Trì), Thượng Phúc, Thanh Oai, Từ Liêm trấn giữ hoặc thay phiên gác các điếm ngoài Hoàng thành, người đã có quan chức thì thưởng 1 cấp, người chưa có quan chức thì được tha tuyển lính phỏng theo lệ đòi bắt cũ, thay nhau 20 phiên giữ các điếm ngoài Hoàng thành và tập võ nghệ. Nếu là người thay phiên nhau túc trực mà không trấn giữ thì thưởng 5 tư, thay nhau 20 phiên mà giữ điếm ngoài Hoàng thành. Các nho sinh, sinh đồ được thưởng 5 tư.

Tháng 11, vua sai Ngự sử đài phó đô ngự sử Đỗ Lý Khiêm, Hàn lâm **[7b]** viện thị độc kiêm sử quan Nguyễn Bỉnh Hoà (người làng Vĩnh Thế, huyện Siêu Loại[6], trước tên là Văn Hiến), Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Đức Quang, Thông sự Nguyễn Minh, hành nhân 8 người, tòng nhân 25 người sang tuế cống nhà Minh.

Đặt ty Thiêm bảo đao trực ở điện Kim Quang.

Lấy Phí Vạn Toàn (người làng Xuân Trì, huyện Vĩnh Lại) làm ngự sử đài phó đô ngự sử, Phạm Khiêm Bính làm Thiêm đô Ngự sử; gia phong Lương Văn bá Nguyễn Thì Ung làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử; Đỗ Nhạc làm Phụng trực đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị Kinh diên; Do Lễ bá Nguyễn Thuyên làm phụng trực đại phu, Lễ bộ thượng thư; Trình Chí Sâm làm phụng trực đại phu, Công bộ thượng thư; Vũ Quỳnh làm Triều liệt đại phu, Binh bộ thượng thư; Phạm Hạo làm gia hành đại phu, Hộ bộ **[8a]** tả thị lang; Đặng Minh Khiêm làm Triều liệt đại phu, Lại bộ tả thị lang; Lê Đĩnh Chi làm Hộ bộ hữu thị lang.

Tân Mùi, [Hồng Thuận] năm thứ 3 (1511), (Minh Chính Đức năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, có nhật thực.

Tháng 2, vua đi bái yết Lam Kinh. Bấy giờ Thân Duy Nhạc[7] và Ngô Văn Tổng dấy quân ở các huyện Yên Phú[8], Đông Ngàn[1]. Gia Lâm xứ Kinh Bắc. Có một nho sinh ở Yên Phú là Chu Thực, báo cho

---

[1] Theo Cương mục, Tiêu Viên thuộc huyện Hoài An, phủ Ứng Hoà (nay thuộc huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây).

[2] Bảo Đà: tên xã, thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây.

[3] Yên Ninh: sau là huyện Yên Khánh, nay thuộc tỉnh Ninh Bình.

[4] Yên Mô: nay thuộc đất huyện Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

[5] Phụng Hoá: sau là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[6] Huyện Siêu Loại: nay là đất thuộc tỉnh Hà Bắc.

[7] Thân Duy Nhạc: người xã Đại Liễu, huyện Vũ Ninh (Sau là huyện Võ Giàng, nay thuộc huyện Quế Võ, tỉnh Hà Bắc), đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508).

[8] Yên Phú: nay là huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc.

lưu thủ Đông Kinh Thuỵ quận công Ngô Bính và Kim Nguyên bá Trịnh Bá Quát, sai quân đi đánh phá được bọn chúng, bắt sống được bọn Duy Nhạc, Văn Tổng đóng cũi giải về Kinh sư, rồi đưa đến hành tại.

Trước kia, đời Đoan Khánh, Duy Nhạc đỗ tiến sĩ xuất thân, làm quan đến Cẩm y vệ đoán sự, trực điện Kim Quang. Đến khi vua dấy nghĩa quân, giết Mẫn **[8b]** Lệ công, Duy Nhạc liền về nhà không làm quan nữa, rồi khởi binh làm loạn, đến đây bị giết. Sau thưởng công cho Chu Thực, bổ làm Phủ doãn phủ Phụng Thiên (Duy Nhạc là người xã Đại Liễn, huyện Vũ Ninh).

Vua đi từ Kim Sơn, cùng với phi tần sáu cung ngự đến chùa Kim Âu[2], chiều dừng ở chùa Phi Lai[3] xem đua thuyền rồi ngự đến điện Hiền Nhân, sau lại ngự đến điện Thịnh Mỹ. Ngự dinh đóng ở bến Thuý Ái[4], gặp gió lớn nổi lên, thuyền ngự đều bị trôi giạt.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Thái Hoa 47 người (Thái Hoa người làng Địa Dục, huyện Thanh Lâm[5], thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua đích thân ra đề văn sách, hỏi về đạo trị nước xưa nay. Sai Thái tể thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ làm đề điệu. Công bộ thượng thư Trình Chí Sâm làm tri cống cử; Hộ bộ tả thị lang Phạm Hạo **[9a]** và Lại bộ tả thị lang Đặng Minh Khiêm làm giám thí; Lễ bộ thượng thư Nguyễn Bá Thuyên, Thượng thư Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Thì Ung và Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc làm độc quyển. Đến khi đọc quyển thi, vua thân hành xem bài thi rồi định bậc cao thấp. Cho bọn Hoàng Nghĩa Phú, Trần Bảo Tín, Vũ Duy Chu 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Bùi Doãn Hiệp 9 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Trần Doãn Minh 35 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân[6].

Mùa hạ, tháng 4, sai Đô đốc đồng tri Lê Phong làm đô tướng, Phạm Đức Bân làm tham tướng, Nguyễn Đốc làm tổng đốc đi vào vùng Quảng Nam, Thuận Hoá bắt voi công.

Lấy Lê Công Trừng làm tham chính Hải Dương, Phạm Khiêm Bính làm hiến **[9b]** sát sứ Hải Dương.

Binh bộ thượng thư, Quốc tử giám tư nghiệp kiêm sử quan đô tổng đài Vũ Quỳnh (người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên[7]) dâng bộ Đại Việt thông giám thông khảo chép từ Hồng Bàng thị đến Mười hai sứ quân về trước làm Ngoại kỷ, từ Đinh Tiên Hoàng đến năm đầu Thái Tổ Cao Hoàng Đế bản triều đại định thiên hạ làm Bản kỷ, đều chép tường tận theo lối kỷ niên các triều đại, gồm 26 quyển[8].

Tiến phong Thiên vũ vệ đô chỉ huy sứ Mạc Đăng Dung làm Vũ Xuyên bá. Bấy giờ, các hào kiệt và thuật sĩ đều nói là ở phương đông có khí sắc thiên tử.

Vua sai Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang đem thuật sĩ ra Đồ Sơn để trấn yểm. Đăng Dung cũng đi trong chuyến đó mà không ai biết.

---

[1] Huyện Đông Ngàn: Thời Lê tương đương với vùng đất của huyện Từ Sơn cũ (nay thuộc huyện Tiên Sơn, tỉnh Hà Bắc) và huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

[2] Chùa Kim Âu: chùa xây trên đất xã Hà Đông, huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá ngày nay. Hiện nay, chùa không còn nữa, nhưng ở đây vẫn còn tấm bia năm Hồng Thuận thứ 3 (1511), ghi lại việc vua Tương Dực đến thăm chùa năm này.

[3] Phi Lai: tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Thuý Ái: ở bờ nam sông Hồng, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

[5] Huyện Thanh Lâm: sau là huyện Nam Sách, nay thuộc đất huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng.

[6] Phi Lai: tên xã, thuộc huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[7] Vũ Quỳnh: người xã Mộ Trạch, huyện Đường Yên, nay là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Hưng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Tuất (1478) năm Hồng Đức thứ 9.

[8] Theo Đăng khoa lục bị khảo, Vũ Quỳnh vâng mệnh Tương Dục Đế soạn sách này. Sách này được Lê Tung, Phạm Công Trứ ngợi khen, nhưng hiện nay chưa tìm được.

Ngày 27, ban sách Trị bình bảo phạm[1] cho cả nước, gồm 50 điều. Dụ các quan văn võ **[10a]** và dân chúng rằng: Nghĩ trời thương dân chúng, tất lập vua lập thầy; vua vâng mệnh trời, phải lo nuôi dạy trước. Thế là để lòng người hoà hợp, của dân dồi dào, đưa nước nhà đến cõi thịnh trị bình yên lâu dài. Xưa Nghiêu, Thuấn được hạnh phúc yên vui, vốn gốc ở trọng Ngũ điển[2], vui Cửu tự[3]; Thang, Vũ đến thái bình thịnh trị, do nền ở ban Ngũ giáo[4], dùng Bát chính[5]. Xem vậy, các bậc thánh đế minh vương thay trời trị nước, có bao giờ bỏ qua việc nuôi dạy mà trở nên thịnh trị được đâu. Cao Thái Tổ Hoàng Đế khai sáng cơ nghiệp, truyền lại kỷ cương, dựng lập nhà học, khuyến khích nông tang, để vỗ yên bốn phương; Thái Tông Văn Hoàng Đế nối theo chí trước, noi việc người xưa, coi trọng giáo hoá, chăm nuôi muôn dân để yên hoà muôn nước; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế kính nối mưu trước, làm hết luân thường, hoàn thiện chế độ, ban Đại cáo để **[10b]** bồi đắp gốc nền cho phong hoá, Hiến Tông Duệ Hoàng Đế tỏ rạng công trước, sáng suốt yên vui, ban lời dạy để khuyến khích thói hay tục tốt, lớp lớp yên hoà, đức hoá xa rộng, hiệu quả trị bình, đến đây là thịnh hơn cả. Đến đời Đoan Khánh [1505 - 1508], hoạn quan can thiệp vào chính sự, ngoại thích chuyên quyền, pháp luật phiền hà, kỷ cương rối loạn, nông tang mất nghiệp, phong tục suy đồi, thực rất thương tâm. Trẫm nghĩ công tổ tông gây dựng gian nan, thương ức triệu dân cuộc đời đau khổ, vì tông miếu, xã tắc và sinh dân, đã đại cử nghĩa bình, dẹp yên bốn bể. Khi mới lên ngôi, ban hành giáo hoá, thận trọng hình phạt để phòng giữ lòng người; thi hành chính lệnh, ban ra nhân huệ để đón nối mệnh trời. Những muốn cho điển chương chế độ hết thảy đổi mới, bèn chọn lấy những điều có quan hệ đến chính trị, phong tục, biên tập thành sách Trị bình **[11a]** bảo phạm để ban hành trong nước. Từ quan đến dân các ngươi, phải thể theo lòng trẫm, học lấy mà làm, để cùng đạt đến thịnh trị, để hưởng phúc thái bình muôn đời, để giữ vững cơ đồ mãi mãi. Các điều dạy bảo kê ra như sau:

1- Bề tôi thờ vua, đều phải giữ lòng trung lương, kính ẩn lo giữ chức vụ, vì nước quên nhà, lo việc công, quên việc tư, cùng nhau cung kính hoà hiệp, nói thẳng, can gián đến cùng, không được a dua phụ hoạ, mong được yên thân, ăn hại bổng lộc, cầu may giữ chức, tâu xin việc riêng, bán quan tước, buôn ngục hình, đến nỗi làm phương hại tới đạo trị nước. Kẻ nào vi phạm sẽ bị tội nặng.

2- Những tông thất công thần từ trong cung cấm đến ngoài thế gia, cùng vui buồn với nước, phải thể theo lòng yêu nuôi sinh dân của triều đình. Ruộng đất, chằm ao, bãi dâu được ban cấp theo như lệ đã định rõ, đợi khi khám xong, ban cấp cho và dựng mốc ranh giới rồi mới được cày cấy. **[11b]** Nếu chưa qua khám thực, chưa dựng cột mốc, thì không được cướp đoạt mà thu thóc lúa. Không được dung nạp kẻ gian ra vào, ức hiếp, lấy lạm ruộng đất của dân, để cho dân mọn bị thất nghiệp. Phải dạy dỗ con cháu, răn bảo nô tỳ cho chúng hiểu biết lễ phép, không được cậy thế kiêu ngạo, đánh đập dân mọn, không được phép phóng ngựa ngoài đường phố, làm thương tổn mạng người, không được chắn ngang đường sá, cướp bóc của dân. Kẻ nào vi phạm, thì cho người bị hại cùng người trông thấy tố cáo lên quan khoa, đài, hiến ty và phủ, huyện, châu, để làm bản tâu lên giao cho Hình bộ trị tội. Nếu quan khoa đài, hiến ty và phủ, huyện, châu sợ hãi, né tránh kẻ quyền thế, không chịu xét hỏi thì cho người ấy đến cửa khuyết tâu lên, bọn quan khoa, đài, hiến ty đó đều nhất loạt bị trị tội.

3- Quan các nha môn trong ngoài phải nghiêm khắc sửa mình, **[12a]** kính cẩn siêng năng làm chức phận của mình, không được bừa bãi theo dục vọng riêng, say đắm tửu sắc, sai khiến bậy người dưới quyền, dắt mối gái điếm, nàng hầu, yêu sách cỗ bàn, liên miên chè chén, đến nỗi lười nhác bỏ cả việc công, làm hư hại tới phong hoá. Ai vi phạm sẽ bị trị tội theo pháp luật.

---

[1] Trị bình bảo phạm: (Khuôn phép quý báu về việc trị bình). Theo Văn tịch chí của Phan Huy Chú, sách gồm 1 quyển, có 50 điều, đầu sách có lời dụ. Nhưng hiện nay chưa tìm được.

[2] Ngũ điển: năm đạo lớn vĩnh hằng của cha, mẹ, anh, em, con cái: cha phải có nghĩa, mẹ phải từ ái, anh phải yêu em, em phải kính anh, con phải hiếu thảo.

[3] Cửu tự: hay Cửu công là chỉ 9 việc về nước (thuỷ), lửa (hoả), kim khí (kim), gỗ (mộc), đất (thổ), lúa (cốc), sửa đức (chính đức), đem lại lợi ích cho dân (lợi dung), làm cho dân sống dồi dào (hậu sinh).

[4] Ngũ giáo: năm điều dạy về quan hệ: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè.

[5] Bát chính: theo Kinh thư, bát chính là tám điều về trị nước, đó là: thực: là đồ ăn, hoá: là tiền của, tự: là cúng tế, tư không: là chức giữ việc đất đai, tư đồ: là chức giữ việc dạy dỗ, tư khấu: là chức giữ việc đánh dẹp, tân: là việc tiếp khách, sư: là thầy dạy.

4- Lại bộ phải kính giữ công bằng, cân nhắc bổ dùng người, phải thận trọng dè dặt khi trao quan tước, giữ trong sạch quan trường. Nếu có dẫn người tuyển dụng thì mỗi lần 40 người, Lại bộ phải tư trước cho các nha môn, đoan khai họ tên những người đáng được thuyên bổ, rồi cùng với quan khoa, đài hiệp đồng dẫn tuyển, làm bản tâu lên, đợi nhận được sắc chỉ thì bổ dụng. Người nào lâu năm và trúng trường nhiều thì bổ trước, người nào ít năm và trúng trường ít thì bổ sau, người nào có quân công thì theo như lệnh thưởng công đời Hồng Đức mà thuyên bổ. Người ốm yếu hèn kém thì bổ chức tản quan, tạp lưu. Ai dám hối lộ và riêng tư, **[12b]** tuyển bổ không có thứ tự, thì cho quan đô, đài kiểm xét tâu lên, theo luật trị tội. Quan đô, đài không biết kiểm xét tâu lên cũng bị nhất loạt trị tội.

5- Giám sinh, nho sinh, sinh đồ cứ đến ngày mồng 1, ngày rằm hàng tháng đều phải mặc mũ áo đến điểm mục theo phép đã định. Phải tuân theo học quy, luyện tập văn bài, đợi khi thành tài để nhà nước sử dụng. Người nào dám chạy chọt cầu may, rong chơi ngoài đường, bỏ trễ việc học, thiếu 1 lần điểm mục thì phạt 140 tờ giấy trung chỉ, thiếu 2 lần thì phạt 200 tờ giấy trung chỉ, thiếu 3 lần thì đánh 40 roi, thiếu điểm mục 4 lần thì kiểm xét tâu lên giao cho Hình bộ xét hỏi, thiếu điểm mục 1 năm thì tâu lên bắt sung quân.

6- Trong kỳ thi Hương, các quan đề điệu, giám thí, giám khảo, khảo thí, tuần xước, và các xã trưởng phải thể theo đức ý của triều đình, phải giữ công tâm, mong lựa chọn được người có thực tài **[13a]** cho nhà nước sử dụng. Xã trưởng làm sổ khai nhận cho học trò, cốt được kẻ có thực học, không hạn chế số người nhiều hay ít, nộp lên quan huyện, châu bản hạt, cho thi một kỳ ám tả, rồi quan phủ cho thi ba đạo kinh nghĩa, quan thừa hiến hiệp đồng khảo thí như lệ. Thi xong, ngay hôm đó, kê khai hạng trúng tam trường là bao nhiêu người, hạng trúng tứ trường là bao nhiêu người, lập thành danh sách, rồi cùng với quan khảo thí ký tên vào để đề phòng gian trá. Hạn trong 3 ngày, các quan đề điệu, giám thí phải làm bản tâu lên, giao cho Hiến ty sát hạch. Ai dám riêng tư xoay tiền, mua ơn trả oán, nghe theo kẻ quyền thế mà lựa chọn không đúng người hoặc nộp bản tâu chậm trễ thì cho quan khoa, đài tâu lên để trị tội.

7- Đời Đoan Khánh, có nhiều kẻ gian phi ra vào nhà bọn ác đảng ở các làng Phù Chẩn, Hoa Lăng, có kẻ giả xưng là họ hàng của bọn ấy, có kẻ đi tìm **[13b]** mua tờ thiếp, để xâm chiếm ruộng đất của dân, cướp đoạt tiền tài của dân, đánh đập dân lương thiện, trêu ghẹo đàn bà con gái, cũng có kẻ chứa chấp bọn gian phi để chúng chia của cho mình, cậy thế lấn hiếp, gây hại ngày một quá. Nay bọn ác đảng tuy đã bị giết, nhưng bọn gian phi nói trên có kẻ nào vẫn theo thói cũ, ngang ngược hung bạo, quấy nhiễu dân mọn thì cho người bị hại và các phường, xã, thôn trưởng áp giải bản thân nó đến cáo giác với quan thừa, hiến, phủ, huyện, châu né sợ không chịu xét hỏi, thì cho người bị hại đến cửa khuyết tâu lên, nhất loạt giao cho Hình bộ trị tội cả.

Tháng 5, ngày mồng 5, vua ngự điện Kính Thiên, quan Hồng lô truyền loa, xướng danh các tiến sĩ là bọn Hoàng Nghĩa Phú. Các quan mặc triều phục chúc mừng. Các tiến sĩ nhận ân mệnh, Lễ bộ đem **[14a]** bảng vàng treo ngoài cửa nhà Thái học. Lại ban y phục, đai mũ và ban yến.

Gia phong Lượng quốc công Lê Phụ làm Tả bình chương quân quốc trọng sự, Nhập nội kiểm hiệu, Thượng tướng thái uý: Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang làm Khai phủ nghi đồng tam ty, Bình chương quân quốc trọng sự, Phụ quốc thượng tướng, Thượng tể thái phó; Uy quốc công Nguyễn Bá Lâm làm Công bộ thượng thư chưởng bộ sự, tri Hiển Phúc điện; Đàm Thận Huy làm Lại bộ thượng thư, tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục; Lê Tán Tương làm Công bộ hữu thị lang.

Mùa đông, tháng 11, ngày 11, người làng Quang Bị, huyện Bất Bạt là Trần Tuân nổi loại ở vùng Sơn Tây. (Tuân là cháu của Lại bộ thượng thư Trần Cận trước kia). Bấy giờ, nhân dân các phố xá ở kinh thành **[14b]** náo động, đều đem vợ con về quê quán, đường phố không còn một ai đi lại. Vua sai Hộ bộ hữu thị lang Lê Đĩnh Chi, cùng các quan khoa, đài đi khám xét các phố xá hàng chợ, xem người nào còn nhà ở, người nào vợ con đã về quê quán, ra lệnh cấm rất nghiêm ngặt, xử tội rất nặng [những người đã cho vợ con về quê quán], dân chúng khó bè nhắc chân động tay. Những người đã để vợ con về quê, thì phần nhiều đem người khác đến, nói dối là vợ con mình để đợi sai quan tới khám xét. Đến đây, lại sai xá nhân đến tận nhà các đại thần và văn thần xem thực hư ra sao, thì thấy vợ con của 5 người là bọn Lê Đĩnh Chi, Nguyễn Tông Thốc, Nguyễn Lý Quang và Hàn lâm kiểm thảo Ngô Tuy, Giám sát ngự sử Trần

Húc đều về nguyên quán. Vua sai giết bọn Đĩnh Chi ở ngã ba phường Đông Hà, vì bọn Đĩnh Chi **[15a]** làm quan đi khám xét mà vợ con lại trốn về quê trước, cho nên xử tội.

Vua sai Mỹ Huện hầu Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân đi đánh Trần Tuân. Bấy giờ quân của Tuân đã bức sát đến Từ Liêm (tên huyện, thuộc phủ Quốc Oai[1]), quan quân bại trận, lui về đóng ở các xứ Đông Ngạc, Nhật Chiêu[2].

Thế quân của Tuân rất mạnh, muốn bức sát kinh thành. Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang sai quân sáu vệ Điện tiền kéo thuyền Tiểu Thiên Quang xuống sông, định đưa vua ngự về Thanh Hoa, giữ nơi hiểm yếu rồi gọi hết bọn thợ của các sở ở Công bộ và thợ thường ban, bày kỳ binh ở xứ Đông Hà để giữ. Đến đêm, bọn chúng hoảng sợ trốn về cả. Vua sai Minh Luân bá Lê Niệm, Tổng thái giám Lê Văn Huy và 2 người hoa văn học sinh đem lực sĩ của hai ty Hải Thanh và Hà Thanh chèo hai chiếc thuyền nhẹ ra **[15b]** xứ Từ Liêm để dò xét tình hình quân giặc. Niệm đến chợ An Giang trước thấy phố xá bị thiêu trụi, quan quân đã bại trận rút về, vượt sông vào xã Quả Hối. Niệm lại chạy về, vào điện tâu trước mặt vua. Bấy giờ, Duy Sản bị giặc đánh bại, thủ hạ chỉ còn hơn 30 người, xé áo làm hiệu, thề cùng nhau đánh giặc. Giờ Dậu, Duy Sản thình lình xuất hiện, đột nhập vào dinh của Tuân, thấy Tuân mặc áo đỏ ngồi trên giường, liền dùng giáo đâm chết Tuân, bè đảng của Tuân đều tan chạy cả. Bấy giờ quân lính của Tuân đóng ở chổ khác, không biết là nghịch Tuân đã chết, vẫn cứ đóng quân như trước.

Ngày 20, vua làm lễ tấu cáo ở Thái Miếu, rồi sai Nguyễn Văn Lang đem tướng sĩ, voi ngựa của các doanh đi đánh. Bấy giờ, Duy Sản đã giết Trần Tuân, liền thừa thế bắn ba tiếng súng, các quân đánh trống hò reo tiến vào, đánh **[16a]** tan quân giặc, đuổi theo đến các xã Thuỵ Hương, Quả Động, Đông Ngạc[3], đâm chết rất nhiều tên, xác giặc nằm đầy đồng, chết đuối dưới sông không kể xiết. Sau này định công ban thưởng, ban phong Trịnh Duy Sản là Nguyên quận công, những người đi theo Duy Sản đâm chết được nhiều giặc đều được trao chức đô chỉ huy đồng tri[4]. Việc xét quân công có lệ người nào giết được nhiều giặc thì được trao quan chức bắt đầu từ đó.

Chém Hồ bả ở phường Diên Hưng. Trước đó, Đô lực sĩ Hồ Bả đánh giặc lùi trở về, bẻ cánh mũ kim phụng giấu đi, đến khi dẹp yên giặc, Hồ Bả bị xử chém.

Giết viên Hộ bộ tư vụ Lý Văn Tư. Trước đó, khi có loạn Trần Tuân, ở Kinh thành, các thân vương, công chúa và dân chúng ở phố xá, hàng chợ đều chạy ra ngoài thành Đại La, trú ngụ tại các xã Hồng Mai, Thịnh Liệt. Văn Tư cũng đi lánh nạn, nói vụng những lời khinh miệt các đại thần, bọn Nguyễn **[16a]** Văn Lang, Trịnh Duy Đại tâu lên vua, cho nên bị giết.

Thưởng bọn đại học sĩ Đỗ Nhạc 11 người. Trước đây, Trần Tuân tiến quân sát đến Kinh thành, lòng người sợ hãi, bọn Duy Nhạc vẫn làm việc ở triều đường. Vua sai kê khai các đại thần văn thần, chỉ có 11 viên [còn ở lại]. Nay vâng sắc chỉ bàn định ban thưởng để biểu dương lòng trung thành của họ.

Phân định lệ thuế vàng bạc. Lệ thuế vàng trong nước: vàng mười hạng tốt là 449 lạng 5 phân, 6 ly, 4 hào, lệ cũ là 460 lạng; nộp thay voi công là 20 lạng nữa; vàng mười [hạng thường] là 2.901 lạng, 6 đồng cân, 9 phân, 5 ly, 1 ty, lệ cũ là 2.863 lạng. Còn lệ thuế bạc, thì bạc tốt mười thành là 6.125 lạng, 9 đồng cân, 8 phân, **[17a]** 4 ty, 8 hào, lệ cũ là 4.930 lạng.

Sai Nguyễn Văn Lang trung tu Sùng Nho điện ở Quốc tử giám và hai giải vũ, sáu nhà Minh Luân, nhà bếp, phòng kho, cùng làm mới hai nhà bia bên đông và bên tây, mỗi gian đặt một tấm bia bên tả, một tấm bên hữu. Năm này, dựng hai nhà bia đề tên các tiến sĩ khoa Ất Sửu năm Đoan Khánh thứ 1 và khoa Mậu Thìn năm Đoan Khánh thứ 4. Khi ấy, sau khi sai trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia,

---

[1] Từ Liêm: tên huyện, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[2] Đông Ngạc: tức làng Vẽ, Nhật Chiêu: nay là xã Nhật Tân, đều thuộc Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[3] Ba xã này đều thuộc huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội, ở khoảng từ Chèm đến Hồ Tây. Quả Động là Tảo Xã, nay là xã Xuân Tảo.

[4] Theo điển lệ quan chức triều Lê thì đô chỉ huy đồng tri phẩm trật là tòng tam phẩm về hàng quan võ.

vua lại nghĩ hai khoa thi về đời Đoan Khánh chưa dựng bia, liền sai Đông quan[1] khắc đá, Thượng thư, Đông các đại học sĩ, Nhập thi kinh diên Đỗ Nhạc soạn bài ký, Trung thư giám xá nhân Đỗ Như Chi viết chữ tri thượng bảo giám Bùi Thị viết chữ triện.

> Xét bài ký của Đỗ Nhạc ghi: Vua thông minh xứng đáng bậc vua, sáng suốt làm gương cả nước, khôi phục **[17b]** quy mô xây dựng cơ nghiệp của Thái Tổ, mở rộng nền móng văn giáo thịnh trị của Thánh Tông. Ban đầu đặt kinh diên, lưu tâm điển tịch. Sáng vầng sao Khuê[2] ngang trời dọc đất thì có tập Bảo thiên thanh hạ; mở gương trị giáo mẫu mực xưa nay thì có tập Quang thiên thanh hạ[3]. Thánh học ngày càng cao minh, thánh đức ngày càng thuần tuý. Hơn nữa, đến nhà Thái học hỏi về đạo trị nước, ra nơi điện đình thi chọn bọn học trò, then máy cổ võ lại càng chu đáo lắm. Đã sai quan chọn bọn học trò, then máy cổ võ lại càng chu đáo lắm. Đã sai quan trùng tu Quốc tử giám và làm mới nhà bia, lại nghĩ tới hai khoa Ất Sửu, Mậu Thìn chưa có dựng bia, liền sai quan khắc bia soạn ký để dựng lên. Như vậy có thể thấy được cái ý tôn sùng đạo học, khuyến khích hiền tài sâu sắc dường nào!

Nhâm Thân, [Hồng Thuận] năm thứ 4 [1512], (Minh Chính Đức năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, sai võ tướng thống lĩnh binh tượng và Đỗ **[18a]** Nhạc làm tán lý quân vụ đi các vùng Sơn Tây và Hưng Hoá để đánh dẹp bọn phản nghịch Nguyễn Nghiêm[4].

Tháng 3, ngày mồng 3, có thánh chỉ rằng: Người nào là con cháu công thần khai quốc mà còn phải ở trong quân ngũ thì cho sắc mệnh phong tặng của cha ông đến kêu ở cửa quan. Quan bản xứ xét thực, người nào biết chữ thì được sung làm học sinh ở Sùng Văn quán, người nào không biết chữ thì sung làm tuần sĩ của vệ Cẩm y.

Gia phong Lê Tung làm Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu, Tri kinh diên sự, Đôn Thư bá.

Mùa hạ, tháng 4, khảo thí con cháu các quan viên về viết chữ và làm toán.

Người nào đỗ, cho sung làm nho sinh và lại điển ở các nha môn.

Bọn Lê Hy, Trịnh Hưng, Lê Minh Triệt làm loạn ở vùng Nghệ An. Vua sai bọn Khang quận công Trần Nghi và Đông các hiệu thư Trần **[18b]** Dực đi đánh. Vào đến địa phận Nghệ An, bọn Nghi đằng trước, đằng sau đều bị giặc đánh. Quan quân vượt xa biển, bị sóng gió đánh vỡ thuyền, toàn quân bị chết đuối.

Nghi và Dực cũng chết chìm ngoài biển. Bọn Hy, Hưng tiến sát đến Lôi Dương[5].

Tháng 5, ngày 16 vua sai Trịnh Duy Sản chỉ huy quan quân, và Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ đến Thanh Hoa, Nghệ An đánh dẹp quân giặc, chém đầu Lê Minh Triệt đưa về Kinh sư bêu ở phường Đông Tân; bắt sống được Hy và Hưng đóng cũi giải về Kinh sư rồi giết.

Thả các dân binh tứ chiếng[6] đã điều động tập hợp khi trước cho trở về quê cũ. Trong lúc bối rối nghe tin bọn Trịnh Hưng nổi dậy đánh đến Thanh Hoa, bấy giờ, trời đã tối, cửa thành đã khoá, có lệnh gọi các quan ở triều đường tới nghị bàn, lại có sắc dụ ở ngoài cửa Đại Hưng sai các đại thần **[19a]** đi bắt dân binh tứ chiếng tới các địa phương phân chia vào làm lính nơi đó để phòng đánh giặc. Đến đây, bọn giặc đã bị diệt, có lệnh thả cho về quê quán.

---

[1] Đông quan: tức là Công bộ.

[2] Sao Khuê: là biểu tượng của văn chương, học thuật.

[3] Bảo thiên thanh hạ và Quang thiên thanh hạ: hai tập này chưa tìm được.

[4] Nguyễn Nghiêm: là dư đảng của Trần Tuân.

[5] Tức vùng huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá hiện nay.

[6] Dân binh tứ chiếng: chỉ dân binh người bốn trấn trú ngụ ở kinh đô.

Đặt các đội Tả kim đao và Hữu kim đao.

Hạn hán, trong nước đói to.

Làm điện lớn hơn trăm nóc. Trước đây, xã Minh Quyết, huyện Cẩm Giàng có người thợ Vũ Như Tô (tức tên đô Nhạn), ở nhà lấy cây nứa dựng thành kiểu điện lớn trăm nóc, đến đây đem kiểu nhà ấy dâng lên, khuyên vua xây dựng.

Mùa đông, tháng 10, tặng Dương Trực Nguyên làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Quý Dậu, [Hồng Thuận] năm thứ 5 [1513], (Minh Chính Đức năm thứ 8). Mùa xuân, Nghĩa quốc công Nguyễn Văn Lang chết, tặng phong Nghĩa Huân Vương, tang lễ theo nghi thức của tước vương, sai đúc vàng làm tượng.

[19b] Tháng giêng, ngày 26, nhà Minh sai chánh sứ là Hàn lâm viện biên tu Trạm Nhược Thuỷ, phó sứ là Hình khoa hữu cấp sự trung Phan Hy Tăng sang sách phòng vua làm An Nam Quốc Vương và ban cho một bộ áo mũ quan võ bằng da, một bộ thường phục. Hy Tăng trông thấy vua, bảo Nhược Thuỷ rằng: "Quốc vương An Nam mặt thì đẹp mà người lại lệch, tính háo dâm, là vua lợn, loạn vong sẽ không lâu đâu". Đến khi về, vua tặng biếu rất hậu. Nhược Thuỷ và Hy Tăng không nhận. Vua làm thơ tiễn Nhược Thuỷ rằng:

Phụng chiếu chi thừa xuất cửu trùng,
Hoàng hoa đáo xứ tổng xuân phong.
Ân đàm Việt điện sơn xuyên ngoại,
Nhân ngưỡng Nghiêu thiên nhật nguyệt trung.
Văn quỹ xa thư quy hỗn nhất,
Uy nghi lễ nhạc ái chiêu dung.
Sứ tinh cảnh cảnh quang huy biến.
Dự hỷ Tam thai thuỵ sắc đồng.
(Chiếu phượng ban cho tự cửu phùng,
Hoàng hoa[1] chốn chốn vẫn xuân phong.
Ân trùm cõi Việt non sông khuất,
Người ngóng trời Nghiêu nhật nguyệt chung.
Lối xe cỡ chữ thâu về một[2],
Lễ nhạc uy nghi rõ chữ đồng.
Vằng vặc sứ trời soi sáng khắp,
Tam thai[3] ánh đẹp dự vui cùng).

Nhược Thuỷ **[20a]** hoạ vần đáp lại rằng:

Sơn thành thuỷ quách độ trùng trùng,
Sơ tụng tân thi kiến quốc phong.
Nam phục mạc ngôn phân thổ viễn,
Bắc thần trường tại phổ thiên trung.
Xuân phong hạo đãng hoa đông vũ,
Hoá nhật chiêu hồi hải cộng dung.
Ký đắc truyền tuyên thiên ngữ ý,
Vĩnh kỳ trung ngoại thái bình đồng.
(Thành non, quách nước trải bao trùng,
Thơ mới vừa ngâm thấy quốc phong.

---

[1] Hoàng hoa: phần Tiểu nhã của Kinh thi có bài Hoàng hoàng giả hoa nói việc cử sứ thần. Sau này chữ "Hoàng Hoa" dùng để chỉ việc đi sứ, hoặc ca ngợi sứ thần.

[2] Ý nói thâu tóm thiên hạ vào một mối.

[3] Tam thai: tên sao, tức ba vì sao Thượng Thai, Trung Thai, Hạ Thai, dùng làm biểu tượng cho chức tam công, ý câu này mong Nhược Thuỷ sẽ làm đến tam công.

Chớ bảo Nam bang riêng đất lánh,
Còn kia Bắc đẩu khắp trời chung.
Gió xuân lồng lộng hoa đua múa,
Trời sáng lâng lâng biển cùng đồng.
Nhớ lúc truyền ban lời thánh chỉ,
Thái bình mọi chốn mãi mong cùng).

Bài thơ của vua tiễn Hy Tăng rằng:

Nhất tự[1] hồng vân giả án tiền,
Sứ tinh quang thái chiếu Nam thiên.
Lễ quy nghĩa củ chu toàn tế,
Hoà khí xuân phong tiếu ngữ biên.
Ân chiếu phổ thi tân vũ lộ,
Viêm phong vĩnh điện cựu sơn xuyên.
Tình tri viễn đại lư hiền nghiệp,
Miễn phụ hoàng gia ức vạn niên.
(Từ chốn mây hồng án đỏ xa,
Trời nam sao sứ rọi quang ba.
Lễ nghi quy củ khi thù ứng,
Cười nói tươi vui buổi khí hoà.
Ân chiếu rộng ban mưa móc mới,
Viêm bang vững mãi cựu sơn hà.
Hiền thần cơ nghiệp còn cao rộng,
Muôn năm gắng sức giúp hoàng gia).

Hy Tăng hoạ vần đáp lại rằng:

Hoàng gia thanh giáo cổ vô tiền,
Thử nhật xuân phong động hải thiên.
Long tiết viễn huy Nam đẩu ngoại,
Điểu tinh trường củng **[20b]** Bắc Thần biên.
Duy viên nghĩa tại tư phân thổ,
Nạp hối tài sơ quý tế xuyên.
Lâm biệt hà tu phân trọng tệ,
Tặng ngôn thâm ý ức tha niên.
Hoàng gia thanh giáo dậy phương xa,
Trời biển xuân về gợn ánh ba.
Long tiết[2] sáng coi ngoài Nam đẩu,
Điểu tinh[3] chầu mãi Bắc thần hoà.
Phong đất nghĩa nên làm vách giậu,
Can ngăn tài kém thẹn qua hà,
Chia tay chi phải cho nhiều thứ,
Tặng lời thâm ý nhớ hoàng gia).

Vua lại có bài thơ tiễn Nhược Thuỷ rằng:

Thánh triều thị hoá chính văn minh,
Nội tướng chí thừa sứ tiết hành.
Thịnh lễ ung dung chiêu độ số,
Chí nhân quảng đăng hoá ân vinh.
Lưu thời dục tự ân cần ý,

---

[1] Bản dịch cũ theo Lịch triều hiến chương loại chí sửa thành "nhất đoá".

[2] Long tiết: tức sứ tiết. Câu này ý nói sứ Bắc tới cõi Nam.

[3] Điểu tinh: Tinh là một vì sao trong thập nhị bát tú, ở phương Nam. Câu này ý nói: cõi Nam quây chầu về sao Bắc đẩu.

Tiễn nhật nan thăng khiển quyển tình.
Thử hậu loạn pha thừa cố vấn.
Nam bang dân vật hựu thăng bình.
(Thánh triều trị hoá rất văn minh,
Nội tướng vâng sai ruổi sứ trình.
Lễ hậu ung dung rành độ số,
Chí nhân rộng rãi tỏ ân vinh.
Khi ở ân cần mong giãi ý,
Lúc xa tha thiết xiết bao tình.
Hàn viện sau này ban hỏi tới,
Cõi Nam dân vật được thăng bình.)

Nhược Thuỷ hoạ vần đáp lại rằng:

Lương phú tòng đầu xuân nhật minh,
Ngã ca thính bãi ngã tương hành.
Tự thiên tam tích nguyên thù số,
Bạc hải[1] chủ bang thục dữ vinh.
Cánh cẩn chức phương thù thánh đức,
Mỗi tương nhân giám sát quần tình.
Lâm kỳ bất dụng trung quân phó,
Vạn lý minh uy **[21a]** đạo đăng bình.
(Ngày xuân Lương Phú tự bình minh,
Ta ca vừa hết, sắp đăng trình.
Ba lượt mệnh trời âu số lạ,
Muôn bang góc biển hỏi đâu vinh.
Chức cống càng lo đền thánh đức,
Gương soi năng liệu xét nhân tình.
Buổi tiễn cần chi căn dặn lắm,
Muôn dặm minh uy rộng lối bình.)

Vua lại tặng Hy Tăng bài thơ rằng:

Càn khôn thanh thái thuộc tam xuân,
Sứ tiết quang lâm hỷ sắc tân.
Bính hoán thập hàng ban Hán chiếu,
Uông dương tứ hải dật Nghiêu nhân.
Hung trung băng ngọc trần vô điểm,
Bút hạ châu cơ cú hữu thần.
Kim nhật tinh thiều hồi Bắc khuyết,
Tiễn diên bôi tửu mạc từ tần.
(Đất trời trong sáng cảnh đang xuân,
Sứ tiết qua thăm đẹp bội phần.
Chói lọi mười hàng đây Hán chiếu,
Mênh mông bốn biển nọ Nghiêu nhân.
Băng ngọc trong lòng không điểm bụi,
Châu cơ đầu bút lắm câu thần.
Ngày nay xe sứ quay về Bắc,
Chuốc chén luôn luôn chớ ngại ngần.)

Hy Tăng hoạ vần đáp lại rằng:

Vạn lý quan phong Bách Việt xuân,
Chướng yên tiêu tận vật hoa tân,

[1] Nguyên văn là "Bạc vật". Chữ "vật" ở đây vốn là chữ "hải" lộn thành. "Bạc hải" đối với "tự nhiên". Vả lại nếu là chữ "vật" thì câu thơ không rõ nghĩa.

Xa thư bất dị Thành Chu chế,
Phi dược nguyên đồng đại tạo nhân.
Sảo tự thượng minh lân hải thác,
Vĩnh hoài Chu điểu điện Viêm thần.
Uý thiên sự đại vô cùng ý,
Tài nhập tân thi ký ngữ tần.
(Muôn dặm ngắm nhìn Bách Việt xuân,
Chướng khí tiêu tan, sáng bội phần.
Xa thư chẳng khác Thành Chu trước,
Bay nhảy nguyên cùng tạo hoá nhân.
Như lượng biển xanh dung sản vật,
Nhờ hoài Chu điểu dựng Viêm thần[1].
Lòng kính sợ trời thờ nước lớn,
Lời thơ gửi gắm ý khôn ngần.)

Gia phong Nguyễn Mậu làm Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục, Cẩn Lễ nam.

Tháng 2, ngày 27, vua sai Lại bộ hữu thị lang Nguyễn **[21b]** Trang[2], Hàn lâm viện kiểm khảo Nguyễn Sư[3] (tức Nguyễn Sư Truyền), Lễ khoa cấp sự trung Trương Phu Duyệt[4] sang nhà Minh tạ ơn sách phong và tạ ơn ban mũ áo.

Ngày 28, sứ nhà Minh ở quán Bắc Sứ tìm người viết chữ đẹp sai viết bạch bài[5] gửi về châu Bằng Tường của họ, báo chuẩn bị binh phu đợi đón sứ Minh về nước.

Hôm ấy, vua ngự điện Quang Trị xem voi đấu nhau với hổ.

Lấy Tiền kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ làm Lễ bộ tả thị lang hành Kim quang môn đãi chiếu, tri Thượng bảo giám các cục.

Khi vua mới được nước, mất ấn Quốc bảo, không có gì để khớp với phù khế của nhà Minh, có Kim quang môn đãi chiếu Nguyễn Huệ biết làm ấn Quốc bảo, vua sai khắc ấn để khớp với phù khế của nhà Minh, quả nhiên khớp với ấn của nhà Minh đã ban cho. Lần này nhà Minh sai bọn Nhược Thuỷ sang phong thì Huệ đã lui về vì tuổi già. Vua nghĩ **[22a]** đến công của ông, lại gọi ra để dùng.

Sông Cơ Xá[6] có rắn hiện ra 20 ngày.

Tháng 3, vua thân hành đến cầu tự ở điện Tường Quang.

Gia phong Đỗ Nhạc làm Quang Nghiệp đại phu, Thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Vua làm điện Mục Thanh và hai nhà giáp thất[7] đông, tây ở trước điện Phụng Tiên, đem thần chủ từ Lương Vương Thuyên, Tống Vương Đĩnh trở xuống phối tự ở đó. Trước kia, điện Phụng Tiên thờ Thái Tổ Cao Hoàng Đế[8] ở giữa, Tuyên Tổ Hoàng Đế[1] ở bên tả, Hiển Tổ Hoàng Đế[2] ở bên hữu, Thái Tông,

---

[1] Chu điểu: hay Chu tước, chỉ 7 ngôi sao ở phương nam: Tỉnh, Quỷ, Liễu, Tinh, Trương, Dực, Chẩn. Viêm: là nóng, Viêm thần chỉ cõi nóng, tức phương Nam. Câu này ý nói: Nhớ mãi cõi Nam.

[2] Nguyễn Trang: người làng Thượng Thanh Oai, huyện Thanh Oai (nay thuộc tỉnh Hà Tây), đỗ tiến sĩ khoa Canh Tuất (1490) đời Hồng Đức.

[3] Nguyễn Sư: người làng Lý Hải, huyện Yên Lăng, đỗ tiến sĩ khoa Mậu Thìn (1508) đời Đoan Khánh.

[4] Trương Phu Duyệt: người làng Kim Đâu, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Bạch bài: cũng như công văn, thư từ ngày nay.

[6] Chỉ đoạn sông Hồng chảy qua phường Cơ Xá, phường này ở về phía Bắc cầu Long Biên ngày nay.

[7] Giáp thất: nhà ở hai bên.

[8] Tức Lê Lợi.

Thánh Tông, Túc Tông thờ ở phía đông về bên tả thần chủ Tuyên Tổ; Nhân Tông, Hiến Tông, Đức Tông thờ ở phía tây về bên hữu thần chủ Hữu Hiền Tổ. Hiếu Kính đường thì thờ Chiêu Hiếu Đại Vương[3], Quận Ai Vương[4] ở phía đông, Trung Dũng Đại Vương[5] ở phía tây. Đến đây, làm điện Mục Thanh, nhà giáp thất phía đông gọi là Chương Đức đường, để phối tự Chiêu **[22b]** Hiếu Đại Vương, Quận Ai Vương, Lương Vương[6], Đường Vương[7], Diễn Vương (tên là Cảo), Ứng Vương (tên là Chiêu), Triệu Vương (tên là Thoan); nhà giáp thất phía tây gọi là Chiêu Huân đường để phối tự Trung Dũng Vương (tên là Thạch), Cung Vương[8], Tống Vương[9], Phúc Vương (tên là Tranh), Quảng Vương (tên là Thuyên)[10], Trấn Vương (tên là Kinh), Nghĩa Vương (tên là Cạnh), Kinh Vương (tên là Kiến).

Mùa hạ, tháng 6, ngày mồng 7, nước lũ, vỡ đê phường Yên Hoa[11] thông vào hồ Tây.

Lấy Hàn lâm viện kiểm thảo Nguyễn Mậu[12] làm Hiến sát sứ Thanh Hoa.

Vua thường sai người đi lấy hoa gạo. Mậu dâng sớ can, trái ý vua, vua sai trung sứ bắt đánh đòn.

Mùa thu, tháng 8, ngày 30, có sắc chỉ rằng: Các tuấn sĩ vệ Cẩm y, người nào bị sung quân thì khai lại để đuổi về nguyên quán theo như lệ.

Dựng bia ghi tên tiến sĩ khoa Tân Mùi năm Hồng Thuận thứ 3. Sai Công bộ thượng thư chưởng bộ sự, tri Hiển Phúc điện Uy quận công **[23a]** Nguyễn Bá Lân trông coi việc dựng bia, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư, Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bi ký; Trung thư xá nhân Ngô Ninh viết chữ chân, Tri thượng bảo giám các cục Nguyễn Huệ viết chữ triện.

Mùa đông, tháng 10, ngày 13, sai Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quỳ, Hàn lâm viện thị thư Hứa Tam Tỉnh, Đề hình giám sát ngự sử Nguyễn Quý Nhã sang tuế cống nhà Minh.

Phong Diên quận công Lê Nghĩa Chiêu làm Thái phó Hùng quốc công, gia phong Nguyễn Lữ làm Hộ bộ thượng thư Quỳnh Nham hầu.

Tháng 12, ngày mồng 3, bọn Thái phó Thọ quận công Trịnh Hựu kính phụng sắc chỉ rằng: Các công thần về đời Thuận Thiên có sắc mệnh ban phong và người họ nhà vua được để tang vua, con cháu trước đã tập **[23b]** ấm, sung làm tuấn sĩ vệ Cẩm y thì vẫn giữ lại ở vệ cũ, người nào chưa được sung bổ thì tiếp tục cho sung bổ như lệ trước, nếu có ai năm trước bị đưa vào các vệ khác thì nay trả về ngạch tuấn sĩ như trước, làm như vậy để khuyến khích, biểu dương công thần, để tỏ rõ sự thân yêu trong họ.

Giáp Tuất, [Hồng Thuận] năm thứ 6 [1514], (Minh Chính Đức năm thứ 9). Mùa xuân, tháng 2, vua bái yết Tây Kinh.

Vua cày ruộng tịch điền, cày bị gãy.

---

[1] Tức Lê Khoáng, cha Lê Lợi.

[2] Lê Đinh, cha Lê Khoáng.

[3] Tức Lê Học, con trưởng của Lê Khoáng, anh cả Lê Lợi.

[4] Tức Lê Tư Tề, con trưởng của Lê Lợi.

[5] Tức Lê Thạch, con Lê Học.

[6] Tức Lê Thuyên.

[7] Tức Lê Cảo, theo CMCB 26 và Đại Việt thông sử. Nhưng theo Toàn thư thì Diễn Vương tên là Cảo.

[8] Tức Lê Khắc Xương, trước phong Tân Bình Vương, Nghi Dân đổi phong là Cung Vương.

[9] Tức Lê Tung.

[10] Theo Đại Việt thông sử và Cương mục thì Quảng Vương tên huý là Táp.

[11] Phường Yên Hoa: sau đổi thành phường Yên Tĩnh, nay là phường Yên Phụ, Hà Nội.

[12] Nguyễn Mậu: người làng Du La, huyện Thanh Hà (nay thuộc tỉnh Hải Hưng), đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

Tháng 3, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Bấy giờ, người dự thi là 5700 người. Lấy đỗ bọn Nguyễn Bỉnh Đức (Bỉnh Đức trước tên là Giới, sau đổi thành Ninh Chỉ, sau lại đổi là Ninh Bang, người phường Thịnh Quang, huyện Quảng Đức[1], thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân, triều Mã làm quan đến thượng thư thiếu sư Liêm quận công, gồm 43 người.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 27, vua thân hành ngự điện ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài. Sai Tả bình chương quân quốc trọng sự nhập nội kiểm hiệu thượng tướng thái uý Lương quốc công **[24a]** Lê Phụ, Lại bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đàm Thận Huy, Công bộ hữu thị lang Lê Tán Tương, Thiếu bảo Lại bộ thượng thư Do Lễ bá Nguyễn Bá Thuyên, Hộ bộ thượng thư tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Cẩn Lễ nam Đoàn Mậu, Thiếu bảo Lễ bộ thượng thư Đông các đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung, Hình bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Đỗ Nhạc chia nhau trông coi việc thi. Cho bọn Nguyễn Đức Lượng, Nguyễn Chiêu Huấn, Hoàng Minh Tá 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Vu 20 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Bỉnh Di 20 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 5, có chiếu cho các tiến sĩ mới là bọn Nguyễn Đức Lượng vào điện Thiên Quang làm bài ứng chế, vua sai làm bài Thiên **[24b]** Quang điện ký.

Năm ấy có sao Kim mọc ban ngày.

Nước lũ rất lớn, hồ ao trong kinh thành có rắn lớn xuất hiện đến 20 ngày.

Vua sai đốt pháo, mở cờ, đánh trống để doạ nó. Sau 4 tháng rắn mới đi.

Đắp thành bao sông Tô Lịch, làm điện Tường Quang.

Vua nghe lời vu cáo của Hiệu uý Hữu Vĩnh (không rõ họ) giết hết 15 vương công họ tông thất. Cho gọi cung nhân của Mẫn Lệ công và cung nhân của triều trước để thông dâm.

Mùa thu, tháng 9, sai thiếu bảo Lễ bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, kiêm Quốc tử giám tế tửu tri kinh diên sự Đôn Thư bá Lê Tung soạn bài Đại Việt thông giám tổng luận[2] (Tung trước tên là Bang Bản, người làng An Lạc, huyện Thanh Liêm).

Mùa đông, tháng 10, ngày 17, Lại khoa đô cấp sự trung Phạm Trí Năng tâu rằng: Kể **[25a]** từ nay, khi bổ dụng quan chức, Lại bộ phải theo như lệ đời Hồng Đức, chọn những viên nào ở chức lâu năm, đủ lệ bộ khảo khoá, có công tích, lòng dân thuận phục mới được thăng bổ. Nếu Lại bộ thuyên bổ không đúng thì Hình bộ sẽ theo luật mà trị tội.

Tháng 12, ngày mồng 4, bọn Lễ bộ thượng thư chưởng bộ sự, Phò mã đô uý Hưng quận công Nguyễn Trinh tâu rằng: Bản kê sách lễ tập viết và sách vở cùng một thoi mực cho Phúc quốc trưởng công chúa[3] có nên do Ngự dụng giám làm danh sách hay không, và xin chiếu phát thêm lễ vật để bày bàn thờ bảy chục vị học trò [của Khổng Tử]. (Dùng 80 bàn độc, 18 vòng hương đen, 18 bó bạch mộc hương nhỏ, 20 cây nến, 2 lạng chè, 1 cân dầu, 1 lạng thảo vong[4], thịt hươu muối, thịt hươu khô, dưa muối, lúa mới, quả táo, rau cần, đậu xanh mỗi thứ 18 mâm, 2 chĩnh rượu, 36 bó củi, đến ngày thì làm lễ.

Vở thì dùng thứ giấy phương chỉ như giấy viết châm).

[25b] Lấy Trần Sùng Dĩnh làm Hộ bộ thượng thư.

Ất Hợi, [Hồng Thuận] năm thứ 7 [1515], (Minh Chính Đức năm thứ 10). Mùa xuân, tháng giêng, sai Thuỵ quận công Ngô Bính và Nguyên quận công Trịnh Duy Sản làm Đô tướng, Ngự sử đài thiêm đô

---

[1] Nay là Hà Nội.

[2] Đại Việt thông giám tổng luận, 1 quyển, Lê Tung soạn. Theo Phan Huy Chú, khi Vũ Quỳnh làm xong sách Đại Việt thông giám thông khảo, dâng lên vua, Tương Dực Đế muốn tóm tắt những điều quan trọng trong bộ sử ấy và có phê phán, làm thành bài Tông luận để đọc cho tiện, bèn sai Lê Tung soạn sách đó.

[3] Trưởng công chúa: là tước của chị hay em gái vua.

[4] Chưa rõ là thứ cỏ gì.

ngự sử Nguyễn Khiêm Bính làm Tán lý quân vụ đi đánh Phùng Chương ở vùng núi Tam Đảo. Chương thua chạy.

Tháng 2, vua thân hành xem tập trận ở xã Định Công[1], khi về, ngự chơi nhà hoàng phi Lê thị[2].

Thiều Khê bá Ngô Thứ nổi loạn bị giết.

Năm này, bắt các trấn nộp thuyền gỗ để đi đánh Ai Lao.

Bấy giờ lúa chiêm có cây sinh một hạt thóc hai nhân gạo.

Lấy Công bộ hữu thị lang Lê Tán Tương làm quyền Lại bộ hữu thị lang.

Tháng 8, tháng 9, nước to.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 7, An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ tâu xin thu lúa đồn điền **[26a]** để chi dùng cho nhà nước.

Bọn Đặng Hân và Lê Hất làm loạn ở vùng huyện Ngọc Sơn[3], Thanh Hoa. Ngày 27, vua sai tướng thống lãnh binh sĩ, lấy Đỗ Nhạc làm Tán lý quân vụ đi đánh dẹp.

Bính Tý, [Hồng Thuận] năm thứ 8 [1516], (Từ tháng 4 trở đi là Chiêu Tông Quang Thiệu năm thứ 1; Minh Chính Đức năm thứ 11). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ là kỳ đại tập các quân, Trần Công Ninh nổi loạn ở xứ đò Hối, huyện Yên Lãng[4]. Ngày 23, vua sai Đông các đại học sĩ Đỗ Nhạc trấn giữ Kinh thành, vua đích thân đem các đại thần văn võ và đô đốc năm phủ đi theo. Quân ra cửa Bắc Thần, vua ngự ở hành tại bên sông Nhị Hà, ra lệnh cho các tướng qua sông tiến đánh, phá tan quân giặc, giết được rất nhiều. Rồi luận công các tướng sĩ, trao quan chức cho từng người.

Trước đây, vua thích làm nhiều công trình thổ mộc, đắp **[26b]** thành rộng lớn mấy ngàn trượng, bao quanh điện Tường Quang, quán Chân Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, từ phía đông đến phía tây bắc, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp hoàng thành, dưới làm cửa cống, dùng ngói vỡ và đất đá nện xuống, lấy đá phiến và gạch vuông xây lên, lấy sắt xuyên ngang. Lại sai làm thuyền chiến, sai thợ vẽ kiểu, sai bọn nữ sử trần truồng chèo thuyền chơi trên Hồ Tây, vua cùng chơi, lấy làm vui thích lắm. Người thợ Vũ Như Tô làm điện lớn hơn trăm nóc, dùng hết tiền của và sức dân trong nước. Lại làm Cửu Trùng đài, trước điện đào hồ thông với sông Tô Lịch để dẫn nước vào, thả thuyền Thiên Quang cho mặc sức du ngoạn. Hồ ấy quan co khúc khuỷu, mở cửa cống có thể chở thuyền nhẹ ra vào để rong chơi, cực kỳ xa xỉ.

Dân chúng đau khổ, binh lính mệt nhọc. Quân năm phủ đắp thành **[27a]** chưa xong được, đến đây lại có lệnh bắt các nha môn ở trong ngoài kinh thành phải làm, tập hợp nhau lấy hồ, khiêng đất. Vua hàng ngày bất thần ngự chơi các nơi, chỗ nào vừa ý thì thưởng cho bài vàng, bài bạc. Có chỗ đã làm xong lại phải làm lại, sửa đổi xây đắp lại, hết năm này qua năm khác, liên miên không dứt. Quân lính đắp thành mắc chứng dịch lệ đến một phần mười.

Tháng 3, nước to.

Ngày mồng 6, Thuần Mỹ điện giám Trần Cảo ở trang Dưỡng Chân, huyện Thuỷ Đường làm loạn[5]. Cảo thấy lời sấm nói rằng, phương đông có vượng khí thiên tử, liền ngầm mưu việc đại nghịch, trá xưng là cháu chắt của Trần Thái Tông, là họ ngoại của Quang Thục hoàng hậu[6], cùng với con là Cung và bè

---

[1] Định công: tên xã, thuộc huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[2] Lê thị là bà phi của Uy Mục Đế.

[3] Ngọc Sơn: tên huyện, thuộc phủ Vĩnh Tường, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[4] Yên Lãng: tên huyện, thuộc tỉnh Vĩnh Tường, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[5] Trần Cảo: Cương mục chép là Trần Cao. Thuỷ Đường: là tên huyện, nay là vùng Thuỷ Nguyên, Hải Phòng.

[6] Quang Thục hoàng hậu: Tức Ngô Thị Ngọc Dao, bà phi của Lê Thái Tông, sinh ra Lê Thánh Tông.

đảng là bọn Phan Ất (tức người Chiêm, tên là Đồng Lợi, nguyên là gia nô của Trịnh Duy Đại), Đình Ngạn, Đình Nghệ, Công Uẩn, Đình Bảo, Đoàn Bố dấy quân ở chùa Quỳnh Lâm[1] huyện Đông Triều, chiếm cứ các nơi ở hai huyện Thuỷ Đường và Đông Triều, trấn Hải Dương. Cảo mình mặc **[27b]** áo đen, quân sĩ đều cạo trọc đầu, tự xưng là Đế Thích giáng sinh, tiếm xưng niên hiệu là Thiên Ứng.

Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng 1, Trần Cảo đem quân qua các huyện Tiên Du, Quế Dương, Gia Lâm, tiến sát đến bến Bồ Đề, bị cách sông không sang được. Vua đích thân đi đánh, ngự ở điện Trường Thọ (tức là điện Quỳnh Vân), ra lệnh điều động các tướng. Bọn Đông Nham bá Lại Thúc Mậu, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng, Minh Vũ bá Trịnh Hồng chỉ huy quan quân qua sông đánh mạnh đến các vùng Bồ Đề, Lâm Hạ[2]. Vua sai bắn ba tiếng súng, các quân xông lên đánh, cả phá quân giặc. Cảo thua chạy về Ngọc Sơn[3]. Ngày mồng 3, vua sai Định quận công Phùng Tiến, Diên Hưng bá Trịnh Khổng Chiêu, Phú Lộc bá Trịnh Ngạc đem quan quân đi đánh mấy lần không được. Tiến và Khổng Chiêu đều bị tử trận. Trịnh Ngạc bị bắt, Cảo muốn cho làm quan, nhưng Ngạc **[28a]** không chịu khuất mà chết. Hoằng Dụ đem quân đóng ở dinh Bồ Đề.

Trịnh Duy Sản giết vua ở cửa nhà Thái Học. Trước đây, Duy Sản vì nhiều lần can ngăn trái ý vua, bị đánh bằng trượng. Duy Sản mới cùng với bọn Lê Quảng Độ, Trình Chí Sâm mưu việc phế lập, bèn sửa soạn thuyền bè, khí giới ở bến Thái Cực[4], nói phao lên là đi đánh giặc. Đêm mồng 6, hồi canh hai, đem hơn 3000 người ở các vệ Kim ngô và Hộ vệ vào cửa Bắc Thần. Vua nghe tin ấy, ngờ là có giặc đến, bèn ngự ra ngoài cửa Bảo Khánh. Ngày mồng 7, mờ mờ sáng, có Thừa chỉ Nguyễn Vũ theo vua đi tắt qua cửa nhà Thái Học. Đến hồ Chu Tước, phường Bích Câu[5], vua gặp Duy Sản và hỏi: "Giặc ở phương nào?". Duy Sản không trả lời, quay nhìn chỗ khác cười ầm lên. Vua quất ngựa chạy về phía tây. Duy Sản sai vũ sĩ là tên Hạnh **[28b]** cầm giáo đâm vua ngã ngựa chết rồi giết chết. Nguyễn Vũ cũng chết theo vua. Đem xác vua về quán Bắc Sứ, khâm liệm[6] rồi đem thiêu (có thuyết nói: Để xác ngang trên mình ngựa, đem về cửa Nam Thiệu ở viện Đãi Lậu, chỗ phủ Tể tướng). Khâm Đức hoàng hậu (tên thuỵ là Đôn Tiết), cũng tự nhảy vào lửa chết. Quân sĩ đem hai quan tài về chôn ở làng Ngự Thiên, giáng phong vua làm Linh Ẩn Vương (nay có điện Quang Hiếu ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên). Hậu họ Nguyễn, tên huý là Đạo, con gái viên quản lĩnh ở hương Văn Giang. Nguyễn Vũ người làng Thiên Mỗ[7], huyện Từ Liêm, do đỗ tứ trường kỳ thi Hương, viết chữ thảo đẹp, lại đem thơ quân ứng nghĩa[8], từ đầu, làm quan đến Binh bộ tả thị lang, được vua rất yêu quý. Khoa thi Hội năm Giáp Tuất[9]. Vũ đã 58 tuổi, văn viết lủng củng, đã không được trúng tuyển. Vua cho thi lại, lấy đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân. Không bao lâu, làm tới Hình bộ thượng thư kiêm Bảo Thiên điện Đông **[29a]** các đại học sĩ, Hàn lâm viện thừa chỉ nhập thị kinh diên, ngày đêm uống rượu đánh bạc ở nội điện, bị người bấy giờ coi khinh. Đến nay đi theo vua, bảo con rằng: "Ăn lộc của vua, phải chết vì nạn của vua", cũng bị Duy Sản giết.

Linh Ẩn gian dâm với vợ lẽ của cha, để tang cha mẹ ít ngày, mượn tên của anh để cướp nước của người khác[10], xa hoa dâm dục quá độ, hình phạt nặng, thuế khoá

[1] Chùa Quỳnh Lâm: ở xã Hà Lôi, huyện Đông Triều, nay thuộc tỉnh Quảng Ninh.

[2] Lâm Hạ: tên xã, nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội.

[3] Ngọc Sơn: Cương mục và Bản dịch cũ đều chép là Trâu Sơn, và chú là xã Trâu Cầu, huyện Quế Dương, trấn Kinh Bắc (nay là huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh).

[4] Bến Thái Cực: thuộc phường Thái Cực, huyện Thọ Xương, tương đương với khu vực phố Hàng Đào, Hà Nội ngày nay.

[5] Phường Bích Câu: tương đương với khu vực phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa bây giờ. Phường này còn có phố Bích Câu.

[6] Bản dịch cũ dịch là "lấy chân y đem thiêu", có chú rằng: "hoặc giả là minh y là áo ma". Chúng tôi cho rằng có thể là chữ "trí", "trí y" là khâm liệm.

[7] Thiên Mỗ nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[8] Quân của Giản Tu công Dinh nổi lên đánh giết Uy Mục Đế.

[9] Khoa thi Hội năm 1514.

[10] Khi mới nổi nghĩa quân, Tương Dực Đế dựng cờ của Cẩm Giang Vương Sùng là anh ruột của mình để lấy lại ngôi vua của Uy Mục Đế.

nhiều, giết hết các thân vương, can qua xảy ra khắp nơi, người thời ấy gọi là "vua lợn", điềm nguy vong đã được thấy đó!

Bấy giờ, Duy Sản đã giết vua, liền bàn mưu với người tông thất và đại thần, định lập Quang Trị, con của Mục Ý Vương[1], nhưng Vũ Tá hầu Phùng Mại không nghe, bàn lập con trưởng của Cẩm Giang Sùng là Y. Tường quận công Phùng Dĩnh sai lực sĩ giết Mại ở Nghị sự đường trong cung cấm rồi lập **[29b]** Quang Trị (khi ấy 8 tuổi). Mới được 3 ngày, chưa kịp đổi niên hiệu, thì Trịnh Duy Đại đem về Tây Đô[2].

Bấy giờ An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ đóng quân ở Bồ Đề, nghe tin Duy Sản làm việc thí nghịch, liền nổi giận đem quân vượt sông, đốt phá phố xá ở kinh thành, định cùng với con em gia thuộc tính việc báo phục, bèn chém Vũ Như Tô ở ngoài cửa kinh thành.

Trước đây, Tô xuất thân là thợ, đem kỹ xảo mê hoặt vua, được lạm bổ làm đô đốc kiêm coi các sở ở Công bộ. Bấy giờ, đương làm điện lớn trăm nóc chưa xong, dân gian ai cũng nghiến răng tức giận. Đến khi vua bị hại, Như Quang Trị sau bị Duy Đại giết.

Tô cũng bị quăng xác ra ngoài chợ, quan dân ai cũng chỉ trỏ xác hắn mà chê cười, có người còn nhổ nước bọt.

Ngày hôm ấy, Trịnh Duy Sản và Lê Nghĩa Chiêu cùng các bậc huân cựu tông thất đại thần cùng nhau đón con trưởng của Cẩm Giang Vương là Y lập lên lên làm vua, khi ấy 14 tuổi. Bọn Duy Sản, Nghĩa Chiêu thấy Hoằng Dụ đốt **[30a]** phá kinh thành, bèn sai lực sĩ Đàm Cử đón vua ngự ra ngoài, về thành Tây Đô ở Thanh Hoa, hội thề dấy quân khởi nghĩa. Chỉ có Lê Quảng Độ ra đầu hàng Trần Cảo. Lúc ấy, thành đã thất thủ, xã tắc bỏ phế, dân chúng vào thành tranh nhau lấy vàng bạc, của báu, bạch đàn, xạ hương, lụa là tơ gai đầy trong dân gian; sách vở, hồ tiêu, hương liệu các thứ vứt bỏ trên đường phố cao đến 1,2 tấc, không thể kể xiết. Người mạnh khoẻ tranh cướp vàng bạc, có người lấy được đến ba, bốn trăm lạng, người yếu cũng được đến hơn hai trăm lạng. Cung khuyết, kho tàng do vậy mà hết sạch.

Sứ bộ tuế cống trước đây là bọn Binh bộ hữu thị lang Nguyễn Trọng Quỳ, Hứa Tam Tỉnh, Nguyễn Quý Nhã, về đến châu Bằng Tường, nghe tin Trần Cảo làm loạn, chiếm giữ vùng Lạng Nguyên[3] đường sá bị tắc. Thông sự Hà Công Miễn và Đỗ Khánh Dư **[30b]** bàn đem tiền của nhà nước giao cho Cảo, đến năm Quang Thiệu thứ 6, bị bọn Trọng Quỳ giết chết[4].

Ngày 11, Trần Cảo lấy được Kinh thành, tiếm đặt niên hiệu là Thiên Ứng, ra triều đường làm việc, dùng Lê Quảng Độ coi việc nước. Bấy giờ, Đô lực sĩ Thiết sơn bá Trần Chân người xã La Ninh[5] huyện Từ Liêm, tập hợp các cựu dũng sĩ và hương binh con em được 5,6 nghìn người, dấy binh ở chợ Hoàng Hoa[6]. Cảo nghe tin, bèn chia đường sai Phan Ất từ xã Bảo Đà, huyện Thanh Oai tiến đánh. Chân cũng từ xã Dư Dụ, huyện Thanh Đàm kéo đến. Chân đem quân đón đánh trước, tiến đến Cồn bắn[7] đánh nhau dữ dội với Ất, khí giới hết cả, liền lấy vò vại nhỏ ném vào quân của Ất. Chân bị thương ở răng, miệng rất đau, lại vì quân bị cô lập không có cứu viện, khó lòng giữ lâu, bèn đang đêm rút về đóng quân ở chợ Hoàng Hoa. Khi ấy bọn Dương Bảo cũng có hịch giúp nước đánh giặc Cảo.

---

[1] Mục Ý Vương: tức Lê Doanh, con của Kiến Vương Tân, em của Cẩm Giang Vương Sùng.

[2] Bản dịch cũ chép là Trịnh Duy Ngạc; CMCB16, 30 chép: Bọn Duy Sản và Nghĩa Chiêu thấy kinh thành bị tàn phá, bèn cùng nhau rước vua về Tây Kinh.

[3] Lạng Nguyên: vùng đất phía bắc sông Cầu đến Lạng Sơn.

[4] Bản dịch cũ cũng dịch: Bọn Trọng Quỳ bị giết.

[5] La Ninh: CMCB26 chép là La Khê.

[6] Chợ Hoàng Hoa: tức chợ Ngọc Hà, Hà Nội ngày nay.

[7] Cồn bắn: nguyên văn là "Xạ đôi", nghĩa là "Gò bắn" hay "Cồn bắn". Gò này ở trại Giảng Võ, nay là khu Giảng Võ, Hà Nội.

[31a] Vua từ thành Tây Đô, tập hợp giữa quân ba phủ[1] sai Trịnh Duy Sản theo đường Thiên Quan, Ứng Thiên tiến phát; Nguyễn Hoằng Dụ theo đường phủ Trường Yên, Lý Nhân tiến phát; chính dinh Bình Phú hầu Nguyễn Văn Lự[2] và Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy[3] đem quân thuỷ bộ cùng tiến thẳng đến Đông Kinh. Đồng thời gửi hịch cho các phủ huyện. Ngày 19, vua đến Tiêu Viên[4]. Trần Chân đi trước quân sĩ, một mình đến hành tại bái yết vua.

Ngày 23, bọn Chiêu An Sơn Nam dinh phó tướng An Tín bá Trịnh Hy, Đề sát Lê Sạn[5], tán lý Lê Dực[6], ký lục Trương Huyền Linh kế tiếp tiến vây ngoài cửa Đại Hưng. Cảo dẫn bọn phản nghịch lên lầu cửa Đại Hưng, phất cờ, bắn súng để chống lại quan quân. Một lát sau, thấy ba toán quân trọc đầu từ cầu Muống[7], tiến vào cung Thuỵ Quang. Trịnh Tuy lùi dần, rút về Hồng Mai động thì gặp **[31b]** quân của Nguyễn Hoằng Dụ, nên lại tiến vào. Khi ấy, Trịnh Duy Sản chỉ huy các quân thủy bộ cùng tiến, vây bốn mặt thành. Duy Sản đánh giặc từ bến Thái cực đến bến Đông Hà[8]. Quân giặc thua to. Trịnh Hy vây từ ngoài cửa Đại Hưng. Cảo đóng cửa thành cố thủ. Duy Sản vây phía tây bắc thành, lại gặp bọn giặc phản nghịch ở Sơn Tây là Hà Công Chân đem quân tiến sát thành định giết Cảo và tranh lập với vua. Duy Sản cố sức đánh, Công Chân bị thua và tử trận. Bấy giờ, Tả kiểm điểm Lê Liễn đánh thua, bị tử trận ở Dịch Vọng (tên xã)[9]. Cảo mở cửa thành chạy qua sông Thiên Đức[10], trốn lên Lạng Nguyên.

Ngày 24, vua đóng ở Thanh Đàm (tên xã).

Ngày 25, Lương Văn hầu Nguyễn Thì Ung cùng với bọn Đỗ Nhạc rước vua về Kinh.

Ngày 27, vua khôi phục ngôi báu, đại xá, lấy năm này làm Quang Thiệu năm thứ 1. Khi ấy, Quang Trị ở Tây Đô. Sau **[32a]** bị Văn quận công Trịnh Duy Đại giết, hai em của Trị cũng bị hại.

> Tội ác của Sản, Đại thực quá lắm. Ngày sau, phải chết bất đắc kỳ tử bởi tay người khác cũng là đáng lắm!

Mùa hạ, tháng 6, ngày 28, Thái phó Hùng quốc công Lê Nghĩa Chiêu bàn định lệnh thưởng công cho ai bắt được cha con Trần Cảo. Nếu bắt được Cào thì được thưởng cho 50 người. Một người đứng đầu được ban chức Hữu đô đốc, trật tòng nhất phẩm, được ấn phong ba đời, không muốn làm quan thì được ban 300 lạng vàng, 2.000 mẫu ruộng; một người đứng thứ hai được trao chức đô chỉ huy sứ, trật chánh tam phẩm, được ấn phong ba đời; một người đứng thứ ba được trao chức đô chỉ huy sứ đồng tri, trật tòng tam phẩm; 10 người theo bắt được trao chức chỉ huy thiêm sự, trật chánh tứ phẩm; 13 người theo bắt tiếp **[32b]** được trao chức chỉ huy đồng tri. Nếu bắt được con của tên phản nghịch Cảo thì thưởng cho 20 người, một người đứng đầu được trao chức đô đốc đồng tri.

Mùa thu, tháng 8, bắt được đồ đảng của Trần Cảo là Phan Ất ở huyện Đông Triều, đóng cũi giải về Kinh sư, đem chém ở phường Đông Hà.

---

[1] Ba phủ: tức là các phủ Thiệu Thiên (sau là Thiệu Hoá), Hà Trung và Tĩnh Gia thuộc trấn Thanh Hoa (nay là tỉnh Thanh Hoá).

[2] Nguyễn Văn Lự: là em của Nguyễn Văn Lang, người trang Gia Miêu Ngoại, huyện Tống Sơn (nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá).

[3] Trịnh Tuy: là em họ Trịnh Duy Sản người xã Thuỷ Chú, huyện Lôi Dương, (nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá).

[4] Tiêu Viên: tục gọi là Vườn Chuối, là một xã của huyện Hoài An (nay là huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây).

[5] Lê Sạn: người xã Vạn Phúc, huyện Thanh Trì, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[6] Lê Dực: người xã Đại Định, huyện Thanh Oai, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Tuất (1502) đời Cảnh Thống.

[7] Cầu Muống: thuộc phường Kim Liên, Hà Nội (theo CMCB 26, 32).

[8] Bến Đông Hà: bến sông Hồng, ngày nay ở chổ cửa ô Quan Chưởng, Phố Mới, Hà Nội.

[9] Dịch Vọng: tên xã, ngày nay là xã Dịch Vọng, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[10] Sông Thiên Đức: tức sông Đuống.

Sai Trịnh Duy Sản tiết chế các doanh thủ bộ, lấy Ngự sử đài thiên đô ngự sử Phạm Khiêm Bính làm tán lý quân vụ đi đánh dẹp vùng Hải Dương; Vĩnh Hưng hầu Trịnh Tuy, An Mỹ hầu Lại Thúc Mậu và Đàm Cử (người xã Lãng Sơn Đông[1] huyện Quế Dương) đem quản bộ đi đánh dẹp vùng Kinh Bắc; Do Lễ bá Nguyễn Bá Tuấn về vỗ yên các huyện ở Từ Sơn (tên phủ). Bá Thuần về đến Quế Dương, bị người làng giết. Bọn Tuy tiến đến đóng đinh ở Thị Cầu, huyện Vũ Ninh[2].

Tháng 9, ngày 13, Lê Nghĩa Chiêu lại bàn lệnh thưởng công bắt tướng nguỵ.

[33a] Bắt được đại tướng nguỵ: khó thì thưởng 10 người, dễ thì thưởng cho 5 người; một người công đầu bắt được tướng nguỵ, khó thì trao chức đô chỉ huy sứ trật tòng tam phẩm, dễ thì trao chức đô chỉ huy thiêm sự trật chánh tứ phẩm.

Bắt được phó tướng nguỵ: khó thì thưởng cho 8 người, dễ thì thưởng cho 4 người.

Lại định lệnh thưởng công những công thần bắt được tên phản nghịch Cảo và các quan chức nguỵ. Lại định lệnh thưởng công các lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ, tuấn sĩ và con cháu công thần bắt được tướng nguỵ.

Mùa đông, tháng 11, lại sai Trịnh Duy Sản, Nguyễn Hoằng Dụ cùng với Minh Vũ hầu Trịnh Củng, Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng thống lĩnh quan quân đi đánh Trần Cảo ở chùa Sùng Nghiêm trên sườn núi xã Trâu Sơn, huyện Chí Linh[3].

Khi ấy, Duy Sản thấy quân sĩ khó nhọc đã lâu mà giặc Cảo vẫn chưa diệt được, bèn làm bài văn để uý lạo các tướng sĩ[4]. Lại sai tỳ tướng Thiết sơn bá Trần Chân[5], quay về **[33b]** Kinh sư đánh bọn Đa Sĩ. Trước đó, Đa Sĩ cậy có công lao hoành hành trong Kinh, cưỡng hiếp con gái chưa chồng, gian dâm vợ của người khác, cho nên Duy Sản sai Chân về đánh. Bấy giờ, có sao sa xuống trung doanh. Quân Duy Sản tiến đến Chí Linh (tên huyện), giáp chiến với quân Cảo ở xã Nam Giản[6]. Viên tỳ tướng tên là Hạnh chết tại trận. Duy Sản thấy giặc khiêu chiến, có ý muốn đánh, các tướng can không được. Giặc lại khiêu chiến. Duy Sản tức giận chia đường tiến đánh, tự mình xông lên trước quân lính. Duy Sản và Nguyễn Thượng đều bị Trần Cảo bắt được, đem về hành quán ở Vạn Kiếp giết chết. Cảo tiến thẳng đến Bồ Đề, vua sai Thiết Sơn bá Trần Chân tiến đánh, phá tan được, chém giết rất nhiều. Cảo phải chạy trốn về Lạng Nguyên không dám ra đánh nữa, lấy sông Nguyệt[7] làm ranh giới. Chân cầm cự với quân Cảo. Cảo truyền ngôi cho con là Cung, tiếm xưng niên hiệu là Tuyên hoà. Sau Cảo cạo **[34a]** đầu làm sư, ẩn trốn được thoát. Nay các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên[8] vẫn còn đền thờ Cảo, có lẽ Cảo chết ở đó.

Chiêu Tông Thần Hoàng Đế

Tên húy là Y, lại húy là Huệ, là con trưởng của Cẩm Giang Vương Sùng, đích tôn của Kiến Vương Tân, cháu bốn đời của Thánh Tông, ở ngôi 7 năm, bị Mạc Đăng Dung giết, thọ 26 tuổi, chôn ở lăng Vĩnh Hưng. Bấy giờ trong buổi loạn lạc, quyền bính không ở trong tay, bên

---

[1] Lời chú của Cương mục: Đàm Cử người xã Lãm Sơn huyện Quế Dương (CMCB 26, 33)

[2] Vũ Ninh: Tên huyện, nay là huyện Võ Giàng, tỉnh Hà Bắc.

[3] Trâu Sơn: tên xã, thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng.

[4] Bài văn này viết bằng chữ Hán, được diễn ra quốc ngữ (văn Nôm) cho mọi người đều hiểu, lời lẽ rất thống thiết, bậc thức giả cho là lạ. Nguyên văn xem: Đại Việt thông sử, Truyện Trịnh Duy Sản.

[5] Trần Chân là con nuôi Trịnh Duy Sản.

[6] Nam Giản: tên xã, thuộc huyện Chí Linh.

[7] Sông Nguyệt: tức sông Nguyệt Đức, là sông Cầu ngày nay.

[8] Các thôn Bảo Lộc, An Lạc, Chu Nguyên, đều ở huyện Bảo Lộc, phủ Lạng Giang, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

trong thì nghe lời xiểm nịnh gian trá, bên ngoài lại ham mê săn bắn chim muông, ngu tối bất minh, ương ngạnh tự phụ, bị nguy vong là đáng lắm!

Mẹ vua là hoàng hậu Trịnh Thị Loan, người xã Phi Bạo, huyện Thanh Chương.

Năm Đoan Khánh thứ 2 [1506], tháng 10, ngày mồng 4, sinh ra vua. Năm Hồng Thuận thứ 8 [1516] Tương Dực Đế bị hại, không có con nối, bọn đại thần Lê Nghĩa Chiêu, Trịnh Duy Sản đón lập vua. Sau về Tây Đô, xướng xuất nghĩa quân, tiến thẳng về Kinh sư, đuổi Trần Cảo, rồi lên ngôi vua, đổi niên hiệu là Quang **[34b]** Thiệu, lấy ngày sinh làm Nghi Thiên thánh tiết. Được 7 năm thì ngự ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập em ruột vua là Xuân lên ngôi, giáng vua làm Đà Dương Vương. Năm Thống Nguyên thứ 5 [1526], bị Mạc Đăng Dung giết. Sau được truy dâng thuỵ hiệu là Thần Hoàng Đế, miếu hiệu Chiêu Tông.

Đinh Sửu, Quang Thiệu năm thứ 2 [1517], (Minh Chính Đức năm thứ 12). Mùa xuân, truy tôn hoàng tổ Kiến Vương[1] làm Đức Tông Kiến Hoàng Đế, hoàng phụ Trang Định Đại Vương[2] làm Minh Tông Triết Hoàng Đế, lại sai Lễ bộ thượng thư Đàm Thận Huy hiệu định miếu huý và ngự danh (miếu huý 20 chữ, ngự danh là hai chử _ ____ và Huệ ____). Những khi làm văn hay viết sách để khắc in sách đều không cấm, nhưng khi đọc thì đều phải tránh, hai chữ liền nhau như loại "Trưng Tại"[3] đều không được viết.

Sai Bình quận công Nguyễn Văn Sự là đô tướng.

[35a] Mùa hạ, tháng 4, đánh chết Cồ Khắc Xương giả xưng là Thiên Vũ. Khắc Xương người hương Nhân Vũ, huyện Thiên Thi[4], làm quân nhân của Hiệu lực tiền vệ, năm Hồng Thuận thứ 6 [1514], tự xưng là phò mã giáng thần, ít lâu sau lại xưng là Thiên Vũ. Đến tháng giêng năm này, ra ở chùa làng, đặt hiệu là Phù Kinh, xin 9 gói cơm ăn hết, rồi lấy lá gói cơm đốt thành than làm thuốc cứu chữa cho lương dân không có con cái rồi đòi gà rượu. Chữa cho người nào là hiệu nghiệm ngay. Việc này đến tai triều đình. Vua sai người bắt giải về Kinh đánh chết, vì hắn làm điều quái đản mê hoặc dân, cho nên bị giết.

Sai Thái bảo Thuỵ quận công Ngô Bính là đô tướng.

Lấy Nguyễn Văn Vận làm Tán trị Thừa chính sứ ty thừa chính sứ trấn Kinh Bắc.

Tháng 5, ngày 28, truy tôn Linh Ẩn Vương là Tương Dực Đế.

[35b] Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 1, An Hoà hầu Nguyễn Hoằng Dụ có hiềm khích với Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy, đóng quân chống nhau.

Trước đây, Nguyễn Hoằng Dụ và Trịnh Tuy đều đi đánh giặc, khi về Kinh sư nghe lời dèm pha của con em, mới thành hiềm khích. Hoằng Dụ đóng quân ở phường Đông Hà, Tuy đóng quân ở ngoài thành Đại La chống giữ nhau. Hoằng Dụ cáo ốm không vào chầu. Khoa quan Nguyễn Quán Chi tâu lên. Vua đem chuyện Liêm Lạn[5], Giả Khấu[6] dụ bảo, không giải hoà được. Đến đây, Nguyễn Văn Lự, Trịnh Duy Đại đều vào chầu trước mặt vua, tâu xin giải hoà hai người. Văn Lự lấy tờ mật chiếu trong tay áo ra, tâu là Trịnh Tuy và Duy Đại đem con trai của Nguyễn Trinh là Nguyễn Tùng lập làm nguỵ chúa, làm việc đại

---

[1] Tức Kiến Vương Lê Tân.

[2] Trang Định Đại Vương Lê Sùng, con trưởng của Kiến Vương Tân, cha của Lê Chiêu Tông.

[3] Trưng Tại: là tên mẹ Khổng Tử, ở đây dẫn làm ví dụ.

[4] Huyện Thiên Thi: sau là huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên, nay thuộc huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng.

[5] Liêm Lạn: là Liêm Pha và Lạn Tương Như, người nước Triệu, thời Chiến Quốc. Liêm Pha là tướng võ, Lạn Tương Như là tướng văn. Liêm Pha cậy mình có nhiều chiến công nhiều lần làm nhục Lạn Tương Như, nhưng Tương Như đều né tránh, người nhà lấy làm hổ thẹn. Tương Như bảo rằng: "Sở dĩ nước Tần không dám đánh Triệu, vì có hai chúng tôi. Nay nếu hai con hổ đánh nhau, nhất định sẽ có một con bị hại. Vì thế, tôi coi việc nước là trọng mà bỏ thù riêng đi". Liêm Pha nghe được câu ấy, thân hành đến xin lỗi Tương Như và xin kết bạn chí thân.

[6] Giả Khấu: là Giả Phục và Khấu Tuân, là hai viên đại tướng của Quang Vũ nhà Hán. Tuân giết viên bộ tướng của Phục, hai người sinh hiềm khích, toan đánh giết nhau. Quang Vũ gọi hai người tới và dụ rằng: "Nay thiên hạ chưa yên, sao hai con hổ lại chọi với nhau". Từ đấy, Giả Phục và Khấu Tuân vui vẻ cùng đi chung xe ra về, và kết bạn với nhau.

nghịch. Thế là vua sai bắt Duy Đại và Hữu đô đốc Lê Ích Cựu đều đem chém cả. Trịnh Bá Quát thì bị thắt cổ chết. Đem đầu của Trịnh Duy Đại bêu ở ngoài dinh quân của Thiết Sơn **[36a]** bá Trần Chân.

Hôm ấy, Nguyễn Hoằng Dụ cất quân đánh Tuy ở các phường Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ[1] tại kinh thành, ba lần đánh mà không được. Tỳ tướng của Trịnh Tuy là Nguyễn Thế Phó trúng tên phải lui. Tuy bèn chạy vào Thanh Hoa. Trần Chân thấy Nguyễn Hoằng Dụ đuổi Trịnh Tuy, bèn cất quân đánh Hoằng Dụ (trước đây, Duy Sản và Trịnh Tuy là người cùng họ, Duy Sản nuôi Trần Chân làm con nuôi), mật gửi thư cho con em ở các dinh Sơn Tây cùng đánh. Ngày hôm ấy, Hoằng Dụ vào yết kiến vua, định ra cửa Đại Hưng, ngờ là có Trần Chân ở đó, bèn ra cửa Đông Hoa. Lát sau, xuống thuyền lánh về Thanh Hoa.

Bấy giờ Mạc Đăng Dung trấn thủ Sơn Nam, Trần Chân gửi thư khuyên Đăng Dung chặn giữ lại, Đăng Dung không nỡ, nên Hoằng Dụ đi được thoát.

Trước đây, khi Hoằng Dụ đánh nhau với Trần Chân, trời sắp tối, có đám mây năm sắc nổi lên ở phương đông, rồi mây vàng bay tản khắp trời. Người thức giả cho là điềm lạ.

> **[36b]** Triều Lê vào thời Quang Thiệu, giặc bên ngoài chưa yên, quyền thần đánh lẫn nhau, chém giết nhau dưới cửa khuyết, chốn Kinh sư đẫm máu. Mặt trời vàng tối, mây trời tán lạc, cái điềm vận nước ngày một suy đã xuất hiện từ đấy.

Xuống chiếu truy tôn Mẫn Lệ công làm Uy Mục Đế.

Ngày 28, giết chết Trần Công Vụ giả xưng là Thiên Bồng (Công Vụ là quân nhân, người xã Phạm Tùng, huyện Gia Phúc).

Trước đó, Phó tướng tả đô đốc Vũ Xuyên bá Mạc Đăng Dung tâu rằng: Công Vụ làm trò yêu quái, dối trá mê hoặc dân ngu, và hặc tội quan Thừa Hiến là bọn Lê Toản và Đỗ Thao tin mê tà thuyết, đại ý là: Thần trộm nghĩ: Điều nhân, nghĩa, trung, chính, bậc thánh nhân thường làm, việc quái, lực, loạn, thần[2] thì thánh nhân không nói. Xét các đời trước, chứng cớ rành rành. Như Hoàng Đế trị dân thì phải thận trọng phân cách u minh[3], **[37a]** Cao Dương[4] dựng nước phải rạch ròi giới ranh trời đất. Như vậy là để dựng tiêu đích cho đương thời, lưu gương răn cho hậu thế. Lớn lao thay thánh thượng, mở vận trung hưng vẻ vang, làm vua làm thầy tốt đẹp, việc vỗ trị đảm nhiệm về mình; dùng đạo, dùng đức dạy răn, phúc mầu nhiệm mong cho chóng tới. Khắp trong cõi bờ, đều được no ấm sinh sôi. Nay quân nhân Cồ Khắc Xương ở làng Nhân Vũ, huyện Thiên Thi, và quân nhân Trần Công Vụ ở làng Phạm Tùng, huyện Gia Phúc là hạng lính mọn, vốn đứa dân thường, đáng lẽ phải theo đạo vua, đường vua, kính tuân lời dạy, lại giả xưng Thiên Bồng, Thiên Vũ lừa dối dân ngu. Biến chùa Phật Phù Kinh thành trường bán gian, mượn miếu thần Bố Bái làm ổ chứa nguy. Tán tro làm thuốc, thuật lừa mà già trẻ đua nhau; đọc chú vẽ bùa, kế đắt mà xóm thôn sợ phục. **[37b]** Bọn yêu quái đã làm như vậy, kẻ sĩ phu nên gắng sức bài trừ. Thế mà bọn quan Thừa Hiến, đã từng đọc sách thánh hiền, đều giữ trách nhiệm gương mẫu, đáng phải như Nhân Kiệt[5] phá đền nhảm ở Hà Nam, để trừ mê hoặc, như Hồ Dĩnh[6] đánh thầy chùa ở Quảng Đông để bỏ dị đoan. Sao bọn phàm tục ấy không hiểu lẽ thường tình như vậy? Lê Toản, Lê Vận thì u mê không tỉnh ngộ, mê tín điều xằng bậy dâng sớ tâu càn; Tử Ký, Đỗ Thao, thì ngu tối chẳng hiểu gì, phụ hoạ theo lời họ mà tâu nhảm. Nhất nhất đều theo về tả đạo, dần dần mê hoặc thói cốt đồng. Lừa nhau bằng quái

---

[1] Vĩnh Xương, Khúc Phố, Phục Cổ: Đều là tên phường, thuộc kinh thành bấy giờ.

[2] Luận ngữ: Khổng Tử không hay nói tới những việc "quái, lực, loạn, thần". Quái: việc quái đản; lực: việc dũng lực, loạn: việc rối loạn, thần: việc quỷ thần.

[3] U minh: U là nơi u tối, người mê tín chỉ cõi âm phủ. Minh: là sáng, chỉ nơi dương thế.

[4] Cao Dương: vốn là tên nước, Chuyên Húc làm vua ở Cao Dương, cho nên gọi là Cao Dương thị.

[5] Nhân Kiệt: tức Địch Nhân Kiệt đời Đường. Khi làm Tuần phủ sứ Giang Nam đã hạ lệnh phá huỷ 1700 đền thờ nhảm.

[6] Hồ Dĩnh: người Ngô Hưng, tự là Phương Dung, tính khoan hậu, đời Lương Nguyên Đế làm La Châu thứ sử, phong Hán Dương huyện hầu, bài trừ mê tín dị đoan.

đản, doạ nhau bằng quỷ thần, chúng đã làm những trò gian dối; răn gì không hình phạt, sửa gì không pháp luật, xin phải nêu điều cấm cho nghiêm. Vua y theo.

Lấy Nguyễn Dự làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

[38a] Mùa đông, tháng 11, ngày 20, lấy Đỗ Nhạc làm Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Tháng 12 nhuận, giết tặc thần Lê Quảng Độ. Trước đây, Lê Quảng Độ đầu hàng Trần Cảo. Đến đây, bọn trấn tướng Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải về Kinh sư. Mạc Đăng Dung dâng sớ xin giết đi, đại ý nói: "Tam cương ngũ thường là rường cột chống đỡ trời đất, là trụ đá giữ yên sinh dân. Nước không có cương thường, dẫu là Hoa Hạ cũng thành Di Dịch, người không có cương thường, tuy mặc áo xiêm cũng hoá chim muông. Từ xưa đến nay, chưa có ai bỏ cương thường mà có thể đứng trong khoảng trời đất được. Nay Lê Quảng Độ nhờ ấm phong của ông cha, thế mà chỉ một mực dựa dẫm, dòm ngó đủ vành. Muốn vua yêu thì **[38b]** nịnh hót trăm chiều, nắm quyền thế thì xoay trò lắm cách, gây nên tai họa ở các đời Đoan Khánh, Hồng Thuận nguyên cớ đâu chỉ trong một sớm một chiều? Đến khi giặc Cảo gây việc binh đao, tiếm xưng vị hiệu thì kẻ ấy lại tham sống sợ chết, nỡ nhơ nhuốc làm tôi kẻ thù; mượn danh tước đi lừa dỗ dân ngu cho giặc Cảo; làm đầu mục đi cầu phong nước ngoài cho giặc Cảo. Hành động như loài chó loài lợn, bụng dạ tựa con cánh, con cưu (cưu là loài chim dữ, cánh là loài thú dữ; cưu ăn thịt cha, cánh ăn thịt mẹ). Mọi người ai cũng phỉ nhổ, mà kẻ kia vẫn ngoan ngu không chuyển, không hề nghĩ tới ơn hậu của vua cha, nghĩa lớn của cương thường. Tội của nó đối với trời đất, đối với tổ tông, đối với thiên hạ không thể nào tha được. Nay bọn tướng thần Hà Phi Chuẩn và Nguyễn Lỗ đã bắt được chính thân tên ấy, kính xin sắc chỉ cho lực sĩ đem giết đi. Trước đây Lục khoa và Mười ba đạo đã tâu việc tên ấy làm đại **[39a]** thần gặp biến loạn đã không biết chết vì tiết nghĩa lại đi thờ bọn nghịch tặc. Bọn thần xét thấy: Cựu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ ở chức tể tướng không hết lòng trung, khi gặp sự biến không chết vì nghĩa, làm tôi giặc Cảo, chống lại triều đình, để trấn thủ dinh tướng là bọn Hà Phi Chuẩn, Nguyễn Lỗ bắt được giải nộp, quả là bề tôi phản nghịch phạm tội rất to. Bọn thần trộm nghĩ: Cương thường của trời đất, cốt ở giữ đạo vua tôi, nghĩa lớn kinh Xuân Thu càng nghiêm giết kẻ giặc loạn. Danh phận rất rõ, điều luật còn kia. Nay Lê Quảng Độ tài hèn nhờ được tập ấm, lạm dự vào chức tể thần. Đáng lẽ phải gắng tiết trung trinh lo báo đáp mấy triều ưu đãi. Sao lại làm nhiều điều xằng bậy trở thành kẻ gian muôn đời. Tính cương trực không chịu học Hàn Hưu[1], thói giảo quyệt còn quá hơn Lâm Phủ[2]. Buồng the bất chính, tệ dâm ô như Trịnh **[39b]** Vệ[3] tanh hôi, trụ cột kém tài, sức phò tá như Y Chu[4] lại thiếu. Theo ý riêng làm trái lẽ, ỷ phép nước để lộng quyền. Phòng tai hoạ của quỷ dòm nhà[5] thì chặt phá cây rừng, mở rộng nhà cửa, trổ mưu mẹo cho người lú ruột thì tự cầm hồ rượu chuốc mời khắp hạ liêu. Chỉ gấp việc tìm vàng, tậu ruộng, chỉ chăm điều bán ngục mua quan. Trong thì các chức phủ, vệ đều từ cửa hắn mà ra, ngoài thì các quan thừa hiến đều do tay hắn tuyển bổ. Dạ tham lam, như suối khe vô tận, bọn chạy chọt thì cờ xí rước mời. Đục khoét xóm làng, dân dã khốn cùng mà không thương xót. Kỷ cương rối loạn, chính sự mọt rỗng mà chẳng nghĩ lo. Trên thì phụ lại công ơn ấp ủ của triều đình, dưới là làm hỏng cơ nghiệp nối truyền của tông tổ. Việc làm như thế sao gọi là người khôn? Mới rồi nhân khi giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi, lại chẳng bắt chước Chân Khanh khảng khái liều mình[6]. Chống đỡ nạn nước thì **[40b]** không vung giáo giữ cho xã tắc, tham tiếc của nhà lại định đào lỗ chôn giấu bạc vàng. Lời thề xưa dám ngày ngày quên lãng, triều đình giặc lại tối tối nương nhờ. Gặp nguy biến, u mê không

---

[1] Hàn Hưu: Tể tướng đời Đường, tính cương trực hay can gián. Đường Huyền Tông có điều gì lầm lỗi thường hỏi quan hầu cận Hàn Hưu có biết không. Nói xong, đã thấy Hàn Hưu dâng sớ can tới.

[2] Lâm Phủ: tức Lý Lâm Phủ, làm tể tướng đời Đường, tính giảo quyệt. Người đương thời bảo rằng Lâm Phủ ngoài miệng nói ngọt như mật, nhưng trong bụng chứa đầy dao mác.

[3] Trịnh Vệ: tên hai nước thời Xuân Thu. Hai nước này có tục trai gái tụ họp dâm loạn với nhau. Đời sau gọi thói dâm loạn là thói Trịnh.

[4] Y: tức Y Doãn, hiền thần của vua Thái Giáp nhà Thương. Chu: là Chu Công Đán giúp Thành Vương làm nên nghiệp lớn.

[5] Quỷ dòm nhà: theo điển "Quỷ hám" trong Kinh Dịch.

[6] Chân Khanh: người đời Đường Đức Tông, mang phù tiết đi dụ kẻ phản nghịch Lý Hy Liệt, không chịu khuất bị giết chết.

biết chết theo; thờ kẻ thù, nhuốc nhơ những mong sống tạm. Cúi đầu lạy kẻ nghịch tặc, đáng hổ thẹn với loài voi múa kia còn biết nghĩa hơn[1]; làm mồi dụ bọn ngu dân, lại ngu xuẩn quá lũ ong đàn nọ. Gầm gừ trở mặt cắn lại, ăn năn cắn rốn kịp sao! Huống chi đức thánh thần muốn cho đổi lỗi quay về, lòng tin thực bao lần tỏ trong chiếu chỉ, mà sao nó không hề nhớ cũ, ngoan cố nuôi mưu kế gian tà. Manh tội phản Hán như Bành Manh[2], giẫm vết chống Đường của Chu Thử[3]. Sóng biển mênh mang, rửa sao cho xuể tội kia chồng chất; lưới trời lồng lộng, đứa gian kia đâu được dung tha! Mặt mũi nào mà trông vầng nhật nguyệt, nói năng sao đáp lại các quan liêu. Quên **[40b]** người thân, ăn cướp của người thân; thờ phụng chúa, lại quay sang phản chúa. Kẻ tôi con bất trung bất hiếu, tội thất thân đã phạm hàng đầu; việc hình phạt có bậc có điều, kẻ phản bội phải dung phép nước. Lại triều thần dâng tâu việc đại thần phản nước theo giặc. Bọn thần xét thấy cựu thái sư Thiệu quốc công Lê Quảng Độ trong năm Đoan Khánh và Hồng Thuận chứa mưu hoạ loạn, quấy rối thiên hạ, đến khi giặc Cảo đánh vào Kinh sư, đã không biết giữ vững khí tiết kẻ làm tôi, lại quay mặt về hướng Bắc thờ kẻ thù địch, rõ ràng là phản nước theo giặc, can vào tội nặng. Vì thế, bọn thần trộm nghĩ: Đạo thường của trời đất, không gì nặng bằng nghĩa vua tôi; quyền của đế vương, rất nghiêm khắc giết kẻ loạn tặc. Huống chi, một đứa bỉ phu như Lê Quảng Độ, chút tài mọn một đấu, một thưng lại lạm giữ trọng quyền tam thai, đỉnh vạc[4]. Mua ngục bán quan, đã gây hoạ **[41a]** thời Đoan Khánh thanh bình giữ nghiệp; nịnh vua hót nhảm, lại làm mất nước buổi Hồng Thuận cai trị hạ dân. Những việc nhẫn tâm, kể sao cho hết; tai hoạ mất mát, không chi không làm. Mười năm nuôi mầm loạn thiên hạ, có khác gì Lâm Phủ gian phi; một sớm nổi quân phản Ngũ Dương[5], đã xảy ra loạn Lộc Sơn nghịch tặc. Trăm họ vì thế mà xôn xao, chín miếu vì thế mà kinh động. Đáng lẽ phải liều mình báo nước, để chuộc tội bán nước hại dân; thế mà lại tham sống sợ chết, đành làm kẻ thờ thù, theo giặc. Làm tôi giặc Cảo, lâu đến ba năm; giúp ngầm giặc Cảo, có đến trăm cách.

Chiếu nguỵ, dụ nguỵ, sắc nguỵ, phong tước danh để lừa dối dân ngu; kẻ hiểm, hành hiểm, lời hiểm, xưng đầu mục để cầu phong ngoại quốc. Thực không bằng loài chó lợn, lại kém cả lũ kiến ong. Nay xin kính cẩn tâu lên". Quảng Độ bị xử tử.

[41b] Cho Nguyễn Mậu làm tham chính Hải Dương kiêm tán lý quân vụ ở dinh Quảng Phúc bá Nguyễn Khắc Nhượng. Trước đây, Mậu làm Hiến sát sứ Thanh Hoa về nhà chịu tang, khi hết tang lại vào Kinh. Bấy giờ gặp lúc Trần Cảo làm loạn, Mậu không chịu theo mệnh lệnh của giặc. Triều đình cho là Mậu có sĩ vọng, lại cho làm tham chính bản xứ và kiêm chức tán lý; không bao lâu, được thăng Thái bộc tự khanh.

Năm ấy, trong nước đói to, xác người chết đói nằm gối lên nhau. Những nơi trải qua binh lửa như Đông Triều, Giáp Sơn ở Hải Dương, Yên Phong, Tiên Du, Đông Ngàn ở Kinh Bắc là càng đói dữ. Bấy giờ, vua còn bé, thế nước lâm nguy, các tướng đều tự xưng hùng xưng bá, gây ra hiềm khích với nhau. Thiết Sơn bá Trần Chân đã đuổi Nguyễn Hoằng Dụ, vẫn trấn giữ Kinh sư.

Vua sai Tả hiển Thiết Thành bá và tướng mới hàng là bọn Nguyễn Công Độ đem quân bộ, Mạc Đăng Dung đem quân thuỷ đuổi bọn Hoằng Dụ **[42a]** chạy vào huyện Thuần Hựu[6] (nay đổi thành Thuần Lộc, vì tránh tên huý của Chân Tông). Quan quân đào mả Nguyễn Văn Lang là cha Hoằng Dụ, chém lấy đầu. Hoằng Dụ lại hội quân chống nhau với quan quân. Nhân đó Hoằng Dụ gửi bức thư và một bài thơ

---

[1] Voi múa: Đường Minh Hoàng có con voi biết múa. Khi An Lộc Sơn nổi loạn, sai bắt voi ấy lạy múa, nhưng con voi chỉ đứng trừng mắt nhìn, không chịu múa.

[2] Bàng Manh: người đời Hán, Vương Mãng giết con Manh, Manh đem cả nhà ra ở ngoài biển, khi Hán Quang Vũ lên ngôi, có chiếu thư ra mời, Manh cáo là già lẫn không chịu đến.

[3] Chu Thử: làm thái uý đời Đường Đức Tông. Khi Diên Lệnh Ngôn làm loạn, cử Thử lên làm chúa. Thử xưng đế, vậy Đức Tông ở Phụng Thiên. Lý Thạch thu phục Kinh sư, Thử bỏ chạy, bị viên tướng của hắn giết chết.

[4] Tam thai, đỉnh vạc: chỉ chức tâm công. Ở đây chỉ Lê Quảng Độ làm đến tể tướng, thái sư, quốc công.

[5] Quân phản Ngũ Dương: chỉ quân làm phản của An Lộc Sơn.

[6] Thuần Hựu: tên huyện, sau đổi thành huyện Thuần Lộc, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

cho Mạc Đăng Dung. Mạc Đăng Dung nhận được thư và thơ đó, liền đóng quân không đánh. Bọn Hoằng Dụ được toàn quân chạy về.

Định lệnh thưởng công vận tải thóc công ở Thuận Hoá. Những người vận tải thóc công ở Thuận Hoá hai lần, đều siêng năng cả, nếu là quan viên thì thăng một cấp, thưởng hai tư; nếu là hạng lực sĩ, dũng sĩ, võ sĩ cũ làm lâu năm đã có xuất thân thì gửi về bản quán, nếu tình nguyện, cho như hạng nhất thân, bổ trung uý, hạng mới tuyển, có chân xuất thân từ bổ vũ uý, trật chánh bát phẩm, chia vào các vệ túc trực. Về văn thuộc, nếu có xuất thân cùng quân sắc và dân chúng thì bổ phó vũ uý, trật tòng bát phẩm.

Lấy **[42b]** Lê Sạn làm Hộ bộ thượng thư.

Mậu Dần, [Quang Thiệu] năm thứ 3 [1518], (Minh Chính Đức năm thứ 13). Mùa xuân, thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đặng Ất (người Hải Triều, huyện Ngự Thiên, thi Đình đỗ tiến sĩ xuất thân) 17 người. Đến khi thi Đình, đầu đề văn sách hỏi về việc biết người yên dân. Cho bọn Ngô Miễn Thiệu, Nguyễn Mân Đốc, Lưu Khải Chuyên 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Lại Kim Bảng 6 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Đệ 8 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

> Xét bài ký của Nguyễn Văn Thái viết: Thần kính xét, triều trước từ năm Nhâm Tuất, Đại Bảo năm thứ 3 mở khoa thi, hoặc 6 năm một khoa, hoặc 5 năm một khoa chưa có lệ cố định. Đến năm Quang Thuận thứ 4 là khoa Quý Mùi trở đi mới định ba năm một khoa, theo **[43a]** Hội điển của nhà Minh, lấy các năm Tý, Ngọ, Mão, Dậu thi Hương, các năm Thìn, Tuất, Sửu, Mùi thi Hội, duy có năm Mậu Dần, Quang Thiệu năm thứ 3 có khoa thì là vì năm thứ 2 là năm Đinh Sửu chính là năm mở khoa thi, nhưng năm ấy đương có việc nên đến năm nay mới cử hành được.

Gia phong Mạc Đăng Dung là Vũ Xuyên hầu.

Mùa thu, tháng 7, ngày mồng 7, trời mưa gió to, sét đánh chết người rất nhiều.

Ngày 11, giết Thiết Sơn bá Trần Chân và bè đảng của Chân là bọn Trần Trí, Nguyễn Nga, Nguyễn Bá Đại, Lê Nguyện Khâm... 6 người ở trong cung cấm.

Trước đây, Trần Chân đã đuổi được Nguyễn Hoằng Dụ, quyền nắm trong tay, Mạc Đăng Dung cũng phải sợ, mới hỏi con gái của Chân cho con trai mình là Đăng Doanh. Bấy giờ, có kẻ hiếu sự làm câu ca rằng: "Trần hữu nhất nhân, vi thiên hạ quân, thố **[43b]** đầu hổ vĩ, tế thế an dân" [Có một người họ Trần, làm vua thiên hạ, đầu thỏ đuôi hổ, trị nước yên dân]. Vì thế, quốc cữu Chử Khảo, Thọ quốc công Trịnh Hựu, cùng với Thuỵ quân công Ngô Bính bàn với nhau rằng: Một người họ Trần tức làm Trần Chân, đầu thỏ đuôi hổ tức là cuối năm Dần đầu năm Mão, sợ rằng vào năm ấy sẽ có biến loạn, khuyên vua sớm trừ đi. Đến đây, khi tan chầu, vua cho gọi Chân và bọn đệ tử Trần Trí vào cả trong cung cấm sai người đóng các cửa thành, sai bọn lực sĩ bắt Chân. Chân chạy đến chân thành, người giữ cửa bắt chém đi. Đệ tử của Chân là bọn Hoàng Duy Nhạc, Nguyễn Kính (Kính sau làm quan với nhà Mạc đến chức thái uý Tây quốc công, được truy tặng Tây Kỳ Vương), Nguyễn Áng nghe tin ấy, đánh ba hồi chiêng, đem quân vào cửa Đại Hưng, thấy các cửa thành đã đóng, bèn tiến thẳng vào ty Địch vạn vệ Cẩm y. Người giữ cửa ngăn lại **[44a]** không cho vào. Vua đem quân đi tuần trong thành, bêu đầu Trần Chân cho xem, bọn Nhạc, Kính mới chạy.

Ngày 14, bọn Nguyễn Kính, Nguyễn Áng, Nguyễn Hiêu, Cao Xuân Thì (có sách chép là bọn Nguyễn Chi, Mã Cử) cùng họp với nhau ở chùa Yên Lãng[1], đem quân đánh vào sát kinh thành. Vua đang đêm, chạy sang dinh Bồ Đề ở Gia Lâm để tránh.

Hôm sau, vua chạy đến Súc Ý đường ở xã Dương Quang[2], tới nhà Đàm Cử (Cử người huyện Quế Dương, có nhà ở xã Dương Quan, huyện Gia Lâm[1]) đến quá trưa chưa ăn cơm, dân gian có người đem bánh khoai dâng lên.

---

[1] Yên Lãng: nay là chùa Láng ở quận Đống Đa, Hà Nội.

[2] Dương Quang: tên xã, nay thuộc tỉnh Hà Bắc.

Bấy giờ, Trịnh Tuy đóng quân ở xứ Sơn Nam có hơn 1 vạn người, nghe tin vua chạy ra ngoài, quân lính tan cả. Thế là quân Sơn Tây[2] thả sức cướp phá, trong thành sạch không, Kinh sư thành bãi săn bắn, đánh cá. Vua nhân đó, cho gọi Nguyễn Hoằng Dụ ra đánh bọn Nguyễn Kính. Nhưng Hoằng Dụ lưỡng lự không đi.

[44b] Từ khi Trần Cảo vào Kinh mà tông miếu tan nát, từ khi quân Sơn Tây làm loạn mà Kinh thành sạch không, xem thế đủ biết triều Lê không hưng thịnh được nữa.

Người ta có ba bậc phải thờ phụng như một là vua, thầy và cha, có khác gì nhau đâu. Xưa Trương Tú[3] buộc tờ biểu vào cán búa, giết người để phục thù cho cha, mà nổi tiếng ở đời Đường; Quách Bốc đem quân vào trong cung, đuổi vua để cứu bộ tướng của mình mà danh dậy đời Lý[4]. Những người ấy đề đem lòng thờ vua, thờ chủ mà chuyển thành đạo thờ cha, thờ thầy, có gì khác đâu! Trần Chân ở triều Lê, có công lao không phải là nhỏ. Đương lúc giặc Cảo tiếm hiệu cướp ngôi ở Đông Kinh, Chân đem quân một lữ đêm ngày xoay sở đánh lại, đến hơn mười ngày mà tên đầu sỏ Cảo phải rút chạy. Đến khi giặc Cảo lại đánh đến Bồ Đề, Chân **[45a]** đem mấy ngàn quân vượt sông tiến đánh, chưa tới mươi ngày mà đồ đảng của Cảo tan vỡ, mặt trời mặt trăng của nhà Lê lại sáng, tông miếu của nhà Lê lại được thờ, so với Thần My khôi phục nhà Hạ[5], Cát Phủ khuông phù nhà Chu[6] có khác gì đâu. Thế mà khi giặc lớn chưa dẹp, bọn gian dương dòm ngó, trên thì vua ngu tối tin lời dèm, trong thì mẫu hậu gian phi gây hoạ, đến nỗi gọi vào cung cấm giết kẻ tướng thần, so với Lý Cao Tông giết Bỉnh Di[7], Trần Giản Định giết Đặng Tất[8] kẻ có công bị ngờ vực, người vô tội bị giết hại, ngậm oan nuốt hận, trời đất không hay, há chẳng đau xót lắm ư? Hợp cả Nguyễn Kính, Nguyễn Áng mà bàn, thì hai người này là tướng dưới trướng của Chân, mài chí phục thù, dốc lòng trừ gian, liều mình cứu mạng cho chủ, trên là để báo lại ơn đức xưa nay, dưới **[45b]** là giải được mối oan khiên uất ức, phù trì chính khí cho ức vạn năm, diệt bọn gian hùng cho ngay lúc ấy, đạo thờ thầy đã sáng rõ lắm rồi. Song xét ra, Chân làm tướng không biết răn cấm tả hữu, khi thì giết bậc danh thần giữa chốn đại đô, lúc lại uống rượu, ngự trong cung Lục Thanh, rất không phải là lễ của người làm tôi, thế thì Chân bị giết cũng là tự chuốc lấy, có gì đáng lạ!

Ngày 16, lấy Lại bộ thượng thư Đỗ Nhạc làm Ngự sử đài đô ngự sử kiêm Đông các đại học sĩ, nhập thị kinh diên.

Lấy Thái bộc tự khanh Nguyễn Mậu làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử.

Lấy Lê Sạn làm Lại bộ thượng thư.

Tháng 8, sao Thái Bạch đi ngang trời.

Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính nghe tin vua chạy **[46a]** sang Gia Lâm, đến hành tại bái yết, rồi vâng mệnh vua điều động lương thực cấp cho quân lính.

---

[1] Theo CMCB 26, 39 thì Đàm Cử là đô lực sĩ.

[2] Quân Sơn Tây: chỉ quân của bọn Nguyễn Kính, Hoàng Duy Nhạc.

[3] Trương Tú: người đất Giải, đời Đường. Cha Tú là Thẩm Tố bị ngự sử Dương Uông giết. Tú chuyển ra Lĩnh Nam, sau đó trốn trở về giết Uông. Lúc sắp bị giết, Tú nói: "Xuống gặp cha ta thì còn gì đáng hận nữa!".

[4] Tức đời Đường. Các vua Đường họ Lý nên gọi thế.

[5] Thần My: bề tôi của Thiếu Khang nhà Hạ, khi Hàn Xác cướp ngôi nhà Hạ, Thần My giúp Thiếu Khang giết Hàn Xác, khôi phục cơ nghiệp nhà Hạ.

[6] Cát Phủ: Tức là Doãn Cát Phủ, bề tôi của Chu Tuyên Vương, có công giúp Tuyên Vương trung hưng nhà Chu.

[7] Xem Kỷ nhà Lý - Lý Cao Tông.

[8] Xem Kỷ Hậu Trần - Giản Định Đế.

Vua sai Cung Kiệm hầu Hà Văn Chính, Cối Khê bá Lê Đại Đỗ đi gọi Mạc Đăng Dung ở Hải Dương về. Vua lại chạy về Thuần Mỹ đường, ra coi chầu trăn quan.

Khi ấy, Đăng Dung đến yết kiến vua, đóng thuỷ quân ở sông Nhị Hà, cho là Súc Ý đường hơi xa, nhân tâu xin lại chuyển về Bồ Đề, ngự ở Thuần Mỹ đường để được tiện theo hầu. Lại sai người đi dụ bọn tử đệ của Trần Chân. Bọn Nguyễn Áng đều nói: Thiết Sơn bị giết, do ở bọn Chử Khải, Trịnh Hựu, Ngô Bính dèm pha, nếu giết ba người ấy thì vua tôi lại như cũ, không có mưu đồ gì khác. Vua nghe kế của Đàm Cử, bèn giết bọn Khải. Nhưng bọn Áng lại càng rông rỡ hoành hành, đóng quân không rút.

Tháng 9, ngày 21, Mạc Đăng Dung giết Ngự sử đài đô ngự sử Đỗ Nhạc **[46b]** và Phó đô ngự sử Nguyễn Dự. Khi ấy, Đăng Dung cho là vua ở điện Thuần Mỹ, thuỷ quân hơi gần với địa phương của bọn con em Trần Chân, xin vua rời về Bảo Châu[1]. Đỗ Nhạc, Nguyễn Dự đều can. Đăng Dung liền sai đồ đảng là Đinh Mộng bắt Nhạc và Dự đến ruộng dâu ngoài cửa bắc hành dinh Xuân Đỗ[2]. Vũ Duệ có bài thơ rằng:

_ ni tinh kỳ quái tịch dương,
Lưỡng cung phiến phiếm giá phi hoàng.
Hàm tê chiến sĩ yêm giang thượng,
Phục trãi trung thần tử đạo bàng.
Vạn lý sừ tinh lâm hữu đạo,
Tâm quân loát tuệ thác vô lương.
Thăng Long tự cố hưng vương địa,
Hà bất thư hùng quyết nhất trường.
(Phấp phới cờ treo bóng tịch dương,
Hai cung[3] buông lửng một con xuồng.
Áo tê quân chiến ỳ bên cạnh,
Mũ trãi tôi trung chết cạnh đường.
Muôn dặm bừa rau rừng có giặc,
Ba quân tuốt dé túi không lương.
Thăng Long là đất hưng vương cũ,
Sống mái sao không quyết một trường[4]

Bấy giờ Duệ thấy vua và hoàng đệ Xuân thả thuyền chạy ra ngoài, Nhạc và Dư can mà bị giết, thiên hạ đói cơm thèm rau, quân lính không có lương ăn, vua lại không có Thăng Long mà rời đến Bảo **[47a]** Châu, cho nên có bài thơ này (Duệ người Sơn Vi[5] đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Canh Ngọ đời Hồng Đức, làm quan đến Thiếu bảo thượng thư, sau thành bề tôi tiết nghĩa).

Đinh Mông rước vua về Bảo Châu. Vua đã dời đến Bảo Châu, Vĩnh Hưng bá Trịnh Tuy và văn thần Nguyễn Sư cùng với các tướng ở Sơn Tây cùng mưu lập người con của Tĩnh Tu công Lộc tên là Bảng làm vua, đổi niên hiệu là Đại Đức (Bảng là cháu bốn đời của Cung Vương Xương). Được nửa năm lại phế Bảng và lập Lê Do, đổi niên hiệu là Thiên Hiến (có thuyết nói rằng Do là em cùng mẹ với Bảng, cha là dân thường, chưa rõ tên là gì). Làm hành diện ở xã Do Nha, huyện Từ Liêm, lấy người thôn quê chia đặt quan thuộc văn võ tiến triều. (Bọn Tuy đã lập Thiên Hiến, khi ấy, Lê Văn Tiền làm tổng binh Thuận Hoá. Tuy có gửi thư cho Văn Tiền).

Vua ở Bảo Châu, có Trình Chí Sâm, Nguyễn Thì Ung theo hầu, sai người đi dụ Nguyễn Hoằng Dụ. Hoằng được tin, bèn dem quân Thanh Hoa ra cứu nạn. Vua bèn sai Hoằng Dụ cùng với Mạc Đăng Dung

---

[1] Bảo Châu: Cương mục chú làm thuộc huyện Từ Liêm (CMCB26)

[2] Xuân Đỗ: Theo CMCB26 thì Xuân Đỗ là một xã thuộc huyện Gia Lâm, trấn Kinh Bắc (nay thuộc huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội) giết đi.

[3] Hai cung: chỉ vua và hoàng đệ Xuân.

[4] Theo bản dịch cũ.

[5] Sơn Vi: tên huyện, sau là huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[47b] đem các đạo quân Thanh Hoa và Sơn Nam chia đường tiến đánh bọn Nguyễn Áng, Nguyễn Kính ở Sơn Tây. Hoằng Dụ thua to, quân chết rất nhiều. Hoằng Dụ chạy xuống thuyền, tự liệu không đánh được, liền bãi binh lui về, chỉ để một mình Mạc Đăng Dung ở lại cầm cự với bọn Nguyễn Áng.

Mùa đông, tháng 10, sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thuỷ, bộ.

Sai Nguyễn Thì Ung, Nguyễn Nghiễm, Lê Ý, Ngô Hoan sang tuế cống nhà Minh và xin phong. Nhưng vì trong nước còn loạn, sau không đi được.

Sứ tuế cống lần trước là Nguyễn Quý Nhã từ Bằng Tường trở về, cho làm Đông các hiệu thư.

Vua lại chạy đến dinh Xuân Đỗ, huyện Gia Lâm.

Lấy Nguyễn Phi Hổ (có sách chép là Duy Hổ, người huyện Gia Lâm) làm Ngự sử đài thiêm đô ngự sử, Vũ Lân Định làm Thầm chính Thuận Hoá; đổi Thừa chính sứ Kinh Bắc Phạm Khiêm Bính làm Thừa chính sứ Nghệ An; sai **[48a]** Thừa chính sứ Nghệ An Phan Đình Tá làm Thừa chính sứ Kinh Bắc. Vì Khiêm bính người huyện Quế Dương, Kinh Bắc; Đình Tá người Thiên Lộc, Nghệ An, cho nên có lệnh đổi hai người. Khiêm Bính nhận lệnh đi, Đình Tá không chịu tới Kinh Bắc, rồi cùng với Khiêm Bính cùng trị nhậm Nghệ An.

Lấy Đàm Thận Huy là Thiếu bảo, Lễ bộ thượng thư nhập thị kinh diên.

Sai Lại bộ thượng thư Lê Sạn dụ tế cố Đô ngự sử Đỗ Nhạc, và ban 100 quan tiền điếu viếng.

(Nhạc người làng Lại Ốc, huyện Văn Giang; tên tự là Đôn Chính, tên thuỵ là Văn Tiết, tên hiệu là Nghĩa Sơn tiên sinh. Sinh được bốn con trai, con trưởng là Tổng, đỗ tiến sĩ cập đệ khoa Kỷ Sửu đời Minh Đức nhà Mạc, làm quan đến Đông các đại học sĩ, con thứ là Tấn, đỗ đồng tiến sĩ khoa Ất Mùi đời Đại Chính nhà Mạc, làm quan đến Hình bộ thượng thư Trà quận công, chết trận. Nhạc có tập thơ vịnh các đế vương trong sử theo thể Đường luật lưu hành ở đời).

Kỷ Mão, [Quang Hiệu] năm thứ 4 [1519], (Minh Chính Đức năm thứ 14). Mùa xuân, tháng giêng, vua ở hành dinh Bồ Đề. Trịnh Tuy làm **[48b]** cầu phao tiến quân, qua giữa sông để khiêu chiến. Vua sai đại tướng đánh phá, chặt đứt cầu phao, chém được tướng giặc Mai Dương bá. Tuy cùng với Lê Do rút về vùng Yên Lãng, Yên Lạc[1]. Vua lại sai tướng đến đánh, bọn Tuy đang đêm kinh sợ trốn chạy.

Tháng 2, ngày mồng 2, có sắc chỉ truyền cho Trung thư viết sắc mệnh và cáo mệnh phải có họ tên người viết, Thượng bảo tự đóng ấn báu.

Tháng 2 đến tháng 4, trời nắng dữ, lúa hại, gạo kém.

Giặc Xá ở đầu nguồn các xứ Thái Nguyên, Tuyên Quang nổi loạn, cướp bắt vợ con và của cải của dân chúng.

Lấy Đông các hiệu thư Nguyễn Quý Nhã làm Đông các học sĩ.

Mùa hạ, tháng 5, bọn giặc Xá tan vỡ. Khi ấy, gặp mưa to, giặc Xá đóng quân ở chỗ bùn lầy, **[49a]**, lòng quân chia lìa, không còn chí chiến đấu, quân bị tan vỡ.

Mùa thu, tháng 7, mưa to. Sai Mạc Đăng Dung thống lĩnh các quân thuỷ bộ vây Lê Do ở Từ Liêm, rồi phá đê cho nước vỡ vào quân Lê Do. Bọn Do và Nguyễn Sư chạy đến Ninh Sơn[2] (tức Yên Sơn ngày nay), quan quân bắt được, giải về đem đi rao. Trong khi bị giải đi rao, Sư có bài thơ rằng:

Bản dục hưng Chu cứu vạn dân,
Thuỳ tri thiên ý bất tùy nhân.
Ô Giang thuỷ khoát nam đông độ,
Xích Bích phong cao dị bắc phần.
Vân ám Ninh Sơn long khứ viễn,

---

[1] Yên Lãng, Yên Lạc: tên của hai huyện thuộc trấn Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Vĩnh Phú.

[2] Ninh Sơn: tên huyện, sau đổi thành Yên Sơn, nay là huyện Quốc Oai, tỉnh Hà Tây.

Nguyệt minh phúc địa hạc lai tần.
Anh hùng thành bạn cổ lai hữu,
Đãn hận binh sinh chí vị thân.
(Những toan phục nước cứu muôn dân,
Trời chẳng chiều người cũng khó phần.
Sông rộng, Giang Đông khôn trở gót[1],
Gió to, Xích Bích dễ thiêu quân[2]
Ninh Sơn mây ám rồng xa khuất,
Phúc địa trăng soi hạc tới gần.
Anh hùng thành bại xưa nay vậy,
Chí đời chưa thoả hận vô ngần)[3].

Tháng 9, ngày 20, vua về Kinh, đại xá, ban ân khắp, cho các quan được thăng 1 cấp, phong Mạc **[49b]** Đăng Dung làm Minh quận công.

Lấy Đông các học sĩ Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ tả thị lang.

Canh Thìn, [Quang Thiệu] năm thứ 5 [1520], (Minh Chính Đức năm thứ 15). Mùa xuân, tháng giêng, sai Mạc Đăng Dung làm tiết chế các xứ thuỷ bộ chư dinh, lấy Phạm Gia Mô làm tán lý quân vụ.

Khi ấy, Vũ Nghiêm Uy dấy quân ở Trường Thân, Đại Đồng (thuộc Tuyên Quang), vua sai Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ đem quân đi đánh, lấy Phạm Khiêm Bính làm tán lý quân vụ.

Lấy Vũ Duệ làm thiếu bảo, Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên.

Lấy Lại bộ tả thị lang Nguyễn Quý Nhã làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước, lấy đỗ bọn Nguyễn Bật 14 người (Bật người Nghệ An, **[50a]** thi Đình đỗ đồng tiến sĩ xuất thân). Đến khi thi Đình, vua thân hành ra đầu bài văn sách hỏi về nhân tài, cho Nguyễn Thái Bạt đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Thái Bạt người xã Bình Lăng, huyện Cẩm Giàng[4] có tiết nghĩa), bọn Đặng Công Toản, Nguyễn Bật 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân.

Sai Lễ bộ thượng thư kiêm sử quan phó tổng tài tri Chiêu Văn quán Tú lâm cục Đặng Minh Khiêm biên soạn Đại Việt lịch đại sử ký[5] (Minh Khiêm người huyện Sơn Vi, tự đặt hiệu là Thoát Hiên tiên sinh, có bộ Việt giám vịnh sử thi tập[6] lưu hành ở đời).

Lấy Nguyễn Hữu Nghiêm làm chưởng Hàn lâm viện sự.

Ban phong Thiếu bảo Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên, Vũ Duệ làm Trinh ý công thần.

Tháng 6, thổ tù xứ Thuận Hoá đuổi viên Tổng binh sứ Đoan Lương bá Phạm Văn Huấn, cướp lấy cả vợ con, của cải của Huấn. Bấy giờ, Văn Huấn đem nhiều con em đi theo, đổi đặt làm quan các vệ sở, **[50b]** quấy nhiễu dân địa phương, giết ngầm thổ tù các xã Võ Xá, An Truyền huyện Đan Điền[7] là bọn Hồ Bá Quang 4 người. Vì thế, con em của Bá Quang đem hơn 4 nghìn người bản xứ đến vây bức thành

---

[1] Hạng Vũ thua trận ở Cai Hạ, chạy đến sông Ô Giang, sông rộng, không qua được sông, bị giết.

[2] Tào Tháo đánh Tôn Quyền ở Xích Bích, gió đông nổi lên, Chu Du dùng kế hoả công đốt sạch thuyền bè, thiêu đốt quân Tháo. Tháo đại bại.

[3] Theo bản dịch cũ, có sửa hai câu cuối.

[4] Cẩm Giàng: tên huyện, thuộc trấn Hải Dương, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[5] Bộ sử này ngày nay không còn, nhưng có lẽ một phần của nó được đưa vào Toàn thư.

[6] Sách này hiện còn giữ được, với các tên Vịnh sử thi tập, Thoát Hiên tiên sinh, vịnh sử thi tập.

[7] Đan Điền: tên huyện, sau là huyện Phong Điền và huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

trì, đuổi Văn Huấn đi. Văn Huấn bỏ cả vợ con trốn ra vùng Tân Bình[1]. Bọn Thuận Hoá Thừa tuyên sứ Phạm Khiêm Bính, Hiến sát sứ Ngô Quang Tổ, cùng vợ con của Văn Huấn lên thuyền chạy trốn, dân xứ ấy cướp hết của cải và vợ con của Văn Huấn, cố ép thuyền của Khiêm Bính và Quang Tổ quay về trị sở. Hai tháng sau, vua sai Sái Cảnh làm Thừa chính sứ Thuận Hoá thay Khiêm Bính. Bọn Khiêm Bính do vậy mới được trở về.

Mùa thu, tháng 8 nhuận, ngày 29, truy tặng Đỗ Nhạc làm Thiếu bảo, Thượng thư, Ngự sử **[51a]** đài đô ngự sử Văn Trinh bá, tên Thuỵ là Văn Tiết.

Lấy Ngự sử đài thiêm đô ngự sử Nguyễn Mậu làm Phó đô ngự sử, Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

Tân Tỵ, [Quang Thiệu] năm thứ 6 [1521], (Minh Chính Đức năm thứ 16). Mùa xuân, phong Mạc Đăng Dung làm Nhân quốc công, tiết chế các doanh quân thuỷ bộ 13 đạo.

Lấy Phạm Khiêm Bính làm Lại bộ thượng thư tham dự triều chính.

Tháng 3, ngày 14, Vũ Tông Nghị Hoàng Đế nhà Minh băng, không có con nối. Từ Thọ Hoàng thái hậu bàn định theo ý chỉ của tổ tiên, anh chết truyền ngôi cho em, làm di chiếu, sai đại thần văn võ rước con thứ là Hậu Thông ở Hưng Để[2] vào nối nghiệp lớn, ngày 22, tháng 4, lên ngôi hoàng đế. Đại xá. Lấy năm sau làm năm Gia Tĩnh thứ 1.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 17, dựng bia tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6. Sai Thiếu bảo Lại bộ thượng thư Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Vũ Duệ soạn bài ký, Trung thư giám điển thư Chu Đình Bảo viết chữ chân, Kim quang môn đãi chiếu, Phạm Đức Mạo viết chữ triện.

> Xét bài ký của Vũ Duệ viết: Tiến sĩ khoa Giáp Tuất năm Hồng Thuận thứ 6, về ân vinh thứ bậc đều theo lệ nhà Minh, quan Công bộ xin khắc dựng bia ở nhà Thái Học để lưu truyền lâu dài. Nhưng gặp phải vận hạn, binh lửa liên miên, việc khắc bia đề tên chưa kịp làm xong. Nay bệ hạ mở nghiệp trung hưng, sáng công tiền liệt, nối theo thánh học, khơi sâu nguồn đạo, cổ võ giáo hoá và đổi mới văn tự. Mùa xuân năm Mậu Dần, đã **[52a]** thân ra Điện đình ra đề sách văn thi kẻ sĩ. Mùa hạ năm Canh Thìn lại cho mở chế khoa để thu hút hiền tài. Đến năm Tân Tỵ là dựng bia đề tên tiến sĩ khoa Giáp Tuất, để bổ sung chỗ thiếu sót trong điển lễ, để tỏ ý khuyến khích biểu dương nhân tài. Há chẳng phải là biểu hiện của lòng tôn nho sùng đạo của đức thánh thượng sao? Vả lại, các tiến sĩ khoa ấy vốn đã được tuỳ tài sử dụng, đều ở hàng liêu thứ, người thì theo hầu cương ngựa trong khi hoạn nạn, kẻ thì giúp bàn kế hoạch trong buổi trị bình; người thì trị dân coi việc, người thì khởi thảo văn từ; phẩm hạnh tài năng cũng có thể thấy được đại khái. Đến nay lại đội ơn được tô điểm, tấm lòng cảm khích biết đến dường nào. Tất phải trong sạch để hưởng phúc, tất phải thuỷ chung lo báo đền. Trước lấy khí thức sau mới đến tài nghệ, trước là đức hạnh rồi mới đến văn chương. Là sao sáng, mây lạ, làm điềm lành cho đương thời, là vàng ngọc thiên nhiên, **[52b]** làm của quý cho thế gian; là gươm Can Tương, Mạc Da[3] để dẹp tiếm loạn, là gỗ biền nam, kỷ tử để vững cột rường; là thóc lúa, vải, lụa để nuôi sống dân, là sâm linh chi thuật để dưỡng thọ mạch nước, để cuộc trị nước đến chỗ phồn vinh, và đặt thiên hạ vào thế bình yên như Thái Sơn, bàn thạch, mới có thể trên không phụ sự biểu dương của đức thánh, dưới không phụ vốn học vấn của đời mình. Như vậy thì công danh sự nghiệp ghi mãi trên bia đá cứng, không bao giờ phai mòn. Nếu không thế thì hình tích của người hay kẻ dở, của kẻ nịnh người trung, nội dung của điều phải điều trái, việc nên việc chăng chả lẽ có thể giấu giếm được hay sao?

Mùa thu, tháng 7, vua ngự đến phủ đệ của Mạc Đăng Dung, gia phong Đăng Dung làm Thái phó.

---

[1] Tân Bình: Nay là tỉnh Quảng Bình.

[2] Hậu Thông: là con Hưng Hiếu Vương Hựu Hàng, cháu Minh Hiến Tông. Hưng Để: là phủ đệ của Hưng Hiếu Vương.

[3] Can Tương, Mạc Da: là tên hai thanh gươm quý thời cổ, ở đây chỉ loại gươm quý nói chung.

Tháng 8, vua ngự điện Quỳnh Vân, uý lạo Mạc Đăng Dung và các tướng sĩ ra vùng Kinh Bắc, Lang Nguyên **[53a]** lùng bắt Trần Cung.

Tháng 9, có sắc dụ cho Mạc Đăng Dung và tướng sĩ các doanh rằng: "Trẫm nghe: Vì nước trừ hung, đạp bằng nguy hiểm là trách nhiệm của tướng quân. Cho nên Điền Đan nước Tề xông pha tên đạn mà người Địch phải hàng[1] Lý Thái Tổ đời Đường tắm gội gió tuyết mà Hoài Sái bị dẹp[2], đều là những người bảo vệ xã tắc, có công lao lớn với thiên hạ cả. Khanh là chổ nương tựa của trẫm, nay giặc Cung nhóm họp dư đảng, trộm chiến vùng Lạng Nguyên, triều đình sai khanh làm đô tướng, tiết chế các doanh quân thuỷ, bộ cả nước, chia đường tiến đánh, đã từng trèo non lội suối, xông pha mưa gió, phá giặc ở các huyện Phượng Nhã, Bảo Lộc, đốt phá doanh trại giặc, chém được đầu giặc, bắt sống tù binh giặc. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, cư dân các xã đều đã ra đầu thú, phục tùng, tin thắng trận nhiều lần tâu lên, trẫm rất khen ngợi. Đặc cách sai **[53b]** thiếu bảo Binh bộ thượng thư Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, tư lễ giám tổng thái giám kiêm tài dụng khố sự Ngô Khoái, tả thị lang Đông các đại học sĩ Nguyễn Quýnh mang sắc dụ đến uý lạo khanh và tướng sĩ các doanh, lại có 100 lạng bạc giao cho khanh, tuỳ nghi ban thưởng cho những người có công. Khi sắc dụ tới, khanh nên thể theo ý trẫm, lấy lòng trung nghĩa khích lệ tướng sĩ đồng lòng chung sức lập cách lùng bắt cho được chính bản thân tên phản nghịch Cung, còn những kẻ bị bắt hiếp theo nó thì hết thảy không hỏi tới. Để bọn giặc cướp trốn tránh lâu năm, sào huyệt bị quét sạch; để dân một phương phải lầm than, được yên ổn như xưa, cho đường sứ được thông suốt, cho công lớn được hoàn thành, thì công lao danh tiếng của khanh để lại mãi mãi trong vũ trụ, và lời thề sông cạn đá mòn, cháu con hưởng mãi không bao giờ cùng".

Khi ấy, quan quân tiến đến vùng Lạng Nguyên, bọn Cung đều **[54a]** bỏ chạy, bắt được vợ và con gái của Cung đem giết đi. Cung chạy vào châu Thất Nguyên (có thuyết nói Cung chạy trốn sang nước Minh, sau bị đóng cũi giải về Kinh sư).

Nhâm Ngọ, [Quang Thiệu], năm thứ 7 [1522], (Từ tháng 8 trở về sau, phụ chép Cung Hoàng, Thống Nguyên năm thứ 1; Minh Thế Tông, Gia Tĩnh năm thứ 1). Mùa xuân, tháng giêng, nhà Minh sai Hàn lâm viện biên tu Tôn Thừa Ân và Cấp sự trung Du Đôn sang báo việc Gia Tĩnh Hoàng Đế lên ngôi. Gặp khi nước ta có loạn, bọn Thừa Ân không sang đến nơi được. Đến năm Quý Mùi, Thừa Ân trở về phủ Thái Bình, còn Đôn bị chết ở dọc đường.

Mùa hạ, tháng 4, ngày 20, giặc cướp nổi lên ở Kinh thành, đốt phá phố xá trong nội thành. Vua sai Đông quân công Mạc Quyết, Quảng quận công Kiều Văn Côn cùng các tướng vào hầu túc vệ. Bọn Quyết và Văn Côn tâu xin cho con em dàn đóng ở ngoài thành, Kinh kỳ mới được **[54b]** yên.

Bảo Xuyên hầu Lê Khắc Cương và Lương Phú hầu Lê Bá Hiếu làm loạn, nổi quân ở vùng Đông Ngàn, Gia Lâm. Mạc Đăng Dung thân hành đem các tướng đi đánh không được, Phó đề hình Tứ thành quân vụ Trâu Sơn bá Lê Thị chết trận tại trận. Sau Bá Hiếu thua, chạy trốn lên Lạng Nguyên, bị bắt giải về Kinh sư.

Trước đây, Bá Hiếu ở trong làng, người làng ai cũng cho rằng Hiếu là người tốt, đến khi bị bắt, già trẻ trong làng có đến hơn 50 người tới cửa khuyết xin chuộc tội cho Hiếu. Vua không cho, đem giết ở chợ Đông, bêu đầu 3 ngày.

Mùa thu, tháng 7, ngày 27, vua chạy ra huyện Minh Nghĩa[3] ở Sơn Tây. Khi ấy, Mạc Đăng Dung uy quyền ngày một lớn, lòng người đều hương theo. Đăng Dung đem con gái nuôi vào hầu vua, tiếng là chầu hầu, thực ra là để dò xét, coi giữ. Lại cho con trưởng là Đăng Doanh làm Dục Mỹ hầu, trông coi điện Kim Quang. Đăng Dung đi bộ thì **[55a]** lọng phượng giát vàng, đi thuỷ thì thuyền rồng giây kéo, ra vào cung cấm, không kiêng sợ gì. Lại giết bọn thị vệ Nguyễn Cấu, Đô lực sĩ Minh Sơn bá Nguyễn Thọ và Đàm Cử.

---

[1] Điền Đan: là tướng nước Tề, đi chinh phục được người Địch.

[2] Lý Tố: là một danh tướng đời Đường, được lệnh đi đánh Hoài Tây, nhân đêm giá tuyết, đánh vào châu Sái, bắt được Ngô Nguyên Tế.

[3] Minh Nghĩa: tên huyện, sau là huyện Tùng Thiện, tỉnh Sơn Tây, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

Vua mưu ngầm với bọn Phạm Hiến, Phạm Thứ, sai người đem mật chiếu vào Tây Kinh bảo Trịnh Tuy nghênh viện. Vào canh hai đêm 27, bọn Hiến, Thứ vào hầu yến, rồi đón vua ra ngoài, hoàng thái hậu và em vua là Xuân không được biết. Vua ra đến xã Mộng Sơn, huyện Minh Nghĩa, Sơn Tây. Ngày hôm sau, Đăng Dung biết chuyện, đem quân đi đón chặn những nơi quan yếu.

Ngày 28, Đăng Dung kéo cờ ở Kinh thành, truyền lệnh cho các nhà ở phố phường không được kinh động. Lại sai bọn Hoàng Duy Nhạc binh mã đuổi theo kịp vua ở Thạch Thất. Vua đem quân huyện Thạch Thất chống lại, bắt được Duy Nhạc. Ngày hôm ấy, Đăng Dung vào Kinh tha **[65b]** Trình Chí Sâm và Nguyễn Thì Ung ra khỏi tù. Trước đây, vua cho là hai người này hùa theo Đăng Dung, đem giam ở điện Quỳnh Văn, chưa kịp giết thì chạy ra ngoài, cho nên Đăng Dung tha ra.

Bấy giờ, vua đã chạy ra ngoài, Đăng Dung bèn cùng với Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Mỹ quận công Lê Chu, Cẩm Sơn hầu Lê Thúc Hựu, Hoằng Lê hầu Phạm Gia Mô, Đoan Lễ hầu Dương Kim Ao, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Nguyễn Như Quế, cùng bàn lập em vua là Xuân.

Lời sắc dụ viết: Ta là cháu của Đức Tông Kiến Hoàng Đế, con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, em ruột của Quang Thiệu Hoàng Đế. Nay vì đêm ngày 27 tháng 7 năm Quang Thiệu thứ 7, Quang Thiệu hoàng thượng bị kẻ gian uy hiếp phải dời ra ngoài, triều thần là Thái sư Lượng quốc công Lê Phụ, Thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung và các công, hầu, **[56a]** bá, phò mã đô uý, các quan văn võ đồng lòng suy tôn, đều nói rằng sinh dân không thể không người đứng chủ, thần khí không thể bỏ trống lâu ngày, xin ta nối giữ nghiệp lớn. Ta vì tông xã và sinh dân, nghĩa không từ chối được, đã tạm trông coi các việc trong cung rồi, các quan văn võ trong ngoài cứ giữ chức như cũ. Quân hộ vệ và tướng sĩ các doanh nhân ở Kinh phải túc trực nghiêm ngặt, phòng giữ đúng phép. Viên chức và dân chúng phủ Phụng Thiên và các phủ, huyện, xã hãy an cư lạc nghiệp, để giữ phúc sinh toàn.

Ngày 30, Lê Chu và Nguyễn Như Quế đón Xuân sang Hồng Thị, huyện Gia Phúc[1], rồi làm hành điện và gấp sai quân dân đắp lũy Cẩm Giàng để phòng giữ. Bọn Phó đô tướng Bắc Giang Phúc Sơn bá Hà Phi Chuẩn, Bình Hồ bá Nghiêm Bá Ký, Phúc Nguyên bá Nguyễn Xí, Phù Hưng bá Phạm Tại đã nhận được **[56b]** mật chiếu và văn phủ dụ của Quang Thiệu Đế từ trước, bèn đem con em xứ Bắc Giang đến đóng quân ở sông Tây Kiều, huyện Đông Ngàn[2]. Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Chưởng Hàn lâm viện Nguyễn Hữu Nghiêm và Dương Khảo đều ở cả đấy. Đăng Dung đốc thúc các tướng cầm cự với bọn Phi Chuẩn. Đăng Dung dụ Phạm Tại làm hướng đạo. Bọn Bá Ký đều thua chạy cả. Bấy giờ, văn thần là bọn Nguyễn Bình Hoà, Phạm Chính Hoa, Nguyễn Bạt Tuỵ, Chử Sư Đổng cùng tới xã Lâm Sơn, huyện Quế Dương để cùng bàn với Phạm Khiêm Bính đi theo Quang Thiệu Đế, thấy Khiêm Bính đã ở trong dinh của Phi Chuẩn rồi, biết là việc không thành, bèn cùng nhau đến yết kiến Xuân.

Tháng 8, ngày mồng 1, Đăng Dung cùng với bọn Lê Phụ đem các quan cùng tôn hoàng đệ Xuân lên ngôi hoàng đế.

Xuống chiếu rằng: Trời lập vua là vì dân, vua vâng mệnh trời **[57a]** là để thương dân. Anh ta là Quang Thiệu hoàng thượng, kính nhậm phúc trời, kế thừa nghiệp tổ, dẹp yên loạn lạc, trở lại chính thống, ban bố ân đức, giữ yên sinh dân, đến nay đã được 7 năm. Đêm ngày 27 tháng 7 nay, bị kẻ gian bắt hiếp dời ra bên ngoài. Triều thần là bọn Lê Phụ thấy trẫm là con thứ hai của Minh Tông Triết Hoàng Đế, là em ruột Quang Thiệu hoàng thượng, đồng lòng suy tôn, hai ba lần khuyên mời lên ngôi. Trẫm thấy tông xã sinh dân là điều hệ trọng, cố ý từ chối không được, bèn kính cáo tông miếu, lấy ngày mồng 1 tháng 8 năm nay lên ngôi, đổi niên hiệu là Thống Nguyên năm thứ 1, đại xá thiên hạ gồm 32 điều.

Ngày mồng 10, Thống Nguyên Đế ngự đến Cối Miếu xã Phúc Diên, huyện Gia Phúc, Hải Dương, lại ngự đến Hồng Thị rồi làm hành điện ở trong huyện, chuyển vận vàng bạc, tiền của, ở các kho tàng trong thành đem cả về **[57b]** đấy.

Ngày 11, Quang Thiệu Đế từ hành dinh Mộng Sơn trở về Kinh thành, đóng tại xã Mang Sơn.

---

[1] Gia Phúc: tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

[2] Huyện Đông Ngàn: bấy giờ tương đương với phần đất huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh và huyện Kim Anh, tỉnh Vĩnh Phúc bây giờ.

Gió to 2 ngày.

Lại khoa cấp sự trung Nguyễn Khắc Tuy vào yết kiến. Vua sai lực chém Tuy.

Trước đây, vua cho gọi Khắc Tuy, Khắc Tuy thấy vua chạy ra ngoài, không chịu tới, lại có vẻ ngạo mạn. Đến nay mới vào yết kiến, nên bị chém.

Vua nhân đi qua sông Cung Kiệm, cầu gãy, bị ngã xuống sông, áo hoàng bào và kiệu đều ướt cả. Sai bắt bọn Dương Đình Tú phủ Quốc Oai để trách hỏi về việc làm cầu giả dối, sau lại tha.

Ngày 16, vua ngự tại hành điện Thuỵ Quang, coi chầu các quan, bốn phương hưởng ứng. Bọn Lâm Xuyên bá Đàm Thận Huy, Phó đô tướng Phúc Sơn hầu Hà Phi Chuẩn nhận mật chiếu trở về Bắc Giang để dấy binh. Lại có bọn Vương Đàm hầu Nguyễn Vĩnh, Hà Lý hầu Lê Quảng đến yết kiến vua. Ninh Xuyên **[58a]** hầu Lê Đình Tú ở miền dưới trấn Sơn Nam cũng hưởng ứng.

Vua lại sai Nguyễn Đình Tú tập hợp người bản huyện và các dinh sở thuộc chia quân trấn giữ những nơi trọng yếu ở các xã Bộc Độ, Ninh Giang, Nghĩa Lễ. Sau bị Đăng Dung đánh bại, Đình Tú bị bọn con em bắt đưa đến dinh của Đăng Dung, rồi bị giải về hành điện ở Hồng Thị. Thống Nguyên Đế cho là Đình tú có công lao cũ, chỉ sai thắt cổ cho chết thôi.

Quang Thiệu Đế sai bọn Nguyễn Kính, Lê Vĩnh, Nghiêm Bá Ký, Kiều Bá Khiêm.

Nguyễn Xí chia đường tiến đánh các huyện Gia Lâm, Văn Giang, Đường Hào, Cẩm Giàng, Lương Tài, Gia Định, cầm cự nhau đến một tháng chưa phân được, thua.

Khi ấy, Quang Thiệu Đế ở hành điện Thuỵ Quang, sai Trung sứ đi gọi Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, đi về đến ba, bốn bọn. Tuy thấy vua ở Thuỵ Quang, không nghe lời các tướng, tin dùng bọn tiểu nhân, **[58b]** dùng dằng mãi không đến.

Bấy giờ, các xứ Tây, Nam, Bắc, Quang Thiệu Đế đã lấy được cả. Mạc Đăng Dung chia các dinh thuỷ, bộ đánh vào các xứ ở bến Đông Hà, Quang Thiệu Đế sai bọn Lại Thúc Mậu, Nguyễn Dư Hoan, Nguyễn Định, Đàm Khắc Nhượng dàn trận chống giữ và cầm cự, bị Đăng Dung đánh bại, bọn Thúc Mậu, Dư Hoan phải lùi dần.

Bọn Hưng Hiền bốn người mang mộc, cầm giáo từ phường Phục Cổ đánh thẳng vào Điện Thuỵ Quang. Lúc ấy, Quang Thiệu Đế đang coi chầu, Tổng tri Trịnh Ân tâu rằng: "Quân giặc đã đến nơi rồi". Vua bèn đi ra. Một lát, thấy bọn Hưng Hiền xông vào sân điện, lính hộ vệ chống lại. Vua bèn tránh ra đóng ở đình cũ xã Nhân Mục, dân chúng đua nhau dâng cháo gạo, các quan trong lúc vội vàng tan vỡ, bắt đầu tập hợp lại. Giờ Thân ngày hôm ấy, vua chạy đến chùa Trùng Quang, xã Thiên Mỗ[1], huyện Từ Liêm.

Tháng 9, ngày 20 **[59a]** Quang Thiệu Đế lại đem quân trở về Kinh sư, đóng ở phía tây kinh thành (tức là xã Yên Quyết Thượng[2], huyện Từ Liêm), làm hành điện để coi chầu, dựng nhà Thái Miếu ở phía đông thành.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 3, gặp ngày kỵ của Tuyên Từ Hoàng thái hậu.

Quang Thiệu Đế tới Thái Miếu làm lễ, khi qua cầu Yên Quyết, người hầu che quạt, lỡ chân ngã xuống sông.

Ngày mồng 4, gặp ngày Nghi Thiên thánh tiết[3], các quan dâng biểu chúc mừng.

Được vài tuần, Trịnh Tuy đem quân ba phủ của Thanh Hoa và tướng sĩ các xứ gồm hơn 1 vạn người đến hộ giá rồi lại trở về dinh của mình. Thuộc tướng của Tuy là Nguyễn Bá Kỷ vào hầu. Phạm Điền

[1] Thiên Mỗ: nay là làng Đại Mỗ, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[2] Yên Quyết Thượng: tục gọi là làng Cót, gần Cầu Giấy, Hà Nội.

[3] Nghi Thiên thánh tiết: ngày sinh của Quang Thiệu Đế.

sợ Kỷ tranh quyền, tâu vua chém Kỷ rồi đem đầu đưa đến cửa đình của Tuy. Tuy do vậy nổi giận, bắt đầu có chí khác.

Ngày mồng 10, trời mưa, nhiều sâu lúa.

Ngày 13, Quang Thiệu Đế đích thân làm lễ cầu trời. **[59b]** Bài văn tấu cáo viết: Nay nhân vận nước gặp bước gian truân, thiên tai tỏ điềm cảnh tỉnh. Lúa mùa sắp chín gặp phải hoàng trùng, lúa chiêm bắt đầu lại bị hạn hán. Nhà nông đã bị thất vọng, muôn họ lại phải lo buồn. Thần đang lúc xiêu giạt, chỉ biết hết sức chăm lo, nghĩ rằng điềm lành chưa ứng là do tệ chính chưa trừ. Có phải do người trung, kẻ nịnh lẫn lộn mà chưa biết cách dùng ai, bỏ ai; có phải do hình phạt không trúng mà vẫn còn nhiều lỗi dùng nhầm, dùng vượt; hoặc là mạng người phải thí nhiều ở đầu đạn mũi tên, hoặc là của dân bị khánh kiệt do sưu cao thuế nặng? Hay là người nắm quyền trị nước làm trái lẽ điều hoà? Hay là kẻ cầm quân đánh dẹp quá tham lam tàn bạo? Cho nên khí âm dương rối loạn, tai biến xảy ra luôn. Nghĩ lo rất đỗi đau lòng, kinh sợ khôn tỏ lời cầu khẩn. Cúi xin rủ theo nguyện vọng của dân, chuyển lại máy then tạo hoá. Để cho mưa ngọt ban khắp nơi, **[60a]** ác trùng bị diệt hết, ruộng đồng làm cỏ phát cây, kịp thời gieo mạ, lúa má nặng bông chắc hạt, toại nguyện bội thu, trộm cướp im hơi lặng tiếng, nước nhà chóng được bình yên. Thần xiết bao khẩn khoản cầu xin, bái chúc.

Ngày 17, ở phương đông có khí vàng đỏ, lại có sắc vàng tan ra phủ khắp trời.

Ngày 18, giờ Thân, bọn Trịnh Tuy và Trịnh Duy Thuân nói phao là đi xem mặt bằng để dựng doanh trại trấn thủ ở xã Dịch Vọng. Đến tối, đóng dinh ở đó, tảng sáng hôm sau, Tuy cùng với bọn Duy Thuân phục quân ở Dịch Vọng, bắn ba tiếng súng, đem quân reo hò ầm ĩ. Quang Tuy uy hiếp, bắt vua về Thanh Hoa. Quốc tư giám tư nghiệp Lê Hữu Trung chết trong trận đó. Từ đấy, cả nước đều thất vọng.

Tháng 11, **[60b]** ngày 12, Định Sơn hầu Giang Văn Dụ khởi binh ở các huyện Thanh Oai, Sơn Minh[1], Hoài An[2], Chương Đức. Nhân dân các huyện Thanh Đàm[3], Thượng Phúc, Phú Nguyên[4] đều hưởng ứng. Liên Hồ bá Lê Văn Phúc cáo cấp với Mạc Đăng Dung. Đăng Dung còn đang đánh dẹp vùng Kinh Bắc, sai tỳ tướng đi đánh: Kiều Văn Côn từ Phú Nguyên tiến vào Thanh Oai, Mai Xuyên hầu Lê Bá Ký từ Thành Đàm tiến vào Chương Đức, Đông Sơn hầu Mạc Quyết từ Thanh Oai tiến vào Chương Mỹ, bốn mặt đánh kẹp vào, đánh phá tan quân Dụ, đuổi dài suốt đêm đến tận chân núi mới về.

Tháng 12, ngày 18, Thống Nguyên Đế từ hành điện Hồng Thị trở về Kinh sư. Ngày 22, tới hành tại Bồ Đề, cho sai quan đến chầu.

Cung Hoàng Đế

Tên Huý là Xuân, lại huý là Lự[5] cháu bốn đời của Thánh Tông, cháu của Kiến Vương Tân, con thứ của Cẩm Giang Vương Sùng, ở ngôi 5 năm, thọ 25 tuổi, bị [61a] **Mạc Đăng Dung giết, chôn ở lăng Hoa Dương. Lúc ấy, vận nước đã hết, lòng người đã lìa, tài năng lại vốn hạng thường, hạng kém, thì dẹp yên thế nào được!**

Vua là em cùng mẹ với Chiêu Tông, sinh ngày 26 tháng 7 năm Đoan Khánh thứ 3 [1507]. Năm Quang Thiệu thứ 7 [1522], Chiêu Tông chạy ra ngoài, Mạc Đăng Dung lập lên làm vua. Lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết. Đến khi Đăng Dung cướp ngôi, bị phế làm Cung Vương, bị hại cùng với Hoàng thái hậu. Sau được truy tôn thuỵ hiệu là Cung Hoàng Đế.

---

[1] Sơn Minh: tên huyện, gồm huyện Ứng Hoà và một phần huyện Mỹ Đức thuộc tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng.

[2] Hoài An: nay là huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây.

[3] Thanh Đàm: nay là huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Thượng Phúc: nay là huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây.

[4] Phú Nguyên: nay là huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.

[5] Bản dịch cũ chép là Khánh.

Quý Mùi, [Thống Nguyên] năm thứ 2 [1523], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 2). Mùa xuân, tháng 2, ngày 29, vua ở hành dinh Bồ Đề cho các quan vào chầu.

Vì năm trước là năm Nhâm Ngọ, theo lệ có khoa thi Hương, nhưng trong nước loạn lạc chưa mở khoa thi, nay xuống chiếu cho học trò bốn xứ Sơn Nam, Sơn Tây, Hải Dương, Kinh Bắc cùng tới bãi Xuân Đỗ, huyện Gia Lâm để vào thi (có thuyết nói là ở bãi giữa sông Nhị). Lấy bọn Đinh Trinh, Hoàng Tông **[61b]** làm đề điệu và giám thí. Phép thi chia làm 4 khu, 4 xứ cùng ra một đầu đề. Lấy Vương Mậu Uyên đỗ đầu (tức là Vương Hy Tăng).

Thi Hội các cử nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Đào Nghiễm 36 người. Khi thi Đình, vua thân hành ra đầu đề, hỏi về đạo làm vua, làm thầy. Cho Hoàng Văn Tán, Nguyễn Thuyên, Nguyễn Đạo Quán 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Đoàn Đình Chương 8 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Súc 23 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. Cống sĩ Phạm Ngọc, Vương Hy Tăng cũng ở trong số ấy.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là bọn Sơn Đông hầu Mạc Quyết, Quỳnh Khê hầu Vũ Hộ, Dương Xuyên hầu Vũ Như Quế đi đánh Trịnh Tuy ở Thanh Hoa, phá tan quân Tuy. Tuy liền dời Quang Thiệu Đế lên đầu nguồn[1].

Phong Nguyễn Thì Ung làm Lương **[62a]** Văn hầu. Thì Ung có hai con gái, một người tiến cho Thống Nguyên Đế, một người gả cho Mạc Đăng Dung. Sau được phong làm Thống quận công (Thì Ung người xã Đa Ngưu, huyện Văn Giang).

Tháng 3, ngày 16, Lễ bộ thượng thư Đinh Trinh tâu xin ba dụ tế và gia phong các đền thờ thần ở các nơi đã được ghi ở Tự điển gồm 113 đền.

Mùa hạ, tháng 6, phong Hùng Sơn hầu Kiều Văn Côn làm Quảng quận công.

Mùa thu, tháng 7, ngày 26, lấy ngày sinh làm Khâm Thiên thánh tiết.

Tháng 8, có sâu lúa.

Mạc Đăng Dung phế Quang Thiệu Đế làm Đà Dương Vương.

Lấy Đông các đại học sĩ Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ tả thị lang.

Giáp Thân, [Thống Nguyên] năm thứ 3 [1524], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 3). Mùa xuân, vua ở hành dinh Bồ Đề, tiến phong Mạc Đăng Dung **[62b]** làm Bình chương quân quốc trọng sự thái phó Nhân quốc công.

Mạc Đăng Dung sai bè đảng là Mạc Quyết đem quân đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Lấy Nguyễn Quý Nhã làm Ngự sử đài phó đô ngự sử.

Mùa thu, tháng 8, làm trường khảo thí duyệt tuyển ở nhà trực của vệ Thần vũ và vệ Điện tiền.

Làm sổ hộ tịch và sổ ruộng đất.

Mùa đông, tháng 11, ngày 24, tôn phong thêm duệ hiệu cho các tiên đế, tiên hậu, mỗi vị một chữ.

Truy tặng cố Thiết Sơn bá Trần Chân làm quận công, phong con Chân là Trần Thực làm Hoằng Hưu bá. Trước kia, Chân bị bọn gian thần gièm pha, cùng với con em 6 người đều bị hại. Đến đây, vua biết ông là người trung, nên truy tặng.

[63a] Ất Dậu, [Thống Nguyên] năm thứ 4 [1525], (Minh Gia Tĩnh năm thứ 4).

Năm này, động đất hai lần.

Mùa hạ, tháng 6, đại hạn. Ngày 15, có nguyệt thực.

[1] CMCB25 chép là châu Lang Chánh.

Mùa đông, tháng 10, ngày mồng 9, Mạc Đăng Dung đi kinh lý các xứ, tự làm đô tướng, thống lĩnh các doanh quân thuỷ bộ cả nước đi đánh Trịnh Tuy ở đầu nguồn Thanh Hoa.

Ngày 28, giờ Mùi, đón được Quang Thiệu Đế ở động An Nhân, xã Cao Sơn, sách Thuý Cử, châu Lang Chánh, phủ Thanh Đô.

Tháng 11, ngày mồng 1, Quang Thiệu Đế về đến phường Đông Hà.

Ngày 12, Quang Thiệu Đế ở sở Nhị đẳng Ngự Châu. Khi ấy còn sớm chưa đến buổi chầu, quân lính họp cả ở xứ Bà Nhiễm ngoài cửa hành tại.

Ngày 19, đại xá. Tờ chiếu viết: "Đế vương trừ bạo yên dân, đại nghĩa Xuân Thu sáng tỏ, vua chúa ban ơn phát lộc, lòng nhân mưa móc rộng ban, **[63b]** đạo trị đăng bày, đức hoá thấm khắp.

Nước nhà ta, nhân thời mở vận, ứng mệnh trời, thuận lòng người. Thái Tổ Cao Hoàng Đế sáng nghiệp mở nền, cứu sinh linh ra khỏi nước sôi lửa bỏng; Thái Tông Văn Hoàng Đế, dựng cương bày kỷ, đặt thế nước vững như hào nóng thành đồng, gốc thẳng, nguồn xa, nhân sâu, ân hậu; Thánh Tông Thuần Hoàng Đế, trong yên ngoài ấm, chinh phạt bằng vũ lực, giữ nước bằng văn chương; Hiến Tông Duệ Hoàng Đế lên ngôi giữ lễ, mưu hay rõ rệt, công lớn kế thừa. Thánh thần truyền nối, khuôn mẫu theo nhau. Phúc chung tưởng sánh mãi với nhà Chu, vận bĩ bỗng gặp ngay như đời Hán. Khoảng năm Hồng Thuận, Quang Thiệu, vận nước gian truân. Bọn Trần Cảo, Trịnh Tuy, đã gây mầm hoạ lớn. Chúng như lang sói nhâu nhâu quấy hại, dân tựa bầy nhạn ríu rít kêu thương.

Ta là cháu của Đức Tông, là con của Minh Tông[1], chỉ vì nghĩa lớn, gượng theo **[64a]** lòng vui dựng của trăm quan, thương dân như con, rất xót nỗi khổ đau của muôn họ. Muốn nên công xếp giáo mác, phải xét câu giúp đẩy bánh xe[2]. Đặc sai Đô tướng thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung thống lĩnh các dinh quân thuỷ bộ cả nước kể tội chứng mà đi trừng phạt. Quân tiết chế của ta, như chim ưng lượn, như hổ vồ mồi; quân trốn chạy chúng nó, tựa hoẵng tan bầy, tựa kiến vỡ tổ. Cảo, Tuy cụp mỏ mà hứng bại vong; Kính, Áng ôm đầu mà bị chém giết. Bọn Khắc Thân, Dư Hoan, phúc chốc bị băm vằm ở Thiên Quan; lũ Công Khản, Đình Tán, giây lát phải cùng đường ở Lang Chánh. Vào cuối tháng thuần âm[3] này, lại đón được Đà Dương Vương trở về. Đông tây nam bắc đại đồng, nơi nào cũng phục; biển rộng suối sâu nhuần thấm, trị nước phải khoan. Các việc nên làm, liệt kê ở dưới.

Ôi! Vua thể theo nguyên khí mà nuôi **[64b]** dưỡng dân, giống như trời đất sinh thành; dân mẫn cảm nhân đức cho hợp đạo trung, trở lại Đường Ngu trịnh trị. Bá cáo khắp nước, cho mọi người hay.

Tháng 12, đêm ngày 15 có sét đánh. Ngày 17 có nguyệt thực.

Lấy Dương Kim Ao là Đề lĩnh tứ thành quân vụ sự, phong Đoan Lễ hầu.

Mạc Đăng Dung giết bọn Phúc Lương hầu Hà Phi Chuẩn.

Bấy giờ bọn Phi Chuẩn nghe tin Mạc Đăng Dung đã bức hiếp Quang Thiệu Đế, bèn giải tán trốn về Bắc, bị đồng bọn là Tử Nhạc bá bắt giải về Kinh sư và bị thắt cổ chết. Phi Chuẩn đã chết, Nghiêm Bá Kỳ và Nguyễn Xí bỏ trốn, bị chết ở châu Văn Uyên[4], Lạng Sơn. Đàm Thận Huy vì ngày trước đi sứ đã quan đường từng chạy báo cho Đà Dương Vương lánh đi, cũng đi trốn rồi chết.

Nguyễn Văn Vận, Nguyễn Thái Bạt đều chết theo nghĩa. Nguyễn Hữu Nghiêm **[65a]** trốn lên huyện Tam Nông[5], sau bị đóng cũi giải về kinh sư, dùng xe xé xác để thị uy và giết cả con. Dương Khải

---

[1] Đức Tông: là tên hiệu truy phong cho Kiến Vương Lê Tân. Minh Tông: là tên hiệu truy phong cho Cẩm Giang Vương Lê Sùng.

[2] Sử ký: "Thôi cốc Cao Đế tựu thiên hạ", nghĩa là đẩy bánh xe cho Cao Đế được thiên hạ, ý nói là giúp sức cho Cao Đế được ngôi vua.

[3] Thuần âm: chỉ tháng 10, thuộc quẻ Khôn, quẻ này toàn hào âm.

[4] Châu Văn Uyên: nay là huyện Văn Uyên, tỉnh Lạng Sơn.

[5] Huyện Tam Nông: nay thuộc huyện Tam Thanh, tỉnh Vĩnh Phú.

sau cũng bị đóng cũi giải về Kinh sư, được tha, truất làm Thừa chính sứ Quảng Nam rồi chết ở nơi trị nhậm. Khải giỏi hài hước, ai cũng khinh bỉ. Duy có Phạm Khiêm Bính ra yết kiến trước, bị truất làm Hộ bộ hữu thị lang. Nguyễn Mậu từng theo Quang Thiệu Đế về Thanh Hoa, đến khi Quang Thiệu Đế bị Đăng Dung bức hiếp đưa về, Mậu tự mình về Kinh sư đợi tội. Vua định giết Phạm Gia Mô vì tiếc tài của Mậu có thể dùng được, cố can nên được tha, rồi biếm làm Thừa chính sứ Tuyên Quang, ít lâu sau lại được cử làm Ngự sử đài đô ngự sử.

Bính Tuất, [Thống Nguyên] năm thứ 5 [1526] (Minh Gia Tĩnh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, ngày 12, vua ngự về Tây Kinh, Quang Thiệu Đế cùng đi. Sai Đoan Lễ hầu Dương Kim Ao lưu giữ Đông Kinh.

[65b] Tháng 3, ngày 15, nguyệt thực.

Định lệ theo hầu và ở lại giữ Kinh sư gồm 24 điều.

Mùa hạ, tháng 4, thi Hội các sĩ nhân trong nước. Lấy đỗ bọn Phạm Đình Quang 20 người. Thi Đình, bài văn sách hỏi về các bậc thánh triết trị thiên hạ. Cho bọn Trần Tất Văn, Nguyễn Văn Du, Lưu Trung Doãn 3 người đỗ đệ nhất giáp tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Quang Bí 4 người đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Đình Quang 13 người đỗ đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân. (Trần Tất Văn người xã Nguyệt Áng, huyện Yên Lão[1], làm quan nhà Mạc đến thượng thư Hàn Xuyên bá, là cha của Tảo).

Mùa thu, tháng 7, ngày 15, định lệnh công tuyển bổ. Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng: Coi quân thì có các chức vệ, sở, ty; trị dân thì có các quan phủ, huyện, châu. Cách tuyển bổ, không thể không công bằng. Cúi xin từ nay trở đi, **[66a]** các chức nói trên có thiếu, thì viên trưởng quan đó làm bản tâu lên giao cho Lại bộ chiếu theo chỗ khuyết mà thuyên bổ theo lệ đã định. Nếu viên nào vẫn còn đệ bản xin ứng cử hay xin thăng thì Lại khoa bác bỏ đi, để chứng tỏ tuyển bổ công bằng.

Tháng 8, ra lệnh cho các phủ Thượng Hồng, Hạ Hồng, Kinh Môn, Nam Sách, Thái Bình[2] đắp đê Chân Kim ở Hải Dương.

Mạc Đăng Dung giết Tiến quận công Nguyễn Lĩnh. Nguyễn Lĩnh lấy em gái Mạc Đăng Dung tên là Huệ, tiếm phong là Khánh Diễm công chúa. Lĩnh lại lấy mười người vợ lẽ nữa. Huệ bèn tố cáo Lĩnh viết thư lập đảng, nên bị giết. Rồi Đăng Dung gả Huệ cho Lương Khê hầu Bùi Đỗ, sau Đỗ được phong làm Lâm quốc công. Bấy giờ, Thị thư Nguyễn Thuyên vốn lấy con gái Lĩnh. Đến khi Lĩnh bị giết, Thuyên cũng bỏ vợ.

Ngày mồng 6, lấy Ngự sử đài phó đô ngự sử Nguyễn Quý Nhã làm Lại bộ thượng thư bồi thị kinh diên.

[66b] Tháng 9, ngày 21, bọn Ngự sử đài đô ngự sử Nguyễn Mậu tâu rằng: Các chức tán lý, ký lục, tướng thần lại, người nào có quân công đã làm bản tâu mà đáng được dẫn tuyển thì định thành từng hạng, theo thứ tự mà thuyên bổ các chức thủ lĩnh chăn dân, nếu người nào không đủ tư cách thì bổ các chức trung uý, bách hộ để khỏi tệ nhũng lạm.

Mùa đông, tháng 12, ngày 18, thái phó Nhân quốc công Mạc Đăng Dung sai Bái Khê bá Phạm Kim Bảng bí mật giết Quang Thiệu Đế ở chỗ bị giáng[3], rồi đem quan tài về chôn ở lăng Vĩnh Hưng ở Thanh Đàm.

Đinh Hợi, [Thống Nguyên] năm thứ 6 [1526], (Từ tháng 6 trở về sau, Mạc tiếm hiệu là Minh Đức năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 6). Mùa hạ, tháng 4, vua sai bọn Tùng Dương hầu Vũ Hữu, Lan Xuyên bá Phan Đình Tá, Trung sứ Đỗ Hiếu Để cầm cờ tiết, mang **[67a]** kim sách, mũ áo, ô lọng, đai

---

[1] Huyện Yên Lão: sau thuộc tỉnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

[2] Phủ Thái Bình: bấy giờ tương đương với phần đông bắc tỉnh Thái Bình ngày nay, gồm huyện Quỳnh Phụ, huyện Thuỵ Anh cũ (nay thuộc huyện Thái Thuỵ) và huyện Đông Quan cũ (nay thuộc huyện Đông Hưng).

[3] CMCB 26 chép là ở phường Đông Hà.

ngọc, kiệu tía, quạt hoa, tán tía đến làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, tiến phong Mạc Đăng Dung làm An Hưng Vương, gia thêm Cửu Tích[1], Đăng Dung đón tiếp ở bến đò An Tháp, huyện Tân Minh[2].

Tháng 5, ngày mồng 1, Tư Thiên[3] tâu có nhật thực nhưng không đúng.

Ngày mồng 5, ban quạt, vua làm bài thơ Chu công giúp Thành Vương như sau:

Hựu mệnh Chu gia thực tự thiên,
Cần lao tá trị nhiệm nhân hiền.
Trấm tà khẳng vị sàm nhân thiết,
Trung hiếu chung tồn thực đức kiên.
Lễ bị nhạc hoà bình định nhật,
Chính thanh hình thố hạo hy niên.
Hưu phong lệnh vận quang thiên cổ,
Cảnh hạnh cao sơn thượng miễn chiên.
(Giúp vận nhà Chu thực tự trời,
Chăm lo công việc dụng hiền tài.
Gièm pha mặc kẻ bày nhiều cách,
Trung hiếu bền lòng chẳng chút sai.
Lễ đủ, nhạc hoà, đời thịnh trị,
Chính hay, hình ít, buổi vui tươi.
Tiếng hay đức tốt nghìn thu rạng,
Núi cao, đường rộng[4] hãy noi người.)[5]

Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai về Kinh sư, vào chào vua, từ cửa Đông Hoa ra cửa Đại Hưng. Hôm ấy có mưa nhỏ.

[67b] Ngày 11, Mạc Đăng Dung lại về Cổ Trai.

Tháng 6, Mạc Đăng Dung từ Cổ Trai vào Kinh, bắt vua nhường ngôi. Bấy giờ, thần dân trong Kinh đều theo Mạc Đăng Dung và đều đón Đăng Dung vào Kinh.

Ngày 15, các quan đã đứng vào ban chầu vẫn chưa có chiếu nhường ngôi. Các quan bảo Lại bộ thượng thư Trương Phu Duyệt khởi thảo. Phu Duyệt trừng mắt mắng rằng: "Thế là nghĩa gì?". Lại bảo Đông các đại học sĩ Đạo Nguyện bá Nguyễn Văn Thái. Thái cầm bút theo tờ chiếu như sau: "Nghĩ Thái Tổ ta, thừa thời cách mệnh, có được thiên hạ, các vua truyền nhau, nối giữ cơ đồ, là do mệnh trời lòng người cùng hợp, cùng ứng nên mới được thế. Cuối đời Hồng Thuận, gặp nhiều tai hoạ, Trần Cảo đầu têu gây mầm loạn ly, Trịnh Tuy giả trá lập kế phản nghịch. Lòng người đã lìa, mệnh trời không giúp. Khi ấy thiên hạ đã không phải là **[68a]** của nhà ta. Ta không có đức, lạm giữ ngôi trời, việc gánh vác không kham nổi. Mệnh trời lòng người đều theo về người có đức.

Xét Thái sư An Hưng Vương Mạc Đăng Dung nhà ngươi, bẩm tính thông minh, sáng suốt, có tài lược văn võ. Bên ngoài đánh dẹp bốn phương, các nơi đều phục tùng; bên trong coi sóc trăm quan, mọi việc đều tốt đẹp. Công to đức lớn, trời cho người theo. Nay ta cân nhắc lẽ phải, nên nhường ngôi cho. Hãy gắng sửa đức lớn, giữ mãi mệnh trời để ức triệu dân lành được yên vui. Mong kính theo đó".

Hôm ấy, Đăng Dung xưng hoàng đế. Đại xá. Đổi niên hiệu là Minh Đức.

---

[1] Cửu tích: chỉ chín thứ vua ban: 1- Xe ngựa, 2- Y phục, 3- Đồ nhạc, 4- Cửa sơn son, 5- Nạp bệ, 6- Hổ bôn, 7- Cung tên, 8- Phủ việt, 9- Rượu cự xưởng (rượu quý).

[2] Tân Minh: tên huyện, nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng.

[3] Tư Thiên: Quan trông coi việc thiên văn, lịch số.

[4] Nguyên văn: "Cảnh hạnh cao sơn", rút từ hai câu thơ trong Kinh Thi: "Cao sơn ngưỡng chỉ, cảnh hạnh hành chỉ", nghĩa là đức của người hiền như đường rộng phải theo, như núi cao phải noi.

[5] Theo bản dịch cũ, có sửa một đôi chữ.

Giáng phong vua làm Cung Vương rồi giam cùng với Hoàng thái hậu ở cung Tây Nội. Vài tháng sau, bắt phải tự tử. Thái hậu khấn trời rằng: Đăng Dung là kẻ bề tôi, manh tâm cướp ngôi, lại giết mẹ con ta, ngày sau con cháu nó cũng lại bị như thế". Rồi cùng với Cung Đế đều bị chết. Đăng **[68b]** Dung sai đem xác hai người để phơi ngoài quán Bắc Sứ, rồi đưa về chôn ở lăng Hoa Dương, huyện Ngự Thiên theo nghi lễ của thiên tử và hoàng hậu (Nay ở xã Mỹ Xá, huyện Ngự Thiên có điện Thừa Hưu tức là chỗ đó).

(Bản của Lệnh Vọng đại ý nói): Tai hoạ người Minh gây ra, từ cổ xưa chưa bao giờ có. Lê Thái Tổ đem quân một lữ diệt được giặc mạnh trăm vạn quân, trong hơn 10 năm mà thiên hạ đại định, việc ấy cũng đã khó rồi. Lại còn đích thân đem sáu quân, đánh dẹp bốn cõi, bình được Mường Lễ, Cầu Hiểm, dẹp được Thái Nguyên, Tuyên Quang; Chiêm Thành phải phục tùng, Ai Lao phải khiếp sợ. Công Đức lớn lao, không ai hơn được. Nhưng làm nhiều chuyện chém giết, có nhiều điều bất nhân. Thái Tông trọng đạo sùng nho, mở khoa thi chọn người tài, dùng người hiền nghe lời can, kính trời, chăm dân, cũng là bậc vua siêng năng. Nhưng say đắm tửu sắc, khi chết không được vẹn toàn. Nhân Tông **[69a]** trong tuổi ấu thơ, giữ vận phong hanh, mẫu hậu nắm quyền, trong cõi yên tĩnh. Nhưng không may gặp biến, rất đáng xót thương. Thánh Tông đương lúc trong nhà có hoạn nạn, mọi người cùng suy tôn lên giữ ngôi cao, sửa làm trăm việc. Lập phủ vệ, định quân chế, chấn hưng lễ nhạc, chọn dùng người liêm khiết tài năng, đánh dẹp Bắc phương, mở mang bờ cõi. Trà Toàn chịu bắt, Lão Qua tan vỡ, nước Lưu Cầu xe thây, giặc Cầm Công chạy chết, bốn rợ thần phục, tám cõi hướng theo, trong khoảng 38 năm, thiên hạ yên trị. Sao mà phồn thịnh vậy! Hiến Tông để lòng mưu trị mà ở ngôi không lâu, Túc Tông tôn sư trọng đạo mà ít tuổi, chết yểu. Nối theo thì Mẫn Lệ bạo ngược vô đạo, Linh Ẩn cướp nước giết vua, Đà Dương Vương thì nội loạn bị cưỡng bức, Cung Hoàng Đế thì ngôi trời **[69b]** đã chuyển dời, còn làm gì được nữa!

Phụ: Mạc Đăng Dung

(Tiếm ngôi 3 năm, sau tiếm truy tôn là Thái Tổ)

Đăng Dung người làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương[1], hồi nhỏ làm nghề đánh cá, lớn lên có sức khoẻ, thi đỗ lực sĩ xuất thân. Đời Hồng Thuận, được thăng làm Đô chỉ huy sứ Vũ Xuyên bá, làm quan trải hai triều. Đời Thống Nguyên, làm đến Thái sư Nhân quốc công, sau được phong làm An Hưng Vương. Ngầm kết bè đảng, trong ngoài hiệp mưu, lòng người quy phụ, rồi làm việc cướp ngôi, giết vua, làm giả tờ chiếu nhường ngôi mà lên ngôi thực.

Tháng này, Đăng Dung vào thành Thăng Long, ở tại chính điện.

Đăng Bính bàn rằng: Bản kỷ nói họ Mạc thay nhà Lê có lẽ là để sáng rõ cái mầm soán nghịch. **[70a]** Trong lúc ấy, các đại thần cả triều đều trơ mắt ngậm miệng, người nọ liếc trộm người kia. Ví thử trong triều nhà Lê, giết kẻ phản nghịch, ngăn việc hung ác để trị tội kẻ bạn thần thì việc khôi phục xã tắc vẫn có thể làm được, sao lại cam tâm giữ chức, nương tựa sủng lộc, để tạm hưởng phú quý, mong được khỏi chết? Lại còn trổ mưu khen ngầm xui kín, giúp cho nó được thể, để cầu hiển vinh, khiến cho họ Mạ ngày càng kiêu lộng, được tự chuyên quyền, trên đã không có phận vua tôi, dưới lại manh tâm làm việc soán nghịch. Tham tiếc tước lộc, tổn hại trung nghĩa, hành động như chó lợn, tội ác đã sờ sờ, so với các bậc hiền thần ngày xưa thì kém xa lắm. Lúc bấy giờ, kẻ quyền gian thế lớn, bọn thần hạ khác **[70b]** lòng, thiên tử bị cô lập ở trên, cả triều không một ai có thể uỷ thác được, muốn không sụp đổ, có thể được không? Rốt cuộc xảy ra mối hoạ cho Quang Thiệu, Thống Nguyên, bức hiếp lòng người, dối vua đến gò

[1] Nghi Dương: sau là huyện Kiến Thuỵ, tỉnh Kiến An, nay thuộc thành phố Hải Phòng.

hoang, cướp lấy thiên hạ của triều Lê, tiếm xưng vị hiệu, vào ở nhà vàng, đủ vành giảo quyệt. Lấy một xó đất Hải Dương gọi là Dương Kinh, tự tiện phế bỏ lăng tẩm của Lê triều, chém giết con cháu các công thần đời trước. Xét những việc làm của nó, không khác gì Tào Tháo. Đáng đau xót biết chừng nào!

Đăng Dung phong cho người tông thất mình là Mạc... (không rõ tên) làm Tĩnh quốc công, trung quan Nguyễn Thế Ân làm Lỵ quốc công (người xã Mộ Trạch, huyện Đường An[1]) để giúp dập ở bên cạnh mình. Thần dân đều thất vọng, cả nước hoang mang. Đăng Dung sợ lòng người nhớ vua cũ, để lâu lại sinh biến, nên phải tuân giữ **[71a]** pháp độ của triều Lê, không dám thay đổi, phủ dụ thần dân, trấn áp lòng người, che bịt tai mắt họ. Lại lập mưu vờ tìm con cháu các nhà thế gia công thần. Bấy giờ, những người ấy phần nhiều ẩn náu chạy trốn vào núi rừng, người thì ẩn giấu họ tên không chịu ra, kẻ thì tụ họp nhau thành đảng cướp, có người đi làm quan với nước ngoài để tạm sống, không còn biết là theo ai nữa.

Mậu Tý, [1528], (Mạc tiếm hiệu Minh Đức năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 7). Mùa xuân, tháng giêng, bấy giờ Đăng Dung muốn đổi làm chính lệnh mới, bèn sai đúc tiền Thông Bảo theo kiểu cách đồng tiền cũ, nhưng phần nhiều không thành. Sau lại đúc các loại tiền gián pha kẽm và sắt ban hành các xứ trong nước để thông dụng.

Đăng Bính bàn rằng: Năm trước họ Mạc tuy đã được nhường ngôi nhưng vẫn ghi năm Thống Nguyên thứ 6 của triều Lê **[71b]** làm chính thống. Từ đây về sau, triều Lê không còn niên hiệu để chép nữa, mới lấy niên hiệu Minh Đức của họ Mạc chú riêng thành hai hàng, không được chép thành kỷ chính thống là để tỏ rõ cướp ngôi là nguy. Đến năm Quý Tỵ, Trang Tông lại khởi binh ở Ai Lao, trong nước tuy chưa khôi phục được hết, nhưng cũng chép thành kỷ chính thống để tỏ rõ phận vua tôi phải như vậy.

Tháng 2, Đăng Dung lấy Nguyễn Quốc Hiến làm Phò mã đô uý thái bảo lâm quốc công, ban cho họ Mạc; Mạc Quốc Trinh làm Thái sư Lâm quốc công, Mạc Đình Khoa làm Tả đô đốc Khiêm quốc công. Bọn Thiếu bảo Thông quốc công Nguyễn Thì Ung, Lai quốc công Trần Phỉ, Thuần Khê hầu Khuất Quỳnh Cửu, Khánh Khê hầu Nguyễn Bỉnh Đức, Hoàng Lễ hầu Phạm Gia Mô, Lan **[72a]** Xuyên bá Phan Đình Tá, Đạo Xuyên hầu Nguyễn Văn Thái, Văn Đạt bá Nguyễn Mậu, Sùng Lễ bá Hà Cảnh Đạo, Nghi Xuyên bá Mạc Ích Trưng, Hưng Ân bá Nguyễn Tuệ.

Lộc Hiến hầu Nguyễn Địch, Văn Trường bá Phạm Chính Nghị, Văn Đẩu hầu Nguyễn Chuyên Mỹ, Hà Phần bá Nguyễn Độ, Tô Xuyên hầu Lê Quang Bí, Văn Ninh hầu Nguyễn Điển Kính và Trung quan chưởng giám Nguyễn Hậu Liêm gồm 56 người đều được thăng trật, ban tước có thứ bậc khác nhau.

Đăng Dung sai người sang Yên Kinh báo cho nhà Minh rằng: Con cháu họ Lê không còn ai thừa tự nữa, dặn lại cho đại thần là họ Mạc tạm coi việc nước, cai trị dân chúng. Vua Minh không tin, bí mật sai người sang dò thăm tin tức trong nước, xét hỏi nguyên do, ngầm tìm con cháu họ Lê để lập lên. Họ Mạc thường trả lời bằng những lời lẽ văn hoa, lại **[72b]** đem nhiều vàng bạc đút lót. Đến khi sứ giả về, mật tâu là con cháu họ Lê đã hết, không ai nối ngôi được, đã uỷ thác cho họ Mạc. Người trong nước đều tôn phục và theo về họ Mạc cả, xin tha tội cho họ. Vua Minh mắng không nghe, Đăng Dung sợ nhà Minh hỏi tội, bèn lập mưu cắt đất dâng nhân dân hay châu Quy, Thuận và hai tượng người bằng vàng và bạc cùng châu báu, của lạ, vật lạ. Vua Minh thu nhận. Từ đấy Nam Bắc lại thông sứ đi lại[2].

Mùa đông, tháng 10, Đăng Dung cho là sau khi bình yên, chế độ dần dần lỏng lẻo, ý muốn đổi thay chấn chỉnh lại, liền sai bề tôi là bọn Quốc Hiến bàn định binh chế, điền chế, lộc chế và đặt bốn vệ Hưng quốc, Chiêu vũ, Cẩm y, Kim ngô, năm phủ, các vệ sở trong ngoài, các ty sở thuộc, hiệu ty, tên quan và số lại viên, số người, số lính của các nha môn, **[73a]** phỏng theo quan chế triều trước, y lệ mà biên chế bổ sung. Lấy quân trấn giữ xứ Hải Dương cho lệ thuộc vào vệ Hưng quốc, quân trấn giữ Sơn Nam lệ thuộc vào vệ Chiêu vũ, quân trấn giữ xứ Sơn Tây lệ thuộc vào vệ Cẩm y, quân trấn giữ xứ Kinh

---

[1] Đường An: sau là huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.

[2] Về việc nộp đất, không thấy Minh sử ghi lại. Hai châu Quy Thuận đã bị nhà Tống chiếm từ đời Lý, đó là hai châu Quy Hoá và Thuận An. Hai châu này sau trở thành châu Quy Thuận của tỉnh Quảng Tây.

Bắc lệ thuộc vào vệ Kim ngô. Phân bổ các ty, mỗi ty đặt 1 viên chỉ huy sứ, 1 viên chỉ huy đồng tri, 1 viên chỉ huy thiêm sự, 10 viên trung hiệu, 1100 trung sĩ, chia thành 22 phiên để túc trực. Nếu có công lao thì bổ lên các chức thiên hộ, thống chế, quản lĩnh, trung uý. Mỗi vệ đặt 1 viên thư ký, dùng hạng ký lục xuất thân khi trước, như là bổ các chức thủ lĩnh mục dân. Còn các trung sĩ thì theo lệ chia phiên, mỗi phiên chia thành 5 giáp, mỗi giáp đặt một viên giáp thủ, quan bản ty chọn lấy hạng trung hiệu người nào đích **[73b]** đáng thì làm bản đưa lên để thăng bổ.

Kỷ Sửu, [1529], (Mạc Minh Đức năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 8). Khi ấy, bề tôi cũ của triều Lê là hai anh em Trịnh Ngung, Trịnh Ngang chạy sang tố cáo với nhà Minh. Họ Mạc đem nhiều lễ đút lót cho nhà Minh[1] để phá. Việc không thành, hai anh em đều chết ở bên Minh.

Bấy giờ, bọn Thanh Hoa hữu vệ điện tiền tướng quân An Thanh hầu Nguyễn Kim (người Bái Trang, huyện Tống Sơn[2], có thuyết nói là con của Hoằng Dụ) dẫn con em chạy sang Ai Lao. Chúa nước ấy là Sạ Đẩu cho rằng ta là nước có quan hệ môi răng với họ, mới đem nhân dân và đất đai Sầm Châu cấp cho Kim. Từ đó, Nguyễn Kim nuôi dưỡng sĩ tốt, chiêu nạp những kẻ chạy trốn, làm phản, ngầm tìm con cháu họ Lê lập nên để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Đỗ Tống (người xã Lại Ốc, huyện Văn Giang), Nguyễn Hãng, Nguyễn Văn Huy 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Văn Quang 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; **[74a]** bọn Nguyễn Hữu Hoán 16 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Mùa đông, tháng 12, khi ấy, Mạc Đăng Dung cướp ngôi đã được 3 năm, tự thấy mình tuổi già, bèn truyền ngôi cho con trưởng là Đăng Doanh, tự xưng là Thái thượng hoàng, ra ở điện Tường Quang, coi nghề đánh cá là thú ngao du tự lạc.

Mạc Đăng Doanh

(Con trưởng Đăng Dung, tiếm ngôi 11 năm, sau tiếm truy xưng tôn hiệu là Thái Tông)

Canh Dần, [1530] (Mạc Đại Chính năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 9). Mùa xuân, tháng giêng, ngày mồng 1, Mạc Đăng Dung tiếm ngôi, đại xá, đổi niên hiệu Đại Chính.

Bấy giờ, Lê Ý, người Thanh Hoa, là cháu ngoại họ Lê, căm giận họ Mạc cướp ngôi, mới nổi quân ở Da Châu[3], lại xưng niên hiệu Quang Thiệu, nhiều người theo về, trong khoảng mươi hôm, một tháng, nhiều quận huyện hưởng ứng, số quân có đến vài vạn người. Bèn cùng với bọn bộ tướng **[74b]** Lê Như Bích, Lê Bá Tạo, Hà Công Liêu, Lê Tông Xá, Nguyễn Cảo dàn bày doanh trận, chi đặt cơ đội, bộ ngũ, nổi súng lệnh, kéo cờ hiệu, đóng quân ở sông Mã. Từ đấy, các hào kiệt xa gần đều cho là họ Lê sẽ phục hưng, cùng nhau phấn khởi theo về, không đến vài năm mà quân thanh rất lừng lẫy.

Tháng 3, đại hạn, có sâu lúa, lúa má chết khô, đến hạ tuần tháng 6 mới mưa.

Mùa hạ, tháng 4, Đăng Dung tự mình chỉ huy vài vạn quân thủy bộ đi đánh Lê Ý ở sông Mã. Quân của Đăng Dung thường thua luôn, bèn lui về Kinh sư, để lại bọn Thái sư lân quốc công Mạc Quốc Trinh trấn giữ dinh Hoa Lâm. Sau Quốc Trinh lui về giữ Tống Giang[4].

Mùa thu, tháng 7, Lê Ý tiến quân đóng ở thành Tây Đô, lập hành dinh ở sông Nghĩa Lộ. Khi ấy **[75a]** có người dâng bộ hoàng bào và hai chiếc lọng vàng, tướng sĩ long trọng chúc mừng.

---

[1] CMCB 27 chép là đút lót cho biên thần nhà Minh.

[2] Tống Sơn: tên huyện, nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Da Châu: tức châu Quan Da, sau là châu Quan Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

[4] Tống Giang: con sông bắt nguồn từ Nho Quan, Ninh Bình, chạy qua Thạch Thành, xuống Tống Sơn, rồi chia thành hai nhánh, một nhánh ra cửa Bạch Câu, một nhánh ra sông Chính Đại.

Tháng 8, ngày 23, Đăng Dung đã về Kinh, Đăng Doanh lại đem quân vào Thanh Hoa, hội quân lớn ở sông Hoằng Hoá[1], chia quân làm hai đạo cùng tiến. Mạc Quốc Trinh dẫn 200 chiếc thuyền chiến tiến trước, hẹn hôm sau sẽ đến sông Đa Lộc (có sách chép là sông Liệt Thị[2], ở Yên Định). Khi ấy, Lê Ý đã dự phòng trước, dàn nghi binh ở sông Đa Lộc rồi tự mình đem quân đến bên sông tinh nhuệ ngầm tiến ban đêm, đi tắt đường trong huyện, đến sáng thì quân đến bên sông Yên Sơn[3], phát ba tiếng súng hiệu, đánh chặn hậu quân của Quốc Trinh. Quân Mạc sợ hãi tan vỡ, bỏ cả thuyền nhảy lên bờ chạy tán loạn. Ý cưỡi ngựa đốc suất các tướng xông vào trận đánh, tự tay đâm chết hơn 70 tên. Quân Mạc tan vỡ, quân Ý thừa thắng đuổi đánh, chém đầu nhiều vô kể. Ngày Ngọ hôm ấy, Đăng **[75b]** Doanh chưa biết Quốc Trinh đã bị thua, tự mình đốc suất người tông thất tiến quân đến xã Động Bàng để đuổi theo sau quân của Lê Ý, Ý nghe tin, liền hăng hái ra lệnh cho các tướng rằng: Hôm nay gặp bọn giặc lớn ở đây, nếu không đánh, thì ngày nào mới hưng phục được triều Lê. Các tướng nghe lệnh, đều dốc sức tung quân tiến đánh, cản phá quân Mạc, chém hơn một vạn tên, xác chết gối lên nhau. Đăng Doanh lui quân cố thủ. Quân Ý một ngày hai lần thắng trận, uy thanh vang dội, quân Mạc chạy dài.

Mùa đông, tháng 11, Đăng Doanh trở về Kinh sư.

Tháng 12, Lê Ý bị quân Mạc bắt sống.

Bấy giờ, Ý thu quân, triệt phá doanh trại, lui về đóng ở Da Châu, vì quân vừa thắng trận, sinh lòng kiêu ngạo, không có phòng bị trước, hơi có ý coi thường quân địch. Đến đây, quân ít, lương hết, sai tướng sĩ vào xa trong núi vận chuyển lương thực, vì thế, doanh trại bỏ trống, đội **[76a]** ngũ rời rạc. Có người đến báo tin cho Mạc Quốc Trinh. Trinh liền chọn quân tinh nhuệ, và 50 chiếc thuyền chiến ngày đêm đi gấp, tiến đến trại Da Châu. Ý xông ra đánh không được, bị quân Mạc bắt, toàn quân tan vỡ tháo chạy. Người thì chạy sang Ai Lao theo An Thanh hầu Nguyễn Kim, kẻ thì phân tán trở về đồng ruộng. Quốc Trinh đóng cũi giải Ý về kinh sư, dùng xe xé xác ở ngoài cửa Nam thành.

Tân Mão, [1531], (Mạc Đại Chính năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 10). Cựu thần nhà Lê là bọn Bích Khê hầu Lê Công Uyên, Nguyễn Ngãi, Nguyễn Thọ Trường, Nguyễn Nhân Liên (Công Uyên người làng Hảo Lịch, huyện Lôi Dương[4]; Thọ Trường người làng Hà Nội, huyện Nông Cống[5]; Nhân Liên người huyện Chương Nghĩa[6] xứ Quảng Nam) dấy quân ở Thanh Hoa. Bấy giờ, bọn Công Uyên căm giận họ Mạc không giữ đạo vua tôi, liền tự đem con em về Thanh Hoa nổi quân, cũng xưng là quân của nhà Lê, bắt người cướp của, đốt phá nhà dân ở các quận huyện. Bọn này kẻ thì chết trận, kẻ thì bị bắt giải về Kinh cả. **[76b]** Chỉ có dân một phương ở đây chịu tai hoạ, không được nghỉ ngơi, nhân dân đói kém, 1 thăng gạo giá tới 1 quan tiền. Sau đó người Sơn Đông[7] tên là Hùng Sơn có tội với họ Mạc đem con em vài trăm người trốn vào Thanh Hoa, dựng doanh trại chiếm giữ được vài tháng. Đăng Doanh sai tướng đi đánh. Sơn lui đóng ở thôn Ngọc Huân rồi ốm chết, quân bị tan.

Nhâm Thìn, [1532], (Mạc Đại Chính năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 11). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Thiến (người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, làm quan đến Thượng thư Thư quốc công, sau theo về nhà Lê, là cha Quyện), Bùi Vĩnh, Ngô Sơn Khoái 3 người đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Địch Khang 6 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Lương Bật 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

---

[1] Sông Hoằng Hoá: tức sông Ngu Giang, nay là sông Lạch Trường.

[2] Liệt Thị: Tức là chợ Sét, thuộc huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Sông Yên Sơn: khúc sông Mã ở phía dưới chợ Sét.

[4] Lôi Dương: Tên huyện, nay là huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá.

[5] Nông Cống: tên huyện, nay là huyện Nông Cống và huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Chương Nghĩa: tên huyện: là huyện Tư Nghĩa và một phần huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Quảng Ngãi.

[7] Có lẽ là Đông Sơn, tên huyện ở Thanh Hoa.

Họ Mạc ra lệnh cấm người các xứ trong, ngoài không được cầm giáo mác và **[77a]** dao nhọn, can qua, cùng những binh khí khác hoành hành trên đường đi.

Ai vi phạm thì cho phép ty bắt giữ. Từ đấy, người buôn bán và kẻ đi đường đều đi tay không, ban đêm không còn trộm cướp, trâu bò thả chăn không phải đem về, chỉ cần mỗi tháng xem lại một lần, có khi sinh đẻ cũng không biết được là gia súc nhà mình. Trong khoảng vài năm, người đi đường không nhặt của rơi, cổng ngoài không phải đóng, được mùa liên tiếp, trong cõi tạm yên.

Mùa đông, tháng 10, Đăng Dung ra sắc lệnh cho hoạn quan Trung Hậu hầu (không rõ họ tên, người Hoằng Hoá) làm đại tướng quân, sai đem quân coi chung ba phủ Thanh Hoa cùng các quan ba ty tổng trấn quân dân cả một phương. Tây An bá Lê Phi Thừa (người xã Hương Thị, huyện Yên Định) gièm rằng: Đất Ái Châu, núi sông hiểm trở, ruộng đất phì nhiêu, binh lương giàu đủ, vả lại binh quyền nên chia ra chứ không nên cho chuyện, nếu chuyên quyền tất dẫn tới tai hoạ, lỡ xảy ra sự biến cố thì sợ rằng sau sẽ khó chế ngự, và đất ấy **[77b]** sẽ không phải là của triều đình nữa. Thần xin xét kỹ lại, đừng để sau này hối hận. Đăng Doanh bèn chia Thanh Hoa ra làm đôi: 7 huyện Thuỵ Nguyên[1] Yên Định, Vĩnh Phúc[2], Đông Sơn, Cẩm Thuỷ, Thạch Thành, Quảng Bình[3] thì giao cho Lê Phi Thừa quản lĩnh, cùng với Trung Hậu hầu, thành thế khống chế lẫn nhau. Đến khi Phi Thừa được quyền, càng thêm kiêu căng phóng túng và cuối cùng đã sinh đổi lòng[4].

Tháng ấy, sao Chổi hiện ở phương đông.

Tháng 12, cựu thần nhà Lê là An Thanh hầu Nguyễn Kim tôn lập con Chiêu Tông là Ninh ở Ai Lao[5]. Trước đây, Kim ở Ai Lao nuôi quân chứa sức, sai người về trong nước tìm kiếm khắp con cháu nhà Lê, tìm được con Chiêu Tông là Ninh lập lên làm vua, đổi niên hiệu là Nguyên Hoà (tức là Trang Tông) để sửa lại quốc thống. Từ đấy, hào kiệt miền tây phần nhiều quy phụ. Vua phong Kim là Thái sư Hưng quốc công và **[78a]** phong các tướng tá theo thứ bậc. Mọi việc quân dân, không cứ lớn hay nhỏ, đều giao cho trông coi, ngày đêm cùng mưu, chung lo việc khôi phục.

> Đăng Bính bàn rằng: Triều Lê nhưng may nửa chừng suy yếu, đến đây là tận cùng rồi. Cho nên tôi vẫn nói[6] họ Mạc là bề tôi phản nghịch của nhà Lê. Đến khi vua Lê lên ngôi ở Ai Lao, mới chép thành niên hiệu chính thống, cốt làm rõ danh phận vua tôi và sửa lại giềng mối lớn đó. Bấy giờ họ Mạc đã lấy được cả nước mà không coi là chính thống để ghi chép lại là cớ làm sao? Vì họ Mạc là bề tôi. Vua Lê tuy lên ngôi ở bên ngoài, ẩn náu ở nước láng giềng, không có lấy một tấc đất, một người dân, nhưng vẫn ghi thành kỷ chính thống là cớ làm sao? Vì họ Lê là vua vậy! Nhưng xét người xưa đã có câu: Thiên hạ không phải **[78b]** là thiên hạ của một người. Từ xưa, Viêm Đế bắt đầu phong nước Nam đến nay, vua hiền chúa giỏi các đời, người thì đánh dẹp mà thôn tính cả nước, người thì truyền lại cho đời sau giữ ngôi, đều là nối đời làm vua cả.

Vì có vị hiệu nên mới ghi thành kỷ chính thống, như là Bản kỷ, Chính kỷ, Tiền kỷ, Hậu kỷ, Trung kỷ, Mạt kỷ đều thuận cả thôi. Còn như kẻ bội nghịch cướp ngôi, giết vua rồi miễn cưỡng tự lập, thì dẫu có xưng danh hiệu, cũng đều là danh bất chính lời không thuận cả, thì chép thành kỷ phụ, đều là nghịch cả thôi. Từ Triệu Việt Vương nổi lên, thì vốn là bề tôi của Lý Nam Đế. Nối Nam Đế mà lấy được nước, rồi sau mới lên ngôi, xưng vương, là **[79a]** bề tôi mà có thể thay vua trị nước, nhưng thế là thuận. Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn mười hai sứ quân mà lấy cả nước, Thiếu Đế hèn yếu không chống được giặc, đem việc nước trao cả cho đại tướng Lê Hoàn, rồi Lê Hoàn được bà hoàng hậu của vua Đinh truyền ngôi cho

---

[1] Thuỵ Nguyên: tên huyện, nay là huyện Thiệu Hoá.

[2] Vĩnh Phúc: tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc.

[3] Quảng Bình: tên huyện, sau đổi là Quang Địa, rồi Quảng Tế nay là phần tây bắc huyện Thạch Thành.

[4] Sau Phí Thừa bỏ Mạc, chạy theo Nguyễn Kim.

[5] Nguyễn Kim chạy sang Ai Lao, vua Ai Lao là Sạ Đẩu cho Kim đất Sầm Châu để ở (xem việc năm Kỷ Sửu (1529). Sầm Châu tức là tỉnh Sầm Nưa ngày nay, ở phía Tây nam tỉnh Thanh Hoá.

[6] Xem thêm lời bàn của Đăng Bính chép ở cuối năm Đinh Hợi (1527) và đầu năm Mậu Tý (1528).

mà có thiên hạ, thế là thuận. Rồi đến nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý để làm vua cũng đều là thuận cả. Thế thì bốn vua Triệu, Lê, Lý, Trần[1] đều nhân lúc trong nước không người làm chủ, hoặc vì các quan nài xin, hoặc do vua đàn bà nhường ngôi, nhưng trong nước tôn phục, trời cho người theo mà có thiên hạ, đều là thuận theo lẽ phải mà làm vậy. Còn như họ Mạc thì không như thế.

Cứ xem mọi việc làm của Đăng Dung chẳng qua là một viên đại thần của nhà Lê, đương lúc nhà Lê vua yếu, tôi mạnh **[79b]**, nếu hắn biết noi theo các bậc tôi giỏi, tướng hiền đời xưa, phò chúa, giúp dân như Y Doãn giúp Thái Giáp, Chu Công giúp Thành Vương thì công lớn huy hoàng ấy còn đáng ca ngợi.

Sao lại không bắt chước thế mà đi làm ngược lại? Thế thì không tránh khỏi cái tiếng bức vua nhường ngôi, cướp nước giết vua để mưu tự lập. Ngay lấy được nước, cũng chỉ khoảng 6, 7 năm, nếu gọi là thành công, cũng chỉ như Vương Mãn thôi, rốt cuộc không tránh khỏi hoạ tru di. Thực như Tào Tháo đối với nhà Hán, họ Hồ đối với nhà Trần, đều cùng một duộc cả. Bởi thế, tôi mới nói là vì theo lẽ nghịch mà lấy được nước, nên không được chép thành kỷ chính thống. May nhờ có tôi cũ, tướng xưa của nhà Lê giữ tròn tiết lớn, đồng lòng sửa sang, chung sức phò tá, để vượt mọi gian nan, đó là trời có ý đợi vua tôi ngày nay **[80a]** gắng chí mưu toan, khôi phục ngôi cũ, cho nên mới dựng lại được nghiệp trung hưng, thống nhất bờ cõi, đổi mới xã tắc, giết bọn gian hùng tàn ngược, đặt mặt trời mặt trăng vào đứng giữa trời, cho thiên hạ quy về một mối. Cho nên, ở đây phải chép khác thường như vậy. Có thơ rằng:

Lê tộ trùng hưng cựu vật hồi,
Lam Sơn phục kiến cựu lâu đài.
Quân thần đạo hợp tư vi mỹ,
Chính trị hân quan vạn quốc khôi.
(Ngôi cũ nhà Lê đã phục hồi,
Lam Sơn lại thấy cảnh lâu đài.
Vua tôi hợp đạo, ôi là đẹp!
Trị nước mừng xem mọi chốn vui)

Trở lên, triều Lê bắt đầu từ năm Mậu Tuất [1418] đời Thái Tổ, đến năm Đinh Hợi [1527] đời Cung Hoàng, gồm 110 năm. Nếu tính gộp với họ Mạc tiếm ngôi từ năm Mậu Tý [1528] đến năm Nhâm Thìn [1532] gồm 5 năm, thì tổng cộng là 115 năm.

[1] Chỉ bốn vị vua khai sáng ra bốn triều đại Triệu, Lê, Lý, Trần là Triệu Quang Phục, Lê Hoàn, Lý Công Uẩn và Trần Cảnh.

Đại Việt Sử Ký Bản Kỷ Tục Biên

Quyển XVI

[1a]

Kỷ Nhà Lê

Phụ: Họ Mạc
(Đăng Doanh 8 năm, Phúc Hải 6 năm, Phúc Nguyên 2 năm)

Trang Tông Dụ Hoàng Đế

Tên húy là Ninh, lại húy là Huyến, ở ngôi 16 năm, thọ 34 tuổi. Vua gặp vận gian truân phải đi lánh nạn, nhờ được bề tôi cũ tôn lập, bên ngoài liên kết với nước láng giềng, bên trong dùng được các tướng giỏi, cho nên mọi người đều vui lòng gắng sức, nền móng trung hưng bắt đầu từ đấy.

Vua là con của Chiêu Tông[1], cháu xa đời của Thánh Tông, mẹ là Phạm thị, tên húy là Ngọc Quỳnh, người sách Cao Trĩ, huyện Thụy Nguyên[2]. Khi Đăng Dung cướp ngôi, tiếm hiệu, vua tránh về Thanh Hóa. Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim sai người dò tìm, đón vua sang nước Ai Lao tôn lập.

Quý Ty, [Nguyên Hòa] năm thứ 1 [1533], (Mạc Đại Chính năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 12). Mùa xuân, tháng giêng, vua lên ngôi ở Ai **[1b]** Lao, đặt niên hiệu là Nguyên Hòa, tôn Đại tướng quân Nguyễn Kim là Thượng phụ thái sư Hưng quốc công, chưởng nội ngoại sự, lấy trung nhân Đinh Công[3] làm Thiếu Úy Hùng Quốc Công, còn lại, người nào cũng được phong thưởng để họ đồng lòng khuông phù. Lại liên kết với vua Ai Lao Xạ Đẩu, nhờ họ giúp binh khí, lương thực để mưu việc đánh lấy lại nước.

Vua sai Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh tâu rằng vì Mạc Đăng Dung tiếm loạn, chiếm giữ kinh thành, ngăn trở đường đi nên bỏ lâu việc tiến cống[4].

Giáp Ngọ, [Nguyên Hoà] năm thứ 2 [1534], (Mạc Đại Chính năm thứ 5 Minh Gia Tĩnh năm thứ 13). Nhà Minh nghe tin Mạc Đăng Dung cướp ngôi, đặt quan lại nguỵ, chiếm giữ Kinh thành, ngăn trở đường tiến cống, tự tiện làm bài Đại cáo, tiếm xưng là thượng hoàng, tội trạng đã rõ, bèn sai Hàm Ninh hầu Cừu Loan làm tổng đốc quân vụ, Binh bộ thượng **[2a]** thư Mao Bá Ôn làm tham tán quân vụ, đem quân sang hỏi đánh[5].

---

[1] Tức là Lê Y, con trưởng của Cẩm Giang Vương Lê Sùng, cháu của Kiến Vương Lê Tân, cháu bốn đời của Lê Thánh Tông. Như vậy, Trang Tông là cháu năm đời (huyền tôn) của Lê Thánh Tông.

[2] Sách Cao Trĩ: thuộc châu Ngọc Lặc, nay là huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hóa.

[3] Trung nhân: hoạn quan. Đinh Công là viên hoạn quan người Thanh Hóa.

[4] Minh sử, Q.321, và Cương mục đều chép việc bọn Trịnh Duy Liêu sang nhà Minh vào năm Gia Tĩnh thứ 16, tức là năm Nguyên Hoà 5 (1537). Đoàn này đi thuyền buôn từ Chiêm Thành, vượt biên, sau hai năm mới tới Yên Kinh.

[5] Theo Minh sử, Q.321, việc này xảy ra vào các năm Gia Tĩnh thứ 16 (1537), 17 (1538) và 19 (1540).

Ất Mùi, [Nguyên Hoà] năm thứ 3 [1535], (Mạc Đại Chính năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 14). Nhà Mạc mở khoa thi Hội, lấy bọn Nguyễn Bỉnh Khiêm, Bùi Khắc Đốc, Nguyễn Thừa Hưu đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Di Lượng 7 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Trùng Quang 22 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bính Thân, [Nguyên Hoà] năm thứ 4 [1536], (Mạc Đại Chính năm thứ 7 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 15). Vua sai Trịnh Viên sang nhà Minh trình bày việc họ Mạc cướp ngôi giết vua, và vua phải xiêu giạt vào Thanh Hoa[1].

Họ Mạc sai Đông quân đô đốc phủ tả đô đốc Khiêm quận công Mạc Đình Khoa trùng tu Quốc tử giám.

Đinh Dậu, [Nguyên Hoà] năm thứ 5 [1537]; (Mạc Đại Chính năm thứ 8; Minh Gia Tĩnh năm thứ 16). Mùa xuân, tháng giêng, họ Mạc thăm nhà Thái học.

[2b] Mùa hạ, tháng 4, gió to, gãy cây, tốc nhà, nước biển dâng tràn, làm chết nhiều người và súc vật.

Tây An hầu Lê Phi Thừa của họ Mạc khởi quân cướp lấy của cải của ba ty rồi thu quân chạy vào nước Ai Lao đầu hàng vua.

Họ Mạc phong cho con là bọn Kinh Điển làm vương, ngoài ra đều theo thứ tự bậc mà được nhận phong.

Mậu Tuất, [Nguyên Hoà] năm thứ 6 [1538], (Mạc Đại Chính năm thứ 9; Minh Gia Tĩnh năm thứ 17). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Giáp Hải, Trần Toại, Hoàng Sầm đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Phan Cảo 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Hoàng Thuyên 25 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Họ Mạc tuyển hoàng dinh.

Họ Mạc sai Nguyễn Văn Thái sang nhà Minh dâng biểu xin hàng và xin phân xử[2].

Kỷ Hợi, [Nguyên Hoà] năm thứ 7 [1539], (Mạc Đại Chính năm thứ 10; Minh Gia Tĩnh năm thứ 18). Vua phong đại tướng quân Trịnh Kiểm làm Dực **[3a]** quận công, (người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc[3]), Trịnh Công Năng làm Tuyên quận công, Lại Thế Vinh[4] làm Hoà quận công. Bọn Hiệp quận công, Tường quận công, Từ quận công, Trấn quận công, Tây quận công, Dương quận công, Thuỵ quận công, Nghi quận công đều được ban ấn coi quân, sai đem quân bản bộ tiến đánh các nơi để lo lấy lại Tây Kinh, khí thế quân sĩ mạnh thêm. Sau tiến đánh huyện Lôi Dương, quân Mạc phần nhiều bị thua, rồi đem quân về.

Đại hạn.

Mùa đông, tháng 10, động đất.

Canh Tý, [Nguyên Hoà] năm thứ 8 [1540], (Mạc Đại Chính năm thứ 11; Minh Gia Tĩnh năm thứ 19). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 15, Mạc Đăng Doanh chết. Con trưởng là Phúc Hải lên ngôi, lấy năm sau làm Quảng Hoà năm thứ 1.

Mùa đông, tháng 11, Mạc Đăng Dung cùng với cháu là Văn Minh và bề tôi là bọn Nguyễn Như Quế, Đỗ Chế Khanh, Đặng Văn Tri, Lê Thuyên, Nguyễn Tổng, Tô Văn Tốc, Nguyễn Kinh Tế, Dương Duy

---

[1] Sau chuyến đi của Trịnh Duy Liên, vua tôi nhà Lê thấy lâu không được tin gì, lại sai Trịnh Viên đi (CMCB27, 27).

[2] Nguyễn Văn Thái mang tờ biểu đầu hàng sang nhà Minh. Tờ biểu đại ý nói nhà Lê không còn ai nối dõi, Đăng Dung được trao ấn chương để nối coi việc nước... Vì Trần Cung chiếm giữ Lạng Sơn, nên chưa dâng biểu và sang tiến cống được... Bọn vua tôi nhà Minh không nghe, sai Cừu Loan và Mao Bá Ôn gấp đến Quảng Tây chiêu tập binh mã tiến đánh nhà Mạc.

[3] Huyện Vĩnh Phúc: nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Trịnh Kiểm hồi còn nhỏ phải đi ở chăn trâu, đến nương nhờ dưới trướng Nguyễn Kim, được Kim tin cậy, phong Dực Nghĩa hầu và gả con gái lớn là Ngọc Bảo cho.

[4] Lại Thế Vinh: người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn. Nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

Nhất, Bùi **[3b]** Trí Vĩnh, qua Trấn Nam Quan, mỗi người đều cầm thước, buộc dây ở cổ[1], đi chân không đến phủ phục trước mạc phủ của quân Minh[2] quỳ gối, cúi đầu dâng tờ biểu đầu hàng, nộp hết sổ sách về đất đai, quân dân và quan chức cả nước để chờ phân xử, dâng các động Tê Phù, Kim Lặc, Cổ Sâm, Liễu Cát, An Lương[3], La Phù của châu Vĩnh An trấn Yên Quảng, xin cho nội thuộc vào Khâm Châu. Lại xin ban chính sóc, cho ấn chương, để kính cẩn coi giữ việc nước và chờ lệnh thay đổi hay quyết định khác. Lại sai bọn Văn Minh và Nguyễn Văn Thái, Hứa Tam Tỉnh mang biểu đầu hàng sang Yên Kinh.

Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim đem quân về đánh Nghệ An, hào kiệt phần nhiều theo về, thanh thế rất lừng lẫy, đến đâu là gần xa đều hàng phục.

Tân Sửu, [Nguyên Hoà] năm thứ 9 [1541]. (Mạc Quảng Hoà năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 20). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Nguyễn Kỳ, Phạm **[4a]** Công Sâm, Nguyễn Thế Lộc đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Ngô Quang 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Phạm Nguyên 23 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ, Tây An hầu Lê Phi Thừa có ý bất bình, thường nói ra những lời phẫn uất, càng ngày càng kiêu căng; ngang ngược. Thái sư Nguyễn Kim sai người bóp cổ chết. Trước kia, Phi Thừa xuất thân là xá nhân, thờ Mạc Đăng Dung, được Đăng Dung khen ngợi, cho cai quản quân dân bảy huyện thuộc đạo ấy[4]. Đến năm Đại Chính, Thừa quy thuận triều đình, vua vẫn cho giữ chức cũ. Đến đây lại oán hận, kiêu căng bạo ngược nên bị giết.

Tháng 8, ngày 22, Mạc Đăng Dung chết.

Tháng 10, ngày 20, bọn Mao Bá Ôn nhà Minh kính dâng bản tâu về Yên Kinh nói rằng: Mạc Đăng Dung tự trói mình đầu hàng ở cửa ải, xin kính theo chính sóc[5], xoá bỏ tiếm hiệu, trả lại đất bốn động đã chiếm, **[4b]** xin nội thuộc xưng thần, xin hàng năm ban lịch Đại Thống[6] và bù đủ lễ vật tiến cống hàng năm, cúi mình cung kính thuận phục. Nếu như coi Đăng Dung là kẻ có tội đầu hàng, chưa kể khinh xuất trao cho chức tước, đất đai, thì cháu của y là Mạc Phúc Hải nay đang đợi mệnh, nếu được đội ơn khoan thứ, cũng có thể cho làm các chức khác như đô hộ, tổng quản theo như lệ cũ của nhà Hán, nhà Đường[7], hàng năm quan Bố chính ty Quảng Tây ban cấp lịch Đại Thống, cho y đến Trấn Nam Quan kính nhận, những lễ vật tiến cống các năm trước còn thiếu, thì tra xét bắt bù đủ, từ năm sau chiếu sổ nộp dần. Còn như Lê Ninh tuy tự xưng là con cháu họ Lê, nhưng cứ theo các ty tra xét, thì ngọn ngành tung tích khó biết rõ ràng. Trịnh Duy Liêu trước có lén lút tới các đồng trại ở châu Thạch Lâm nước ta, sát vùng thổ quan Quảng Tây, nhưng mặt mũi Lê Ninh ra sao cũng không được biết, cho nên khi thì gọi là **[5a]** Lê Ninh, khi thì gọi là Lê Hiến, lúc thì gọi là Quang Hoà, có lúc lại bảo là họ Trịnh trá xưng. Còn Trịnh Viên thì khai rằng ở động Tất Mã Giang[8] có Lê Ninh thực, nhưng lại lịch tông phái không biết được rõ; những điều trình bày về tuổi tác, nét mặt, lại khác với lời khai cũ của Trịnh Duy Liêu, đều khó dựa vào đó mà nghe được. Hãy cho Ninh ở lại Tất Mã Giang, những vùng đã lấy được đều thuộc quyền y quản thúc, có thể bàn trao chức tước, cho thực thuộc về Vân Nam. Nếu không phải là con cháu nhà Lê thì thôi không bàn nữa. Còn Trịnh Duy Liêu thì cho sở thuộc Quảng Đông tuỳ nghi sắp xếp, cấp cho ruộng đất, nhà ở, đừng để y phải bơ vơ. Xử phân như vậy, ngõ hầu mới được chu tất. Vua Minh bèn phong cho Mạc Đăng

---

[1] Cầm thước, buộc dây ở cổ: biểu thị sự tự trói mình và chịu nhận trừng phạt.

[2] Mạc phủ do bọn Mao Bá Ôn dựng trấn ở Trấn Nam Quan để xâm lược nước ta. Số quân chúng điều động gồm 20 vạn chính binh và kỳ binh.

[3] Khâm Châu chí của nhà Thanh chỉ ghi 5 động, không có động An Lương. Cương mục dẫn Quảng Yên sách cho rằng động An Lương sau là phố An Lương, thuộc châu Vạn Ninh nước ta và cho là Toàn thư chép lầm.

[4] Tức đạo Thanh Hoa, nay là tỉnh Thanh Hoá.

[5] Theo lịch của nhà Minh.

[6] Lịch Đại Thống: lịch của nhà Minh.

[7] Nhà Hán, nhà Đường thôn tính nước ta, chia cắt nước ta thành châu quận của chúng. Theo lệ đời Hán, đời Đường, tức là bắt ta nội thuộc.

[8] Cương mục, có chỗ ghi là Mã Giang, có lẽ động này nằm ở vùng thượng lưu sông Mã.

Dung làm An Nam Đô thống sứ ty đô thống sứ, ban ấn bạc và cho thế tập[1]. Còn đất 13 lộ[2] **[5b]** thì cứ chiếu theo tên đất cũ, mỗi lộ đều đặt ty Tuyên phủ, đặt các chức tuyên phủ đồng tri, phó sứ, thiêm sự mỗi chức 1 viên, đều thuộc quản hạt của đô thống sứ sai khiến mà triều cống. Lễ cống lên vua và Đông cung thì theo lệ cũ.

Nhâm Dần, [Nguyên Hoà] năm thứ 10 [1542], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 21). Vua lấy Thuỵ quận công Hà Thọ Tường làm Ngự doanh đề thống ngự giá để mưu việc tiến đánh, sai Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim thống đốc tướng sĩ các dinh đi trước, tiến đánh các nơi ở Thanh Hoa, Nghệ An. Tướng lĩnh cũ và hào kiệt hai trấn này phần nhiều theo về, thế quân càng thêm mạnh (Thọ Tường người xã Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ[3]).

Tháng 2, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải phong tước vương cho các em là bọn Kính Điển và các con.

Bấy giờ, quan quân giao chiến với tướng Mạc, cầm cự nhau đến vài tháng.

[6a] Tháng 3, ngày 22, Mạc Phúc Hải lên Trấn Nam Quan chịu khám nghiệm và nhận 1.000 bản lịch Đại Thống của nhà Minh ban cho. Lại lĩnh một đạo sắc mệnh cũ phong Mạc Đăng Dung làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ và một quả ấn bạc.

Tháng 8, ngày mồng 3, họ Mạc sai bọn Nguyễn Điển Kính, Nguyễn Công Nghi, Lương Giản sang tạ ơn nhà Minh; bọn Nguyễn Chiếu Huấn, Vũ Tuân và Tạ Định Quang sang tuế cống.

Tháng 12, ngày 15, nhà Minh phong Mạc Phúc Hải làm An Nam đô thống sứ ty đô thống sứ.

Quý Mão, [Nguyên Hoà] năm thứ 11 [1543], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 22). Mạc sai sứ sang tuế cống nhà Minh. Vua Minh raệnh ban cấp cho sứ giả theo như lệnh cũ, nhưng bãi việc ban yến, giảm bớt cỗ bàn để tỏ ra không phải là **[6b]** lễ tiếp bồi thần[4].

Vua tiến quân ra từ thành Tây Đô, tướng Mạc là Trung Hậu hầu (không rõ tên) dẫn con em đến trước quân lạy chào ở cửa nam thành Tây Đô. Ba quân sôi nổi mừng rỡ. Bấy giờ, Thái sư Hưng quốc công Nguyễn Kim còn ở Ai Lao chưa theo đi[5]. Vua sai Tuyên quận công Trịnh Công Năng mang chiếu thư về gọi. Kim bèn chỉnh đốn bộ ngũ lên đường ngày, bái yết vua ở hành tại sông Nghĩa Lộ[6]. Vua cả mừng, gia thăng Kim làm thái tể, sai làm đô tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh, chia đường cùng tiến, bình định vùng tây nam, đánh là thắng.

Tuyên quận công Trịnh Công Năng nổi quân làm phản, chiếm giữ đầu nguồn Quảng Bình[7], dựng đất đặt doanh trại. Vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm đi đánh, giết được Năng.

[7a] Giáp Thìn, [Nguyên Hoà] năm thứ 12 [1544], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 4 - Minh Gia Tĩnh năm thứ 23). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Vũ Kính 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Hữu Dục 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ất Tỵ, [Nguyên Hoà] năm thứ 13 [1545], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 24). Tháng 4, vua lấy Thiếu uý Hùng quốc công Đinh Công làm thái uý, sai coi giữ ngự dinh. Vua thân hành đem các tướng đi đánh miền Sơn Nam, đến huyện Yên Mô đóng dinh.

---

[1] Thế tập: là được truyền từ đời nọ sang đời kia.

[2] 13 lộ: năm 1466, Lê Thánh Tông đặt 13 đạo thừa tuyên, có lẽ là 13 lộ này.

[3] Nay thuộc huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Bồi thần: là bề tôi của vua chư hầu. Không theo lễ tiếp bồi thần có nghĩa là không coi họ Mạc là vua chư hầu.

[5] Năm trước đã có việc Nguyễn Kim thống suất các quân tiến đánh Thanh Hoa, năm nay lại chép Nguyễn Kim còn ở Ai Lao. Sách Cương mục (CMCB27, 40) cho là Toàn thư chép lầm.

[6] Sông Nghĩa Lộ: chưa rõ ở đâu.

[7] Quảng Bình: tên huyện, nay là vùng đất phía tây bắc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Tháng 5, ngày 20, hàng tướng Mạc là Trung Hậu hầu ngầm chứa hai lòng, mời Thái tể Nguyễn Kim đến dinh của hắn, bỏ ngầm thuốc độc trong quả dưa dâng lên trước mâm cỗ, Kim tin thực ăn dưa, bị trúng độc, đến khi về thấy trong người khó chịu rồi mất, Trung Hậu hầu đêm ấy trốn đi, lại quay về **[7b]** với họ Mạc[1]. Trước kia, Trung Hậu hầu xuất thân là hoạn quan, trải thờ Mạc Đăng Dung, làm quan đến chức chưởng bộ, nghe tin vua nổi quân khôi phục bờ cõi, liền bàn mưu với họ Mạc dùng kế trá hàng, thường muốn hại vua.

Việc đó không thành, mới bỏ ngầm thuốc độc để hại Thái tể Kim, Kim không để ý, bị trúng độc. Vua xuống chiếu truy tặng Kim làm Huân Tĩnh công, thuỵ là Trung Hiến, sai người rước về Bái Trang[2], huyện Tống Sơn để hậu táng. Phong con trưởng của Kim là Uông làm Lãng quận công, con thứ là Hoàng làm Hạ Khê hầu, sai đem quân đi đánh giặc.

Tháng 8, vua sai Dực quận công Trịnh Kiểm làm đô tướng tiết chế các dinh quân thuỷ bộ các xứ kiêm tổng nội ngoại bình chương quân quốc trọng sự, Thái sư Lượng quốc công. Mọi binh quyền ngoài khổn, công việc trong nước, trù tính mưu lược, phong tước bổ quan xa gần đều được **[8a]** tuỳ mình quyết định, rồi sau mới tâu vua. Lượng quốc công càng dốc lòng trung trinh, mọi việc đều quyết đoán rõ ràng, công việc đều đâu ra đấy cả.

Bính Ngọ, [Nguyên Hoà] năm thứ 14 [1546], (Mạc Quảng Hoà năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 25). Vua lập hành điện ở sách Vạn Lai[3]. Mỗi khi có đánh dẹp, đều giao cả cho Thái sư Lượng quốc công thống lĩnh, đánh đâu được đấy. Do vậy, hào kiệt các châu Hoan, Diễn, Ô, Quảng[4] đua nhau tới cửa đình, ai nấy đều vui lòng gắng sức, cõi đất Ái Châu[5] yên dần.

Tháng 5, ngày mồng 8, Mạc Phúc Hải chết. Con trưởng là Phúc Nguyên mới lập, lấy năm sau làm năm Vĩnh Định thứ 1.

Đinh Mùi, [Nguyên Hoà] năm thứ 15 [1547], (Mạc Vĩnh Định năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 26). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Dương **[8b]** Phúc Tư, Phạm Du, Nguyễn Tế đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Nguyễn Kính Chỉ 8 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Vũ Hiệu 19 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháp Báo Thiên bị đổ.

Tướng Mạc là Tứ Dương hầu Phạm Tử Nghi[6] mưu lập người họ Mạc là Hoằng Vương Chính Trung[7] làm chúa, không xong, bèn nổi loạn, bức dời Chính Trung về xã Hoa Dương[8], huyện Ngự Thiên. Họ Mạc sai Khiêm Vương Kính Điển[9] cùng bọn Tây quận công Nguyễn Kính đem quân đi bắt, bị Tử Nghi đánh bại. Sau Tử Nghi nhiều lần đánh không được, mới ép Chính Trung ra chiếm cứ vùng Yên Quảng. Dân hạt Hải Dương bị nạn binh lửa luôn luôn, nhiều người phải lưu vong. Tử Nghi lại chạy vào đất nhà Minh, thả quân đi bắt người cướp của Quảng Đông, Quảng Tây. Người Minh không kiềm chế nổi. (Tử Nghi người huyện An Dương).

---

[1] CMCB27, 39, 40 ghi rõ tên của viên quan Trung Hậu hầu này là Dương Chấp Nhất.

[2] Bái Trang: tức là Gia Miêu Ngoại trang, đời Nguyễn gọi là Quý Hương, nay ở huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Sách Vạn Lai: nay là xã Vạn Lại, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Hoan Diễn: là vùng đất các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh ngày nay. Ô: là chỉ miền đất tỉnh Bình Trị Thiên ngày nay, Quảng: là chỉ miền đất tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng ngày nay.

[5] Ái Châu: tức là đất tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[6] Phạm Tử Nghi: người xã Trung Hành, huyện An Dương, trấn Hải Dương, nay thuộc Hải Phòng.

[7] Chính Trung: là con thứ của Mạc Đăng Dung.

[8] Hoa Dương: tên xã, sau là của Mạc Phúc Hải.

[9] Mạc Kính Điển: là em của Mạc Phúc Hải.

[9a] Mậu Thân, [Nguyên Hoà] năm thứ 16 [1548], (Mạc đổi Vĩnh Định thành Cảnh Lịch năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 27). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 29, vua băng, Thái tử Huyên lên ngôi, lấy năm sau làm Thuận Bình năm thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế là Trang Tông.

Họ Mạc phong Phạm Quỳnh làm Vinh quận công, và con là Dao làm Phú xuyên hầu. (Quỳnh người xã Thịnh Liệt[1], huyện Thanh Trì).

Họ Mạc sai bọn Lê Tiên Quý sang tuế cống nhà Minh.

Trung Tông Hoàng Đế

(Tên húy là Huyên, là con trưởng của Trang Tông, ở ngôi 8 năm, thọ 22 tuổi)

Phụ: Họ Mạc
(Phúc Nguyên 8 năm)

Vua uỷ nhiệm bậc trung thần mưu lược, đánh giết kẻ tiếm hiệu cướp ngôi, có thể gọi là có tài lược đế vương, song hưởng thọ không lâu, đất đai của tiên vương chưa thu phục được hết, tiếc thay!

Kỷ Dậu, [Thuận Bình] năm thứ 1 [1549], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 28). Họ Mạc lấy tướng Đông đạo (không rõ tên) làm Thiệu quốc công, tướng Bắc đạo Mạc Đình Khoa làm Gia quốc công, tướng Tây đạo Nguyễn Kính làm **[9b]** thái uý Tây quốc công, Nguyễn Khải Khang làm thái uý Đoan quốc công, đều cho họ Mạc; tướng Nam đạo Lê Bá Ly[2] làm thái tể Phụng quốc công, cùng các thần thuộc trên dưới đều được phong để mưu giữ đất đai bờ cõi.

Mạc Phúc Nguyên bỏ chính điện ở thành Thăng Long, dời ra ở ngoại thành, trong cõi rối loạn.

Tháng 3, lấy Phạm Đốc làm Kinh ngô vệ chưởng vệ sự, phong Quảng quận công (Đốc người xã Thổ Sơn, huyện Vĩnh Phúc[3]).

Canh Tuất, [Thuận Bình] năm thứ 2 [1550], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 29). Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Trần Văn Bảo, Trần Văn, Nguyễn Minh Dương đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Lê Khâm 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Thừa Hưu 18 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ Mạc Phúc Nguyên nghe lời dèm pha của cha con Phạm Quỳnh, Phạm Dao[4], cho nên tướng Nam đạo, Thái tể **[10a]** Phụng quốc công Lê Bá Ly và con là Phổ quận công Lê Khắc Thận; văn thần là Lại bộ thượng thư ngự sử đài đô ngự sử, Đông các đại học sĩ nhập thị kinh diên Thư quận công Nguyễn Thiến[5] và con là Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ, mỗi người đem hơn trăm quân bản bộ đi đêm trốn vào cửa ải Thanh Hoa xin hàng. Vua cho hàng. Bọn họ đến cửa khuyết lạy chào. Vua cả mừng, ban thưởng và uý lạo cho.

Từ đó, hào kiệt các nơi kéo đến hưởng ứng như mây trời quần tụ, ai cũng vui lòng.

Tân Hợi, [Thuận Bình] năm thứ 3 [1551], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 30). Họ Mạc sai bọn Kinh Điển đốc quân đi đánh Mạc Chính Trung và Phạm Tử Nghi ở Yên Quảng. Đuổi đánh và bắt được Tử Nghi đưa về Kinh sư chém lấy đầu gửi sang nước Minh. Người Minh không nhận, trả lại. Chính Trung chạy vào đất Minh rồi chết ở **[10b]** đấy. (Bản kỷ viết: Trước kia, Phạm Tử Nghi vẫn

---

[1] Thịnh Liệt: tục gọi là làng Sét, ở phía dưới xã Bạch Mai và Hoàng Mai; thuộc Hà Nội ngày nay.

[2] Lê Bá Ly: người làng Cổ Phạm, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[3] Huyện Vĩnh Phúc: sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Phạm Quỳnh, Phạm Dao: người làng Thịnh Liệt, huyện Thanh Trì, nay thuộc ngoại thành Hà Nội.

[5] Nguyễn Thiến: người làng Canh Hoạch, huyện Thanh Oai, nay thuộc tỉnh Hà Tây, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn (1532) đời Mạc.

định lập Hoằng Vương Chính Trung làm người nối ngôi họ Mạc, nhưng các thân vương trong họ và đại thần của họ Mạc lại mưu lập Phúc Nguyên. Chính Trung không được lập, mới cùng với Tử Nghi nổi loạn, và cướp bên nước Minh, người Minh bị nhiều tai hoạ. Đến đấy, nhà Minh trách họ Mạc là phiên thần vô lễ, dung túng bọn cướp nước sang cướp bóc đại quốc, sẽ phải đem quân sang, họ Mạc rất sợ, liền ngầm sai kẻ tiểu tốt đi bắt được Tử Nghi, chém đầu sai người đưa sang nhà Minh. Nhưng hễ đi tới đâu là hay sinh ôn dịch ở đó, làm chết hại nhiều người và súc vật, nên người Minh phải trả lại).

Thái sư Lượng quốc công sai hàng tướng của họ Mạc là Lê Bá Ly cùng với bọn Vũ Văn Mật[1] tiến quân sát đến Kinh sư. Mạc Phúc Hải chạy về Kim Thành[2], để Mạc Kính Điển làm đô tổng soái ở lại cầm quân chống giữ.

Nhâm Tý, [Thuận Bình] năm thứ 4 [1552], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 31). Thái sư Trịnh Kiểm đem quân đi đánh dẹp miền tây nam. Tướng Tây đạo thái uý đoan quốc công của họ Mạc là Nguyễn Khải Khang đem quân về hàng, đến Yên Trường[3] **[11a]** vua uý lạo, ban thưởng, vẫn cho giữ chức tước như cũ.

Quý Sửu, [Thuận Bình] năm thứ 5 [1553], (Mạc Cảnh Lịch năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 32). Vua dời hành tại đến Yên Trường.

Họ Mạc mở khoa thi Hội, cho bọn Nguyễn Lượng Thái, Hoàng Tuân, Trần Vĩnh Tuy đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Nghĩa Lập 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân, bọn Nguyễn Công Tộc 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Giáp Dần, [Thuận Bình] năm thứ 6 [1554], (Họ Mạc đổi niên hiệu Cảnh Lịch thành Quang Bảo năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 33). Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm dời hành dinh đến Biện Thượng[4]. Thế quân thêm mạnh, hiền sĩ bốn phương nhiều người quy phụ.

Mở chế khoa[5], chọn kẻ sĩ. Cho bọn Đinh Bạt Tuy 5 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân[6]; bọn Chu Quang Trứ[7] 8 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

[11b] Tháng 10, ngày mồng 1, lấy Kim ngô vệ chưởng vệ sự Quảng quận công Phạm Đốc làm thái bảo.

Ất Mão, [Thuận Bình] năm thứ 7 [1555], (Mạc Quang Bảo năm thứ 2; Minh Gia Tĩnh năm thứ 34). Tháng 8, họ Mạc sai Khiêm Vương Mạc Kính Điển đem quân vào cướp Thanh Hoá; lấy Thọ quận công (không rõ tên) tiết chế quân Nam đạo, đem hơn 100 chiếc thuyền làm tiên phong, tiến đến cửa biển Thần Phù đóng dinh.

Hôm sau, Kính Điển đem quân đến hội ở sông Đại Lại[8], sai Thọ quận công đốc suất quân bản bộ đi trước, đóng dinh ở núi Kim Sơn[9].

---

[1] Vũ Văn Mật: là em Vũ Văn Uyên, người xã Ba Động, huyện Gia Phúc (nay là huyện Gia Lộc tỉnh Hải Hưng). Khi họ Mạc cướp ngôi nhà Lê thì Vũ Văn Uyên cát cứ vùng Tuyên Quang chống lại nhà Mạc. Văn Uyên chết, Vũ Văn Mật nối nghiệp anh, được vua Lê phong tước Gia quốc công.

[2] Kim Thanh: tên huyện, thuộc tỉnh Hải Dương, nay là tỉnh Hải Hưng.

[3] Yên Trường: tên xã, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.

[4] Biên Thượng: tức làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[5] Chế Khoa: theo Kiến văn tiểu lục của Lê Quý Đôn thì lệ thi cử thời Lê như sau: Những năm Tý, Mão, Ngọ, Dậu là khoa thi Hương; những năm Sửu, Thìn, Mùi, Tuất là khoa thi Hội. Nhưng có khi nhà vua có bài chế ban xuống cho mở khoa thi đặc biệt không theo lệ trên thì gọi là chế khoa. Phép thì chế khoa cũng giống khoa thi Hội (thi kinh nghĩa, tứ lục, thơ, phú và văn sách).

[6] Đinh Bạt Tuy: người làng Bùi Khổng, huyện Hưng Nguyên, nay thuộc tỉnh Nghệ An.

[7] Chu Quang Trứ: người xã Nam Hoa Thượng, huyện Thanh Chương, Nghệ An.

[8] Sông Đại Lại: tức sông Lèn, một nhánh của sông Mã ở Thanh Hoá.

[9] Kim Sơn: có tên là núi Biện hay núi Bồng. Động Kim Sơn là một danh thắng.

Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm đại hội các tướng bàn rằng: Giặc cậy đông khinh ta, ta dùng kế mai phục đợi chúng, thế nào cũng bắt được. Bèn sai người dặn trước dân chúng hai bờ sông không được kinh động, ai nấy cứ vững yên như cũ. Lại sai **[12a]** trung quan là Thái uý Hùng quốc công Đình Công đốc suất bọn hàng tướng Lê Bá Ly, Nguyễn Khải Khang, Nguyễn Thiến, Lê Khắc Thận cùng binh tướng bản bộ mai phục sẵn ở phía nam sông, trên từ núi Yên Định, dưới đến núi Quân Yên[1]. Thái sư Trịnh Kiểm đích thân đốc suất đại quân mai phục ở phía bắc sông, trên từ núi Bạch Thạch[2], dưới đến núi Kim Sơn, lại chọn 50 con voi phục ở chân núi Kim Sơn[3]. Lại sai Quảng quận công Phạm Đốc đem thuỷ quân và chỉ huy bọn hàng tướng Nguyễn Quyện đem hơn 10 chiếc thuyền chiến chiếm cứ mạn thượng lưu từ sông Hữu Chấp đến sông Kim Bôi[4], đi đi lại lại làm thế ỷ dốc.

Hôm sau, giờ Tỵ, thuyền giặc qua Kim Sơn, đến chợ Ông Cung[5]. Trong chiến thuyền, nghe tiếng đàn sáo ca hát, như vào chỗ không người. Gần trưa, nghe một tiếng súng nổ ở núi Quân Sơn, dọc hai bờ sông **[12b]** liên tiếp có bảy tiếng súng đáp lại. Thái sư Trịnh Kiểm tung quân đánh lớn, voi ở hạ lưu đã qua sông. Binh thuyền của bọn Phạm Đốc, Nguyễn Quyện đã thuận dòng mà xuống. Binh tượng hai bên bờ hăng hái tranh nhau tiến lên trước. Quân giặc quay ngược giáo, vứt bỏ áo giáp, chiến thuyền, nhảy xuống sông trốn chạy. Thọ quận công tự liệu không thể thoát được, nhảy xuống sông trốn, bị Triều quận công Vũ Sư Thước bắt sống. Quân Mạc bị bắt rất nhiều. Trói Thọ quận công trên lưng voi đem nộp ở cửa dinh cùng với mấy chục viên tướng giặc lớn nhỏ đã bắt được. Quân giặc chết nhiều, xác nghẽn cả sông, nước sông đỏ lòm. Thu được khí giới nhiều không kể xiết. Mấy vạn quân giặc chết gần hết. Kính Điển sợ vỡ mật, thu nhặt tàn quân quay về Kinh sư. Thái sư dâng biểu báo tin thắng trận, vua sai chém hết vài chục tên tướng giặc như bọn Thọ quận công ở núi Đồng Lộc.

Bính Thìn, [Thuận Bình] năm thứ 8 [1556], (Mạc Quang Bảo năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 35). Mùa xuân, tháng giêng, ngày 24. Vua băng, không có con nối. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm bàn với các đại thần rằng: Nước không thể một ngày không có vua. Liền sai người đi tìm con cháu họ Lê lập lên, tìm được cháu bốn đời của Lam quốc công Lê Trừ là Lê Duy Bang ở hương Bố Vệ[6], huyện Đông Sơn, đón về lập làm vua. Đại xá, lấy năm sau làm năm Thiên Hựu thứ 1. Dâng tôn hiệu cho Đại Hành Hoàng Đế và Vũ Hoàng Đế, miếu hiệu là Trung Tông.

Lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm Binh bộ thượng thư chưởng bộ sự.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Trấn, Đỗ Uông và Nguyễn Nghiêu Tá đỗ tiến sĩ cập đệ; **[13b]** bọn Phạm Viết Mậu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Nhân An 7 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Anh Tông Tuấn Hoàng Đế

(Tên húy là Bang, ở ngôi 16 năm, thọ 42 tuổi)

Phụ: Họ Mạc
(Phúc Nguyên 5 năm, Mậu Hợp 11 năm)

---

[1] Yên Dịch và Quân Yên: tên hai ngọn núi thuộc huyện Yên Định, Thanh Hoá.

[2] Bạch Thạch: tên một ngọn núi ở phía tây bắc huyện Đông Sơn, Thanh Hoá.

[3] Chi tiết chọn voi mai phục này không thấy có trong Bản dịch cũ.

[4] Sông Hữu Chấp: ở xã Hữu Chấp; Sông Kim Bôi: ở xã Kim Bôi. Hai xã Hữu Chấp và Kim Bôi đều thuộc huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá.

[5] Chợ Ông Cung: hay chợ Ông, ở làng Bồng Thượng, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Bố Vệ: tên xã, ở phía nam thị xã Thanh Hoá ngày nay.

Vua là dòng dõi đế thất, nhờ huân thần tôn lập, mưu cuộc trung hưng, thực là mệnh trời trao cho vậy. Song sự nghiệp chưa xong một nửa, lòng nghi hoặc dần nảy sinh, chỉ tin lời gièm pha mà xiêu giạt ra ngoài. Thương thay!

Trước kia, anh thứ hai của Thái Tổ là Trừ (tặng Lam quốc công, nay tôn phong là Hoằng Dụ Vương). Trừ sinh ra Khang (tặng Quỳ quốc công, nay tôn phong là Hiển Công Vương). Khang sinh ra Thọ (nay tôn phong là Quang Nghiệp Vương), Thọ sinh Duy Thiệu (nay tôn phong là Trang Giản Vương), Duy Thiệu sinh Duy Khoáng (nay tôn phong là Hiếu Tông Nhân Hoàng Đế), Duy Khoáng lấy vợ người hương Bố Vệ, huyện Động Sơn, sinh ra vua. Bấy giờ, Trung Tông băng, không có con nối, Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm và các đại thần đón lập lên.

[14a] Đinh Tỵ, [Thiên Hựu] năm thứ 1 [1557], (Mạc Quang Bảo năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 36). Họ Mạc lấy Khiêm Vương Kính Điển kiêm chức Tông nhân phủ Tông nhân lệnh.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đem quân xâm phạm Thanh Hoa, đến sông Thần Phù và vùng Tống Sơn[1], Nga Sơn[2], đốt phá cầu phao. Thái sư Lượng quốc công Trịnh Kiểm sai Thanh quận công[3] giữ Nga Sơn, Thuỵ quận công Hà Thọ Tường giữ Tống Sơn, ai nấy đều đem tinh binh đi chống giữ, quân Mạc không tiến lên được. Thái sư đích thân chỉ huy binh tượng, ngầm tiến đến chân núi Yên Mô[4] thẳng tới cửa biển, gặp giặc, tung quân ra đánh, lại đánh úp phía sau, tiếng súng liên hồi, trên dưới đánh kẹp vào. Thái sư sai người huyện Hoằng Hoá là Vũ Lăng hầu lao thuyền xông vào đánh, gặp thuyền Mạc Kinh Điển, Vũ Lăng hầu tung người nhảy qua, vung gươm chém người cầm dù đứt làm hai đoạn rớt **[13b]** xuống sông. Kinh Điển trở tay không kịp, nhảy xuống sông trốn thoát. Quân Mạc đại bại, bỏ thuyền chạy trốn vào núi rừng. Kính Điển chỉ thoát được thân, vào hang núi ẩn náu 3 ngày, đói quá, ban đêm thấy cây chuối trôi qua cửa hang, liền ôm chuối trôi theo dòng để tìm đường về. Vài ngày sau, đến sông Yên Mô, gặp người đánh cá ở xã Trà Tu[5] cứu thoát. Đến khi về, Kính Điển bảo cử người ấy làm Phù Nghĩa hầu.

Tháng 7 nhuận, lấy Thái bảo Quảng quận công Phạm Đốc làm thái phó.

Tháng 8, Thái sư sai Phạm Đốc đi cứu Nghệ An[6]. Bấy giờ họ Mạc nghe tin Thái sư thừa thắng tiến đánh, bèn trốn về Kinh.

Năm này, hàng tướng Mạc là Lê Bá Ly, Nguyễn Thiến chết. Con của Thiến là bọn Nguyễn Quyện, Nguyễn Phủ **[15a]** lại trốn về với họ Mạc. Họ Mạc phong Quyện làm Văn Phái hầu, Phủ làm Phù Hưng hầu, đem con gái tông thất gả cho.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm đem 5 vạn quân thuỷ bộ đánh ra miền giữa Sơn Nam. Đến sông Phụng Xí[7] bắc cầu phao qua sông, phá tan quân Mạc, bắt sống tướng Mạc là Khánh quốc công trên thuyền, quân Mạc tan vỡ. Thái sư Trịnh Kiểm để Khánh quốc công trên voi, sai đi theo quân để hiến kế. Sau Khánh quốc công mưu phản, việc tiết lộ, bị giết.

Quan quân đánh dẹp huyện Giao Thuỷ ở mạn dưới Sơn Nam. Thái sư Trịnh Kiểm tự mình chỉ huy bộ binh, sai bọn Phạm Đốc chỉ huy thuỷ quân, lấy Vũ Lăng hầu làm Tiền Thuỷ đội[8], tung quân đánh lớn.

---

[1] Tống Sơn: nay là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Nga Sơn: tên huyện, nay thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[3] Thanh quận công: tên quan tước, chưa rõ họ tên thực.

[4] Yên Mô: tên huyện, thuộc tỉnh Ninh Bình.

[5] Trà Tu: tên xã, thuộc huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình.

[6] Khi Kính Điển vào đánh Thanh Hoá thì Mạc Phúc Nguyên sai bọn Phạm Quỳnh, Phạm Dao vào đánh Nghệ An. Trịnh Kiểm phá tan quân của Mạc Kính Điển, tước lấy chiến thuyền, giả làm quân Mạc kéo vào đánh quân Phạm Quỳnh, Phạm Dao ở Nghệ An. Bọn Quỳnh, Dao không đề phòng, bị đại bại.

[7] Sông Phụng Xí: có lẽ là sông Phượng Tường ở huyện Trực Ninh tỉnh Nam Định cũ, nay thuộc huyện Nam Ninh, tỉnh Nam Hà.

[8] Tức Phạm Đức Kỳ, người xã Tào Xuyên, huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

Họ Mạc sai Nguyễn Quyện chống giữ ở sông Giao Thuỷ. Quyện và Vũ Lăng hầu đánh nhau to. Vũ Lăng hầu **[15b]** rướn mình nhảy sang mui thuyền của Quyện trước. Quyện cầm gươm chém, Vũ Lăng hầu nhảy xuống sông lặn đi. Quyện vội nhảy sang thuyền của Vũ Lăng hầu, chém được đầu của người cầm dù rồi hô lớn: "Đầu Vũ Lăng hầu đây, lũ chúng mày địch sao nổi ta". Các quân nghe nói thế, không kịp ngoảnh lại nhìn, nhảy cả xuống sông. Toàn quân tan vỡ, bỏ thuyền nhảy lên bờ tháo chạy. Quân Mạc thừa thắng đuổi đánh. Nhân dân các huyện đều hưởng ứng theo. Thái sư kíp bàn rút quân. Họ Mạc sai tướng đem quân chặn lối về, quân sĩ phần lớn bị hại, chiến tướng bị giết đến vài chục viên, thuyền bè, khí giới phải vứt bỏ hết, sĩ tốt chạy thoát được còn độ một nửa.

Tháng 10, Thái sư đem quân về Thanh Hoa, sai ác tướng vỗ nuôi quân lính, chế tạo chiến khí, sai tuyển tráng đinh biên chế vào quân ngũ cho đủ số quân để lại mưu đánh lần sau.

[16a] Mưa to kéo dài hàng tháng không tạnh. Ở Thanh Hoa, Nghệ An lúa đồng phần lớn bị ngập nước, mùa màng bị mất, do vậy vua xuống chiếu đổi năm sau thành năm Chính Trị[1] thứ nhất.

Mậu Ngọ, [Chính Trị] năm thứ 1 [1558], (Mạc Quang Bảo năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 37). Thái sư thân đốc đại quân lại ra miền giữa trấn Sơn Nam, lừa đánh lúc giặc bất ngờ, bắt sống tướng Mạc là Anh Nhuệ hầu đưa về hành tại Yên Trường, sai đem chém.

Năm này, lập trường thi Hương ở xã Đa Lộc, huyện Yên Định.

Tháng 8, ngày Mậu Ngọ 14, Thái phó Quảng quận công Phạm Đốc chết[2], thọ 46 tuổi. Được truy tặng Đặc tiến khai phủ thái uý Tĩnh quốc công, thuỵ là Trung Nghị.

Tháng 9, Thái sư Trịnh Kiểm thân đốc đại binh lại ra miền trên trấn Sơn Nam chiếm đất rồi **[16b]** trở về, để hàng tướng Nguyễn Khải Khang ở lại trấn thủ để chiêu tập dân chúng. Sau họ Mạc dùng mưu sai người địa phương trá hàng để dụ. Khải Khang lại phản bội, quay về với họ Mạc. Họ Mạc dùng xe xé xác Khang.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm vào chầu, dâng biểu tâi xin sai con thứ của Chiêu Huân Tĩnh công[3] là Đoan quận công Nguyễn Hoàng đem quân vào trấn thủ xứ Thuận Hoá để phòng giặc phía đông[4] cùng với Trấn quận công (không rõ tên) ở Quảng Nam cứu viện cho nhau[5]. Mọi việc của xứ này, không cứ lớn hay nhỏ, và các ngạch thuế đều giao cả cho, hàng năm đến kỳ hạn thì thu nộp.

Kỷ Mùi, [Chính Trị] năm thứ 2 [1559], (Mạc Quang Bảo năm thứ 6; Minh Gia Tĩnh năm thứ 38). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Đặng Thì Thố đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Đạt Thiệu 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Thầm 14 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

[17a] Bấy giờ quân Mạc bị thua luôn, Phúc Nguyên hoang mang lo sợ, bỏ thành Thăng Long dời ra ở ngoài cửa Nam.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai Hộ bộ đạc chi Văn Toàn tử Lê Trọng Nguyên đi khám đo ruộng đất công và tư ở Thanh Hoa để định ngạch thuế.

Tháng 8, ở Thanh Hoa, Nghệ An, nước lũ tràn ngập, đê điều, đường sá bị vỡ lỡ, trôi mất vài trăm nhà. Trong thành Tây Đô do vậy bị ngập, kho tàng phần nhiều ngập nước, nhân dân đói kém.

---

[1] Chính Trị: có nghĩa là sửa sang việc trị nước.

[2] Phạm Đốc: là con nuôi của Trịnh Kiểm, có tài dùng binh.

[3] Tức Nguyễn Kim.

[4] Trịnh Kiểm tuy đã lấy được đất Thuận Hoá, nhưng nhiều người ở đó vẫn theo họ Mạc, hoặc vượt biển đi theo họ Mạc, hoặc đưa quân Mạc đến phá phía sau của quân Lê - Trịnh.

[5] Sau khi Nguyễn Kim chết, binh quyền về tay Trịnh Kiểm. Hai người con trai của Nguyễn Kim thì một người là Lãng quận công tả tướng Nguyễn Uông đã bị Trịnh Kiểm mưu sát. Đoan quận công Nguyễn Hoàng lo cho số phận của mình, nhờ chị là Trường công chúa Ngọc Bảo (vợ Trịnh Kiểm) xin cho vào trấn thủ Thuận Hoá. Trịnh Kiểm cũng muốn trừ bỏ mối lo bên cạnh mình, nên đồng ý cho đi. Nguyễn Hoàng đem quân thủ hạ của mình vào Thuận Hoá, đóng dinh ở gò Phù Sa, xã Ái Tử, trên sông Ái Tử.

Tháng 9, Thái sư bảo cử viên tướng cùng họ là Phong quận công Trịnh Quang[1] trông coi ngự bình, Phù quận công Lê Chủng làm tổng trấn đạo Thanh Hoa, trấn giữ binh dân, bọn Triều quận công Vũ Sư Thước, An quận công Lại Thế Khanh[2] cùng đem tinh binh trấn giữ cửa biển để phòng chống giặc. Thái sư chỉ huy hơn 6 vạn đại quân, nói phao là 12 vạn, đích thân đi đánh **[17b]** miền bắc để mưu việc khôi phục. Đại quân từ Thiên Quang[3] ra miền thượng lộ Sơn Tây[4]. Quân đi đến đâu, không mảy may xâm phạm của dân, dân chúng đều thuận lòng hàng phục, yên ổn như xưa, mọi người tranh nhau đem rượu thịt lúa gạo cấp cho quân. Khi đến Tuyên Quang, Hưng Hoá, tướng Tây đạo là Định quận công[5] đem quân đến hội. Lại bàn tiến quân, vượt sông[6] đánh chiếm các xứ Thái Nguyên, Lạng Sơn, Kinh Bắc. Viên thổ tướng Gia quận công[7] cũng quy thuận triều đình, nguyện xin cấp quân đánh giặc. Lại sai Định quận công trấn giữ An Tây và Đại Đồng[8] để củng cố cõi phiên trấn và mở đường từ Thiên Quang nối liền với Hưng Hoá, Tuyên Quang, thông đến Kinh Bắc để vận tải lương thực cung cấp cho quân.

Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm thống lĩnh binh tướng đi đánh dẹp các xứ Kinh Bắc, đóng dinh ở **[18a]** phủ Thuận An[9], cầm cự với quân Mạc, sau lại dời đến đóng ở núi Tiên Du[10].

Tháng 11, Thái sư Trịnh Kiểm chia quân đi đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu[11] các huyện Siêu Loại, Văn Giang[12] quân đi đến đâu, giặc đều vỡ chạy.

Tháng 12, Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân tiến đánh các phủ Khoái Châu, Hồng Châu, Nam Sách[13] quân Mạc nghe tin đều bỏ chạy.

Canh Thân, [Chính Trị] năm thứ 3 [1560], (Mạc Quang Bảo năm thứ 7; Minh Gia Tĩnh năm thứ 39). Tháng giêng, Thái sư Trịnh Kiểm sai các tướng đem quân đi đánh phá các phủ Hồng Châu, Khoái Châu, Tiên Hưng[14], đánh đâu được đấy.

Năm này được mùa lớn. Hạ lệnh cho dân địa phương đã quy thuận ở các huyện thuộc trấn Kinh Bắc nộp lúa để cung cấp cho quân lính.

---

[1] Trịnh Quang: người xã Sóc Sơn, huyện Vĩnh Phúc (sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá).

[2] Lại Thế Khanh: người xã Quang Lăng, huyện Tống Sơn (sau là huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá).

[3] Thiên Quang: nay là huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình.

[4] Trịnh Kiểm, trong chiến dịch này, dùng viên tướng Hoàng Đình Ái, người xã Vân Lũng, huyện Thạch Thành (Thanh Hoá) làm tiên phong.

[5] Định quận công: tên thực là Đặng Định.

[6] Tức vượt sông Hồng.

[7] Tức Lê Duy Mật, một viên tướng cát cứ vùng Tuyên Quang khi ấy.

[8] Đặng Định: Trước theo Nguyễn Kim sang Ai Lao, sau khi Trang Tông trung hưng, được sai đi trấn thủ 10 châu của phủ An Tây, trấn Hưng Hoá. Còn Đại Đồng vốn do anh em Vũ Văn Uyên, Vũ Văn Mật chiếm giữ từ trước. Vì thế, CMCB 28, 13 chép là: Lại sai Vũ Văn Mật trấn giữ Đại Đồng, Đặng Định trấn giữ An Tây, thì đúng hơn.

[9] Phủ Thuận An: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Phủ lỵ phủ Thuận An ở khoảng Dâu Keo.

[10] Núi Tiên Du: ở huyện Tiên Du cũ, nay là huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

[11] Phủ Khoái Châu: gồm các huyện Đồng Yên (sau là huyện Khoái Châu), Kim Động, Tiên Lữ, Thiên Thi (sau là huyện Ân Thi), Phù Dung (sau là Phù Cừ), tỉnh Hưng Yên cũ, nay thuộc tỉnh Hải Hưng. Phủ Hồng Châu: gồm các huyện Đường Hào (sau là Mỹ Hào), Đường Yên (sau là Bình Giang), Cẩm Giàng, Thanh Miện, Tứ Kỳ, Vĩnh Lại (sau là Ninh Giang), đều thuộc tỉnh Hải Dương ngày nay.

[12] Huyện Siêu Loại: nay thuộc tỉnh Bắc Ninh. Huyện Văn Giang: sau sát nhập vào huyện Văn Lâm, nay thuộc tỉnh Hưng Yên.

[13] Phủ Nam Sách: gồm các huyện Thanh Lâm (sau là Nam Sách), Chí Linh, Thanh Hà thuộc tỉnh Hải Dương và huyện Tiên Minh (nay là huyện Tiên Lãng, Hải Phòng).

[14] Phủ Tiên Hưng: gồm phần đất của các huyện Hưng Hà, Đông Hưng, tỉnh Thái Bình ngày nay.

Tháng 2, Mạc Phúc Nguyên sai tướng đem quân giữ thành Thăng Long, bên ngoài đóng đồn một dải từ dọc **[18b]** sông về phía tây, trên từ Bạch Hạc, dưới đến Nam Xang[1], dinh trại liền nhau, thuyền ghe san sát, ban ngày thì phất cờ dóng trống báo nhau, ban đêm thì đốt lửa làm hiệu cho nhau để chống giữ với quan quân. Thái sư Trịnh Kiểm bàn chia quân cho các tướng đi đánh các huyện Đông Triều, Giáp Sơn[2], Chí Linh, An Dương ở miền đông, đều lấy được cả. Họ Mạc bèn dời ra ở huyện Thanh Đàm.

Tháng 3, Thái sư Trịnh Kiểm sai bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái đem quân trấn giữ Lạng Sơn. Vị quận công Lê Khắc Thận trấn giữ Thái Nguyên, Gia quận công[3] trấn giữ Tuyên Quang. Quân đóng liền nhau để cứu viện cho nhau, ngày đêm tiến công các phủ huyện Phú Bình, Văn Lan[4]. Lại sai Định quận công trấn giữ Hưng Hoá, chiêu tập vỗ yên cư dân mười châu An Tây, tư cấp binh lương. Từ Thiên Quang đến Kinh Bắc đường liền không dứt.

[19a] Tháng 4, Thái sư Trịnh Kiểm đóng quân ở phía nam núi Lãm Sơn[5]. Bấy giờ, quan quân cầm cự nhau với tướng Mạc liền năm không dứt. Thái sư Trịnh Kiểm lại chia quân đi đánh phá các vùng Thanh Miện, Gia Phúc[6], Hồng Châu, Khoái Châu. Các huyện ở Hải Dương do vậy mà chấn động.

Tân Dậu, [Chính Trị] năm thứ 4 [1561], (Mạc Quang Bảo năm thứ 8; Minh Gia Tĩnh năm thứ 40). Tháng 3, họ Mạc sai tướng đem quân đến Kinh Bắc chống nhau với Thái sư Trịnh Kiểm; rồi ngầm sai Mạc Kính Điển đem quân vào đánh cướp Thanh Hoa, đến tận các cửa biển. Bấy giờ, các tướng trấn giữ là Triều quận công Vũ Sư Thước và An quận công Lại Thế Khanh đều bỏ dinh trại rút về; Phù quận công Lê Chủng thì quân vỡ, tháo chạy, đem quân chạy vào sách Vạn Lại, cửa Yên Trường. Gia thuộc của Thái sư và vợ con của các tướng chạy vào sách Thuỷ Đả[7] để lánh nạn. Thế giặc hung hăng, dân chúng phần nhiều phải lưu tán.

[19b] Tháng 9, quân Mạc đánh vào cửa Yên Trường, đến sách Vạn Lại, sắp lấy được kho công. Bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh hợp sức cố đánh, tung quân mai phục đánh thắng liền mấy trận, chém được hơn trăm thủ cấp giặc. Quân Mạc tan vỡ tháo chạy. Quan quân thừa thắng đuổi theo. Mạc Kính Điển phải rút quân về Kinh. Thái sư Trịnh Kiểm liền đem quân về Thanh Hoa, lạy chào vua ở hành tại Yên Trường, cáo thắng trận xong, đóng quân ở Cao Mật, phía nam thành Tây Đô, thưởng chiến công đánh giặc.

Phù quận công Lê Chủng chết.

Tháng 12, Mạc Phúc Nguyên chết, con là Mậu Hợp lên ngôi, đổi niên hiệu là Thuần Phúc.

Nhâm Tuất, [Chính Trị] năm thứ 5 [1562], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 1; Minh Gia Tĩnh năm thứ 41). Tháng giêng, Mạc Mậu Hợp tuổi còn nhỏ lên nối ngôi, lấy Ứng Vương Mạc Đôn Nhượng làm nhập nội phụ chính ẵm Mậu Hợp ra coi chầu, tôn ông chú là **[20a]** Khiêm Vương Kính Điển là Khiêm Đại Vương, Hoa quận công (không rõ tên) là chưởng Triều Đông vệ, Phò mã đô uý Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm chưởng Phù Tây vệ, Thạch quận công Nguyễn Quyện là chưởng Phù Nam vệ, Phò mã tông chính thái bảo Ninh quận công (không rõ tên) là chưởng An Bắc vệ. Ngoài ra, từng người đều được phong chức tước để hiệp lực phò tá nhà Mạc.

---

[1] Nam Xang: sau là huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

[2] Giáp Sơn: sau là huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương.

[3] Tức Vũ Văn Mật.

[4] Phủ Phú Bình: gồm phần lớn tỉnh Thái Nguyên cũ (nay thuộc tỉnh Bắc Thái) và huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phú bây giờ. Huyện Văn Lan: tương đương với các huyện Bằng Mạc và Điềm He, tỉnh Lạng Sơn ngày nay.

[5] Núi Lãm Sơn: ở xã Nam Sơn, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

[6] Gia Phúc: tên huyện, sau là huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương cũ, nay là tỉnh Hải Hưng.

[7] Sách Thuỷ Đả: sách ở miền thượng du Thanh Hoá, có lẽ ở khoảng huyện Ngọc Lặc ngày nay.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho bọn Phạm Duy Quyết, Trương Lỗ, Ngô Khiêm đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Vũ Văn Thiện 5 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Nguyễn Vĩnh Miện 10 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 2, vua sai Lộc quận công đem quân đánh dẹp mười châu[1], sau Nhân Khê hầu cùng đi để chiêu tập, phủ dụ dân chúng.

[20b] Tháng 8, vua lập trường thi Hương ở cửa nam thành Tây Đô.

Tháng 9, Thái sư thân hành đốc suất đại quân đi đánh dẹp lộ Sơn Nam[2], sai thế tử[3] cùng đi. Quân đến vùng Thanh Trì, Thượng Phúc, sai lập đại dinh ở huyện Sơn Minh[4], hạ lệnh thu thóc lúa chứa để làm kế lâu dài.

Tháng nay, Hùng quốc công Đinh Công chết, cho hậu táng. Công là người Quảng Bình[5].

Tháng 10, Mạc Mậu Hợp ngờ Thái bảo Văn quốc công Phạm Dao có lòng khác, sai giết.

Tháng 11, thái sư rút quân về Thanh Hoa, sai Nghĩa quận công Đặng Huấn giữ dinh. Huấn làm phản về với họ Mạc. (Đặng Huấn người làng Lương Xá, huyện Chương Đức[6]).

Giáp Tý, [Chính Trị] năm thứ 7 [1564], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 3; Minh Gia Tĩnh năm thứ 43). Bấy giờ, con trưởng của Mạc Kính Điển là Đoan Hùng Vương Kính Chỉ **[21a]** ngầm tư thông với vợ lẽ của Kính Điển. Việc bị phát giác, Kính Chỉ phải giáng làm thứ nhân. Lấy con thứ của Kính Phu làm Đường An Vương và trao cho binh quyền. Đến khi Kính Điển chết, họ Mạc lại lấy Kính Chỉ làm Hùng Lễ công nhưng không trao binh quyền.

Bấy giờ Sạ Đẩu nước Ai Lao sai bề tôi sang cống phẩm vật địa phương và 4 con voi đực. Vua sai Thái sư đem con gái nuôi gả cho Sạ Đẩu để kết hoà hảo với nước láng giềng.

Tháng 9, Thái sư đốc suất đại quân đi đánh dẹp miền giữa lộ Sơn Nam, đánh phá các huyện ở phủ Trường Yên[7]. Khi đến cửa Chu Tước đóng quân thì Nghĩa quận công Đặng Huấn lại đem quân bản bộ đến cửa dinh quân xin chịu tội. Thái sư Trịnh Kiểm tha tội, cho giữ tước cũ, lại sai Huấn ra miền Hoài An, Sơn Minh[8] để mưu việc tiến đánh.

[21b] Tháng 10, Thái sư Trịnh Kiểm sai Xá nhân ty Hoa Dương hầu đốc thúc dân chúng đã đầu hàng ở các phủ Trường Yên, Thiên Quan[9] sửa đắp đê điều, mở rộng đường xá, từ Phố Cát[10] thẳng đến Bình Lương[11], thông đến Hoài An, Sơn Minh để vận chuyển lương thực, đi lại thông suốt. Từ đấy, lộ Sơn

---

[1] Mười châu: tức là 10 châu của phủ An Tây, miền thượng du sông Đà. Theo CMCB 28, 16 thì 10 châu ấy là: Chiêu Tân, Quỳnh Nhai, Lai Châu, Tung Lăng, Hoàng Nham, Hợp Phi, Lê Tuyền, Khiêm Châu, Tuy Phụ, Luân Châu.

[2] Lộ Sơn Nam: là một vùng rộng gồm các tỉnh Nam Hà, Ninh Bình và tỉnh Thái Bình ngày nay.

[3] Thế tử: chỉ con trưởng của Trịnh Kiểm, tức Trịnh Cối.

[4] Thượng Phúc: tên huyện, nay là huyện Thường Tín. Sơn Minh: tên huyện, nay là huyện Ứng Hoà, tỉnh Hà Tây.

[5] Quảng Bình: tên huyện, nay là vùng tây bắc huyện Thạch Thành, Thanh Hoá.

[6] Chương Đức: tên huyện, sau là huyện Chương Mỹ, nay thuộc tỉnh Hà Tây.

[7] Phủ Trường Yên: gồm các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang (nay là Yên Khánh), thuộc tỉnh Ninh Bình. Phủ lỵ Trường Yên ở thị xã Ninh Bình ngày nay.

[8] Hoài An: tên huyện gồm vùng đất phía nam huyện Ứng Hoà và một phần huyện Mỹ Đức ngày sau. Sơn Minh: tên huyện, gồm phần lớn huyện Ứng Hoà ngày sau.

[9] Phủ Thiện Quang: gồm các huyện Phụng Hoá (sau là huyện Nho Quan), Yên Hoà (nay là vùng Xích Thổ) của tỉnh Ninh Bình, huyện Lạc Thổ, sau là huyện Lạc Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

[10] Phố Cát: thuộc huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

[11] Bình Lương: tên xã thuộc huyện Lạc Thuỷ trên sông Bôi, gần Châu Sơn, tỉnh Hoà Bình ngày nay.

Nam, từ sông Cái về phía tây, đất đai và nhân dân các huyện đều thuộc về triều đình, quân thanh lừng lẫy, đánh đâu được đấy.

Tháng 12, Thái sư đem quân về Thanh Hoa.

Ất Sửu, [Chính Trị] năm thứ 8 [1565], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 4; Minh Gia Tĩnh năm thứ 44). Đặt chế khoa chọn kẻ sĩ. Cho bọn Lê Khiêm 4 người đỗ đệ nhất giáp chế khoa xuất thân; bọn Lê Nghĩa Trạch 6 người đỗ đệ nhị giáp đồng chế khoa xuất thân.

[22a] Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Phạm Quang Tiến đỗ tiến sĩ cập đệ, bọn Phạm Hoành Tài 3 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Lại Mẫn 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Tháng 4, thái sư đốc quân đánh ra miền giữa lộ Sơn Nam, Thế tử Trịnh Cối, Trịnh Tùng cùng đi theo. Quân đến phủ Trường Yên, đánh phá các huyện Gia Viễn, Yên Mô, Yên Khang.

Tháng 9, Thái sư mưu chia quân sai bọn Vũ Sư Thước, Lại Thế Khanh trấn giữ các cửa biển để phòng sự bất ngờ. Lại sai cháu gọi bằng cậu là Văn Uyên hầu giữ vững doanh trại, cùng trấn giữ cư dân với bọn Sư Thước, tự mình đốc suất đại quân đánh dẹp các huyện ở Sơn Nam. Quân đi tới đâu, đều lấy được đấy. Mạc Mậu Hợp thấy quan quân đánh gấp quá, hỏi mưu kế đánh lui. Mạc Kính Điển trả lời: Quân họ tinh nhuệ, khó **[22b]** tranh với họ, sợ địch không nổi. Trịnh Kiểm thân đốc đại quân đến đây đánh dẹp lộ Sơn Nam, chưa dễ đã qua được sông. Thanh Hoa là đất căn bản của họ, nay đã suy yếu, dẫu có để quân ở lại chia giữ đất ấy, chẳng qua cũng chỉ là một hai tướng mà thôi. Thần xin sai vài viên đại tướng đem quân đi giao chiến với họ để kìm giữ thế quân của họ, rồi chia mấy vạn quân cho thần ngày đêm thẳng tiến. Tới nơi, sẽ tung kỳ binh ra để bắt tướng họ. Đó là phép tất thắng, là kế bỏ chỗ chắc, đánh chổ hở, bất ngờ đánh vào chỗ giặc không phòng bị. Đó là ước nguyện của thần. Mậu Hợp nghe theo.

Tháng 11, Kính Điển tiến quân đánh Thanh Hoa, vượt biển, vào cửa Linh Trường[1], đánh phá các huyện Thuần Hựu[2], Hoằng Hoá, lấn cướp cư dân. Bọn Sư Thước sai người cáo cấp với Thái sư. Thái sư bèn sai **[23a]** Lộc quận công đem quân về cứu Thanh Hoa. Về tới hành dinh, cũng bàn mưu với bọn Sư Thước, Thế Khanh hợp quân tiến đánh, giao chiến với quân Mạc ở Du Trường[3]. Quân Mạc phục sẵn ở chỗ hiểm yếu, cho kỳ binh ra khiêu chiến, rồi giả cách thua chạy. Bọn Sư Thước đem binh tượng đuổi theo, dấn sâu vào đất hiểm. Kính Điển liền tung phục binh ra, bốn mặt cùng nổi dậy, đánh kẹp lại vây thành mấy lớp. Bọn Sư Thước, Thế Khanh tự liệu quân ít không địch nổi nhiều, liền đột phá lớp vòng vây, cố sức đánh thoát chạy vào rừng núi. Lộc quận công đánh một mình bị quân Mạc đâm chết trên lưng voi. Quan quân chết đến hàng nghìn. Tướng Mạc định mưu tiến đánh, nhưng nghe tin Thái sư đã rút quân về đến Thạch Thành, Kính Điển bèn đem quân về.

Tháng 12, truy phong Lộc quận công làm Nghiêm quốc công, vì giữ trọn tiết với việc vua.

[23b] Bính Dần, [Chính Trị] năm thứ 9 [1566], (Mạc Thuần Phúc năm thứ 5; Minh Gia Tĩnh năm thứ 45). Mùa xuân, tháng giêng, vua Minh băng, Thái tử Cứ lên ngôi, tức là Văn Tông, đổi niên hiệu là Long Khánh.

Họ Mạc đổi niên hiệu là Sùng Khang năm thứ 1, dời ra ở quán Bồ Đề.

Ngày 25, họ Mạc sai bọn Lại bộ thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ Kế Khê bá Giáp Hải và Đông các hiệu thư Phạm Duy Quyết lên đầu địa giới Lạng Sơn đón tiếp sứ thần Lê Quang Bí về nước. Quang Bí phụng mệnh đi sứ năm Gia Tĩnh thứ 27, bị nhà Minh giữ lại 18 năm, đến nay trở về.

[24a] Đinh Mão, [Chính Trị] năm thứ 10 [1567]. (Mạc Sùng Khang năm thứ 2; Minh Long Khánh năm thứ 1). Bấy giờ, Thái sư đang ốm, ngồi kiệu đi đánh dẹp vùng tây nam, nhiều lần thắng trận, quân sĩ càng thêm tinh nhuệ. Quân Mạc thường đánh không được, mới thu quân không ra nữa.

---

[1] Cửa biển Linh Trường: nay ở cửa Lạch Trường, thuộc huyện Hoằng Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Thuần Hựu: tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[3] Du Trường: tên xã, thuộc huyện Hậu Lộc, Thanh Hoá.

Lấy Lại bộ thượng thư kiêm Ngự sử đài đô ngự sử Trương Quốc Hoa làm Thiếu phó Văn Khê Hầu.

Mậu Thìn, [Chính Trị] năm thứ 11 [1568], (Mạc Sùng Khang năm thứ 3, Minh Long Khánh năm thứ 2). Mùa xuân, họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Vũ Hữu Chính đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Đỗ An 4 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Giáp Phong 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Bấy giờ bọn Thanh hình hiến sát sứ Hoàng Chấn và Hiến sát phó sứ Nguyễn Hà ở Quảng Nam **[24b]** dâng biểu tạ ơn nói: "Kính vâng thánh dụ ban khen vì đã dốc lòng trung thành, vỗ yên biên giới. Nay bọn thần thiết nghĩ mình là thư sinh, dựa vào uy đức của triều đình mới có thể làm nên việc, mà được ban ân huệ e không xứng đáng, dám xin trình bày rườm rà lên trên".

Tháng 3, viên thổ quan Quảng Nam là Trấn quận công[1] chết. Thái sư Trịnh Kiểm lấy người Nghệ An là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh[2] làm tổng dinh, giữ đất ấy.

Mùa hạ, tháng 4, Thái sư đương ốm, cố gượng ra trận, đánh phá các huyện Yên Mô, Yên Khang, Phụng Hoá, Gia Viễn, hạ lệnh thu thóc lúa rồi về.

Kỷ Tỵ, [Chính Trị] năm thứ 12 [1569], (Mạc Sùng Khang năm thứ 4; Minh Long Khánh năm thứ 3). Tháng 2, vua gia phong Thái sư Lương quốc công Trịnh Kiểm làm Thượng tướng Thái quốc công, tôn làm thượng phụ[3].

[25a] Mùa hạ, tháng 4, em vua là Lê Duy Hàn ngầm có chí khác, lẻn vào trong cung lấy trộm ấn báu, bị bắt, lại được tha. Sau Hàn lại phạm pháp giết người, sai giao xuống nghị tội. Vua nói với Thượng tướng rằng: "Kẻ ít tuổi này may nhờ thượng phụ và các quan văn võ cùng tôn làm quân trưởng, vẫn muốn hữu ái từ người ruột thịt đến nhà, đến nước, cho đến cả thiên hạ, cùng hưởng an toàn. Nay Duy Hàn với ta, cùng sinh một bọc, cha mẹ đều mất, dạy bảo không nghe, vẫn thường vụng trộm làm trò nhơ bẩn, nào ngờ bẩm tính ngoan ngu, lại còn phạm pháp, vô cớ giết người, đáng phải giam lại". Đến ngày 25 tháng 7, bọn Thiếu phó Văn Khê hầu Lương Quốc Hoa vâng thánh chỉ, bẩm xin ý kiến của Thượng tướng, dựa theo luật pháp xử tội, thích vào mặt 6 chữ, phế làm thứ nhân, giao cho Hình bộ tuân hành.

[25b] Mùa thu, tháng 9, trấn thủ Thuận Hoá là Đoan quận công Nguyễn Hoàng vào chầu, lạy chào ở hành tại; lại đến phủ thượng tướng[4] lạy mừng, giãi bày tình cảm anh em[5], rất thương yêu quý mến nhau. Bấy giờ có viên phó tướng trung cơ là Bút Xuyên hầu thấy thượng tướng bị ốm, ngầm chứa mưu gian, việc bị phát giác, bỏ trốn, nhưng bị đuổi theo bắt về. Thượng tướng định tha tội, Hoàng cố can, mới giết.

Trước kia, Chiêu Huân Tĩnh công Nguyễn Kim biết Thượng tướng tài lược hơn người, yêu quý như con, đem con gái thứ là Ngọc Bảo gả cho. Ngọc Bảo là chị ruột của Hoàng. Đến khi Kim chết, vua trao cho Thượng tướng trông coi việc nước, nên sai Hoàng làm trấn thủ Thuận Hoá, thu nộp tô thuế để chi dùng vào việc nước. Đến đây vào chầu. Ngọc Bảo sinh con là Trịnh Tùng, tài đức hơn người, anh hùng nhất đời, có thể nối được chí cha, giúp nên nghiệp đế. Công trung hưng của triều Lê **[26a]** thực dựng nền từ đấy.

Mùa đông, tháng 10, ngày Giáp Tý, ban đêm động đất, núi lở, cây cỏ chết khô. Thượng tướng tự biết mình bệnh nặng, liền dâng biểu xin thôi giữ binh quyền, lời lẽ rất khẩn thiết. Vua nói: "Trẫm hãy tạm theo lời xin. Đặc cách sai con trưởng của Thượng tướng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối đốc lĩnh các dinh

---

[1] Tên là Bùi Tá Hán.

[2] Nguyễn Bá Quýnh: người xã Thượng Xá, huyện Chân Lộc (sau là Nghi Lộc), tỉnh Nghệ An.

[3] Thượng phụ: Thượng phụ là Lã Thượng, làm tướng cho Chu Vũ Vương lấy được thiên hạ, được Vũ Vương tôn làm thầy. Tôn làm thượng phụ có nghĩa là tôn lên làm bậc thầy.

[4] Phủ thượng tướng: phủ đệ của Trịnh Kiểm.

[5] Trịnh Kiểm lấy chị ruột của Nguyễn Hoàng.

quân thuỷ bộ, con thứ là Phú Lương hầu Trịnh Tùng cùng bọn tướng tá đều phải theo mà đánh giặc để yên thiên hạ, cho thoả lòng mong đợi của trẫm".

Tháng 11, có sao băng dài 5 trượng sa xuống đất, tiếng kêu như sét đánh.

Họ Mạc lấy Bắc quân đô đốc phủ tả đô đốc thự phủ sự Lâm quận công làm Binh bộ thượng thư chưởng bộ sự.

[26b] Canh Ngọ, [Chính Trị] năm thứ 13 [1570], (Mạc Sùng Khang năm thứ 5; Minh Long Khánh năm thứ 4). Tháng giêng, Thượng tướng dâng biểu tâu vua cho Nguyễn Hoàng đi các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam, thống suất binh tượng, thuyền bè, và trấn phủ dân địa phương để cõi phiên trấn được vững mạnh. Thượng tướng khuyên răn Hoàng rằng: "Nhà nước trao cho khanh chức nhiệm nặng nề này, khanh nên trước sau một tiết, dốc hết tâm sức như xưa để phò tá nhà vua". Hoàng cảm tạ vâng mệnh đến trấn.

Gọi Tổng binh Quảng Nam là Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh về.

Tháng 2, ngày 18, Thượng tướng Thái quốc công Trịnh Kiểm ốm nặng, ngày hôm ấy mất. Truy tôn là Minh Khang Thái Vương, thuỵ là Trung Huân. Có chiếu cho con trưởng là Tuấn Đức hầu Trịnh Cối thay lĩnh binh quyền, cầm quân đánh giặc. Bấy giờ Cối buông thả mình trong tửu sắc, ngày càng rông rỡ kiêu ngạo, không **[27a]** thương gì đến quân lính. Do đó, các tướng hiệu đều có ý lìa bỏ, kẻ giúp đỡ ngày một ít đi, lòng người thay đổi, ai cũng nghĩ đến chuyện sinh biến, mầm hoạ đã thành.

Tháng 4, ngày mồng 2, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu[1], Vệ Dương hầu Trịnh Bách cùng bọn Lương quận công, Phổ quận công và Lai quận công Phan Công Tích[2] đang đêm đem con em và binh lính tới chỗ Phúc Lương hầu Trịnh Tùng bàn định kế sách, ép Tùng phải hành động. Tùng bất đắc dĩ phải cùng với bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu thu thập binh tướng, đang đêm chạy về hành tại Yên Trường.

Hôm sau, đến dinh Kim Thành, ép Nghĩa quận công Đặng Huấn cùng đi đến cửa khuyết vào bái yết vua. Bọn Tùng khóc nói rằng:

"Anh thần là Cối say đắm tửu sắc, mất lòng mọi người, sớm muộn thế nào cũng sinh loạn, lại đêm ngày mưu đoạt binh tượng và ấn báu của thần, nên bọn thần **[27b]** phải nửa đêm trốn vào cửa khuyết, đau xót báo tin, xin thánh thượng thương tình thu nạp!"

Vua nói: "Khi thượng phụ còn sống không đến nỗi thế, làm thế nào bây giờ?"

Phúc Lương hầu cùng bọn Cập Đệ, Vĩnh Thiệu, Bách mật tâu vua dời hành tại vào trong cửa ải Vạn Lai, chia quân chiếm giữ cửa luỹ để phòng bị quân bên ngoài.

Hôm sau, Trịnh Cối tự mình đốc suất bọn Phúc quận công Lại Thế Mỹ[3], An quận công Lại Thế Khanh, Lâm quận công Nguyễn Sư Doãn, Thạch quận công Vương Trân, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu[4], Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái[5], Hoành quận công (không rõ tên), và hơn 1 vạn quân, đuổi đến ngoài cửa quan, đóng dinh ở đấy. Cối đóng quân vài ngày, các tướng ở trong cửa ải cũng đóng cửa giữ không ra. Hai bên sai người đưa thư qua lại, bên này nói xấu bên kia, lời lẽ rất ngạo mạn.

---

[1] Trịnh Vĩnh Thiệu: người xã Biện Thượng, huyện Vĩnh Lộc, phủ Thiệu Thiên, trấn Thanh Hoa, nay thuộc huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Phan Công Tích: người xã Thái Xá, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An.

[3] Lại Thế Mỹ: người xã Quang Lãng, huyện Tống Sơn, nay thuộc huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá.

[4] Nguyễn Hữu Liêu: người xã Tây Tựu, huyện Từ Liêm, ngoại thành Hà Nội.

[5] Phạm Văn Khoái: người xã Tiêu Phấn, huyện Thượng Nguyên, phủ Thiên Trường, trấn Sơn Nam, nay thuộc tỉnh Nam Hà.

Ngày mồng 7, vua sai sứ ra chiêu dụ các tướng ở ngoài cửa quan, bảo họ giảng hoà. **[28a]** Bọn Lại Thế Khanh nói: "Không ngờ ngày nay bọn chúng ta thành ra ở dưới người khác", rồi không chịu hoà, nói là đem quân đánh vào cửa khuyết, rồi bày chiến trận.

Lại Thế Mỹ dùng giáo trỏ vào cửa quan: "Bao giờ bắt được người ở trong cửa quan thì việc mới hoà được".

Vua biết ý không hoà giải được, bèn sai các tướng đốc quân chống lại, suốt ngày đêm không nghỉ.

Cối thấy đánh mãi không được, trong lòng ngần ngại, tự lui quân về Biện Dinh, hội các tướng tá dưới quyền và nói: "Trong cửa quan có quân[1], ngoài cõi có giặc[2], ta ở quãng giữa, nếu có tai biến khẩn cấp thì khó mà chống đỡ được". Bèn hạ lệnh chia quân chiếm giữ những nơi xung yếu, Vũ Sư Thước thì giữ cửa biển Linh Trường và Hội Triều[3], Lại Thế Khanh giữ cửa biển Chi Long[4] và Thần Phù, Nguyễn Sư Doãn giữ cửa biển Du Xuyên[5] và Ngọc Giáp[6] để phòng quân Mạc vào đánh. Bọn Lại Thế Mỹ, Lê Khắc Thân, **[28b]** Nguyễn Hữu Liêu, Phạm Văn Khoái chỉnh đốn binh tượng, thuyền bè, khí giới, ngày đêm đóng đồn dọc bờ sông để phòng các tướng trong cửa quan xông ra đánh. Lại sai Nguyên quận công Nguyễn Bá Quýnh trấn thủ Nghệ An để vỗ yên dân miền ấy.

Tháng 8, người châu Bố Chính là Lập quận công (không rõ tên)[7] thấy Thái vương mất và Tuấn Đức hầu Trịnh Cối anh em bất hoà, Thanh Hoa rối loạn, mới dẫn con em đầu hàng họ Mạc. Họ Mạc ban tước Tiên quận công, sai đem quân đi trước dẫn đường.

Ngày 16, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất các thân vương và tướng tá, đem hơn 10 vạn quân, 700 chiếc thuyền chiến, đánh cướp Thanh Hoa. Khi đến cõi, liền chia quân sai Đôn Nhượng[8] cùng với tướng Bắc đạo là Gia quận công Mạc Đình Khoa và phó tướng là Mậu quận công (không rõ tên) đem quân giữ **[29a]** cửa biển Thần Phù. Sau khi đã tiến vào, chia sai tướng bản đạo là Hoằng quận công (không rõ tên) làm đội thứ nhất đi tiên phong, tướng Nam đạo là Thạch quận công Nguyễn Quyện làm đội thứ 2, tướng Tây đạo là Ngạn quận công Mạc Ngọc Liễn làm đội thứ 3, tướng Đông đạo là Hoa quận công và Kỳ quận công (đều không rõ tên) làm đội thứ 4, Kính Điển từ đốc đại quân trung dinh làm đội thứ 5, các thân vương tông thất họ Mạc thống đốc quân của vệ Triều Đông và các nội vệ làm đội thứ 6, ngay hôm ấy, cùng tiến vào các cửa biển Linh Trường, Chi Long, Hội Triều, hội quân ở Bút Cương[9]. Đến Hà Trung, đóng dinh ven sông. Hai bên bờ khói lửa mù mịt che khuất đến 10 dặm.

Trịnh Cối tự liệu không chống nổi, thế quân ngày càng cô lập, liền đem bọn Lại Thế Mỹ, Vũ Sư Doãn, Trương Quốc Hoa và vợ con đón hàng họ Mạc. Kinh Điển tiếp nhận, phong cho Cối **[29b]** tước Trung Lương hầu, lấy Lại Thế Mỹ làm Khánh quận công, Nguyễn Sư Doãn làm Lý quận công, Vương Trân làm Sơn quận công, sai các tướng này dẫn quân bản bộ tiến trước. Duy có Vũ Sư Thước[10] định bỏ doanh trại vào cửa quan Yên Trường theo vua, nhưng quân lính muốn hàng họ Mạc, không chịu theo. Sư Thước bất đắc dĩ phải về theo họ Mạc với mọi người, họ Mạc ban tước là Thuỷ quận công. Lại Thế Mỹ bỏ dinh

[1] Chỉ quân của Trịnh Tùng.

[2] Chỉ quân của họ Mạc.

[3] Linh Trường: là cửa Lạch Trường. Hội Trường: là cửa sông Mã, đều thuộc tỉnh Thanh Hoá.

[4] Cửa Chi Long: hay cửa Bạch Câu, là cửa sông Nga Giang hay sông Lèn, ở huyện Nga Sơn, Thanh Hoá.

[5] Cửa Du Xuyên: là cửa Bạng bây giờ, ở xã Du Xuyên, huyện Ngọc Sơn, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Cửa Ngọc Giáp: sau là cửa Hãn, nay là cửa Chép, ở tỉnh Thanh Hoá.

[7] CMCB 28, 25 ghi tên của viên tướng nay là Lập Bạo.

[8] Đôn Nhượng: là con út của Đăng Doanh.

[9] Bút Cương: theo Cương mục, chú là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (tức huyện Vĩnh Lộc; tỉnh Thanh Hoá) (CMCB28, 29). Bản dịch cũ cho là xã Bút Sơn, huyện Hoằng Hoá ngày nay.

[10] Vũ Sư Thước: người huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

đem quân trốn vào Vĩnh Ninh[1] quan huyện Cẩm Thuỷ, vào cửa quan Yên Trường. Bấy giờ Hoàng Đình Ái đóng quân ở sông Kim Bôi, đem quân bản bộ dời đến giữ sách Đa Nẫm, rồi dẫn Lê Khắc Thận, Nguyễn Hữu Liên và Hùng Trà hầu cùng đem quân vào cửa quan Yên Trường hội quân. Hoành quận công tự đem quân bản bộ về Nghệ An cùng với Nguyễn Bá Quýnh chia giữ đất ấy.

Ngày 20, vua sắc phong Trịnh Tùng làm trưởng quận công, tiết chế **[30a]** các dinh thuỷ bộ, cầm quân đánh giặc. Hôm ấy, Tiết chế Trịnh Tùng hội các tướng, mở tiệc uý lạo quân sĩ. Võ tướng Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Tấn quận công Trịnh Mô[2], Lương quận công (chưa rõ tên), Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lai quận công Phan Công Tích, Vị quận công Lê Khắc Thận, Dương quận công Nguyễn Hữu Liêu, Hùng Trà hầu Phạm Văn Khoái, Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc cùng 30 viên tướng hiệu, văn thần là bọn Lại bộ thượng thư Từ quận công Nguyễn Đình[3] 12 viên, đều chỉ trời mà thề, đồng lòng chung sức, ngày đêm bàn kế đánh giặc, chia quân chiếm giữ cửa luỹ các xứ, đào hào đắp luỹ, đặt phục binh giữ nơi hiểm yếu để phòng quân Mạc.

Ngày 25, họ Mạc ra quân lớn, các đạo cùng tiến, dọc sông mã từ Ửng Quan[4] trở **[30b]** xuống, dọc sông Lam từ Bổng Luật[5] trở xuống khói lửa mù trời, cờ xí rợp đất. Nhân dân Thanh Hoa dắt già cõng trẻ, chạy nhớn nhác ngoài đường, không biết nương tựa vào đâu, tiếng kêu khóc vang trời, bao nhiêu tiền của, đàn bà con gái đều bị quân Mạc lấy cả.

Bấy giờ, họ Mạc cậy có tướng nhiều quân mạnh định thôn tính cả đất Ái Hoan[6], đánh vào ngoài luỹ Yên Trường ngày đêm không ngớt. Quan quân thế yếu, chỉ đắp luỹ cao, đào hào sâu, giữ chỗ hiểm để chờ thời.

Tháng 6, bọn Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ dùng mẹo sai quân lính ban đêm dựng luỹ tầng ngoài kéo dài đến hơn 10 dặm, lấy nhiều vách nhà[7] để che chắn, dùng bùn trát bên ngoài, trên thả chông tre, chỉ một đêm mà thành giả làm xong. Hôm sau, Mạc Kính Điển trông thấy, cho là thành thật, sợ lắm, không dám đến gần, bàn với các tướng rằng: "Không **[31a]** ngờ ngày nay quân Lê vẫn còn kỷ luật, pháp lệnh nghiêm minh như vậy. Chỉ một đêm mà đắp thành luỹ đâu ra đấy! Hẳn là số quân lính liều chết còn nhiều, nên mới dốc sức đắp xong chóng thế, khiến lòng ta không yên. Không dồn hết công sức, thì chưa dễ dẹp được. Nếu ta không đánh gấp diệt trừ đi, thì tất sẽ trở thành mối lo sau này". Bèn tự ình đốc suất tướng sĩ, ngày đêm đánh gấp, hẹn phải lấy được mới thôi. Do vậy, bên tả sông từ Da Châu, Tàm Châu, bên hữu sông, từ đầu nguồn hai huyện Lôi Dương, Nông Cống đều là chiến trường, hầu như mất hết vào tay giặc. Bấy giờ nhân dân các huyện ở Thanh Hoa tan tác tháo chạy, ruộng đồng bỏ không cày cấy, nhiều người bị chết đói.

Tháng 9, sai Hà Khê hầu đem quân ra giữ luỹ Ai ở huyện Cẩm Thuỷ, nhân dịp này, y làm phản đầu hàng họ Mạc. Vua lấy Tây Hưng hầu Hà Thọ Lộc thay giữ đất ấy.

---

[1] Vĩnh Ninh: tên huyện, sau là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Trịnh Mô: người xã Nông Sơn, huyện Nam Đường (sau là Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), trước họ Nguyễn, tên là Cảnh Hoan. Sau được chúa Trịnh ban cho họ Trịnh, đổi tên là Mô.

[3] Nguyễn Đình: người xã Hoàng Xá, huyện Từ Liêm (nay thuộc ngoại thành Hà Nội).

[4] Ửng Quan: Cương mục chú lảở tổng Cổ Lũng, huyện Cẩm Thuỷ. Ửng Quan là cửa quan trên sông Mã, ở khoảng mường Ông, tổng Thiết Ông sau này.

[5] Bổng Luật: có sách chép là Bổng Tân, tức bến Bổng, ở phía thượng lưu Bái Thượng, trên sông Chu. Sông Lam nói ở đây là đoạn sông Chu chảy qua huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá (nay là huyện Thiệu Hoá, tỉnh Thanh Hoá).

[6] Ái Hoan: trước là tên hai châu. Chỉ vùng đất Thanh Hoá sau này.

[7] Cương mục chép là "phên nứa" (CMCB28, 26).

[31b] Tháng 10, tướng Mạc đem quân giao chiến với quan quân, chống nhau ở sông Bảo Lạc, Long Sùng[1]. Các tướng hay dùng kỳ binh, ban ngày thì cố thủ, ban đêm thì đánh cướp doanh trại, quấy rối quân địch. Từ đấy, quân Mạc phấp phỏng kinh sợ, lính thủ ngự bị đâm chém nhiều. Mỗi khi chém cắt được tai giặc thì được thưởng bạc, nên quân lính nhiều kẻ tự nguyện xông ra, liều sức đánh quân Mạc về ban đêm. Quân Mạc tuy nhiều, nhưng có nhiều người bỏ trốn. Mạc Kính Điển thấy đánh mãi không được, liền lui giữ dinh Hà Trung, hạ lệnh cấm không được mang muối lên bán ở đầu nguồn mà liên lạc với quan quân. Sau có người gánh trộm muối vào luỹ, bị bắt chém để thị chúng.

Tháng ấy, Vũ Sư Thước mật sai người ngầm vào trong luỹ dùng thư đầu hàng, xin mang tội về chầu. Vua nhận được thư của Sư Thước, liền hội các tướng bàn đem đại quân tiến đánh để lấy lại **[32a]**[2] đất nước, chia quân thành ba đạo cả tiến. Sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Tấn quận công Trịnh Mô đem quân ra phía tả, từ huyện Yên Định qua huyện Vĩnh Phúc, đánh lấy huyện Tống Sơn.

Gia phong Trường quận công Trịnh Tùng làm tả tướng, tiết chế tướng sĩ các dinh quân thuỷ bộ các xứ. Vua tự làm đô tướng, thống đốc đại quân ra đường giữa, từ huyện Thuỵ Nguyên, qua huyện Yên Định thẳng đến đóng quân ở huyện Đông Sơn. Bọn Vinh quận công Hoàng Đình Ái, Nghĩa quận công Đặng Huấn, Lại quận công Phan Công Tích, Vệ dương hầu Trịnh Bách đem quân ra đường phía hữu, qua các huyện Lôi Dương và Nông Cống, đánh lấy miền Quảng Xương. Vua đến đóng dinh ở huyện Đông Sơn, Vũ Sư Thước đem 500 quân bản bộ, nửa đêm, hồi canh ba bỏ dinh đi, sáng hôm sau đến ngự dinh ở Đông Sơn **[32b]** lạy xin chịu tội. Vua dùng lời an ủi, cho giữ chức cũ, vỗ về các tướng sĩ, ba quân đều cả mừng. Sư Thước lại đến dinh tả tướng, khóc kể lại tình nghĩa xưa, các quân đều rất vui vẻ. Từ đấy, quan Thanh lừng lẫy, quân Mạc hễ đánh là thua, không dám tiến đánh nữa, lui về giữ dinh sông Bút Cương.

Ngày 20, vua sai người làm cầu phao ở phía hạ lưu sông An Liệt[3], qua Kim Bôi. Vua cùng tả tướng đem đại binh qua sông, đến xã Kim Tử[4], đi tắt qua huyện Thuần Hựu[5] để tiến đánh các dinh quân Mạc. Sai Vũ Sư Thước chiêu tập quân cũ của huyện ấy, được hơn 1000 người, cho làm tiên phong khiêu chiến quân Mạc ở bến sông Lôi Tân[6]. Bọn Lại Thế Khanh và Lê Cập Đệ đánh Tống Sơn và Nga Sơn, lấy được, đi đến đâu quân Mạc tan chạy đến đó, nhân dân được trở về yên nghiệp.

Tháng 12, bọn Mạc Kính Điển thấy[7] **[33a]** đánh mãi không được, bàn rằng:

"Tiến quân đánh giặc mạnh đã trải 9 tháng trời mà chưa thành công. Hơn nữa, bây giờ mùa đông rét mướt, sông nước vơi cạn, lại thêm mưa xuân sắp đến, chướng khí sẽ sinh, quân không đủ ăn, người nào cũng nhớ quê, còn ai đồng lòng gắng sức với ta nữa. Huống chi, quân ta lại dần dần trễ biếng, chi bằng hãy tạm rút quân về, lần sau sẽ đánh tới toàn thắng. Nếu cứ giữ mãi chỗ này, sợ không có ích gì, chỉ khiến quân địch cười cho thôi". Bèn hạ lệnh nhổ trại mà về.

Bất ngờ Trịnh Cối và mẹ là Thái Vương phu nhân cùng vợ con và bọn Lại Thế Mỹ, Trương Quốc Hoa, đã trót đầu hàng họ Mạc, không dám trở về nữa, bèn đem con em trai gái hơn 1000 người ra biển theo Kính Điển về Kinh sư, đến lạy chào họ Mạc. Thạch quận **[33b]** công[8] đem quân đến cửa khuyết rập

---

[1] Bảo Lạc, Long Sùng: là tên 2 xã thuộc huyện Thuỵ Nguyên, phủ Thiệu Hoá. Sông Bảo Lạc, Long Sùng tức là đoạn sông Chu chảy qua hai xã đó.

[2] Nguyên văn (bản Chính Hoà) mất tờ 32, chúng tôi dịch theo bản A3 (Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm) để bổ sung vào.

[3] An Liệt: tên xã, Sông An Liệt tức đoạn sông chảy qua xã An Liệt, huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá).

[4] Kim Tử: tên xã, cũng thuộc huyện Vĩnh Phúc.

[5] Thuần Hựu: tên huyện, nay là huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hoá.

[6] Sông Lôi Tân: theo CMCB28, 29 thì Lôi Tân là tên xã, thuộc huyện Vĩnh Phúc (nay là huyện Vĩnh Lộc, Thanh Hoá).

[7] Từ đây lại dịch theo bản Chính Hoà.

[8] Thạch quận công: tức Vương Trân, trước theo Trịnh Cối.

đầu xin chịu tội. Nguyễn Sư Doãn đem con em về chiếm giữ huyện Ngọc Sơn[1], cậy chỗ núi cao sông sâu, không chịu quy thuận. Vua sai Lê Cập Đệ cùng các tướng đem quân tinh nhuệ đi đường tắt đến huyện Ngọc Sơn đánh úp. Sư Doãn đã biết trước, đang đêm xuống thuyền trốn đi đầu hàng họ Mạc.

Năm ấy phủ Hà Trung được mùa to, nhà nào cũng thừa thóc.

Tân Mùi, [Chính Trị] năm thứ 14 [1571], (Mạc Sùng Khang năm thứ 6; Minh Long Khánh năm thứ 5). Mùa xuân, tháng 2, vua xét công đánh giặc và phong quan tước.

Gia phong Tả tướng Trường quận công Trịnh Tùng làm thái uý Trường quốc công; Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ vì dũng cảm, quyết đoán, và có nhiều kế sách được thăng làm thái phó; bọn Vệ Dương hầu Trịnh Bách, Văn Phong hầu Trịnh Vĩnh Thiệu, Lương quận công (không rõ tên), Tấn quận công Trịnh Mô, An quận công Lại Thế **[34a]** Khanh, Nghĩa quận công Đặng Huấn, đều được thăng làm thiếu phó, ngôi thứ ở hàng dưới. Lại phong em ruột của tả tướng là Trịnh Đỗ làm thiếu bảo Phúc Diễn hầu; Trịnh Đồng làm Vĩnh Thọ hầu, Trịnh Ninh làm Quảng Diên hầu, đều sai đem quân đánh giặc để mưu khôi phục.

Họ Mạc mở khoa thi Hội. Cho Nguyễn Miễn, Nguyễn Cung đỗ tiến sĩ cập đệ; bọn Nguyễn Hoàng 2 người đỗ tiến sĩ xuất thân; bọn Hoa Hữu Mô 12 người đỗ đồng tiến sĩ xuất thân.

Ra lệnh cho những người xiêu tán trong cơn binh lửa ở các huyện, xã xứ Thanh Hoa trở về quê quán yên ổn làm ăn.

Tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất quân lính vào cướp đánh các huyện ở Nghệ An. Bấy giờ, dân Nghệ An sợ uy giặc đã lâu, địa thế lại xa cách, quan quân không thể cứu giúp được, phần nhiều đầu hàng họ Mạc. Vì thế, từ sông Cả[2] vào Nam đều là đất của giặc. Viên thổ tướng Nguyên quận công Nguyễn **[34b]** Bá Quýnh nghe tin giặc đến giật mình kinh hãi, chưa thấy bóng đã bỏ chạy. Hoàng quận công chống nhau với giặc Nguyễn Quyện, sức không địch nổi, bỏ cả thuyền chạy vào Hoá Châu, bị giặc bắt sống. Từ sông Cả về Bắc, lại thành đất của giặc. Từ đó, thế giặc lại mạnh, đi đến đâu, dân đều bỏ chạy.

Năm ấy, người huyện Khang Lộc, Thuận Hoá là Mỹ quận công[3] đem quân bản bộ mưu đánh Đoan quận công Nguyễn Hoàng, thôn tính quân lính của Hoàng rồi về hàng họ Mạc. Hoàng biết được, đem quân đánh giết chết. Đất Thuận Hoá tạm yên. Sau các thổ tướng ở Quảng Nam đánh giết, thôn tính lẫn nhau, Hoàng đều đánh dẹp được cả, giao cho tỳ tướng là Dũng quận công[4] ở lại giữ đất và thu nhặt quân lính còn sót lại.

Tháng 9, vua bàn với tả tướng Trịnh Tùng chia quân cho Tấn quận công Trịnh Mô là Lai quận **[35a]** công Phan Công Tích đi cứu Nghệ An. Quân Mạc rút về, Nghệ An lại yên.

Tháng 10, vua sai Thái phó Đoan Vũ hầu Lê Cập Đệ đem quân vào đánh dẹp miền Thiên Quan, đều dẹp yên.

Bấy giờ, chúa nước Ai Lao là Sạ Đẩu dâng 4 con voi đực và vật báu để cầu hôn. Vua muốn hoà hảo với nước láng giềng, bèn đem con gái riêng của vợ mình, phong làm Ngọc Hoa công chúa gả cho.

Năm ấy đất Thanh Hoa mất mùa, dân đói to, nhiều người xiêu giạt.

Bấy giờ, người sách Thái Lai, huyện Thuỵ Nguyên là Lê Cảnh Thuần tự xưng là Si Nhân[5] hầu.

---

[1] Ngọc Sơn: tên huyện, nay là huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá.

[2] Sông Cả: tức sông Lam.

[3] Mỹ quận công: CMCB18 chép là Mỹ Lương: Mỹ Lương cùng hai em là Văn Lan và Nghĩa Sơn đều vì dâng thóc cho họ Trịnh, được chuyện việc trưng thu tô, thuế. Bởi có công lao, Mỹ Lương được làm tham đốc, Văn Lan và Nghĩa Sơn làm thự vệ. Khi quân Mạc vào đánh Nghệ An, đất Thuận Hoá bị dao động, Mỹ Lương định đánh úp Vũ Xương rồi thu lấy cả quân ở đó về hàng họ Mạc.

[4] Cương mục chép: Sai thuộc tướng là Mai Đình Dũng ở lại trấn thủ Quảng Nam (CMCB28, 30).

[5] Si Nhân có nghĩa là "thằng ngốc".

Nhâm Thân, [Hồng Phúc] năm thứ 1 [1572], (Mạc Sùng Khang năm thứ 7; Minh Long Khánh năm thứ 6). Mùa xuân, tháng giêng, vua tế trời đất ở đàn Nam Giao. Khi làm lễ, vua bưng lư hương khấn trời xong, bỗng lư hương rơi xuống đất. **[35b]** Vua biết là điềm chẳng lành, bèn xuống chiếu đổi niên hiệu thành Hồng Phúc[1] năm thứ 1.

Tháng 3, Lê Cập Đệ ngầm có chí khác, mưu giết Tả tướng để đoạt binh quyền, từng rủ Tả tướng đi thuyền ra giữa sông để giết. Tả tướng biết được, mưu ấy không thành. Từ đấy, hai nhà thù oán nhau, bên ngoài thì giả vờ hiệp sức để lo đánh giặc, nhưng bên trong thì đều ngờ nhau, đề phòng ám hại nhau.

Mùa thu, tháng 7, họ Mạc sai Kính Điển đốc suất quân lính xâm lấn các xứ Thanh Hoa, Nghệ An. Vua bàn với các tướng, ra lệnh cho quân dân dọc sông của các huyện[2] di chuyển của cải, súc vật tránh vào rừng núi để phòng quân giặc.

Tháng 8, quân Mạc quả nhiên kéo đến bắt người cướp của, nhưng dân chúng các huyện ven sông đã di tản đi cả, chỉ còn lại một vùng đất bỏ không.

Bấy giờ, viên tướng vong mệnh[3] ở Bố Chính là Tiên quận công **[36a]** dẫn đường cho tướng Hải Dương là Lập quận công[4] đem hơn 60 binh thuyền đi đường biển vào cướp các xứ Thuận Hoá và Quảng Nam. Dân địa phương nhiều người đầu hàng. Từ đấy, thế giặc lại mạnh. Trấn thủ Nguyễn Hoàng dùng mưu dụ Lập đến, chém ở giữa sông, quân giặc tan vỡ, vượt biển trở về, bỗng gặp gió bão, chết hết ở ngoài khơi[5]. Tiên quận công trốn về châu Bố Chính, lại về với họ Mạc. Đất Thuận Quảng lại được yên. Hoàng vỗ trị mấy chục năm, chính lệnh khoan hoà, thưởng ban ân huệ, dùng phép công bằng, chấn chỉnh, khuyên răn tướng sĩ bản bộ. Cấm chỉ, trừ bỏ bọn hung ác, dân hai trấn đều cảm mến nhân đức, thay đổi phong tục, chợ búa không nói thách, dân chúng không làm giặc, cổng ngoài không phải đóng, thuyền buôn nước ngoài đều tới buôn bán trao đổi phải giá, quân lệnh nghiêm cẩn, người người gắng sức. Do vậy, **[36b]** họ Mạc không dám dòm ngó, trong cõi được an cư lạc nghiệp.

Thái phó Vi quận công Lê Khắc Thận làm phản, vượt luỹ về hàng họ Mạc. Tả tướng Trịnh Tùng bắt các con của Tuân, Khoái, Thầm đều giết cả.

Tháng 9, vua sai bọn An quận công Lại Thế Khanh, Tấn quận công Trịnh Mô, Lai quận công Phan Công Tích đem quân đi Nghệ An. Đến nơi thì quân Mạc rút lui, Nghệ An lại yên.

Năm ấy, các huyện ở Nghệ An, đồng ruộng bỏ hoang, không thu được hạt thóc nào, dân đói to, lại bị bệnh dịch, chết đến quá nửa, nhiều người xiêu giạt, kẻ thì lần vào Nam, người thì giạt ra Bắc, trong hạt rất tiêu điều.

Mùa đông, tháng 11, vua sai Lai quận công Phan Công Tích đi kinh lược xứ Thuận Hoá, uý lạo **[37a]** các tướng sĩ. Khi đến xứ đó, rất chú ý đến Nguyễn Hoàng. Hoàng cũng đem quân đến hội, đặt tiệc thết đãi, giãi bày tình xưa nghĩa cũ rất là vui vẻ. Khi Công Tích về, Hoàng thân hành đi tiễn.

Ngày 21, Lê Cập Đệ từng có chí khác, định mưu hại Tả tướng Trịnh Tùng. Tả tướng giả vờ không biết, gửi biếu nhiều vàng. Khi Cập Đệ tới tạ ơn, Tùng sai đao phủ phục ở dưới trướng bắt giết đi rồi sai

[1] Niên hiệu trước là Chính Trị có nghĩa là sửa sang việc trị nước. Còn Hồng Phúc có nghĩa là "phúc lớn".

[2] Nên sửa theo câu dưới "... dân chúng các huyện ven sông" đúng hơn.

[3] Vong mệnh: có nghĩa là "bỏ cả chức tước mà chạy trốn". Đây là viên tướng của Nguyễn Hoàng, bỏ theo về với họ Mạc.

[4] Lập quận công: Cương mục chép là Lập Bạo (CMCB28).

[5] Nguyễn Hoàng dùng kế mỹ nhân, sai Ngô Thị đem nhiều vàng lụa đến biết Lập Bạo, khuyên Bạo về với Nguyễn Hoàng. Lập Bạo nghe theo, đem mấy chiếc thuyền đến chỗ hội thề, phục binh của Hoàng nổi lên. Lập Bạo chạy xuống thuyền nhưng thuyền đã rời khỏi bờ, bèn lao mình nhảy theo, bị quân của Nguyễn Hoàng bắn chết (Xem CMCB28, 32).

người nói phao lên rằng Cập Đệ mưu làm phản, vua sai ta giết chết, tướng phản thì phải giết cả họ. Thế là quân lính đều khiếp sợ, không ai dám hành động[1].

Bấy giờ, Cảnh Hấp và Đình Ngạn nói với vua rằng: "Tả tướng cầm quân, quyền thế rất lớn, bệ hạ khó lòng cùng tồn tại với ông ta được". Vua nghe nói vậy, hoang mang nghi hoặc, đương đêm, bỏ chạy ra ngoài, đem theo bốn hoàng tử cùng chạy đến thành Nghệ An và ở lại đó. Tả **[37b]** tướng bàn với các tướng rằng: Nay vua nghe lời gièm của kẻ tiểu nhân, phút chốc khinh suất đem ngôi báu xuôi giạt ra ngoài. Thiên hạ không thể một ngày không có vua, bọn ta và quân lính sẽ lập công danh với ai được? Chi bằng trước hết hãy tìm hoàng tử lập lên để yên lòng người, rồi sau sẽ đem quân đi đón vua cũng chưa muộn. Bấy giờ hoàng tử thứ năm là Đàm ở xã Quảng Thi, huyện Thuỵ Nguyên, bèn sai người đi đón về tôn lập làm vua, đó là Thế Tông[2].

---

[1] Cương mục dẫn Lê triều trung hưng lục của Hồ Sĩ Dương: Lê Cập Đệ bí mật bàn với vua, bố trí đâu vào đấy, hẹn với nhau là ban đêm, khi nghe tiếng pháo nổ thì nhà vua qua sông để cử sự. Tùng biết rõ chuyện đó, nhưng vẫn cứ biếu Cập Đệ nhiều vàng bạc. Khi Cập Đệ đến tạ ơn, thì Tùng cho đao phủ mai phục sẵn xông ra giết chết.

[2] Lúc ấy Hoàng tử Lê Duy Đàm mới lên 7 tuổi, được nuôi dưỡng ở xã Quảng Thi, một xã ở phía dưới Lam Sơn, thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hoá ngày nay.